

CHINH PHỤC CÂU HỎI PHỤ ĐỌC HIỂU VÀO 10

PHẦN I: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

CHUYÊN ĐỀ 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG - NGUYỄN DŨ

Câu 1: Đọc và trả lời câu hỏi:

“Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, vồng lọng rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.

Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:

- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt mà biến đi mất”

(Theo sách Ngữ văn 9, tập 1, trang 48, NXB Giáo dục, 2014)

1. Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác?
2. Chỉ ra một lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích trên và chuyển lời dẫn trực tiếp đó thành lời dẫn gián tiếp.
3. Qua câu nói của Vũ Nương với chồng, em nhận thấy nàng là con người như thế nào?
4. Có ý kiến cho rằng nếu nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống hạnh phúc với chồng con thì kết truyện sẽ trọn vẹn hơn. Hãy trình bày suy nghĩ của em về vấn đề này bằng một đoạn văn tổng hợp - phân tích - tổng hợp khoảng 12-15 câu. Trong đoạn có một câu ghép và một câu chứa thành phần khởi ngữ (yêu cầu gạch chân, chú thích rõ).

Gợi ý:

1. Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm “ Người con gái Nam Xương”. Tác giả: Nguyễn Dữ.
2. - Chỉ ra một lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích trên: "*Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.*"

- Chuyển lời dẫn trực tiếp đó thành lời dẫn gián tiếp: "*Chàng vội gọi, nàng vẫn đứng giữa dòng mà nói vọng vào rằng nàng cảm ơn đức của Linh Phi đã thề sống chết không bỏ. Nàng đa tạ tình chàng nhưng nàng chẳng thể trở về nhân gian được nữa.*"

(Chấp nhận cách diễn đạt linh hoạt của học sinh chỉ cần đảm bảo ý chính và chuyển cách ngôi, thay đổi hình thức câu cho phù hợp)

3. Qua câu nói của Vũ Nương với chồng, em nhận thấy nàng là con người như thế nào?

- Vũ Nương là người sống nặng nghĩa nặng tình, luôn biết ơn người đã có công giúp mình, sống có trước có sau (với Linh Phi)
- Nàng cũng là người bao dung nhận hậu (hiểu tấm lòng, ghi nhận sự ân hận của Trương Sinh)

=> Đó là một người phụ nữ tốt đẹp đáng được trân trọng, ngợi ca.

4. Có ý kiến cho rằng: ở phần kết thúc truyện nếu nhà văn để Vũ Nương trở về trần gian sống hạnh phúc với chồng con thì câu chuyện sẽ trọn vẹn hơn. Hãy trình bày suy nghĩ của em về vấn đề này bằng một đoạn văn tổng hợp – phân tích – tổng hợp khoảng 12-15 câu. Trong đoạn có một câu ghép và một câu chứa thành phần khởi ngữ (yêu cầu gạch chân, chú thích rõ). **(0.5 điểm)**

- Về ý kiến được nêu trong đề: Để Vũ Nương trở lại trần gian sống hạnh phúc bên chồng con là cách kết thúc quen thuộc trong truyện dân gian thể hiện mong ước ở hiền gặp lành, người tốt được đáp đền xứng đáng. Điều này thể hiện tinh thần nhân đạo của dân tộc ta từ xa xưa. Cách kết thúc đó cũng có thể chấp nhận được.

- Tuy nhiên, cách kết thúc câu chuyện của Nguyễn Dữ mang lại những ý nghĩa sâu xa hơn:

+ Kết thúc đó phần nào vẫn thể hiện được quan niệm của người xưa: người tốt đẹp như Vũ Nương không thể chết trong tủ hờn, oan trái, nàng có một cuộc sống thanh thản, không buồn lo oan khuất nơi động rùa. Nàng cũng đã được trở về trần gian để cõi bỏ mọi oan tình, khẳng định sự trong sạch, thủy chung.

(1,5 điểm)

+ Tuy nhiên, Nguyễn Dữ lựa chọn cách kết thúc khiến câu chuyện không hoàn toàn mất đi màu sắc bi kịch khi để Vũ Nương không thể trở lại cuộc 0.5 điểm sống trần gian. Ông muốn chúng ta hiểu rằng khi xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ còn tồn tại bao bất công ngang trái, khi chiến tranh phi nghĩa vẫn còn thì Vũ Nương có trở lại hạnh phúc của nàng cũng khó bền lâu. Xã hội đó không cho những người như Vũ Nương cơ hội hạnh phúc. Kết thúc này cho thấy cái nhìn hiện thực sâu sắc của nhà văn. **(0.5 điểm)**

Trong đoạn có một câu ghép và một câu chứa thành phần khởi ngữ (yêu cầu gạch chân, chú thích rõ).

Câu 2: Trả lời câu hỏi

“– Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.”

(SGK Ngữ văn 9, tập I, trang 48)

Ý nghĩa của lời thoại trên trong “Chuyện người con gái Nam Xương”- Nguyễn Dữ?

Gợi ý:

Học sinh có thể làm theo những cách khác nhau nhưng phải nêu được các ý sau:

- Đây là lời thoại của nhân vật Vũ Nương nói với Trương Sinh trong cảnh trở về ở phần kết “Chuyện người con gái Nam Xương” – Nguyễn Dữ

- Ý nghĩa của lời thoại:

+ Khẳng định và hoàn thiện vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương: trọng ơn nghĩa, bao dung độ lượng và khao khát được phục hồi danh dự.

- + Góp phần tạo nên một kết thúc vừa có hậu vừa mang tính bi kịch: mặc dù Vũ Nương được giải oan nhưng sự mất mát của nàng thì không thể bù đắp được.
- + Góp phần tố cáo xã hội phong kiến bất công, không cho con người có quyền được sống hạnh phúc nơi trần thế.

Câu 3: Chi tiết cuối cùng kết thúc “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ là một chi tiết kì ảo.

a. Hãy kể lại ngắn gọn chi tiết ấy bằng một đoạn văn từ 3 – 5 câu văn.

b. Nhận xét về chi tiết cuối cùng này, có ý kiến cho rằng: Tính bi kịch của truyện vẫn tiềm ẩn ở ngay trong cái lung linh kỳ ảo. Nhận xét đó có đúng không? Vì sao?

Gợi ý:

a. Khi Trương Sinh lập đàn giải oan ba ngày ba đêm trên bến Hoàng Giang thì Vũ Nương hiện về trên một chiếc kiệu hoa sau là 50 chiếc thuyền rợp cờ hoa, sau đó nàng nói lời từ tạ với Trương Sinh và thoát ẩn thoát hiện biến mất.

b. Tính bi kịch của truyện vẫn tiềm ẩn ở ngay trong cái lung linh kỳ ảo vì:

- Dù nàng Vũ Nương có được xây dựng sống ở một thế giới khác với cuộc sống sung sướng, có người hầu hạ, lung linh sắc màu nhưng nó không thể bằng mái nhà có chồng và con chung sống. Những yêu thương, tôn trọng chỉ là ảo ảnh, nó không thể bằng tình yêu thương đời thực được. Trở về trong rục rờ nhưng cũng đành ngậm ngùi để thoát ẩn thoát hiện biến mất “đã tạ tình trạng thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”

- Người chết thì chẳng thể nào sống lại, và hạnh phúc tan vỡ khó có thể hàn gắn được nữa.
- Điều đó khẳng định niềm thương cảm của tác giả với số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Câu 4: Nêu những nguyên nhân dẫn tới cái chết oan khuất của Vũ Nương?

Gợi ý:

- **Nguyên nhân trực tiếp:** do lời nói ngây thơ của bé Đản. Đêm đêm, ngồi buồn dưới ngọn đèn khuya, Vũ Nương thường “trò bóng mình mà bảo là cha Đản”. Vậy nên Đản mới ngộ nhận đó là cha mình, khi người cha thật chở về thì không chịu nhận và còn vô tình đưa ra những thông tin khiến mẹ bị oan.

- **Nguyên nhân gián tiếp:**

+ Do **người chồng đa nghi, hay ghen**. Ngay từ đầu, Trương Sinh đã được giới thiệu là người “*đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức*”, lại thêm “*không có học*”. Đó chính là mầm mống của bi kịch sau này khi có biến cố xảy ra. Biến cố đó là việc Trương Sinh phải đi lính xa nhà, khi về mẹ đã mất. Mang tâm trạng buồn khổ, chàng bế đứa con lên ba đi thăm mộ mẹ, đứa trẻ lại quấy khóc không chịu nhận cha. Lời nói ngây thơ của đứa trẻ làm đau lòng chàng: “*Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia, chỉ nín thìn thít*” Trương Sinh gạn hỏi đứa bé lại đưa thêm những thông tin gay cấn, đáng nghi: “*Có một người đàn ông đêm nào cũng đến*” (hành động lén lút che mắt thiên hạ), “*mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi*” (hai người rất quấn quýt nhau), “*chẳng bao giờ bế Đản cả*” (người này không muốn sự có mặt của đứa bé). Những lời nói thật thà của con đã làm thổi bùng lên ngọn lửa ghen tuông trong lòng Trương Sinh.

+ Do ***cách cư xử hồ đồ, thái độ phũ phàng, thô bạo*** của Trương Sinh. Là kẻ không có học, lại bị ghen tuông làm cho mờ mắt, Trương Sinh không đủ bình tĩnh, sáng suốt để phân tích những điều phi lý trong lời nói con trẻ. Con người độc đoán ấy đã vội vàng kết luận, “đinh ninh là vợ hư”. Chàng bỏ ngoài tai tất cả những lời biện bạch, thanh minh, thậm chí là van xin của vợ. Khi Vũ Nương hỏi ai nói thì lại giấu không kể lời con. Ngay cả những lời bênh vực của họ hàng, làng xóm cũng không thể cời bỏ oan khuất cho Vũ Nương. Trương Sinh đã bỏ qua tất cả những cơ hội để cứu vãn tán thảm kịch, chỉ biết la lên cho hả giận. Trương Sinh lúc ấy không còn nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng, cũng chẳng quan tâm đến công lao to lớn của Vũ Nương đối với gia đình, nhất là gia đình nhà chồng. Từ đây có thể thấy Trương Sinh là con đẻ của chế độ nam quyền bất công, thiếu lòng tin và thiếu tình thương, ngay cả với người thân yêu nhất.

+ Do ***cuộc hôn nhân không bình đẳng***, Vũ Nương chỉ là “con nhà kẻ khó”, còn Trương Sinh là “con nhà hào phú”. Thái độ tàn tệ, rẻ rúng của Trương Sinh đối với Vũ Nương đã phần nào thể hiện quyền thế của người giàu đối với người nghèo trong một xã hội mà đồng tiền đã bắt đầu làm đen bạc thói đời.

+ Do ***lễ giáo hà khắc***, phụ nữ không có quyền được nói, không có quyền được tự bảo vệ mình. Trong lễ giáo ấy, chữ trinh là chữ quan trọng hàng đầu; người phụ nữ khi đã bị mang tiếng thất tiết với chồng thì sẽ bị cả xã hội hắt hủi, chỉ còn một con đường chết để tự giải thoát.

+ Do ***chiến tranh phong kiến*** gây nên cảnh sinh ly và cũng góp phần dẫn đến cảnh tử biệt. Nếu không có chiến tranh, Trương Sinh không phải đi lính thì Vũ Nương đã không phải chịu nỗi oan tày trời dẫn đến cái chết thương tâm như vậy.

Câu 5: Có mấy cái bóng xuất hiện trong tác phẩm? Nêu ý nghĩa của chi tiết cái bóng?

Gợi ý:

Có hai cái bóng xuất hiện trong tác phẩm:

- **Cái bóng “trên tường”** hay còn được gọi là “Cha Đản” vừa là chi tiết thắt nút, là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới cái chết của Vũ Nương. Đồng thời cũng là chi tiết mở nút khi Trương Sinh nhận ra cái bóng trên tường chính là người mà bé Đản gọi là Cha, từ đó nhận ra mình đã nghi oan cho Vũ Nương. Chi tiết cái bóng còn góp phần hoàn thiện thêm vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương, đồng thời cũng thể hiện rõ nét hơn số phận bi kịch của Vũ Nương nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung. Cái bóng “trên tường” còn góp phần tố cáo những oan trái, bất công trong xã hội phong kiến xưa.

- **Cái bóng “trên sông”** khi Vũ Nương trở về: đây là cái bóng mang ý nghĩa của chi tiết kỳ ảo. Bóng “trên sông” có ý nghĩa:

+ “Chiếc bóng” xuất hiện ở cuối truyện: “Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất”: khắc họa giá trị hiện thực, nhân đạo sâu sắc của tác phẩm.

+ “Chiếc bóng” mang ý nghĩa thức tỉnh người đọc về bài học hạnh phúc muôn đời: một khi đánh mất niềm tin, hạnh phúc chỉ còn là chiếc bóng mờ ảo, hư vô. Oan đã được giải nhưng Vũ Nương không thể trở về trần gian được nữa. Câu chuyện trước sau vẫn là bi kịch về cuộc đời của một người con gái thủy chung, đức hạnh.

Câu 6: Nêu ý nghĩa của chi tiết kỳ ảo trong tác phẩm?

Gợi ý:

*** Các chi tiết kỳ ảo trong câu chuyện:**

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.

- Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp; gặp lại Vũ Nương, được sứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.
- Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến đi mất.

**** Cách đưa các chi tiết kỳ ảo:***

- Các yếu tố này được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh, về thời điểm lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mỹ nhân, về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất... Cách thức này làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

**** Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo:***

- Cách kết thúc này làm nên đặc trưng của thể loại truyện truyền kỳ.
- Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.
- Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.
- Thể hiện về ước mơ, về lẽ công bằng ở cõi đời của nhân dân ta.
- Chi tiết kỳ ảo đồng thời cũng không làm mất đi tính bi kịch của câu chuyện. Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách ở giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc đã vĩnh viễn rời xa. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sự tỉnh giấc mơ - giấc mơ về những người phụ nữ đức hạnh vẹn toàn. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một sự thực cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được người phụ nữ.

Đây là giấc mơ mà cũng là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về giữ gìn hạnh phúc gia đình.

Câu 7: Phân tích ba lời thoại của Vũ Nương kể từ khi Trương Sinh hiểu lầm nàng cho tới khi nàng tự vẫn?

Gợi ý

* **Lần 1:** “ Thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nét hư thân như lời chàng nói..Dám xin bày tỏ để cời mỗi nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”

-> Nàng phân trần để chồng hiểu rõ lòng mình. Nàng đã nói đến **thân phận, tình nghĩa vợ chồng, khẳng định tấm lòng thủy chung** trong trắng, xin chồng đừng nghi oan, có nghĩa là nàng **hết lòng hàn gắn hạnh phúc gia đình**.

* **Lần 2:** “ Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa, đâu còn có thể lại lên núi .Vọng Phu kia nữa”

-> Nàng đã nói lên nỗi **đau đớn thất vọng** khi không hiểu sao mình bị nghi oan, bị đối xử bất công. Đồng thời đó còn là **sự tuyệt vọng đến cùng cực** khi khao khát của cả đời nàng vun đắp đã tan vỡ. Tình yêu không còn. Cả nỗi đau khổ chờ chồng đến hoá đá như trước đây cũng không còn có thể làm được nữa.

* **Lần 3:** “ Kể bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhục nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống

đất xin làm cỏ Ngu Mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ”

-> Đây là lời độc thoại. Lời thoại là một lời than, một lời nguyên xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và tiết hạnh trong sạch của nàng. Lời thoại đã thể hiện **nỗi thất vọng đến tột cùng, nỗi đau cùng cực** của người phụ nữ phẩm giá nhưng bị nghi oan nên tự đẩy đến chỗ tận cùng là cái chết

Câu 8: Tại sao Vũ Nương không muốn trở về với chồng con rồi lại quyết định trở về. Trở về rồi lại không trở về. Tác giả muốn nhắn gửi điều gì?

Gợi ý

Vũ Nương dù khi sống hay lúc đã thác làm ma đều khát khao hạnh phúc gia đình. Nàng vì phải chịu nỗi oan cay nghiệt mà chết. Nhưng vì lòng thanh sạch mà được sống dưới thủy cung. Trong những ngày sống cuộc sống nơi cung nước, **Vũ Nương vẫn không quên mong nhớ dương gian và thậm chí mong chồng sẽ giải oan cho nàng.** Vũ Nương nhờ Phan Lang nhắn Trương Sinh lập đàn giải oan là để chính chồng nàng chiêu tiết cho nàng, và hiểu tấm lòng chung thủy của nàng. Âm dương cách trở, nàng chỉ hiện về trong thoáng chốc rồi biến mất. Qua chi tiết này tác giả không chỉ **khắc họa sâu sắc bi kịch của Vũ Nương mà còn khẳng định một lần nữa vẻ đẹp tâm hồn của nàng.** Lời thoại của Vũ Nương không trở về vì đã thề sống chết với đức Linh Phi còn chứng tỏ **nàng là người sống tình nghĩa**, đã mắc ân với Linh Phi thì nàng sẽ ở lại trả ân đức đó.

Câu 9: Phân tích ý nghĩa của lời thoại sau: “Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.”

-Đây là lời nó cuối cùng của Vũ Nương với Trương Sinh vọng vào từ giữa dòng sông khi chàng lập đàn giải oan cho Vũ Nương.

-Xây dựng lời thoại cuối cùng của tác phẩm, Nguyễn Dữ đã hoàn thiện **vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Vũ Nương**. Cho dù Vũ Nương không thể trở về nhân gian nhưng khát vọng về cuộc sống nơi trần thế cũng như khát vọng trong nàng từ trước kia vẫn tha thiết khôn nguôi.

-Câu nói còn cho thấy dù ở trong hoàn cảnh nào (cả khi bị đẩy đến chỗ phải tìm đến cái chết) thì **Vũ Nương vẫn là con người giàu ân nghĩa, thủy chung**.

-Sự trân trọng ân nghĩa, thủy chung của Vũ Nương chính là sự **trân trọng danh dự phẩm giá của chính mình**. Đối với nàng, điều đó quan trọng hơn cả sinh mệnh của bản thân, nó còn thiêng liêng hơn cả khát vọng trở về nhân gian dù khát vọng ấy vô cùng tha thiết. Đó cũng chính là lí do mà Vũ Nương không thể “Trở về nhân gian”.

-Câu nói còn là lời tố cáo **nhẹ nhàng mà sâu sắc xã hội phong kiến** – một xã hội đầy bất công ngang trái, xã hội không có đất để cho những người phụ nữ như Vũ Thị Thiết được sống.

Câu 10: Trong SGK Ngữ văn 9 tập I có đoạn văn: “Chàng đi chuyến này.... không có cánh hồng bay bổng”.

a. Những câu văn trên nằm trong VB nào? Của ai? Hãy kể tóm tắt những chi tiết khiến cho văn bản ấy mang đậm yếu tố truyền kì và nêu ý nghĩa của những chi tiết đó.

b. Em hiểu những hình ảnh “thế trẻ tre”, “mùa dưa chín quá kì”, như thế nào? Đó có phải đều là hình ảnh ẩn dụ không?

Gợi ý

a. Những câu văn trên nằm trong văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

Những chi tiết khiến cho văn bản mang đậm yếu tố truyền kì là:

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.
- Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp; gặp lại Vũ Nương, được sứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.
- Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến đi mất.

*** Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo:**

- Cách kết thúc này làm nên đặc trưng của thể loại truyện truyền kì.
- Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.
- Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.
- Thể hiện về ước mơ, về lẽ công bằng ở cõi đời của nhân dân ta.
- Chi tiết kỳ ảo đồng thời cũng không làm mất đi tính bi kịch của câu chuyện. Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách ở giữa dòng bờ nàng và chồng con vẫn âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc đã vĩnh viễn rời xa. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sự tỉnh giấc mơ - giấc mơ về những người phụ nữ đức hạnh vẹn toàn. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một sự thực cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được người phụ nữ. Đây là giấc mơ mà cũng là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về giữ gìn hạnh phúc gia đình

b. Thế trẻ tre: thế giành được thắng lợi, ý nói quân giặc quá mạnh mà Trương Sinh mới đi lính sẽ gặp rất nhiều nguy hiểm.

-Mùa dưa chín quá kì: ngày xưa, người lính đi thú cứ đến mùa dưa là được thay phiên về nhà. Câu ý nói sợ kì hạn đã đi qua mà chồng vẫn chẳng được về.

->Đó đều là những hình ảnh ẩn dụ nói về việc Vũ Nương lo cho sự an toàn, bình yên của người chồng, mong người chồng sớm trở về một cách bình an.

ĐỀ BÀI SƯU TẦM –PHẦN NÀY DÀNH CHO HS GIỎI (CHƯA CẬP NHẬT ĐÁP ÁN)

1. Trong ”*Chuyện người con gái Nam Xương*” Vũ Nương là con người đẹp đẽ cả về dung nhan và tính hạnh nhưng nàng đã phải chịu 1 số phận đầy bất hạnh.

Bằng 1 đoạn văn khoảng 15 câu, em hãy làm rõ điều đó. Trong đoạn có sử dụng 1 câu ghép và 1 cách dẫn trực tiếp.

Chuyện người con gái Nam Xương là 1 con người đẹp đẽ cả về dung nhan lẫn đức hạnh nhưng nàng đó phải chịu 1 số phận bất hạnh. Bằng một đoạn văn ngắn khoảng 15 dòng em hãy viết suy nghĩ về điều đó trong đó có sử dụng 1 câu ghép và 1 lời dẫn trực tiếp.

2.Trong “Chuyện người ...” chi tiết cái bóng có ý nghĩa gì trong cách kể chuyện?

3. “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của N.Dữ xuất hiện nhiều yếu tố kì ảo. Hãy chỉ ra các y.tố kì ảo ấy và cho biết t.giả muốn thể hiện điều gì khi đưa ra những yếu tố kì ảo vào 1 câu chuyện quen thuộc?

4. Chi tiết cuối kết thúc truyện “*Chuyện người con gái ...*” là 1 chi tiết kì ảo.

a.Hãy kể ngắn gọn chi tiết ấy bằng 1 đoạn văn từ 3 – 5 câu.

b.Nhận xét về chi tiết cuối cùng này, có ý kiến cho rằng: Tính bi kịch của truyện vẫn tiềm ẩn ở ngay trong cái lung linh kì ảo. Nhận xét đó có đúng không? Vì sao?

5. Bài 5: (Đề thi học sinh giỏi Quận – 06 + 07):

Khi T.Sinh lập đàn tràng giải oan trên bến sông Hoàng Giang, Vũ Nương hiện về ở giữa dòng mà nói vọng vào: ***“... Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”***.

(Chuyện người con gái Nam Xương – Nguyễn Dữ).

Đó là câu nói cuối cùng của V.Nương với T.Sinh trước khi biến mất. Em thử lí giải vì sao V.Nương “Không thể trở về nhân gian được nữa”. (Trình bày bằng 1 đoạn văn T – P – H có độ dài khoảng 20 dòng)

7. Bài 7: (Đề thi học sinh giỏi Quận HBT – 06 + 07):

Trong cuốn “*Bình giảng truyện dân gian*”, khi nhận xét về chi tiết nghệ thuật “***cái bóng***” của truyện cổ tích “***Vợ chàng Trương***”, tác giả Hoàng Tiến Tựu có viết: “*Cái bóng là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo... Tuy không phải là người và không tồn tại độc lập, nhưng nó (cái bóng) thực sự là 1 nhân vật có vai trò quan trọng đặc biệt ở trong truyện cổ tích có tính bi kịch này*”,

Theo em, n.xét trên có đúng với chi tiết nghệ thuật “***cái bóng***” trong “***Chuyện người con...***” không? Vì sao?

8. Bài 8: (Đề thi thử lần 1 – Trường THCS Quỳnh Mai):

Trong SGK Ngữ văn 9 tập I có đoạn văn: “***Chàng đi chuyến này.... không có cánh hồng bay bổng***”.

a.Những c.văn trên nằm trong VB nào? Của ai? Hãy kể tóm tắt những chi tiết khiến cho văn bản ấy mang đậm yếu tố truyền kì và nêu ý nghĩa của những chi tiết đó.

b.Em hiểu những hình ảnh “*thế trẻ tre*”, “*mùa dưa chín quá kì*”, “*cánh hồng bay bổng*” như thế nào? Đó có phải đều là hình ảnh ẩn dụ không?

c.Hãy tìm trong đ.văn trên 2 câu rút gọn, 2 cụm C – V mở rộng th.phân câu và nói rõ những cụm chủ – vị đó mở rộng cho thành phần nào của câu?

9 Bài 9 .(Đề thi tuyển sinh vào THPT – 07 + 08)

Từ một truyện dân gian, bằng tài năng và sự cảm thương sâu sắc, Nguyễn Dữ đã viết thành *Chuyện người con gái Nam Xương*. Đây là một trong những truyện hay nhất được rút từ tập *Truyện kì mạn lục* của ông.

a.Giải thích ý nghĩa nhan đề *Truyện kì mạn lục*.

b.Trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, lúc vắng chồng, Vũ Nương hay đùa con, chỉ vào bóng mình mà bảo là cha Đản. Chi tiết đó đã nói lên điều gì ở nhân vật này? Việc tác giả đưa vào cuối truyện yếu tố kì ảo nói về sự trở về chốc lát của Vũ Nương có làm cho tính bi kịch của tác phẩm mất đi không? Vì sao?

10. Bài 10 (Đề khảo sát chất lượng – 07 + 08 - Trường THCS Quỳnh Mai):

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

...”*Thiếp vốn con kẻ ... đừng 1 mực nghi oan cho thiếp*”.

a.Đ.văn trên được trích từ t.phẩm nào? Của ai? Trình bày hiểu biết của em về khái niệm *Truyện kì mạn lục*.

b.Giải thích nghĩa của cụm từ “*một tiết*” trong đoạn trích dẫn trên.

c.Lời thoại trên là lời của ai nói với ai? Nhằm mục đích gì? Từ đây em có suy nghĩ như thế nào về vẻ đẹp và thân phận của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

d.Kể tên 2 t.phẩm khác viết về đ.tài người p.nữ dưới c.độ PK trong c.trình Ngữ văn THCS và ghi rõ tên tác giả.

11. Bài 11: P.tích ý nghĩa của h.ảnh cái bóng trong truyện “*Chuyện người con gái Nam Xương*”

12. Bài 12: Viết tiếp câu mở đoạn sau để hoàn chỉnh 1 đ.văn khoảng 10 câu theo cách d.dịch: *Nhà văn đã đặt nhân vật Vũ Nương vào nhiều hoàn cảnh khác nhau để bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp của nàng.*

13. Bài 13: Trong bài thơ “*Lại viếng Vũ Thị*” của Lê Thánh Tông có câu kết: “*Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng*”. Em có đồng ý với ý kiến của tác giả không? Viết một đoạn văn ngắn trình bày ý kiến của em.

14. Bài 14: *Viết tiếp câu chủ đề sau 1 đ.văn khoảng 8 - 10 câu: Đáng thương thay cho nàng Vũ Nương*

15. Bài 15:

a.Chữa lỗi câu văn sau:

Nhưng Vũ Nương không chỉ là người con gái đẹp đẽ cả về dung nhan và tính hạnh. Qua ngòi bút của Nguyễn Dữ còn cho ta thấy Vũ Nương đã phải chịu nỗi oan khổ vô bờ vì chồng nàng đa nghi, thô bạo.

b.Từ câu chủ đề đó, viết một đ.văn từ 6 – 8 câu. Trong đ.văn có s.dụng phép nối để l.kết câu.

16. Bài 16:

Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 15 câu với câu chủ đề sau: “*Chuyện người con gái Nam Xương*” đã thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến. Trong đoạn văn có sử dụng một câu ghép đẳng lập.

17. Bài 17: Trong Truyện cổ tích, khi bị oan, Vũ Nương đã chạy ra sông tự tử. Còn trong “*Chuyện người con gái Nam Xương*”, Vũ Nương tắm gội chay sạch, chạy ra bên Hoàng Giang thề cùng trời đất rồi mới gieo mình xuống sông.

Hai cách kể khác nhau về chi tiết đó có mang đến ý nghĩa khác nhau không? Vì sao?

18. Bài 18: So với truyện cổ tích “*Vợ chàng Trương*” thì “*Chuyện người con gái Nam Xương*” có thêm nhân vật bà mẹ Trương Sinh. Theo em, điều đó có làm loãng câu chuyện không? Vì sao?

19. Bài 19: Giới thiệu sơ lược về Nguyễn Dữ và tác phẩm “*Truyền kì mạn lục*”.

20. Bài 20: Trình bày những hiểu biết của em về giá trị nghệ thuật của những đoạn đ. thoại và những lời tự bạch trong “*Chuyện người con gái Nam Xương*”

21. Bài 21: Phân tích ý nghĩa của yếu tố truyền kì trong truyện “*Chuyện người con gái Nam xuong*”.

22. Bài 22: Cho đoạn văn sau:

“*Người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ, tác phẩm văn xuôi trữ tình có giá trị đầu tiên của văn học cổ nước ta thế kỉ XVI. Nhân vật chính của truyện là Vũ Thị Thiết. Nàng là cô gái thuộc tầng lớp bình dân, tính tình thủy mị nét na, lại thêm có tư dung tốt đẹp hơn người. Từ khi về nhà chồng, nhất là sau khi chồng là Trương Sinh đi lính. Người vợ trẻ đó phải gánh chịu bao nỗi đắng cay oan khuất.

Tuy vậy “Người con gái Nam Xương” ấy vẫn giữ chọn tình nghĩa thủy chung với chồng.

- a. Chép lại đoạn văn trên sau khi đã sửa hết lỗi sai về chính tả và đặt câu.
- b. Chỉ ra chỗ người viết dùng phép thế.
- c. Giải nghĩa các từ “oan khuất”, “tư dung”.
- d. Có thể thay thế từ “thuyền mị” bằng từ nào?
- e. Viết 1 đoạn văn khoảng 10 câu theo kiểu T – P – H để làm sáng tỏ ý câu chủ đề: “Vũ Thị Thiết là người vợ rất giàu tình nghĩa, thủy chung với chồng”.

CHUYÊN ĐỀ 2: HOÀNG LÊ NHẤT

THỐNG CHÍ – NGÔ GIA VĂN PHÁI

Câu 1: Đọc đoạn văn:

“- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc

lợi, hại, được, mất ấy đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!”

(Hoàng Lê nhất thống chí – Hồi thứ mười bốn – Ngô gia văn phái, Ngữ văn 9, Tập một, NXB GD. H. 2009. tr 66)

Có ý kiến nhận xét: Đọc lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ, ta nghe như âm vang của Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi).

Em hãy phân tích lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ và làm sáng tỏ nhận xét trên.

Gợi ý:

1. Giới thiệu khái quát về “Hoàng Lê nhất thống chí” và hồi thứ mười bốn của tác phẩm.

– “Hoàng Lê nhất thống chí” do một nhóm tác giả thuộc dòng họ Ngô Thi ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Tác phẩm là cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi viết ở những thời điểm khác nhau, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào khoảng ba mươi năm cuối của thế kỷ XVIII và mấy năm đầu thế kỷ XIX.

– Hồi thứ mười bốn thể hiện niềm tự hào dân tộc của các tác giả qua việc tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.

2. *Khái quát về đẹp của người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ trong “Hoàng Lê nhất thống chí” (hồi thứ mười bốn).* Trong lịch sử các triều đại Việt Nam, Quang Trung là một vị vua văn võ toàn tài, có công lao lớn trong sự nghiệp đánh đuổi giặc ngoại xâm. Nhân vật lịch sử đi vào văn chương như một hình ảnh đẹp. “Hoàng Lê nhất thống chí” (hồi thứ mười bốn) đã làm toát lên vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng áo vải trong chiến công lừng lẫy đại phá quân Thanh: là một vị vua yêu nước thương dân; là người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén; có tầm nhìn xa trông rộng; hành động mạnh mẽ quyết đoán, tài dụng binh như thần; ý chí quyết chiến quyết thắng...

3. *Lời dụ tướng sĩ của vua Quang Trung thể hiện sự anh minh sáng suốt và mang âm hưởng hào hùng của các tác phẩm: Nam quốc sơn hà (Lý Thường Kiệt), Hịch tướng sĩ (Trần Quốc Tuấn), Bình Ngô đại cáo (Nguyễn Trãi).*

a. Trước hết, vua Quang Trung khẳng định chủ quyền của dân tộc.

“Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị”. Đó cũng là lời tuyên bố chủ quyền lãnh thổ của dân tộc trong “Nam quốc sơn hà” (Lý Thường Kiệt): “Nam quốc sơn hà Nam đế cư – Tiệt nhiên định phận tại thiên thư” (Sông núi nước Nam vua Nam ở – Rành rành định phận ở sách trời); trong “Bình Ngô đại cáo” (Nguyễn Trãi): “Nước Đại Việt ta từ trước – Vốn xưng nền văn hiến đã lâu – Núi sông bờ cõi đã chia – Phong tục Bắc Nam cũng khác – Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập – Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương”

b. Tiếp đến, ông nêu bật dã tâm của giặc để thổi bùng lên ngọn lửa căm thù giặc trong lòng tướng sĩ.

“Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”, “Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa”. Hành động xâm lược của “giặc dữ” (nghịch lỗ) là hành động phi nhân nghĩa, trái đạo trời. Tội ác của giặc ngoại xâm được Trần Quốc Tuấn chỉ rõ “Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ...thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho để khỏi tai vạ về sau” (Hịch tướng sĩ). Nguyễn Trãi cũng đã vạch trần: “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn – Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ – Dối trời lừa dân đủ trăm ngàn kế...”, “Độc ác thay trúc Nam Sơn không ghi hết tội...” Đúng là tội ác “Trời không dung, đất không tha”.

c. Sau đó, ông nhắc lại truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. “Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nề ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc”.

Lời phủ dụ tướng sĩ của người anh hùng áo vải Quang Trung trong cuộc đại phá quân Thanh đã nhắc đến Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn – một tấm gương yêu nước bất khuất có tác dụng động viên to lớn đối với các tướng sĩ. Ý chí tinh thần chống giặc ngoại xâm trong bài hịch như còn mãi âm vang: “Ta thường tới

bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa... Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng”. (Hịch tướng sĩ)

Tấm gương Lê Thái Tổ không nở ngồi nhìn giặc Minh làm điều tàn bạo đã đẩy nghĩa quân: “Guom mài đá, đá núi cũng mòn...Tổ kiến hồng phá toang đê vỡ”. Đó là những dẫn chứng xác thực về lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc: “Tuy mạnh yếu nhiều lúc khác nhau – Song hào kiệt đời nào cũng có”, “Việc xưa xem xét – Chứng cứ còn ghi” (Bình Ngô đại cáo).

d. Từ đó, ông bày tỏ lòng tin vào binh lính và kêu gọi họ dốc lòng, dốc sức vì sự nghiệp chung đánh đuổi kẻ thù để bảo vệ chủ quyền của dân tộc.

“Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các người đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn”. Lời hiệu triệu toàn dân đứng lên đánh giặc giữ nước của vua Quang Trung cũng là lời khích lệ tinh thần chiến đấu của Trần Quốc Tuấn đối với các tướng dưới quyền: nêu cao tinh thần cảnh giác, chăm lo tập luyện cung tên, học tập “Binh thư yếu lược”. Đó cũng là lời của Nguyễn Trãi: “Nhân dân bốn cõi một nhà ... Hoà nước sông chén rượu ngọt ngào”.

e. Cuối cùng, ông khẳng định quyết tâm sắt đá đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh, đồng thời cũng tuyên bố kỷ luật nghiêm minh của quân đội để răn đe những kẻ bạc nhược có ý ăn ở hai lòng.

“Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!”. Đó cũng là thái độ nghiêm khắc của Trần Quốc Tuấn chỉ ra con đường: sống – chết, vinh – nhục; đạo thần chủ – kẻ nghịch thù để tướng sĩ thấy rõ chỉ có thể chọn một hoặc địch –

hoặc ta chứ không có chỗ đứng cho những kẻ bàng quan thờ ơ trước thời cuộc.

4. Khẳng định và nêu suy nghĩ bản thân.

– Lời phủ dụ tướng sĩ của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ tại cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An có thể xem như một bài hịch ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, lời lẽ đanh thép, giọng điệu hào hùng mà ý tứ thật phong phú sâu xa, có tác dụng kích thích lòng yêu nước và truyền thống quật khởi của dân tộc.

– Trí tuệ, tác lòng của một vị vua vì nghĩa lớn đã mạnh hơn thiên kiến giai cấp của các tác giả. Chính vì vậy mà các tác giả của “Hoàng Lê nhất thống chí” đã xây dựng một tượng đài bất hủ về người anh hùng Nguyễn Huệ – một hình ảnh hiếm thấy trong lịch sử.

– Tinh thần yêu nước là sợi chỉ hồng xuyên suốt, là một trong những giá trị nổi bật nhất của văn học Việt Nam. Các tác phẩm: Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bình Ngô đại cáo, Hoàng Lê nhất thống chí mãi là những viên ngọc quý của văn chương dân tộc, lập lánh nguồn cảm hứng yêu nước. Tự hào về chiến công của cha ông khi phá Tống, đuổi Nguyên, bình Ngô, đập Thanh... ta cần giữ gìn phát huy truyền thống ấy hơn nữa để xứng đáng là con Lạc, cháu Hồng.

Câu 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

"...Các ngươi đều là những người có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!"

- 1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Nêu một vài hiểu biết của em về tác giả của đoạn trích?**
- 2. Đoạn văn trên là lời nói của ai? Ở đâu? Đọc đoạn văn này em thấy giống thể loại gì trong văn học cổ?**

3. Qua những câu văn trên em liên tưởng thấy giống như những lời văn trong bài nào của văn học cổ? Do ai viết? Mục đích viết?

4. Nội dung của đoạn văn trên nói lên điều gì?

Gợi ý:

1.- Nêu được tác phẩm "Hoàng Lê nhất thống chí"

- Của nhóm tác giả: Ngô gia văn phái

- Quê: Làng Tả Thanh Oai-Hà Tây cũ. Nay thuộc Hà Nội. Là dòng họ lớn nổi tiếng đỗ cao có tài văn học. Một số người trong gia đình đó đã viết chung tác phẩm "Hoàng Lê nhất thống chí". Tiêu biểu là Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du, Ngô Thì Nhậm.

2. Đoạn văn trên là lời nói của Quang Trung ở trấn Nghệ An

- Đoạn văn trên giống thể loại "Hịch" trong văn học cổ.

3. Những câu trên khiến người ta liên tưởng giống như những lời văn trong bài "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn. Viết để kêu gọi quân sĩ học tập " Binh thư yếu lược" chuẩn bị đánh giặc Nguyên-Mông.

4. Nội dung đoạn văn: Kêu gọi đồng tâm hiệp lực trong chiến đấu và trung thành với vua Quang Trung.

Câu 3: “ *Hoàng Lê nhất thống chí* ” là một tác phẩm văn xuôi chữ Hán có quy mô lớn nhất và đạt những thành công xuất sắc về nghệ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực tiểu thuyết của văn học Việt Nam thời trung đại.

a. Hãy giải thích nhan đề tác phẩm.

b.Theo em, nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của tác giả khi tạo

dựng hình ảnh nhân vật chính Quang Trung-Nguyễn Huệ ?

Gợi ý:

a. Ý nghĩa nhan đề “ Hoàng Lê Nhất Thống Trị ” ghi chép về sự thống nhất của Vương triều nhà Lê (thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê.

b. Nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái vốn là những cự thần, chịu ơn sâu nghĩa của vua Lê, vậy mà viết rất hay mà thực về người anh hùng Nguyễn Huệ vì:

– Họ là những người viết tiểu thuyết lịch sử, họ phải tôn trọng lịch sử và phản ánh khách quan nhân vật, sự kiện lịch sử.

– Mặc dù các tác giả dòng họ Ngô Thì vốn là những người yêu nước không thể bỏ qua sự thật là vua Lê đã hèn nhát “ công rắn cắn gà nhà ”. Do đó họ không thể phủ nhận chiến thắng lẫy lừng của ma Quang Trung, xứng đáng là niềm tự hào dân tộc.

Câu 4: Dưới đây là một đoạn trong tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí”

(Ngô Gia Văn Phái):

“Các người đem thân thờ ta, đã làm đến chức tướng soái. Ta giao cho toàn hạt cả một thừa tuyên, lại cho tùy tiện làm việc. Vậy mà giặc đến không đánh nổi một trận, mới nghe tiếng đã chạy trước. Binh pháp dạy rằng: "Quân thua chém tướng".

Câu 1: Đoạn trích trên là lời của ai nói với ai? Nói trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Chỉ ra dụng ý trong câu: “Binh pháp dạy rằng: "Quân thua chém tướng ".

Câu 3: Theo em, vì sao nhân vật lại không thực hiện đúng những điều mình đã nói? Chi tiết này giúp em hiểu thêm gì về nhân vật?

Gợi ý:

Câu 1:

-Đoạn trích trên là lời của ai nói với ai? (Vua Quang Trung)

-Nói trong hoàn cảnh nào?(Vua Quang Trung đem quân ra bắc, gặp các tướng trấn thủ Bắc Hà ở Tam Điệp)

Câu 2: Chỉ ra dụng ý trong câu: “ Binh pháp dạy rằng: " Quân thua chém tướng " .

- “Quân thua” là chỉ việc Sơ, Lân, Nhậm bỏ Thấn Long và cả Bắc Hà cho quân Thanh mà không đánh một trận.

- “Chém tướng” là chỉ việc phải chịu hình phạt nghiêm khắc (chém đầu) để đền tội.

Câu3:

-Theo em, vì sao nhân vật lại không thực hiện đúng những điều mình đã nói?

Vì vua Quang Trung hiểu rõ:

+Quân Thanh có ưu thế lớn, quân Tây Sơn trấn thủ Bắc Hà không đủ sức ngăn cản nên buộc phải rút.

+Việc rút quân có cái lợi: bảo toàn lực lượng, làm kiêu lòng địch tạo điều kiện địch phản công

Chi tiết này giúp em hiểu thêm gì về nhân vật?

Qua chi tiết này ta thấy vua Quang Trung:

+Có lòng nhân từ

+Có trí tuệ xét tình thế và dùng người.

Câu 5: a. Giải thích ý nghĩa nhan đề : “Hoàng Lê nhất thống chí ”.

b. Tại sao các tác giả Ngô gia văn phái vốn là những trung thần của nhà Lê lại có thể viết thực, viết hay như vậy về người anh hùng Quang Trung – Nguyễn Huệ?

Gợi ý:

a. Ý nghĩa nhan đề "Hoàng Lê nhất thống chí": Ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh trả lại Bắc Hà cho vua Lê

b. Các tác giả Ngô gia văn phái vốn là những trung thần chịu ơn sâu nặng của nhà Lê, vậy mà lại viết hay và thực về người anh hùng Nguyễn Huệ vì:

- Họ là những người viết tiểu thuyết lịch sử, phải tôn trọng sự thật lịch sử và phản ánh khách quan nhân vật, sự thật lịch sử.
- Các tác giả dòng họ Ngô Thì vốn là những người yêu nước nên chiến thắng của dân tộc đối với quân Thanh không thể không làm họ nức lòng, tự hào.
- Vai trò của Quang Trung trong chiến thắng của dân tộc là điều không thể phủ nhận. Như vậy, các nhà viết sử đã có cái nhìn tiến bộ, vượt qua những định kiến giai cấp, phản ánh trung thực về hình ảnh người anh hùng dân tộc.

Câu 6: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung qua hồi thứ 14 của tác phẩm “Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô Gia Văn Phái.

Gợi ý

Dàn ý chi tiết

I. Mở bài :

- "***Hoàng Lê nhất thống chí***" là một cuốn tiểu thuyết lịch sử bằng chữ Hán được viết theo thể chương hồi do nhiều tác giả trong ***Ngô Gia Văn Phái***(Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du...) sáng tác. Đây là một bức tranh sâu rộng vừa phản ánh được sự thối nát, suy tàn của triều đình Lê Trịnh, vừa phản ánh được sự phát triển của phong trào Tây Sơn.

- Trong hồi thứ 14 của tác phẩm, hình tượng người anh hùng Quang Trung hiện lên thật cao đẹp với khí phách hào hùng, trí tuệ sáng suốt và tài thao lược hơn người.

II. Thân bài:

1. Trước hết Quang Trung là một con người hành động mạnh mẽ quyết đoán:

- Từ đầu đến cuối đoạn trích, Nguyễn Huệ luôn luôn là con người hành động một cách xông xáo, nhanh gọn có chủ đích và rất quả quyết.

- Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà ông không hề nao núng “*định thân chinh cầm quân đi ngay*”.

- Rồi chỉ trong vòng hơn một tháng, Nguyễn Huệ đã làm được bao nhiêu việc lớn: “*tể cáo trời đất*”, lên ngôi hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc...

2. Đó là một con người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén:

* Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị hùng hổ kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, vận mệnh đất nước “*ngàn cân treo sợi tóc*”, Nguyễn Huệ đã quyết định lên ngôi hoàng đế để chính danh vị, lấy niên hiệu là Quang Trung.

Việc lên ngôi đã được tính kỹ với mục đích thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài và quan trọng hơn là “*để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người*”, được dân ủng hộ.

*** Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch và ta:**

- Qua lời dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An, Quang Trung đã chỉ rõ “*đất nào sao ấy*” người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác”. Ông còn vạch rõ tội ác của chúng đối với nhân dân ta: “*Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại dân ta, vợ vệt của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi*”.

- Quang Trung đã khích lệ tướng sĩ dưới quyền bằng những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập của cha ông ta từ ngàn xưa như: Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành...

- Quang Trung đã dự kiến được việc Lê Chiêu Thống về nước có thể làm cho một số người Phù Lê “thay lòng đổi dạ” với mình nên ông đã có lời dụ với quân lính chí tình, vừa nghiêm khắc: “các người đều là những người có lương tri, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng lên công lớn. Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai”.

*** Sáng suốt trong việc xét đoán bề bói:**

- Trong dịp hội quân ở Tam Điệp, qua lời nói của Quang Trung với Sở và Lân ta thấy rõ: Ông rất hiểu việc rút quân của hai vị tướng giỏi này. Đúng ra thì “*quân thua chém tướng*” nhưng không hiểu lòng họ, sức mình ít không địch nổi đội quân hùng tướng hổ nhà Thanh nên đành phải bỏ thành Thăng Long rút về Tam Điệp để tập hợp lực lượng. Vậy Sở và Lân không bị trừng phạt mà còn được ngợi khen.

- Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao và sử dụng như một vị quân sĩ “*đa mưu túc trí*” việc Sở và Lân rút chạy Quang Trung cũng đoán là do Nhậm chủ mưu, vừa là để bảo toàn lực lượng, vừa gây cho địch sự chủ quan. Ông đã tính đến việc dùng Nhậm là người biết dùng lời khéo léo để dẹp việc binh đao.

3. Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng:

- Mới khởi binh đánh giặc, chưa giành được tác đất nào vậy mà vua Quang Trung đã nói chắc như đinh đóng cột “*phương lược tiến đánh đã có tính sẵn*”.

- Đang ngồi trên lưng ngựa, Quang Trung đã nói với Nhậm về quyết sách ngoại giao và kế hoạch 10 tới ta hoà bình. Đối với địch, thường thì biết là thắng việc binh đao không thể dứt ngay được vì xi nhục của nước lớn còn đó. Nếu “*chờ 10 năm nữa ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh thì ta có sợ gì chúng*”.

4. Quang Trung là vị tướng có tài thao lược hơn người:

- Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn còn làm chúng ta kinh ngạc. Vừa hành quân, vừa đánh giặc mà vua Quang Trung hoạch định kế hoạch từ 25 tháng chạp đến mừng 7 tháng giêng sẽ vào ăn tết ở Thăng Long, trong thực tế đã vượt mức 2 ngày.

- Hành quân xa, liên tục như vậy nhưng đội quân vẫn chỉnh tề cũng là do tài tổ chức của người cầm quân.

5. Hình ảnh vị vua lâm liệt trong chiến trận:

- Vua Quang Trung thân chinh cầm quân không phải chỉ trên danh nghĩa. Ông làm tổng chỉ huy chiến dịch thực sự.

- Dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy này, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh những trận thật đẹp, thắng áp đảo kẻ thù.

- Khí thế đội quân làm cho kẻ thù khiếp vía và hình ảnh người anh hùng cũng được khắc hoạ lẫm liệt: trong cảnh “*khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì*” nổi bật hình ảnh nhà vua “*cuối voi đi đốc thúc*” với tấm áo bào màu đỏ đã sạm đen khói súng.

- Hình ảnh người anh hùng được khắc hoạ khá đậm nét với tính cách mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dùng binh như thần; là người tổ chức và là linh hồn của chiến công vĩ đại.

III. Kết bài

Với ý thức tôn trọng sự thực lịch sử và ý thức dân tộc, những người trí thức - các tác giả Ngô Gia Văn Phái là những cự thần chịu ơn sâu, nghĩa nặng của nhà Lê, nhưng họ đã không thể bỏ qua sự thực là ông vua nhà Lê yếu hèn đã công răn cấm gà nhà và chiến công lẫy lừng của nghĩa quân Tây Sơn, làm nổi bật hình ảnh vua Quang Trung - người anh hùng áo vải, niềm tự hào lớn của cả dân tộc. Bởi thế họ đã viết thực và hay đến như vậy về người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ.

Câu 7: Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân đã được miêu tả như thế nào? Em có nhận xét gì về lối văn trần thuật ở đây?

Gợi ý

1. Đối lập với hình ảnh nghĩa quân Tây Sơn là chân dung của kẻ thù xâm lược.

- Tôn Sĩ Nghị kiêu căng, tự mãn, chủ quan:
- + Kéo quân vào Thăng Long dễ dàng “*ngày đi đêm nghỉ*” như “*đi trên đất bằng*”, cho là vô sự, không đề phòng gì, chỉ lảng vảng ở bên bờ sông, lấy thanh thế sông để dọa dẫm.

+ Hơn nữa y còn là một tên tướng bất tài, cầm quân mà không biết tình hình thực hư ra sao. Dù được vua tôi Lê Chiêu Thống báo trước, y vẫn không chút đề phòng suốt mấy ngày Tết *“chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất chắc”*, cho quân lính mặc sức vui chơi.

- Khi quân Tây Sơn đánh đến nơi, tướng thì sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp... chuồng trước qua cầu phao, quân thì lúc lâm trận *“ai nấy đều rụng rời, sợ hãi, xin ra hàng hoặc bỏ chạy toán loạn, giày xéo lên nhau mà chết”*, *“quân sĩ các doanh nghe thấy đều hoảng hốt, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết rất nhiều”*, *“đến nổi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa”*. Cả đội binh hùng, tướng mạnh, chỉ quen điều võ dương oai bây giờ chỉ còn biết tháo chạy, mạnh ai nấy chạy, *“đêm ngày đi gấp, không dám nghỉ ngơi”*.

* **Nghệ thuật:** kể chuyện, xen kẽ với những chi tiết tả thực thật cụ thể, chi tiết, sống động với nhịp điệu nhanh, dồn dập, gấp gáp gợi sự hoảng hốt của kẻ thù. Ngòi bút miêu tả khách quan nhưng vẫn hàm chứa tâm trạng hả hê, sung sướng của người viết cũng như của dân tộc trước thắng lợi của Sơn Tây.

2. Số phận thảm hại của bọn vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước, hại dân

- Lê Chiêu Thống và những bề tôi trung thành của ông ta đã vì lợi ích riêng của dòng họ mà đem vận mệnh của cả dân tộc đặt vào tay kẻ thù xâm lược, lẽ tất nhiên họ phải chịu đựng nỗi sỉ nhục của kẻ đi cầu cạnh, van xin, không còn đâu tư cách bậc quân vương, và kết cục cũng phải chịu chung số phận bi thảm của kẻ vọng quốc.

- Khi có biến, quân Thanh tan rã, Lê Chiêu Thống vội vã cùng mấy bề tôi thân tín *“đưa thái hậu ra ngoài”*, chạy bán sống bán chết, cướp cả thuyền dân đẽ qua sông, *“luôn mấy ngày không ăn”*. May gặp người thổ hào thương tình đón về cho ăn và chỉ đường cho chạy trốn. Đuổi kịp Tôn Sĩ Nghị, vua tôi chỉ còn biết nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt, và sau khi sang đến Trung Quốc phải cạo

đầu, tết tóc, ăn mặc giống người Mãn Thanh và cuối cùng gửi nắm xương tàn nơi đất khách quê người.

Nghệ thuật: Xen kẽ kể với tả sinh động, cụ thể gây ấn tượng mạnh. Ngòi bút đậm chút xót thương của tác giả bề tôi trung thành của nhà Lê.

Câu 8: *So sánh ngòi bút của tác giả khi miêu tả hai cuộc tháo chạy (một của quân tướng nhà Thanh và một của vua tôi Lê Chiêu Thống) có gì khác biệt? Giải thích vì sao có sự khác biệt đó?*

Gợi ý

- Tất cả đều là tả thực, với những chi tiết cụ thể, nhưng âm hưởng lại rất khác nhau:

- Đoạn văn trên nhịp điệu nhanh, mạnh, hồi hả “*ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp, “tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau...”*”, ngòi bút miêu tả khách quan nhưng vẫn hàm chứa tâm trạng hả hê, sung sướng của người thắng trận trước sự thảm bại của lũ cướp nước.

- ở đoạn văn dưới, nhịp điệu có chậm hơn, tác giả dừng lại miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt thương cảm của người thổ hào, nước mắt tủi hổ của vua tôi Lê Chiêu Thống, cuộc thiết đãi thịnh tình “*giết gà, làm cơm*” của kẻ bề tôi... âm hưởng có phần ngậm ngùi, chua xót. Là những cựu thần của nhà Lê, các tác giả không thể không cúi lòng trước sự sụp đổ của một vương triều mà mình từng phụng thờ, tuy vẫn hiểu đó là kết cục không thể tránh khỏi.

Câu 9: *Cho đoạn văn sau:*

“...Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các người đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn. Chớ có quen theo thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra, sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai, chớ bảo là ta không nói trước!”.

(Hoàng Lê nhất thống chí, Ngô Gia Văn Phái, sách Ngữ văn 9, tập 1, trang 66)

Câu 1: Đoạn văn trên là lời của nhân vật nào? Được nói trong hoàn cảnh nào?

Lời nói cho thấy vẻ đẹp nào của nhân vật?

Câu 2: Giải thích nghĩa của từ “*lượng tri*”, “*lượng năng*”

Câu 3: Xác định câu có chứa thành phần trạng ngữ trong đoạn văn trên?

Câu 4: Từ hiểu biết về hồi thứ mười bốn trong tác phẩm “*Hoàng Lê nhất thống chí*” và những hiểu biết xã hội, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng nửa trang giấy thi) để nêu suy nghĩ của em về những kẻ phản nước, hại dân.

Câu 10: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. [...] Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các người đều là kẻ có *lượng tri*, *lượng năng*, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn”

(Dẫn theo Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục, 2005, tr. 66)

a) Đoạn văn trên là lời của nhân vật nào, nói với ai và nhằm mục đích gì?
(1,5 điểm)

b) Nêu ý nghĩa của câu “*Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị*”. (1,5 điểm)

CHUYÊN ĐỀ 3: CHỊ EM THÚY KIỀU

-NGUYỄN DU-

Câu 1:

Một đoạn trích trong sách Ngữ văn 9 – tập 1, có câu: “Làn thu thủy, nét xuân sơn”.

a. Hãy chép lại 9 câu thơ nối tiếp câu thơ trên.

b. Đoạn thơ em vừa chép có trong tác phẩm nào, do ai sáng tác? Kể tên nhân vật được nói đến trong đoạn thơ.

GỢI Ý

a. Chép chính xác 9 câu thơ nối tiếp đã cho đúng bản in trong sách Ngữ văn 9 – tập 1 (không tính dấu câu).

“Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai
Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương
Khúc nhà tay lựa nên chương
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân”

b. Nêu đúng tên tác giả Nguyễn Du, tác phẩm Truyện Kiều, tên nhân vật trong đoạn thơ: Thúy Kiều.

Câu 2: Từ “hờn” trong câu thứ hai của đoạn thơ trên bị một bạn chép nhầm thành từ “buồn”. Em hãy giải thích ngắn gọn cho bạn hiểu rằng chép sai như vậy đã làm ảnh hưởng lớn đến ý nghĩa câu thơ?

Gợi ý

Nói được ý: Từ “buồn” không diễn tả được nỗi uất ức, đố kỵ, tức giận như từ “hờn”; do đó chưa phù hợp với ý nghĩa dự báo số phận Kiều trong câu thơ của Nguyễn Du.

Câu 3: Hai câu sau, mỗi câu nói về nhân vật nào?

“Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”

“Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”

Hai cách miêu tả sắc đẹp của hai nhân vật ấy có gì giống và khác nhau? Sự khác nhau ấy có liên quan gì đến tính cách và số phận của mỗi nhân vật?

Gợi ý

- Hai câu thơ trên, câu đầu nói về Thúy Vân, câu sau nói về Thúy Kiều.

- ***Giống nhau:*** Tả nhan sắc hai nàng như vậy là Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, một bút pháp quen thuộc của thơ ca cổ điển – dùng để tả nhân vật chính diện – lấy cái đẹp của tự nhiên để so sánh hoặc ngầm ví với cái đẹp của nhân vật. Từ đó tôn vinh cái đẹp của nhân vật. Ta dễ dàng hình dung nhan sắc của mỗi người. Thúy Vân tóc mượt mà, óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Còn Thúy Kiều, vẻ tươi thắm của nàng đến hoa cũng phải ghen, đến liễu phải hờn.

- Khác nhau:

Tả Thúy Vân Tả Thúy Kiều

-Tác giả miêu tả Thúy Vân cụ thể từ khuôn mặt, nét mày, màu da, nước tóc, miệng cười, tiếng nói để khắc họa một Thúy Vân đẹp, đoan trang, phúc hậu. Nêu ấn tượng tổng quát (sắc sảo, mặn mà), đặc tả đôi mắt. Miêu tả tác động vẻ đẹp của

Thúy Kiều. Vẻ đẹp sắc sảo, thông minh của Thúy Kiều làm cho hoa, liễu phải hờn ghen, làm cho nước, thành phải nghiêng đổ. Tác giả miêu tả nét đẹp của Kiều là để gọi tả vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.

-Thông điệp nghệ thuật: Qua cái đẹp ấy, tác giả còn dự báo cho số phận của mỗi người. Thúy Vân đẹp đoan trang, phúc hậu, sẽ có một số phận may mắn, hạnh phúc. Còn Thúy Kiều đẹp sắc sảo, mặn mà sẽ có số phận đầy giông tố, bất hạnh.

Câu 4: Từ câu chủ đề sau: “Khác với Thúy Vân, Thúy Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả tài lẫn sắc”. Hãy viết tiếp khoảng 10 câu văn để hoàn thành một đoạn văn theo cách Tổng hợp – Phân tích - Tổng hợp.

Gợi ý

Dùng câu chủ đề trên làm câu mở đoạn.

Viết nối tiếp bằng những gợi ý sau:

- Gợi tả vẻ đẹp của Kiều, tác giả vẫn dùng những hình tượng nghệ thuật ước lệ “thu thủy” (nước mùa thu), “xuân sơn” (núi mùa xuân), hoa, liễu. Nét vẽ của thi nhân thiên về gợi, tạo một ấn tượng chung về vẻ đẹp của một giai nhân tuyệt thế.
- Vẻ đẹp ấy được gợi tả qua đôi mắt Kiều, bởi đôi mắt là sự thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ. Đó là một đôi mắt biết nói và có sức rung cảm lòng người.
- Hình ảnh ước lệ “làn thu thủy” – làn nước mùa thu gợn sóng gợi lên thật sống động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt. Còn hình ảnh ước lệ “nét xuân sơn” – nét núi mùa xuân lại gợi lên đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung.
- “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh” – Vẻ đẹp quá hoàn mỹ và sắc sảo của Kiều có sức quyến rũ lạ lùng khiến thiên nhiên không thể dễ dàng chịu thua, chịu nhường mà phải nảy sinh lòng đố kỵ, ghen ghét báo hiệu lành ít, dữ nhiều.
- Không chỉ mang một vẻ đẹp “nghiêng nước, nghiêng thành”, Kiều còn là một cô gái thông minh và rất mực tài hoa:

*“Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”*

- Tài của Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, gồm đủ cả cầm (đàn), kỳ (cờ), thi (thơ), hoạ (vẽ). Đặc biệt nhất vẫn là tài đàn của nàng, đã là sở trường, năng khiếu (nghề riêng), vượt lên trên mọi người (ăn đứt).
- Đặc tả cái tài của Kiều cũng là để ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng: Cung đàn “bạc mệnh” mà Kiều tự sáng tác nghe thật da diết buồn thương, ghi lại tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm.
- Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của cả sắc – tài – tình. Tác giả dùng thành ngữ “nghiêng nước, nghiêng thành” để cực tả giai nhân, đồng thời là lời ngợi ca nhân vật.
- Chân dung của Thúy Kiều cũng là chân dung mang tính cách số phận. Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hoá phải ghen ghét, phải đố kị “hoa ghen, liễu hờn” nên số phận nàng sẽ éo le, đau khổ.

[Như vậy, chỉ bằng mấy câu thơ trong đoạn trích, Nguyễn Du đã không chỉ miêu tả được nhân vật mà còn dự báo được trước số phận của nhân vật; không những truyền cho người đọc tình cảm yêu mến nhân vật mà còn truyền cả nỗi lo âu pháp phông về tương lai số phận nhân vật.

Câu 5: Trong hai bức chân dung của Thúy Vân và Thúy Kiều, em thấy bức chân dung nào nổi bật hơn, vì sao ?– Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ để ca ngợi cả hai chị em Thúy Vân, Thúy Kiều nhưng đậm nhạt khác nhau ở mỗi người, rõ ràng bức chân dung của Thúy Kiều nổi bật hơn?

Gợi ý:

Chân dung Thuý Vân Chân dung Thuý Kiều

- Dùng 4 câu thơ để tả Vân
- Với Vân chỉ tả ngoại hình theo thủ pháp liệt kê.
- Với Vân chỉ tả sắc.
- Miêu tả chân dung Thuý Vân trước để làm nổi bật chân dung Thuý Kiều. – 12 câu để tả Kiều
- Đặc tả đôi mắt của Kiều theo lối điểm nhãn vẽ – vẽ hồn cho nhân vật, gợi nhiều hơn tả – với Kiều tả cả sắc, tài, tâm

=> Tóm lại:

- Đặc tả vẻ đẹp của Thuý Vân, Nguyễn Du tập trung miêu tả các chi tiết trên khuôn mặt nàng bằng bút pháp ước lệ và nghệ thuật liệt kê -> Thuý Vân xinh đẹp, thùy mị đoan trang, phúc hậu và rất khiêm nhường.
- Đặc tả vẻ đẹp của Thuý Kiều, Nguyễn Du tập trung làm nổi bật vẻ đẹp của tài và sắc.
- + Tác giả miêu tả khái quát: “Sắc sảo mặn mà”.

Một vừa hai phải ai ơi

Tài tình chi lắm...

- + Đặc tả vẻ đẹp đôi mắt: vừa gợi vẻ đẹp hình thức, vừa gợi vẻ đẹp tâm hồn (hình ảnh ước lệ).

+ Dùng điển cố “Nghiêng nước nghiêng thành” diễn tả vẻ đẹp hoàn hảo có sức lôi cuốn mạnh mẽ.

+ Tài năng: phong phú đa dạng, đều đạt tới mức lý tưởng.

– Cái tài của Nguyễn Du biểu hiện ở chỗ miêu tả ngoại hình nhân vật làm hiện lên vẻ đẹp tính cách và tâm hồn. Và đằng sau những tín hiệu ngôn ngữ lại là dự báo về số phận nhân vật.

+ “Thua, nhường” -> Thuý Vân có cuộc sống êm đềm, suôn sẻ.

+ “Hờn, ghen” -> Thuý Kiều bị thiên nhiên đố kỵ, ganh ghét -> số phận long đong, bị vùi dập.

Câu 6: Cảm hứng nhân đạo của tác giả Nguyễn Du thể hiện qua đoạn trích:

Gợi ý:

– Trong truyện Kiều, một trong những biểu hiện của cảm hứng nhân đạo là việc ca ngợi, đề cao những giá trị, phẩm chất của con người như nhan sắc, tài hoa, nhân phẩm, khát vọng, ý thức về thân phận, nhân phẩm cá nhân.

– Một trong những ví dụ điển hình của cảm hứng nhân đạo ấy là đoạn trích “Chị em Thuý Kiều”. Nguyễn Du sử dụng những hình ảnh đẹp nhất, những ngôn từ hoa mỹ nhất để miêu tả vẻ đẹp con người, phù hợp với cảm hứng ngưỡng mộ, ngợi ca giá trị con người. Tác giả còn dư cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh của Kiều. Đó chính là cảm hứng nhân văn cao cả của Nguyễn Du xuất phát từ lòng đồng cảm sâu sắc với mọi người.

Câu 7: So sánh đoạn thơ “Chị em Thuý Kiều” với trích đoạn trong “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân, ta càng thấy được sự sáng tạo tài tình của Nguyễn Du.

Gợi ý:

- Nếu như Thanh Tâm Tài Nhân kể về hai chị em Thuý Kiều bằng văn xuôi thì Nguyễn Du miêu tả họ bằng thơ lục bát
- Thanh Tâm Tài Nhân chủ yếu là kể về hai chị em Kiều; còn Nguyễn Du thì thiên về gợi tả sắc đẹp Thuý Vân, tài sắc Thuý Kiều.
- Thanh Tâm Tài Nhân tả Kiều trước, Vân sau: “Thuý Kiều mày nhỏ mà dài, mắt trong mà sáng, mạo như trăng thu, sắc tựa hoa đào. Còn Thuý Vân thì tinh thần tĩnh chính, dung mạo đoan trang, có một phong thái riêng khó mô tả”. Đọc lên ta cảm giác như tác giả tập trung vào Vân hơn, hình ảnh của Vân nổi bật hơn. Ngay ở đoạn giới thiệu đầu truyện, hình ảnh Kiều cũng không thật sự nổi bật. Còn Nguyễn Du tả Vân trước làm nền tô đậm thêm vẻ đẹp của Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy.
- Khi miêu tả, Nguyễn Du đặc biệt chú trọng đến tài năng của Kiều, qua việc miêu tả ngoại hình, tài hoa còn thể hiện được tấm lòng, tính cách và dự báo được số phận nhân vật. Thanh Tâm Tài Nhân không làm được điều đó, bút pháp cá thể hoá nhân vật của ông không rõ nét bằng của Nguyễn Du.

Nhưng sự khác biệt này đã giải thích vì sao cùng một cốt chuyện mà “Kim Vân Kiều truyện” chỉ là cuốn sách bình thường, vô danh còn “Truyện Kiều” được coi là một kiệt tác, Thanh Tâm Tài Nhân chỉ là tác giả không có danh tiếng, ít người biết đến trong khi Nguyễn Du là một tác giả lớn, một đại thi hào.

Câu 8: Trong đoạn trích "Chị em Thuý Kiều", tại sao tác giả Nguyễn Du tả Thuý Vân trước, tả Thuý Kiều sau?

Gợi ý

Khi giới thiệu những người trong gia đình, Nguyễn Du nói đến Kiều trước, Vân sau. Đó cũng là lẽ thường tình bởi giới thiệu những thành viên trong gia đình, bao giờ cũng giới thiệu người lớn trước, người bé sau. Nhưng khi miêu tả vẻ đẹp cụ thể của họ, tác giả lại miêu tả Vân trước, Kiều sau. Đây là dụng ý nghệ thuật của Nguyễn Du. Tác giả tả vẻ đẹp của Vân để làm nền, tôn lên vẻ đẹp của Kiều. Trong văn học trung đại, người ta gọi đây là nghệ thuật đòn bẩy (Vẽ mây, nảy trắng).

Câu 9: Chân dung hai chị em Thúy Vân và Thúy Kiều được khắc họa bằng bút pháp nghệ thuật ước lệ cổ điển nhưng hiện lên thật sinh động, dạng “mỗi người một vẻ”?

Gợi ý

- Thúy Vân với vẻ đẹp trang trọng, đoan trang, phúc hậu, quý phái của người thiếu nữ:

+ So sánh với những thứ cao đẹp trên đời: trăng, hoa, mây, ngọc,...

+ Khuôn mặt tròn trịa, đầy đặn như trăng, lông mày sắc nét, đậm như con ngài, miệng cười tươi như hoa, giọng nói trong như ngọc, mái tóc đen óng nhẹ hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết.

- Thúy Kiều đẹp sắc sảo mặn mà hơn. Nàng “sắc sảo” về trí tuệ, “mặn mà” về tâm hồn (đều thể hiện tập trung qua đôi mắt bởi đôi mắt là sự thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ), vẻ đẹp của Thúy Kiều đến cả thiên nhiên phải ghen ghét, phải đố kị (hoa ghen, liễu hờn) báo trước một cuộc đời không suôn sẻ, éo le.

Câu 10: Giá trị nội dung và nghệ thuật:

Gợi ý

Giá trị nội dung “Chị em Thuý Kiều” là khắc hoạ rõ nét chân dung tuyệt mỹ của chị em Thuý Kiều, ca ngợi vẻ đẹp, tài năng và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh của Thuý Kiều là biểu hiện của cảm hứng nhân văn ở Nguyễn Du.

Giá trị nghệ thuật: Thuý Kiều, Thuý Vân và nhân vật chính diện, thuộc kiểu nhân vật lý tưởng trong Truyện Kiều. Để khắc hoạ vẻ đẹp của nhân vật lý tưởng, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ - lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm nổi bật vẻ đẹp của con người. Nhà văn không miêu tả chi tiết cụ thể mà chủ yếu là tả đề gợi. Sử dụng biện pháp đòn bẩy làm nổi bật hình ảnh Thuý Kiều.

Câu 11: Giải nghĩa từ ngữ:

Gợi ý

- **Tổ Nga**: chỉ người con gái đẹp.
- **Mai cốt cách**: cốt cách của cây mai mảnh dẻ, thanh tao. Tuyệt tinh thần: tinh thần của tuyết trắng và trong sạch. Câu này ý nói cả hai chị em đều duyên dáng, thanh cao, trong trắng.
- **Khuôn trăng đầy đặn**: gương mặt đầy đặn như trăng tròn; nét ngài nở nang: ý nói lông mày hơi đậm, cốt tả đôi mắt đẹp. Câu thơ nhằm gợi tả vẻ đẹp phúc hậu của Thuý Vân. Thành ngữ Tiếng Việt có câu “mắt phượng mày ngài”.
- **Đoan trang**: nghiêm trang, đứng đắn (chỉ nói về người phụ nữ)...
- **Làn thu thủy**: làn nước mùa thu; nét xuân sơn: nét núi mùa xuân. Cả câu thơ ý nói mắt đẹp, trong sáng như nước mùa thu, lông mày đẹp thanh thoát như nét núi mùa xuân.
- **Nghiêng nước nghiêng thành**: lấy ý ở một câu chữ Hán, có nghĩa là: ngoảnh lại nhìn một cái thì thành người ta bị xiêu, ngoảnh lại nhìn cái nữa thì nước người ta bị nghiêng ngả. ý nói sắc đẹp tuyệt vời của người phụ nữ có thể làm cho người ta say mê đến nỗi mất thành, mất nước.

Câu 12

Nguyễn Du đã miêu tả con người theo lối nghệ thuật mang tính ước lệ rất quen thuộc trong một kết cấu chặt chẽ, với ngòi bút tinh tế:

Gợi ý

a. Bốn câu đầu: giới thiệu khái quát về nhân vật.

Với bút pháp ước lệ, tác giả đã gợi được vẻ thanh cao, duyên dáng, trong trắng của người thiếu nữ ở hai chị em Thuý Kiều: “*Mai cốt cách, tuyết tinh thần*” cốt cách như mai, tinh thần như tuyết. Đó là vẻ đẹp hoàn hảo mang tính hình thể, tâm hồn cả hai đều đẹp “*mười phân vẹn mười*” nhưng mỗi người lại mang vẻ đẹp riêng.

b. Bốn câu tiếp theo: miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân.

- Câu thơ mở đầu vừa giới thiệu Thuý Vân vừa khái quát vẻ đẹp của nhân vật. Hai chữ “*trang trọng*” gợi vẻ cao sang, quý phái.

- Với bút pháp nghệ thuật ước lệ, vẻ đẹp của Vân được so sánh với những thứ cao đẹp nhất trên đời, trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc. Bằng thủ pháp liệt kê nhân dung Thuý Vân được miêu tả toàn vẹn từ khuôn mặt, nét mày, làn da, mái tóc đến nụ cười, giọng nói, phong thái ung xử nghiêm trang, đứng đắn. Mỗi chi tiết được miêu tả cụ thể hơn nhờ bỏ ngữ, định ngữ, hình ảnh so sánh ẩn dụ.

- Tác giả đã vẽ nên bức chân dung Thuý Vân bằng nghệ thuật so sánh ẩn dụ và ngôn ngữ thơ chọn lọc, chau chuốt: khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, tươi sáng như mặt trăng; lông mày sắc nét như con ngài; miệng cười tươi thắm như hoa; giọng nói trong trẻo thoát ra từ hàm răng ngà ngọc; mái tóc đen óng ả hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết (*khuôn trăng... màu da*).

- Chân dung Thuý Vân là chân dung mang tính cách, số phận. Vân đẹp hơn những gì mỹ lệ nhất của thiên nhiên nhưng tạo sự hoà hợp êm đềm với xung quanh: mây thua, tuyết nhường. Thuý Vân hẳn có một tính cách ung dung, điềm đạm, một cuộc đời bình yên không sóng gió.

c. 12 câu tiếp theo: tả vẻ đẹp và tài hoa của Kiều.

- Câu thơ đầu đã khái quát đặc điểm của nhân vật: “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*”. Nàng sắc sảo về trí tuệ và mặn mà về tâm hồn.

- Gọi tả vẻ đẹp của Kiều tác giả vẫn dùng những hình tượng ước lệ: thu thủy, xuân sơn, hoa, liễu. Đặc biệt khi hoạ bức chân dung Kiều, tác giả tập trung gọi tả vẻ đẹp đôi mắt. Hình ảnh “*Làn thu thủy, nét xuân sơn*” là hình ảnh mang tính ước lệ, đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ, gọi lên một đôi mắt đẹp trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu, đôi lông mày thanh tú như nét mùa xuân. Đôi mắt đó là cửa sổ tâm hồn, thể hiện phần tinh anh của tâm hồn, trí tuệ. Tả Kiều, tác giả không cụ thể như khi tả Vân mà chỉ đặc tả đôi mắt theo lối điểm nhãn - vẽ hồn cho nhân vật, gọi lên vẻ đẹp chung của một trang giai nhân tuyệt sắc. Vẻ đẹp ấy làm cho hoa ghen, liễu hờn, nước nghiêng thành đổ. Nguyễn Du không miêu tả trực tiếp nhân vật mà miêu tả sự ghen ghét, đố kị hay ngưỡng mộ, say mê trước vẻ đẹp đó, cho thấy đây là vẻ đẹp có chiều sâu, có sức quyến rũ, cuốn hút lạ lùng.

- Vẻ đẹp tiềm ẩn phẩm chất bên trong cao quý, cái tài, cái tình đặc biệt của Kiều. Tả Thúy Vân chỉ tả nhan sắc, còn tả Thúy Kiều, tác giả tả sắc một phần thì dành hai phần để tả tài. Kiều rất mực thông minh và đa tài “*Thông minh vốn sẵn tính trời*”. Tài của Kiều đạt đến mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, hội đủ cầm, kỳ, thi, hoạ “*Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm*”.

Tác giả đặc tả tài đàn - là sở trường, năng khiếu, nghề riêng của nàng “*Cung thương lầu bạc ngũ âm, Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương*”. Không chỉ vậy, nàng còn giỏi sáng tác nhạc. Cung đàn Bạc mệnh của Kiều là tiếng lòng của một trái tim đa sầu đa cảm “*Khúc nhà tay lựa nên chương, Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân*”.

Tả tài, Nguyễn Du thể hiện được cả cái tình của Kiều.

- Chân dung Thúy Kiều là bức chân dung mang tính cách và số phận. Vẻ đẹp khi cho tạo hoá phải ghen ghét, các vẻ đẹp khác phải đố kị, tài hoa trí tuệ thiên

bầm "lai bạc" đủ mùi, cả cái tâm hồn đa sầu đa cảm khiến Kiều không thể tránh khỏi định mệnh nghiệt ngã, số phận éo le, gian khổ bởi "*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*". "*Trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen*". Cuộc đời Kiều hẳn là cuộc đời hồng nhan bạc mệnh.

* Có thể nói tác giả đã rất tinh tế khi miêu tả nhân vật Thuý Kiều: Tác giả miêu tả chân dung Thuý Vân trước để làm nổi bật chân dung Thuý Kiều, ca ngợi cả hai nhưng đậm nhạt khác nhau ở mỗi người: chỉ dành bốn câu thơ để tả Vân, trong đó dành tới 12 câu thơ để tả Kiều, Vân chỉ tả nhan sắc, Kiều cả tài, sắc, tình đều đặc đặc tả. Đó chính là thủ pháp đòn bẩy.

d. 4 câu cuối: nhận xét chung về cuộc sống hai chị em Thuý Kiều.

- Họ sống phong lưu, khuôn phép, đức hạnh, theo đúng khuôn khổ của lễ giáo phong kiến. Tuy cả hai đều đã đến tuổi búi tóc cài trâm nhưng vẫn "*trướng rủ màn che, tường đông ong bướm đi về mặc ai*".

- Hai câu cuối trong sáng, đầm thắm như chở che, bao bọc cho hai chị em hai bồn hoa vẫn còn phong nhụy trong cảnh "*Êm đêm trướng rủ màn che*".

Tóm lại, đoạn trích đã thể hiện bút pháp miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du khắc họa nét riêng về nhan sắc, tài năng, tính cách, số phận nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển.

Câu 13: Trong hai bức chân dung của Thuý Vân và Thuý Kiều, em thấy bức chân dung nào nổi bật hơn, vì sao?

Gợi ý

- Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ để ca ngợi cả hai chị em Thuý Vân, Thuý Kiều nhưng đậm nhạt khác nhau ở mỗi người, rõ ràng bức ***chân dung của Thuý Kiều nổi bật hơn***.

Chân dung Thuý Vân	Chân dung Thuý Kiều
- Dùng 4 câu thơ để tả Vân.	- 12 câu để tả Kiều

<ul style="list-style-type: none"> - Với Vân chỉ tả ngoại hình theo thủ pháp liệt kê. - Với Vân chỉ tả sắc. - Miêu tả chân dung Thuý Vân trước để làm nổi bật chân dung Thuý Kiều. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc tả đôi mắt của Kiều theo lối điểm nhãn vẽ - vẽ hồn cho nhân vật, gợi nhiều hơn tả - với Kiều tả cả sắc, tài, tâm.
---	---

Tóm lại:

- Đặc tả vẻ đẹp của Thuý Vân, Nguyễn Du tập trung miêu tả các chi tiết trên khuôn mặt nàng bằng bút pháp ước lệ và nghệ thuật liệt kê - > Thuý Vân xinh đẹp, thùy mị đoan trang, phúc hậu và rất khiêm nhường.

- Đặc tả vẻ đẹp của Thuý Kiều, Nguyễn Du tập trung làm nổi bật vẻ đẹp của tài và sắc.

+ Tác giả miêu tả khái quát: “Sắc sảo mặn mà”.

Một vừa hai phải ai ơi

Tài tình chi lắm...

+ Đặc tả vẻ đẹp đôi mắt: vừa gợi vẻ đẹp hình thức, vừa gợi vẻ đẹp tâm hồn (hình ảnh ước lệ).

+ Dùng điển cố “*Nghiêng nước nghiêng thành*” diễn tả vẻ đẹp hoàn hảo có sức lôi cuốn mạnh mẽ.

+ Tài năng: phong phú đa dạng, đều đạt tới mức lý tưởng.

- Cái tài của Nguyễn Du biểu hiện ở chỗ miêu tả ngoại hình nhân vật làm hiện lên vẻ đẹp tính cách và tâm hồn. Và đằng sau những tín hiệu ngôn ngữ lại là dự báo về số phận nhân vật.

+ “**Thua, nhường**” - > Thuý Vân có cuộc sống êm đềm, suôn sẻ.

+ “**Hòn, ghen**” - > Thuý Kiều bị thiên nhiên đổ ky, ganh ghét - > số phận long đong, bị vùi dập.

Câu 14: *Cảm hứng nhân đạo của tác giả Nguyễn Du thể hiện qua đoạn trích:*
Gợi ý

- Trong truyện Kiều, một trong những biểu hiện của cảm hứng nhân đạo là việc ca ngợi, đề cao những giá trị, phẩm chất của con người như nhan sắc, tài hoa, nhân phẩm, khát vọng, ý thức về thân phận, nhân phẩm cá nhân.

- Một trong những ví dụ điển hình của cảm hứng nhân đạo ấy là đoạn trích "Chị em Thuý Kiều". Nguyễn Du sử dụng những hình ảnh đẹp nhất, những ngôn từ hoa mỹ nhất để miêu tả vẻ đẹp con người, phù hợp với cảm hứng ngưỡng mộ, ngợi ca giá trị con người. Tác giả còn dư cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh của Kiều. Đó chính là cảm hứng nhân văn cao cả của Nguyễn Du xuất phát từ lòng đồng cảm sâu sắc với mọi người.

Câu 15: So sánh đoạn thơ "Chị em Thuý Kiều" với trích đoạn trong "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài Nhân, ta càng thấy được sự sáng tạo tài tình của Nguyễn Du.

Gợi ý

- Nếu như Thanh Tâm Tài Nhân kể về hai chị em Thuý Kiều bằng văn xuôi thì Nguyễn Du miêu tả họ bằng thơ lục bát.

- Thanh Tâm Tài Nhân chủ yếu là kể về hai chị em Kiều; còn Nguyễn Du thì thiên về gợi tả sắc đẹp Thuý Vân, tài sắc Thuý Kiều.

- Thanh Tâm Tài Nhân tả Kiều trước, Vân sau: "*Thuý Kiều mày nhỏ mà dài, mắt trong mà sáng, mào như trăng thu, sắc tựa hoa đào. Còn Thuý Vân thì tinh thần tỉnh chính, dung mạo đoan trang, có một phong thái riêng khó mô tả*". Đọc lên ta cảm giác như tác giả tập trung vào Vân hơn, hình ảnh của Vân nổi bật hơn. Ngay ở đoạn giới thiệu đầu truyện, hình ảnh Kiều cũng không thật sự nổi bật. Còn Nguyễn Du tả Vân trước làm nền tô đậm thêm vẻ đẹp của Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy.

- Khi miêu tả, Nguyễn Du đặc biệt chú trọng đến tài năng của Kiều, qua việc miêu tả ngoại hình, tài hoa còn thể hiện được tâm lòng, tính cách và dự báo

được số phận nhân vật. Thanh Tâm Tài Nhân không làm được điều đó, bút pháp cá thể hoá nhân vật của ông không rõ nét bằng của Nguyễn Du.

Nhưng sự khác biệt này đã giải thích vì sao cùng một cốt chuyện mà “*Kim Vân Kiều truyện*” chỉ là cuốn sách bình thường, vô danh còn “*Truyện Kiều*” được coi là một kiệt tác, Thanh Tâm Tài Nhân chỉ là tác giả không có danh tiếng, ít người biết đến trong khi Nguyễn Du là một tác giả lớn, một đại thi hào.

CHUYÊN ĐỀ 4: CẢNH NGÀY XUÂN

-TRUYỆN KIỀU-

Câu 1: Nêu vị trí và kết cấu của đoạn trích

Gợi ý

Vị trí: “*Cảnh ngày xuân*” là đoạn thơ tả cảnh ngày mùa xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của chị em Kiều, nằm sau đoạn tả tài sắc hai chị em Kiều, trước đoạn Kiều gặp nấm mộ Đạm Tiên và gặp Kim Trọng. Đoạn trích là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, náo nhiệt.

Kết cấu đoạn trích: theo trình tự thời gian của cuộc du xuân.

- + Bốn câu đầu: Khung cảnh ngày xuân.
- + Tám câu tiếp: khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.
- + Sáu câu cuối: cảnh chị em Kiều du xuân trở về.

Câu 2: Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật.

Gợi ý

Giá trị nội dung của “Cảnh ngày xuân”: là bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp, trong sáng và lễ hội mùa xuân tưng bừng, náo nhiệt.

Giá trị nghệ thuật: sử dụng nhiều hình ảnh đắt giá, sáng tạo; nhiều từ láy miêu tả cảnh vật và cũng là tâm trạng con người; bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình.

Câu 3: Giải nghĩa từ ngữ:

Gợi ý

- **Thanh minh**: tiết vào đầu tháng ba, mùa xuân khí trời mát mẻ, trong trẻo, người ta đi tảo mộ, tức là đi viếng và sửa sang lại phần mộ người thân.

- **Đạp thanh**: dẫm lên cỏ xanh.

- **Tài tử giai nhân**: trai tài, gái sắc.

- **áo quần như nêm**: nói người đi lại đông đúc, chật như nêm.

Câu 4: Thành công trong nghệ thuật miêu tả thiên nhiên:**Gợi ý**

a. Bốn câu thơ đầu: Tác giả miêu tả cảnh vật với vẻ đẹp riêng của mùa xuân.

- Hai câu đầu là hình ảnh khái quát về một ngày xuân tươi đẹp với hình ảnh cánh én chao liệng trên bầu trời thanh bình tràn ngập ánh xuân tươi tắn trong sáng. Đồng thời, nhà thơ cũng ngỡ ý ngày xuân qua nhanh quá nhưng “con én đưa thoi”, chín mươi ngày xuân mà nay “đã ngoài sáu mươi”.

- **Hai câu thơ tiếp theo** mới thực là bức tranh tuyệt mỹ: “Cỏ non xanh tận chân trời - Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”. Đây chỉ là chân dung của cảnh ngày xuân, chỉ giản đơn có cỏ xanh, hoa trắng mà đủ cảnh, đủ màu, làm hiện lên cả một không gian mùa xuân kháng đạt. ở đây, Nguyễn Du học tập hai câu thơ cổ Trung Quốc: “**Phương thảo liên thiên bích - Lê chi sổ điểm hoa**”, nhưng khi đưa vào bài thơ của mình, tác giả đã rất sáng tạo. Câu thơ Trung Quốc dùng hình ảnh “cỏ thơm” (phương thảo) thiên về mùi vị thì Nguyễn Du thay bằng “cỏ xanh” thiên về màu sắc. Đó là màu xanh nhạt pha với vàng chanh tươi tắn hợp với màu lam trong snág của nền trời buổi chiều xuân làm thành gam nền cho bức tranh, trên đó điểm xuyết những đốm trắng hoa lê. Bức tranh dung hoà những sắc độ lạnh mà bên trong vẫn rạo rức sức sống tươi mới của mùa xuân. Chữ “trắng” đảo lên trước tạo bất ngờ sự mới mẻ, tinh khôi, thanh khiết như kết tinh những tinh hoa của trời đất. Chữ “điểm” gợi bàn tay người hoạ sĩ vẽ nên thơ nên hoa, bàn tay tạo hoá tô điểm cho cảnh xuân tươi, làm bức tranh trở nên có hồn, sống động.

- Hai câu thơ tả cảnh thiên nhiên của Nguyễn Du quả là tuyệt bút! Ngòi bút của Nguyễn Du tài hoa, giàu chất tạo hình ngôn ngữ biểu cảm, gợi tả. Tác giả đã rất thành công trong bút pháp nghệ thuật kết hợp giữa tả và gợi. Qua đó, ta thấy tâm hồn con người tươi vui, phấn chấn qua cái nhìn thiên nhiên trong trẻo, tươi tắn, hồn nhiên, nhạy cảm tha thiết với vẻ đẹp thiên nhiên.

b. Sáu câu thơ cuối: gợi tả khung cảnh chị em Thuý Kiều du xuân trở về.

- Cảnh vẫn mang cái thanh, cái diu của mùa xuân: nắng nhạt, khe nước nhỏ, một nhịp cầu bắc ngang nhưng đã nhuộm màu tâm trạng.

- Bóng tịch dương đã chênh chếch xế chiều: “*Tà tà bóng ngả về tây*”, dòng nước uốn quanh. Nhưng đây không chỉ là hoàng hôn của cảnh vật mà dường như con người cũng chìm trong một cảm giác băng khuâng khó tả. Cuộc du ngoạn xuân cảnh đã tàn, lễ hội tung bừng, náo nhiệt đã chấm dứt, tâm hồn con người như cũng chuyển điều cùng cảnh vật, bước chân người thơ thẩn. Cảnh như nhạt dần, lững lờ, mọi chuyển động đều nhẹ nhàng, không gian mang dáng dấp nhỏ nhoi, bé hẹp, phẳng phất buồn. Tâm trạng con người có cái băng khuâng xao xuyến về cuộc du xuân đã tàn, có cả linh cảm về việc gặp gỡ năm mộ Đạm Tiên và chàng thư sinh Kim Trọng “phong tư tài mạo tót vời”.

- **Nghệ thuật:** sử dụng hiều từ láy như ***nao nao, tà tà, thanh thanh*** không chỉ biểu đạt sức thái cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người, đặc biệt hai chữ “nao nao” thoáng gợi nên một nét buồn khó hiểu. Hai chữ “thơ thẩn” có sức gợi rất lớn, chị em Kiều ra về trong sự bần thần, nuối tiếc, lững lờ. “*Dan tay*” tưởng là vui nhưng thực ra là chia sẻ cái buồn không nói hết. Cảm giá băng khuâng xao xuyến về một ngày vui xuân đã hé mở một vẻ đẹp tâm hồn thiếu nữ tha thiết với niềm vui cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng. Chính các từ này đã nhuộm màu tâm trạng lên cảnh vật.

Đoạn thơ còn hay bởi đã sử dụng bút pháp cổ điển: tả cảnh gắn với tả tình, tả cảnh ngụ tình, tình và cảnh tương hợp.

Tóm lại:

- Đoạn 4 câu đầu và 6 câu cuối bài “**Cảnh ngày xuân**”, Nguyễn Du đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên mùa xuân thật đẹp. Nhà thơ điểm vài chi tiết, tả cảnh để gợi là chính.

- Từ ngữ hình ảnh giàu chất tạo hình.
- Thiên nhiên được miêu tả trong những thời gian, thời điểm khác nhau.

Câu 5: Cảm nhận về khung cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh (8 câu giữa)

Gợi ý

- Nguyễn Du đã rất tài tình khi tách hai từ Lễ hội ra làm đôi để gợi tả hai hoạt động diễn ra cùng một lúc: Lễ tảo mộ, Hội đạp thanh.

- Không khí lễ hội được gợi tả từ một hệ thống từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm:

+ Đoạn thơ sử dụng nhiều tính từ (nô nức, gần xa, ngồn ngang) làm rõ hơn tâm trạng người đi hội.

+ Nhiều danh từ ghép (yến anh, tài tử, giai nhân, chị em, ngựa xe, áo quần) gợi tả sự đông vui tấp nập.

+ Và nhiều động từ (**sấm sưa, dập dìu**) gợi được sự rộn ràng của ngày hội.

- Thông qua buổi du xuân của chị em Thuý Kiều, tác giả khắc học hình ảnh một truyền thống văn hoá lễ hội xa xưa. Cụm từ “**nô nức yến anh**” là một **tả** gợi lên hình ảnh từng đoàn nam thanh, nữ tú nô nức đi chơi xuân như những đàn chim én, chim oanh bay ríu rít. Trong lễ hội mùa xuân náo nhiệt nổi bật những nam thanh nữ tú, những “tài tử giai nhân” tay trong tay dạo chơi, niềm vui lễ hội như bao trùm cả nhân gian. Những so sánh rất giản dị “*ngựa xe như nước, áo quần như nêm*” gợi tả sự đông vui.

- “**Lễ là tảo mộ**” - lễ thăm viếng, sửa sang, quét tước phần mộ người thân; đốt vàng vó, sắc tiền giả để tưởng nhớ những người đã khuất. “**Hội là đạp thanh**” - vui

chơi chốn đồng quê, đạp lên những thảm cỏ xanh, là một cuộc sống hiện tại và có thể tìm đến những sợi tơ hồng của mai sau. “Lễ” là hồi ức và tưởng niệm quá khứ theo truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “hội” là khát khao và hoài vọng nhìn về phía trước của cuộc đời. Lễ và hội trong tiết Thanh minh là một sự giao hoà độc đáo. Chứng tỏ nhà thơ rất yêu quý, trân trọng vẻ đẹp và giá trị truyền thống văn hoá dân tộc.

Câu 6:

Ngày xuân con én đưa thoi

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa .

a, Hình ảnh con én đưa thoi trong đoạn thơ có thể hiểu là như thế nào ?

b, Trong một bài thơ đã học ở lớp 9 , hình ảnh thoi cũng dùng để tả một loài vật, em hãy nhớ và chép lại câu thơ đó (ghi rõ tên bài thơ và tác giả). Nghĩa chung của hình ảnh thoi trong câu thơ đó là gì?

c, Hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu (có dùng lời dẫn trực tiếp và một câu ghép). Nội dung trình bày cảm nhận của em về cảnh mùa xuân trong đoạn thơ.

Gợi ý:

1 a. Hình ảnh con én đưa thoi có thể hiểu theo hai cách:

-Trên bầu trời mùa xuân rất nhiều chim én chao liệng như thoi đưa

- hình ảnh này còn là một ẩn dụ ý nói thời gian trôi đi rất nhanh như những cánh én vụt bay trên bầu trời. Mùa xuân có chín mươi ngày thì đã sáu mươi ngày trôi qua.

b, Một bài thơ trong chương trình lớp chín có hình ảnh thoi để tả loài vật là “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận:

Cá thu biển đông như đoàn thoi

Đêm ngày dẹt biển muôn luồng sáng

Nghĩa chung của hình ảnh thoi trong hai câu thơ của Nguyễn Du và Huy Cận là rất nhiều, tập nập.

c, Bốn câu thơ đầu Ndu đã vẽ lên khung cảnh tuyệt tác của mùa xuân. Trên bầu trời từng đàn chim én chao lượn

- Giờ đây tiết trời đã bước sang tháng ba – tháng cuối cùng của mùa xuân. Câu thơ đọc lên nghe như có cảm giác tiếc nuối, những ngày xuân tươi đẹp đã trôi qua thật nhanh

-Khắp đất trời một màu cỏ xanh non tơ trải bạt ngàn vô tận , màu xanh của cỏ làm nền cho bức tranh xuân.

- Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng. Màu sắc có sự hài hoà tới mức tuyệt diệu. Tất cả đều gọi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ tinh khôi, giàu sức sống.

Câu 7: Tìm từ Hán Việt trong hai câu thơ:

“ Thanh minh trong tiết tháng ba

Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh” (Nguyễn Du- Truyện Kiều)

Giải nghĩa từ: “ Thanh minh, đạp thanh”

Gợi ý:

a) Từ Hán việt trong câu thơ: “ **Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, đạp thanh**”

b) Giải nghĩa hai từ:

- **Thanh minh**: một trong hai mươi bốn tiết của năm, tiết này thường vào khoảng tháng hai hoặc tháng ba âm lịch, người ta đi tảo mộ, tức là đi viếng mộ và sửa sang lại phần mộ của người thân.
- **Đạp thanh**: gẫm lên cỏ xanh

Câu 8: Nghệ thuật miêu tả vẻ đẹp Thúy Kiều của Nguyễn Du qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”

“Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc

Sắc tài sao mà lắm chuân chuyên”

Gợi ý:

a) Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích, sơ lược nội dung đoạn trích.
- Nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du vừa mang nét truyền thống vừa mang những nét sáng tạo riêng. Thể hiện tình yêu thương con người đặc biệt là đối với phụ nữ.

b) Thân bài:

- Hình ảnh của chị em Thúy Kiều qua ngôn ngữ của Nguyễn Du
- Bốn câu đầu giới thiệu vẻ đẹp chung của chị em Thúy Kiều về vai vế, sắc đẹp và tính cách của hai người. Vẻ đẹp chung của chị em Thúy Kiều, qua ngòi bút sắc bén của Nguyễn Du

Đầu lòng hai ả Tố Nga

Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân

Mai cốt cách, tuyết tinh thần

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười .

- Bốn câu tiếp theo tiếp theo: Miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân. So sánh với những hình ảnh để làm nổi bật sắc đẹp của Thúy Vân. Lồng vào việc miêu tả hình dáng , nhà thơ đề cập đến tính cách “ Trang trọng”

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt, đoan trang

Mâ thua nước tóc, tuyết nhường màu da

- Miêu tả Thúy Kiều

+ Dựa vào Thúy Vân làm chuẩn, Thúy Vân “ sắc sảo mặn mà” thì Thúy Kiều “ càng sắc sảo mặn mà” hơn với

Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Một hai nghiêng nước nghiêng thành

+ Phép so sánh được vận dụng để làm tăng thêm sắc đẹp của Kiều . Mượn thơ của Lý Diên Niên “ **Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc**” để khẳng định thêm sắc đẹp ấy.

- Tính cách thì “ Sắc đành đòi một, tài đành học hai:

+ Tạo hóa đã phú cho nàng trí thông minh .đa tài, thơ, đàn, ca, vẽ, những thứ tài mà trong chế độ phong kiến ít có phụ nữ nào có nếu không bảo là điều cấm kị.

+ Nhà thơ còn báo trước cuộc đời bạc mệnh khi đề cập đến sở thích nhạc buồn của Nàng. Kiều trở thành nhân vật của thuyết: “ tài mệnh tương đối”

+ Tả qua thái độ ghen ghét , đố kị của thiên nhiên “ hoa ghen” “ liễu hờn”.

_ Bốn câu thơ cuối : Tính cách đạo đức , hoàn cảnh sống của hai nàng, nhân nhã, trang trọng.

Phong lưu rất mực hồng quần

Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê

Êm đềm trướng rủ màn che

Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

c) Kết bài:

- Nguyễn Du là người thầy của văn miêu tả con người

- Kính phục, học tập ở nhà thơ để giữ gìn sự trong sáng và cái hay của Tiếng việt.

Câu 9: Phân tích, so sánh cảnh mùa xuân trong câu thơ cổ Trung Quốc: “Phương thảo liên thiên bích – Lê chi sổ điểm hoa” (Cỏ thơm liền với trời xanh – Trên cành lê có mấy bông hoa) với cảnh mùa xuân trong câu thơ Kiều của Nguyễn Du: “Cỏ non xanh tận chân trời – Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”.

Gợi ý:

Với bút pháp gợi tả, câu thơ cổ Trung Quốc đã vẽ lên được vẻ đẹp riêng của mùa xuân, có hương vị, màu sắc, đường nét. Đó là hương thơm của cỏ non (phương

thảo). Đó là màu xanh mượt của cỏ tiếp nối với màu xanh ngọc của trời, cả chân trời, mặt đất đều “một màu xanh xanh” (liên thiên bích). Đó còn là đường nét của cảnh lê thanh nhẹ điểm vài bông hoa (sổ điểm hoa). Cảnh đẹp mà dường như tĩnh tại.

Hai câu thơ trong “Truyện Kiều”: “Cỏ non xanh tận chân trời – Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa” là bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân. Gam màu làm nền cho bức tranh xuân là thảm cỏ non trải rộng tới chân trời. Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng. Câu thơ cổ Trung Quốc chỉ nói cảnh lê điểm một vài bông hoa mà không nói tới màu sắc của hoa lê. Nguyễn Du chỉ thêm một chữ “trắng” cho cảnh lê mà bức tranh mùa xuân đã khác. Trong câu thơ của Nguyễn Du, chữ “trắng” trở thành điểm nhấn, làm nổi bật thần sắc của hoa lê. Mùa xuân của cỏ non và sắc trắng của hoa lê làm cho màu sắc có sự hài hòa tới mức tuyệt diệu. Tất cả đều gọi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống (cỏ non); khoáng đạt, trong trẻo (xanh tận chân trời); nhẹ nhàng, thanh khiết (trắng điểm một vài bông hoa)

Câu 10 *Tà tà bóng ngả về tây,*

Chị em thơ than dan tay ra về,

Bước dần theo ngọn tiểu khê,

Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.

Nao nao dòng nước uốn quanh,

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

(Nguyễn Du - Truyện Kiều)

1. Sáu câu thơ trên nằm ở phần nào trong tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du? Hãy nêu ngắn gọn nội dung của những câu thơ đó?

2. Chúng ta đều biết “nao nao ” là một từ láy diễn tả tâm trạng con người, vậy mà Nguyễn Du lại viết: “Nao nao dòng nước uốn quanh ” cách dùng từ như vậy mang lại ý nghĩa như thế nào cho câu thơ?

3. Trong “Truyện Kiều”, cách dùng từ tả tâm trạng người để tả cảnh vật không chỉ xuất hiện một lần. Hãy chép lại hai câu thơ liền nhau trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích ” có cách dùng từ như vậy.

4. Viết đoạn văn theo cách lập luận tổng - phân - hợp khoảng 15 câu diễn tả cảm nhận của em về khung cảnh thiên nhiên và tâm trạng con người trong sáu câu thơ trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu bị động và phép thế để liên kết câu(Gạch chân câu bị động và các từ ngữ làm phép thế).

Gợi ý:

1. Sáu câu thơ trên nằm ở phần thứ nhất của tác phẩm Truyện Kiều: “ Gặp gỡ và đính ước”. (0,5 đ)

- Đoạn thơ gợi tả khung cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về. (0 5 đ)

2. Phân tích để thấy rõ: Cảnh đã được nhân hóa một cách tự nhiên nên cảnh vật nhuốm màu tâm trạng con người. Cảm giác về một ngày vui đang còn mà đã linh cảm thấy một điều gì đó không bình thường sắp xuất hiện, như dự báo về cảnh và người sẽ gặp: - năm mô Đạm Tiên và chàng Kim Trọng. (1 đ)

3. (0,5 đ) Hai câu thơ có cách dùng từ như vậy trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích:

Buôn trông ngọn nước mới sa,

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

4. Đoạn văn(3,5 đ)

Nội dung: (2,5 đ)

Đoạn văn cần làm rõ cảnh chị em Kiều du xuân trở về

- Cảnh chuyển động nhẹ nhàng, thanh dịu của mùa xuân.
- Không khí rộn ràng không còn nữa mà đang nhạt dần lặng dần.
- Cảnh được cảm nhận qua tâm trạng: xao xuyến, băng khuâng, man mác một nỗi buồn vô cớ.

Hình thức: (1 đ) Không mắc lỗi chính tả, không mắc lỗi diễn đạt.

- Viết đoạn văn theo cách lập luận tổng - phân - hợp (0 25 đ)
- Độ dài khoảng 15 câu (0,25 đ)
- Câu bị động gạch chân (0,25 đ)
- Phép thế gạch chân (0,25 đ)

CHUYÊN ĐỀ 5: KIỀU Ở LẦU NGŨNG BÍCH

-NGUYỄN DU-

Câu 1: Trong tác phẩm *Truyện Kiều*, Nguyễn Du viết:

Trông người dưới nguyệt chén đồng,

Tin sương luống những rày trông mai chờ.

a. Chép chính xác 6 câu thơ tiếp theo hai câu thơ trên.

b. Những câu thơ vừa chép nằm trong đoạn trích nào của Truyện Kiều? Nêu ngắn gọn giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích đó.

c. Em hiểu từ “chén đồng” trong đoạn thơ trên như thế nào?

Gợi ý:

a. Chép tiếp 6 câu thơ (1,0 điểm):

Bên trời góc bể bơ vơ,

Tám son gột rửa bao giờ cho phai.

Xót người tựa cửa hôm mai,

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?

Sân Lai cách mấy nắng mưa,

Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

b. - Những câu thơ trên nằm trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”. (0,5 điểm).

- Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:

+ Về nội dung (0,5 điểm):

Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thuý Kiều.

+ Về nghệ thuật (0,5 điểm):

Nghệ thuật khắc hoạ nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

c. Chén đồng: Chén rượu thề nguyên cùng lòng cùng dạ (đồng tâm) với nhau.

Câu 2: Cho đoạn thơ sau:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tám son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

(Ngữ văn 9, tập I, NXB Giáo Dục, 2010)

- 1. Đoạn thơ trên nằm trong tác phẩm nào? Của ai?**
- 2. Tìm hai điển cố trong đoạn thơ trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của cách sử dụng điển cố đó?**
- 3. Trong đoạn trích, khi nói đến nỗi nhớ của Kiều hướng tới Kim Trọng, Nguyễn Du đã sử dụng từ tượng; còn khi nói tới nỗi nhớ của Kiều dành cho mẹ cha, tác giả lại dùng từ xót. Hãy phân tích ngắn gọn sự đặc sắc, tinh tế trong cách dùng từ ngữ đó.**
- 4. Viết một đoạn văn khoảng 15 câu theo phép lập luận quy nạp nêu cảm nhận của em về những phẩm chất của Kiều được thể hiện ở đoạn trích trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu bị động và một phép thế để liên kết (gạch dưới câu bị động và từ ngữ sử dụng trong phép thế).**

Gợi ý:

1.

- Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm “Truyện Kiều” của Nguyễn Du

- Vị trí đoạn trích: nằm ở phần 2: Gia biến và lưu lạc

2.

- Tìm được hai điển cố: *Sân Lai, gốc tử*

- Hiệu quả:

+ Bộc lộ được lòng hiếu thảo của Kiều với mẹ cha; ngầm so sánh Kiều với những tấm gương chí hiếu xưa.

+ Khiến lời thơ trở nên trang trọng, thiêng liêng hơn, phù hợp với việc ca ngợi tình cảm hiếu thảo hiếm có của Kiều.

3.

- Từ *tưởng* trong câu thơ *Tưởng người dưới nguyệt chén đồng* nghĩa là: nhớ về, hồi tưởng lại, mơ tới. Từ này bộc lộ chính xác nỗi nhớ Kim Trọng của Kiều. Nỗi nhớ của một tình yêu đắm say trong sáng gắn với những kỉ niệm ngọt ngào.

- Từ *xót* trong câu thơ *Xót người tựa cửa hôm mai* nghĩa là yêu thương thâm thía, xót xa. Từ này đã bộc lộ rõ lòng tình yêu thương, lòng hiếu thảo hết mực của nàng với cha mẹ trong hoàn cảnh phải cách xa, li biệt.

-> Cách sử dụng từ ngữ hết sức chuẩn xác và tinh tế.

4.

*Đoạn văn quy nạp

*Nội dung: Đảm bảo các ý chính nêu cảm nhận về những phẩm chất của Kiều được thể hiện ở đoạn trích

- Lòng thủy chung, tình yêu mãnh liệt

+ Nhớ Kim Trọng da diết

+ Xót xa khi nghĩ đến cảnh Kim Trọng ngày đêm ngóng chờ mình

+ Khẳng định tình yêu của mình với Kim Trọng không bao giờ phai nhạt.

- Lòng hiếu thảo hết mực với mẹ cha:

+ Hiểu rõ tấm lòng đau đớn, nhớ nhung con của cha mẹ, vì thế mà càng xót xa hơn khi nghĩ đến cảnh cha mẹ vì mình mà vô vô ngóng trông

+ Lo lắng vì mình không thể ở gần để ngày đêm phụng dưỡng song thân.

+ Xót xa nghĩ tới cảnh cha mẹ mỗi ngày một già yếu mà mình thì vẫn ở “bên trời góc bể”

- Lòng vị tha hết mực:

+ Trong cảnh ngộ bị lưu lạc, đọa đầy trong chốn lâu xanh, nàng vẫn luôn nghĩ và lo lắng cho người thân hơn cả lo nghĩ cho mình

+ Nàng luôn tự trách, tự nhận lỗi về mình trong mọi việc.

* Viết đúng câu bị động (gạch dưới)

* Sử dụng đúng phép thế để liên kết (gạch dưới)

Lưu ý: Nếu đoạn văn quá dài hoặc quá ngắn trừ 0.5 điểm. Đặc biệt nếu không viết đúng hình thức đoạn văn không chấm quá 0.5

Câu 3:

Nhận xét về đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (“Truyện Kiều” - Nguyễn Du) có ý kiến cho rằng: “Ngòi bút của Nguyễn Du hết sức tinh tế khi tả cảnh cũng như khi ngụ tình. Cảnh không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà còn là

bức tranh tâm trạng. Mỗi biểu hiện của cảnh phù hợp với từng trạng thái của tình”

Bằng tám câu thơ cuối của đoạn trích, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

Gợi ý:

* Yêu cầu: Vận dụng kiến thức đã học từ đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” và kiến thức nghị luận một tác phẩm tự sự kết hợp với trữ tình để làm rõ bút pháp tả cảnh ngụ tình tinh tế của Nguyễn Du trong tám câu thơ cuối của đoạn trích.

a) Mở bài: (0.5 điểm)

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Du, “Truyện Kiều” và đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”

- Trích dẫn nhận định.

* Cách cho điểm: Đủ hai ý trên cho 0.5 điểm, thiếu ý nào trừ điểm ý đó.

b) Thân bài: (7 điểm)

+ Khái quát (0.5 điểm)

- Giải thích được nội dung nhận định. Đó là bút pháp tả cảnh, ngụ tình của tác giả Nguyễn Du. Giới thiệu đôi nét về nghệ thuật này trong “Truyện Kiều”.

- Tám câu cuối: Qua bút pháp trên, tác giả làm nổi bật bức tranh tâm trạng của Thuý Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

+ Phân tích: (5.5 điểm)

- Tóm tắt: Gia đình bị vu oan, bị lừa, bị làm nhục và bị đẩy vào lầu xanh, Kiều rút dao tự vẫn nhưng không chết. Tú Bà đưa Kiều ra giam lỏng ở lầu Ngưng

Bích để thực hiện một âm mưu mới. Với tâm trạng bẽ bàng, Kiều nhớ tới người yêu, nhớ cha mẹ và quay lại tự đối thoại với lòng mình. Nguyễn Du đã chọn cách biểu hiện “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”. Mỗi cảnh vật đều làm rõ một nét tâm trạng của Kiều.

- Một không gian mênh mông cửa bể chiều hôm gợi nỗi buồn mênh mông như trời biển. Hình ảnh con thuyền và cánh buồm thấp thoáng, biến mất trong hoàng hôn biển gợi nỗi cô đơn, lạc lõng bơ vơ, gọi hành trình lưu lạc. Cảnh tha hương gợi nỗi nhớ gia đình, quê hương và khát khao sum họp đến nao lòng.

- Nhìn cảnh hoa trôi man mác trên ngọn nước mới sa, Kiều buồn và liên tưởng tới thân phận mình cũng như cánh hoa lìa cội, lìa cành bị ném vào dòng đời đục ngầu thác lũ. Hình ảnh “hoa trôi” gợi kiếp người trôi nổi, bấp bênh, lênh đênh, vô định và một tâm trạng lo lắng sợ hãi cho tương lai vô định của mình.

- Nhìn cảnh nội cỏ nhạt nhòa, mênh mông “rầu rầu”: màu của sự úa tàn, thê lương ảm đạm (giống màu cỏ ở năm mộ Đạm Tiên, khác màu cỏ trong tiết thanh minh), Kiều có tâm trạng mệt mỏi chán chường, tuyệt vọng và cuộc sống vô vị, tẻ nhạt, cô quạnh với một tương lai mờ mịt, hãi hùng.

- Khép lại đoạn thơ là những âm thanh dữ dội “gió cuốn, sóng kêu” như báo trước những dông tố của cuộc đời sắp ập xuống cuộc đời Kiều. Nàng hốt hoảng, kinh hoàng - chới với như sắp bị rơi xuống vực thẳm sâu của định mệnh.

+ Đánh giá: (1 điểm)

- Ngòi bút của Nguyễn Du hết sức tinh tế khi tả cảnh cũng như khi ngụ tình. Mỗi cảnh thiên nhiên trong đoạn đã diễn tả một sắc thái tình cảm khác nhau của Kiều.

- Một loạt các từ láy, các hình ảnh ẩn dụ, các câu hỏi tu từ, điệp ngữ “buồn trông” đã góp phần thể hiện rõ tâm trạng Thuý Kiều. Cảnh và tình uốn lượn song song. Ngoại cảnh cũng chính là tâm cảnh.

- So sánh: Thiên nhiên trong “Truyện Kiều” với thiên nhiên trong thơ các nhà thơ khác (như Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến).

- Đằng sau sự thành công của bút pháp tả cảnh ngụ tình ấy là một trái tim yêu thương vô hạn với con người, là sự đồng cảm, sẻ chia xót thương cho một kiếp hồng nhan bạc mệnh và ngậm tố cáo xã hội bất công đã chà đạp lên quyền sống và nhân phẩm con người.

c) Kết bài: (0.5đ điểm)

- Khái quát lại nhận định và khẳng định sự thành công của tác giả trong bút pháp tả cảnh, ngụ tình đặc biệt là tám câu cuối của đoạn “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.

- Suy nghĩ của bản thân ...

Câu 4: Kiều ở lầu Ngưng Bích là một trong những đoạn miêu tả nội tâm nhân vật thành công nhất trong Truyện Kiều, đặc biệt là bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình.

- ***Thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình?***

- ***Hãy chọn và phân tích một câu thơ (hoặc một đoạn thơ) trong đoạn trích để***

làm nổi bật bút pháp nghệ thuật này dưới ngòi bút Nguyễn Du.

Gợi ý:

Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là mượn cảnh vật để gửi gắm tâm trạng. Cảnh không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà còn là bức tranh tâm trạng. Cảnh là phương tiện miêu tả, tâm trạng là mục đích miêu tả. **(0,5 đ)**

-- H/s chọn và phân tích một câu thơ (hoặc một đoạn thơ) trong đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* để làm nổi bật bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

Yêu cầu:

+ Chọn hợp lí (Câu thơ hay đoạn thơ phải sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, phải truyền tải 1 nội dung tương đối trọn vẹn). **(0,5 đ)**

+ Phân tích được những đặc sắc của bút pháp tả cảnh ngụ tình trong câu (đoạn) thơ đã chọn. **(1,0 đ)**

Câu 5: Trong cảnh ngộ của mình khi ở lầu Ngưng Bích, Kiều đã nhớ tới ai? Nàng nhớ ai trước, ai sau? Trình tự như thế có hợp lí không, vì sao?

Gợi ý:

- Trong cảnh ngộ của mình khi ở lầu Ngưng Bích Kiều đã nhớ tới Kim Trọng và cha mẹ. Nàng nhớ Kim Trọng trước khi nhớ cha mẹ.

- Là người con có hiếu, lễ ra ở nơi xa xôi, đãi khách quê người, nhớ tới người thân, trước hết Kiều phải nhớ đến cha mẹ. Nhưng Kiều đã đặt nổi nhớ Kim Trọng lên trước nổi nhớ cha mẹ. Thoạt đọc thì thấy không hợp lí, nhưng đặt trong cảnh ngộ Kiều lúc đó thì lại rất hợp lí. Bởi:

+ Trong cơn gia biến, Kiều đã hi sinh mọi tình đầu đẹp để để cứu gia đình, Kiều đã phần nào “đền ơn sinh thành” cho cha mẹ.

+ Với Kim Trọng, Kiều luôn canh cánh bên mình vì cảm thấy đã phụ tình chàng và có lỗi với chàng khi không giữ được lời hẹn ước. Nỗi đau ấy cứ vò xé tâm can Kiều khiến Kiều luôn nghĩ đến Kim Trọng.

- Nguyễn Du đã miêu tả khách quan tâm trạng nhớ thương của Thúy Kiều vượt qua những định kiến của tư tưởng phong kiến: đặt chữ tình trước chữ hiếu. Qua đó, thể hiện rõ sự tinh tế trong ngòi bút của Nguyễn Du, đồng thời cũng cho ta thấy rõ sự cảm thông đối với nhân vật của tác giả.

PHẦN 2: VĂN HỌC HIỆN ĐẠI

CHUYÊN ĐỀ 1: ĐỒNG CHÍ

– CHÍNH HỮU–

Câu 1: *Giả sử em phải làm bài văn phân tích bài thơ “Đồng chí”, em hãy xét xem phần thân bài của bài làm dưới đây có phù hợp hay không? Vì sao? Nếu thấy dàn ý chưa đúng em hãy sửa lại cho hợp lý.*

Ý 1: *Phân tích 7 câu thơ đầu.*

Ý 2: *Bài thơ nói lên tình đồng chí gắn kết những người chiến sĩ trong một cuộc chiến đấu đầy gian khổ.*

Ý 3: *Bài thơ còn nêu lên một hình ảnh rất đẹp vào một đêm chờ giặc giữa rừng trong đêm trăng lạnh.*

Gợi ý

Nhận xét dàn ý: Dàn ý trên chưa phù hợp với phần thân bài vì: Dàn ý không chia theo một căn cứ nhất định:

+Mục a chia theo bố cục, mục b, c chia theo nội dung.

+Mục b chưa phân tích rõ và sâu ý nghĩa cao đẹp của tình đồng chí trong 10 câu thơ.

+Mục c lạc ý, mang nặng tả cảnh, chưa xoay quanh vấn đề về tình đồng chí.

Sửa lại dàn ý:

a. Bảy câu đầu: Nói về cơ sở của tình đồng chí

b. Mười câu tiếp theo: Biểu hiện của tình đồng chí

c. Ba câu cuối cùng: Biểu tượng vô cùng đẹp đẽ của tình đồng chí

Câu 2: Dòng thơ thứ 7 trong bài thơ có gì đặc biệt? Mạch cảm xúc và suy nghĩ trong bài thơ được triển khai như thế nào trước và sau dòng thơ đó? Xét theo cấu tạo ngữ pháp câu thơ thứ 7 thuộc kiểu câu nào?

Ý 1: Dòng thơ thứ bảy trong bài thơ “*Đồng chí*” là một điểm sáng tạo, một nét độc đáo qua ngòi bút của Chính Hữu. Dòng thơ được tác riêng độc lập, là một câu đặc biệt gồm từ hai âm tiết đi cùng dấu chấm than, ngân vang như tiếng gọi tha thiết, tạo một nút nhấn, lắng lại. Hai tiếng “*Đồng chí*” thật giản dị, đẹp đẽ, là điểm hội tụ, là nơi kết tinh bao tình cảm đẹp: tình giai cấp, tình bạn, tình người trong chiến tranh.

Ý 2: Dòng thơ thứ bảy có ý nghĩa như một bản lề gắn kết cơ sở của tình đồng chí và biểu hiện của tình đồng chí, là điểm nhấn, là mạch cảm xúc chung cho toàn bài. Có thể nói, hai tiếng “*Đồng chí*” vang lên thật giản dị và mang ý nghĩa vô cùng thiêng liêng trong thơ ca kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ý 3: Xét theo cấu tạo ngữ pháp câu thơ thứ 7 thuộc câu đặc biệt

Câu 3: Có ý kiến cho rằng các chiến sĩ đã “mặc kệ” sự sống còn của gia đình mà ra đi, không quan tâm tới sự đổ nát của căn nhà, của những người ở quê khi họ là những người trụ cột? Theo em ý kiến đó có chính xác hay không? Từ “mặc kệ” trong hoàn cảnh này là gì?

Theo em ý kiến trên là hoàn toàn không chính xác bởi vì:

-Từ “mặc kệ” chính là nói về sự dứt khoát, mạnh mẽ ra đi tìm đường cứu nước của các chiến sĩ, họ sẵn sàng vì tiếng gọi của Tổ Quốc mà tham gia vào chiến trận, hi sinh bản thân.

- Từ “mặc kệ” còn là nói về sự quyết tâm của các chiến sĩ khi đặt trách nhiệm của đất nước lên trên trách nhiệm của gia đình. Bởi vậy họ chính là những người có tấm lòng yêu nước vô cùng, mang theo lí tưởng, trách nhiệm vì sự nghiệp của đất nước.

Câu 4: Đọc 3 câu thơ sau em liên tưởng đến những câu ca dao nào? Cơ sở nào khiến em liên tưởng tới những câu ca dao đó.

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

Gợi ý

Đọc 3 câu thơ trên em liên tưởng tới những câu ca dao sau

Anh đi anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương

Nhớ ai dãi nắng dầm sương

Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao

Cơ sở khiến em liên tưởng tới những bài này là: ruộng nương, giếng nước, gốc đa: những hình ảnh luôn gợi nhớ về quê hương.

Câu 4: Cho đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi hai người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên sung đầu sát bên đầu

Đêm rét chăn chung thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

a, Trong những câu thơ trên có một từ bị chép sai. Đó là từ nào? Hãy chép lại chính xác câu thơ đó. Việc chép sai từ như vậy ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ như thế nào?

b, Câu thứ sáu trong đoạn thơ trên có từ “tri kỷ”. Một bài thơ đã học trong: chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có câu thơ dùng từ “tri kỷ”. Đó là câu thơ nào? Thuộc bài nào?

Về ý nghĩa từ “tri kỷ” trong hai câu thơ đó có điểm gì giống, khác nhau?

Gợi ý

a- Trong đoạn thơ có từ bị chép sai là “hai”

Chép lại: “Anh với tôi đôi người xa lạ”

- Chép sai như vậy sẽ ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ và dụng ý nghệ thuật của tác giả: Từ “hai” là chỉ số lượng, có sự tách biệt còn từ “đôi” là danh từ chỉ đơn vị chỉ sự gắn kết không tách rời. Đây chính là sự gần gũi, quen thuộc trong cái xa lạ, một trong những yếu tố tạo nên cơ sở của tình đồng đội, đồng chí

b - Câu thơ trong bài “Ánh trăng: của Nguyễn Duy cũng có từ “tri kỉ”:

“hồi chiến tranh ở rừng

vầng trăng thành tri kỉ”

- Từ “tri kỉ” trong hai câu thơ cùng có nghĩa chỉ đôi bạn thân thiết, hiểu nhau. Nhưng trong mỗi trường hợp cụ thể, nét nghĩa có khác: ở câu thơ của Chính Hữu, “tri kỉ” chỉ tình bạn giữa người với người. Còn ở câu thơ của Nguyễn Duy, “tri kỉ” lại chỉ tình bạn giữa trăng với người.

Câu 5: Phân tích hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí”

- Bài thơ về tình đồng chí đã cho ta thấy vẻ đẹp bình dị mà cao cả của người lính cách mạng, cụ thể ở đây là anh bộ đội hồi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Hoàn cảnh xuất thân: họ là những người nông dân nghèo ra đi từ hai miền đất xa nhau: “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”.

- Họ ra đi vì nghĩa lớn (hai chữ “mặc kệ” nói được cái dứt khoát, mạnh mẽ... mặc dù vẫn luôn lưu luyến với quê hương “giếng nước gốc đa...”).

- Họ đã trải qua những gian lao, thiếu thốn tột cùng, những cơn sốt rét run người, trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá => Những gian khổ càng

làm nổi bật vẻ đẹp của anh bộ đội: sáng lên nụ cười của người lính (miệng cười buốt giá).

+ Đẹp nhất ở họ là tình đồng chí đồng đội sâu sắc, thấm thiết.

+ Kết tinh hình ảnh người lính và tình đồng chí của họ là bức tranh đặc sắc trong đoạn cuối của bài thơ.

Câu 6: Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là “Đồng chí”?

Đó là tên một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến. Đó là cách xưng hô phổ biến của những người lính, công nhân, cán bộ từ sau Cách mạng. Đó là biểu tượng của tình cảm cách mạng, của con người cách mạng trong thời đại mới.

Câu 7: Nêu biện pháp nghệ thuật và tác dụng của khổ thơ sau

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chăn chung thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

Gợi ý

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

->Biện pháp: thành ngữ “nước mặn đồng chua và đất cày lên sỏi đá”

➔ ***Tác dụng:*** Hai hình ảnh “*nước mặn đồng chua*” và “*đất cày lên sỏi đá*” đều để chỉ những vùng đất rất xấu, rất khó khăn trong việc trồng trọt. Vì vậy, cuộc sống của những người nông dân cũng muôn phần nhọc nhằn, vất vả. Với cách nói quá ấy, tác giả đã nhấn mạnh cảnh ngộ xuất thân nghèo khó của những người lính và chính sự đồng cảnh ngộ ấy khiến họ xích lại gần nhau, dễ dàng tìm được tiếng nói chung.

Súng bên súng đầu sát bên đầu

➔ Cách nói hàm súc, giàu hình tượng vừa tả thực vừa mang ý nghĩa tượng trưng (tả thực tư thế chiến đấu của người lính khi có giặc, tượng trưng chung hành động chung lí tưởng)

****Biện pháp***

- Nghệ thuật hoán dụ (“súng” và “đầu”) súng biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu, “đầu” biểu tượng cho lí tưởng

- Điệp từ: “*Súng, bên, đầu*” tạo âm thanh khỏe , chắc, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lí tưởng,nhiệm vụ.

- Hình ảnh “*đầu sát bên đầu*” lại diễn tả sự đồng ý, đồng tâm, đồng lòng của hai con người đó

**** Tác dụng:*** Nhấn mạnh cơ sở hình thành tình đồng chí là họ cùng được giác ngộ nên có chung nhiệm vụ cùng nhau ra trận đánh giặc để bảo vệ đất nước, quê hương, giữ gìn nền độc lập, tự do, sự sống còn của dân tộc .

Câu 8: Khổ thơ đầu trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu gọi cho em nhớ tới bài thơ nào cũng viết về tình đồng chí đồng đội của người lính trong chương trình Ngữ văn 9 kì I. Chép lại câu thơ thể hiện cử chỉ thân thiện và tình cảm của những người lính cách mạng. Cho biết tên tác giả, tác phẩm?

- Câu thơ: “Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”
- Bài thơ về tiểu đội xe không kính- Phạm Tiến Duật

Câu 9: Phân tích giá trị nghệ thuật của hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hoá trong câu thơ “giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”?

Gợi ý:

-Hình ảnh “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” càng tô đậm sự gắn bó yêu thương của người lính đối với quê nhà.

-Hình ảnh ấy vừa được sử dụng như một phép hoán dụ (giếng nước gốc đa biểu hiện cho làng quê Việt Nam- quê hương của những người lính) vừa được sử dụng như một phép nhân hoá (giếng nước gốc đa biết nhớ nhung người ra lính). Nó giúp người lính diễn tả một cách hồn nhiên và tinh tế tâm hồn mình.

- Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính hay chính người ra lính không nguôi nhớ quê hương và đã tạo cho giếng nước gốc đa một tâm hồn? Quả thực giữa người chiến sĩ và quê hương anh đã có một mối giao cảm sâu sắc và đậm đà. Nếu không làm sao nhà thơ có thể hình dung ra được bấy nhiêu nỗi nhớ nhung lưu luyến, bấy nhiêu hình ảnh thân thương?

- Diễn tả nỗi niềm nhớ thương như thế, nhà thơ đã nói lên được 1 tình cảm bình dị hồn nhiên và rất thật của người chiến sĩ, đó là lòng yêu Tổ quốc.

Câu 10: Tìm và chỉ ra tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ sau:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

Gợi ý

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

-> **Biện pháp nhân hóa** từ “nhớ” và hoán dụ “giếng nước, gốc đa”

-> **Tác dụng:** Thể hiện nỗi nhớ song song hai chiều của người lính và quê hương và ngược lại. Giếng nước, gốc đa là những hình ảnh hoán dụ quen thuộc cho quê hương, gián tiếp thể hiện nỗi nhớ thầm kín của người lính và ngược lại

Đảo ngữ: gian nhà, ruộng nương

-> **Tác dụng:** Nhấn mạnh những thứ quan trọng nhất của người lính

-> **Liệt kê: áo, quần, chân, rách vai, mảnh vá, không giày**

-> **Tác dụng:** Liệt kê những khó khăn, thiếu thốn của người lính trong cuộc kháng chiến

Câu 11: Hình ảnh “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” thể hiện điều gì?

Trong chương trình THCS cũng có 1 hình ảnh tương tự như vậy đó là bài thơ nào? Tác giả là ai? Viết đúng chính xác câu thơ đó.

-Đây là một hình ảnh chân thực miêu tả tình đồng đội vô cùng sâu sắc. Những cử chỉ vô cùng ấm áp, tràn đầy yêu thương, cái nắm tay là nắm tay truyền cho nhau sức mạnh, hơi ấm, tình đoàn kết, động lực để có thể vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất mà những người lính đang phải đối diện khi tham gia cuộc kháng chiến.

-Hình ảnh tương tự: bài “bài thơ về tiểu đội xe không kính” của nhà thơ Phạm Tiến Duật với câu thơ “Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”

Câu 12: Tại sao ở hai câu thơ đầu từ “anh” và “tôi” được tách làm hai câu riêng biệt nhưng đến câu thơ thứ 3 “anh và tôi” lại đứng chung một câu?

-Ở hai câu thơ đầu từ “anh và tôi” được tách riêng ra làm hai câu để nêu lên hoàn cảnh, nguồn gốc của hai người lính ở hai vùng quê nghèo, khó khăn, vùng đất bị nhiễm phèn ngập mặn và vùng đất không màu mỡ, phù sa.

-Còn đến câu thứ 3 từ anh và tôi được đứng chung ở một dòng để thể hiện sự gắn kết gần gũi trong cái xa lạ, chưa bao giờ gặp mặt, anh em cùng chung chí hướng, lý tưởng, hoàn cảnh chiến đấu, hoàn cảnh xuất thân để trở thành những người đồng đội đồng chí sẵn sàng hi sinh bảo vệ nhau.

Câu 13: Nêu ý nghĩa của câu thơ “Đầu súng trăng treo”

-Đầu súng trăng treo là câu kết bài thơ “Đồng chí”, cũng là một biểu tượng đẹp về người chiến sĩ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp. Trong đêm phục kích giữa rừng, bên cạnh hình ảnh thực là súng, là nhiệm vụ chiến đấu tạo nên con người chiến sĩ thì cái mộng, cái trữ tình là trăng. Hình ảnh trăng tạo nên con người thi sĩ. Hình ảnh chiến sĩ, thi sĩ hài hòa với nhau trong cuộc đời người lính cách mạng. Hai hình ảnh đối lập đặt cạnh nhau tạo ra ý nghĩa vô cùng độc đáo. Súng là chiến tranh lạnh lùng, là gọi ra sự chết chóc, tàn phá, ghê sợ. Còn trăng là tượng trưng cho hòa bình, gọi lên sự thanh cao, hạnh phúc, thơ mộng, dịu dàng. Người lính cầm súng để bảo vệ hòa bình, khát khao hòa bình. Súng và trăng : cứng rắn và dịu hiền, chiến sĩ và thi sĩ, có người còn gọi đây là một cặp đồng chí.

-Chính Hữu đã thành công với hình ảnh “Đầu súng trăng treo” - một biểu tượng thơ giàu sức gợi cảm. Tác giả đã từng nói: "Trong chiến dịch nhiều đêm có trăng đi phục kích giặc trong đêm trước mắt tôi chỉ có ba nhân vật: Khẩu súng, vầng trăng và người bạn chiến đấu. Ba nhân vật quện với nhau tạo ra hình ảnh “đầu súng trăng treo”

→Đầu súng trắng treo, đã trở thành một biểu tượng đẹp của người lính cách mạng Việt Nam : Hiện thực và lãng mạn, chiến sĩ và thi sĩ.

Câu 14: Về câu thơ cuối của bài thơ, nhà thơ Chính Hữu kể rằng lúc đầu ông viết là “Đầu súng mảnh trắng treo”, sau đó bớt đi một chữ. Chữ nào trong câu thơ đã được bớt đi? Theo em, vì sao tác giả lại bớt đi như vậy?

-Chữ được bớt “mảnh”

- Tác giả bớt từ “mảnh” vì hình ảnh “Đầu súng trắng treo” vẫn được gọi là hình ảnh vầng trăng treo trên mũi súng. Khi bớt từ “mảnh” thì câu thơ trở nên gọn, chắc và giàu nhịp điệu. Bốn chữ này có nhịp điệu như nhịp lắc của một cái gì lơ lửng, chông chênh góp phần diễn tả sinh động hình ảnh vầng trăng treo lơ lửng trên mũi súng.

Câu 15: Tại sao trong câu thơ “Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới” tác giả lại sử dụng hai từ đồng nghĩa là cạnh và bên?

Việc sử dụng hai từ “cạnh” và “bên” là 1 dụng ý nghệ thuật của tác giả:

-Nhấn mạnh sự kề vai sát cánh của đồng đội trong giờ khắc thiêng liêng thời khắc trước trận đánh – sự sống còn mong manh.

-Làm cho âm hưởng câu thơ chắc, khỏe, kéo dài, làm cho người đọc cảm nhận được những giây phút bên nhau của những người đồng đội, đồng chí dài hơn, thiêng liêng hơn, gắn bó hơn, bỗng chốc cả không gian “rừng hoang sương muối” âm áp trong tình đồng đội, đồng chí.

Câu 16: Giải thích nghĩa từ “sương muối” và từ “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”

-Sương muối: sương giá đọng thành hạt nhỏ, trắng xóa như muối trên cây cỏ hay mặt đất. Ở miền Bắc nước ta về mùa đông, những ngày có sương muối trời rất rét.

-Nước mặn đồng chua: Vùng đất bị nhiễm mặn ở ven biển và vùng đất phèn có độ chua cao, là những vùng đất xấu khó trồng trọt.

-Đất cày lên sỏi đá: Vùng đất khô cằn, không có độ phì nhiêu, chỉ có sỏi đá là chủ yếu, vùng đất khó trồng trọt và canh tác.

Câu 17: Hãy tìm trong bài thơ những chi tiết, hình ảnh biểu hiện tình đồng chí, đồng đội làm nên sức mạnh tinh thần của những người lính cách mạng. Phân tích ý nghĩa, giá trị của những chi tiết, hình ảnh đó.

Những hình ảnh chân thực, lời thơ giản dị, cấu trúc sóng đôi : Anh - Tôi, áo anh - quần tôi . Trong các câu thơ tạo sự đối xứng giúp ta cảm nhận được sự tương đồng giữa "Anh" và "Tôi". Cuộc sống chiến đấu của người lính nơi chiến trường với bao thiếu thốn, khó khăn, gian khổ, hy sinh. Người lính trong những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đã phải chịu đựng những thiếu thốn tối thiểu nhất: thiếu thuốc khi đau ốm, thiếu vũ khí trang bị, thiếu lương thực, thực phẩm, quần áo. Họ đã vượt qua với một nghị lực phi thường và niềm lạc quan tươi trẻ.

“Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Câu thơ trực tiếp bộc lộ cảm xúc: Tình cảm gắn bó keo sơn, siết chặt tay, kề vai sát cánh bên nhau, chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ, cùng nhau vượt qua gian khó. Chỉ một cái bắt tay nhưng nồng ấm tình đồng chí, truyền cho nhau hơi ấm, động lực sự đoàn kết, ý chí nghị lực vượt qua tất cả khó khăn, thiếu thốn của cuộc kháng chiến.

Câu 18: Chỉ ra những cơ sở hình thành tình đồng chí

-Cùng chung nguồn gốc xuất thân: đều là những người nông dân đến từ những vùng quê nghèo, khó canh tác, khó phát triển (nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá)

-Cùng chung chí hướng, lý tưởng: Họ đều ra đi mang theo sứ mệnh của Tổ Quốc, trách nhiệm, trọng trách bảo vệ đất nước nên họ sẵn sàng hi sinh từ đó mà họ gặp nhau trở thành những người đồng đội, đồng chí (Súng bên súng đầu sát bên đầu)

-Cùng chung hoàn cảnh chiến đấu: Họ cùng trải qua những khó khăn của cuộc kháng chiến. Bởi vậy từ đó họ đã trở thành những tri kỷ, thấu hiểu được sự khắc nghiệt, thiếu thốn của cuộc chiến.

Câu 19: Trong bài thơ Đồng chí, Chính Hữu đã viết rất xúc động về người chiến sĩ thời kháng chiến chống Pháp:

(...) Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay. (...)

1. Từ Đồng chí nghĩa là gì? Theo em, vì sao tác giả lại đặt tên bài thơ của mình là Đồng chí?

2. Trong câu thơ Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính, nhà thơ đã sử dụng phép tu từ gì? Nêu rõ hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ ấy.

3. Dựa vào đoạn thơ trên, hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) theo cách lập luận tổng hợp – phân tích – tổng hợp trong đó có sử dụng phép thế và một phủ định để làm rõ sự đồng cảm, sẽ chia giữa những người đồng đội. (Gạch dưới câu phủ định và những từ ngữ dùng làm phép thế).

Gợi ý:

1. **Đồng chí** : người có cùng chí hướng, lí tưởng. Người cùng ở trong một đoàn thể chính trị hay một tổ chức cách mạng thường gọi nhau là “đồng chí”. Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, “đồng chí” trở thành từ xưng hô quen thuộc trong các cơ quan, đoàn thể, đơn vị bộ đội.

Bài thơ được đặt tên “Đồng chí” nhằm nhấn mạnh sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng – những người có cùng chung cảnh ngộ, lí tưởng chiến đấu, gắn bó keo sơn trong chiến đấu gian khổ thời chống Pháp. Tình đồng chí vừa là tình chiến đấu, vừa là tình thân. Cả hai đều là máu thịt, hữu cơ, nó là sinh mạng con người cảm sủng. Nó còn là lời nhắn gửi, lời kí thác của nhà thơ với người, với mình, nó là tiếng gọi sâu thẳm, thiêng liêng, nó là vật báu phải giữ gìn trân trọng.

2. Câu thơ “Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” có cách diễn tả tình cảm của con người một cách gián tiếp, kín đáo qua các sự vật trong những mô típ rất quen thuộc về làng quê của ca dao : “giếng nước gốc đa”. Câu thơ có biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hóa. Những biện pháp này đã góp phần thể hiện một cách sâu sắc tình cảm của quê hương, của người hậu phương đối với người bộ đội. Nó làm cho lời thơ vừa có sắc thái dân gian, vừa hiện đại.

3. Tình đồng chí cao đẹp đã mang lại sự đồng cảm, chia sẻ sâu sắc giữa những người đồng đội (1). Tuy xuất thân từ những làng quê cụ thể khác nhau nhưng những người chiến sĩ ấy đã có cùng một cảnh ngộ (2). Họ đã phải từ giã ruộng nương, làng mạc để bước chân vào quân ngũ (3). Họ để lại sau lưng những người thân với cuộc sống khó khăn, vất vả, với những tình cảm nhớ thương tha thiết (4). Bước chân vào cuộc chiến đấu trong giai đoạn đầu gian khổ, những người lính không có cả những trang phục bình thường, quen thuộc của một người bộ đội (5). Áo thì rách vai, quần thì có vài mảnh vá, chân thì không giày (6). Nhưng tinh thần của họ vẫn lạc quan : miệng cười buốt giá (7). Họ lại yêu thương, đoàn kết, gắn bó nhau trong hoàn cảnh thiếu thốn ấy : “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” (8). Tình đồng chí như một ngọn lửa nồng đã sưởi ấm tâm hồn, cuộc sống của những người vệ quốc quân Việt Nam (9). Chính tình đồng chí cao đẹp đó đã mang lại sức mạnh và làm nên chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Pháp (10).

(1) : Tổng hợp → nêu nội dung chính của cả đoạn.

Các câu từ câu (2) → câu (9) : Phân tích → nêu những biểu hiện của tình đồng chí: đồng cảm, sẻ chia.

Câu (10) : Tổng hợp → tổng kết và nâng cao, khẳng định giá trị của tình đồng chí.

CHUYÊN ĐỀ 2: BÀI THƠ VỀ TIẾU ĐỘI XE

KHÔNG KÍNH

– PHẠM TIẾN DUẬT–

Câu 1: Nêu hoàn cảnh sáng tác và ý nghĩa nhan đề của bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật

-Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được sáng tác năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra gay go ác liệt và nằm trong tập thơ “Vầng trăng và quầng lửa”

-Ý nghĩa nhan đề: Bài thơ có một nhan đề khá dài, tưởng như có chỗ thừa nhưng lại thu hút người đọc bởi sự khác lạ, độc đáo. Nhan đề bài thơ đã làm nổi bật rõ hình ảnh của toàn bài: những chiếc xe không kính. Đây là một phát hiện thú vị của tác giả, thể hiện sự gấn bó và am hiểu về hiện thực đời sống chiến tranh trên tuyến đường Trường Sơn. Hai chữ “bài thơ” nói lên cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả: ông không chỉ viết về những chiếc xe không kính, viết về hiện thực khốc liệt của chiến tranh, mà chủ yếu là Phạm Tiến Duật muốn khám phá chất thơ từ hiện thực ấy - chất thơ của tuổi trẻ Việt Nam dũng cảm, hiên ngang, vượt lên những thiếu thốn, gian khổ, khắc nghiệt của chiến tranh.

Câu 2: Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ? Những yếu tố đó góp phần như thế nào trong việc khắc họa hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn.

-Ngôn ngữ, giọng điệu bài thơ giàu tính khẩu ngữ tự nhiên. Chất giọng khí khái ngang tàng, bất chấp gian khổ, thể hiện trong các câu trúc lặp lại:

- Không có kính, ừ thì có bụi
- Không có kính, ừ thì ướt áo
- Không có kính, rồi xe không có đèn.

-Giọng thơ vui tươi, pha chút hóm hỉnh, thể hiện tinh thần lạc quan, bất chấp khó khăn của người lính, sự trẻ trung của những người lính lái xe.

Câu 3: Những hình ảnh chiếc xe không kính trong bài thơ có gì độc đáo và mới lạ?

Trong bài thơ nổi bật lên một hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính vẫn băng ra chiến trường.

- Xưa nay, những hình ảnh xe cộ, tàu thuyền nếu đưa vào thơ thì thường được “mĩ lệ hoá”, “lãng mạn hoá” đi rồi và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực (vd: chiếc xe tam mã trong thơ Pus-kin, con tàu trong “tiếng hát con tàu” của Chế Lan Viên, đoàn thuyền đánh cá trong bài thơ cùng tên của Huy Cận).

- Ở bài thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết rất thực. Đó là hình ảnh hoàn toàn có thực trong chiến tranh, thực đến trần trụi đã được tác giả nắm bắt đưa vào thơ và khai thác ở đó cả chất thơ và nhiều ý nghĩa. Hơn nữa, viết về những người lái xe thì không gì gắn họ với hình ảnh chiếc xe, qua xe mà làm nổi bật hình ảnh người lái xe. Bởi vậy, có thể nói khi tìm được hình ảnh chiếc xe không kính tác giả đã tìm được cấu tứ đặc sắc cho bài thơ của mình tạo thành một hình tượng thơ độc đáo của thời chiến tranh chống Mỹ.

Câu 4: Cho câu thơ sau

“Không có kính rồi xe không có đèn”

a. Chép tiếp câu thơ trên để hoàn chỉnh đoạn thơ gồm 4 dòng.

b. Cho biết, đoạn thơ vừa chép trong bài thơ nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

c. Từ “trái tim” trong câu thơ cuối cùng của đoạn vừa chép được dùng với nghĩa như thế nào?

Gợi ý:

a. Chép tiếp: Không có kính rồi xe không có đèn.

Không có mui xe thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

b. Đoạn thơ trên nằm trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Bài thơ được sáng tác 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra gay go ác liệt, trích trong tập “Vàng trắng quàng lửa”

c. Từ “*Trái tim*” trong câu thơ cuối cùng có thể hiểu theo hai nghĩa:

+Nghĩa đen: động cơ xe: dù chiếc xe bị chiến tranh tàn phá nhưng chỉ cần còn động cơ xe thì chiếc xe vẫn tiến về phía trước.

+Nghĩa chuyển: Chỉ người lính lái xe, chỉ sự nhiệt tình cứu nước, lòng yêu nước nồng nàn, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Họ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tổ quốc cho dù gặp phải sự khó khăn, tàn khốc của cuộc chiến. Cuộc chiến đấu ngày càng gian khổ, ác liệt (qua hình ảnh những chiếc xe ngày càng méo mó, biến dạng). Bất chấp gian khổ, hy sinh, những chiếc xe vẫn thẳng đường ra tiền tuyến. Những người lính lái xe quả cảm vững tay lái vì họ có một trái tim tràn đầy nhiệt tình cách mạng, tình yêu tổ quốc nồng nàn, ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam sắt đá.

Câu 5: *Cảm nhận của em về hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.*

Người lái xe trong bài thơ là những người chiến sĩ trẻ trung. Các anh rất trẻ trung, hồn nhiên, tâm hồn gần gũi với thiên nhiên. Khó khăn gian khổ các anh coi thường: ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo. Thái độ *“chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc, chưa cần thay, lái trăm cây số nữa”* là sự thách thức, coi thường khó khăn gian khổ. Những chiếc xe từ trong bom rơi, bị bom giạt, bom rung, nhưng người chiến sĩ vẫn ung dung. Các anh nhìn thẳng phía trước, vui vẻ bắt tay nhau. Xe hư hỏng không có kính, không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước, nhưng xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước. Tất cả vì tiền tuyến, vì mặt trận, đó là khẩu hiệu của họ. Và những chiếc xe mang đầy thương tích vẫn lăn bánh ra mặt trận. Có thể nói những người lái xe, người làm chủ phương tiện là yếu tố quyết định làm nên thắng lợi trên mặt trận vận tải và cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Câu 6:

a. Phân tích giá trị biểu cảm của từ “Chông chênh” trong câu thơ: “Võng mắc chông chênh đường xe chạy. Lại đi, lại đi trời xanh thêm”.

b. Em hiểu ntn về nghĩa của câu thơ: “Lại đi ...xanh thêm”

c. Chỉ với hai câu thơ trên, Phạm Tiến Duật đã cho ta hiểu về đẹp người lái xe Trường Sơn thời chống Mỹ. Hãy viết tiếp từ 7 đến 12 câu tạo đoạn văn diễn dịch hoàn chỉnh (trong đó có sử dụng phép nối và câu đơn mở rộng thành phần chủ ngữ).

Gợi ý:

a- “Chông chênh” là một từ láy giàu giá trị gợi tả, gợi cảm. Từ “chông chênh” gợi tả tư thế không thăng bằng, không chắc chắn, không vững chãi. Trong hoàn cảnh ra đời của bài thơ thì từ “chông chênh” gợi sự nguy hiểm. Đây là một nét vẽ hiện thực mà Phạm Tiến Duật tái hiện lại cuộc đời gian khổ của người lính lái xe

Trường Sơn. Trong hoàn cảnh chiến đấu hết sức gian khổ, họ phải ăn, phải ngủ những giấc ngủ ngắn trên xe hoặc trên dọc đường đi giữa làn mưa bom của kẻ thù nhằm huỷ diệt sự sống.

- Song từ “chông chênh” còn gợi tả phong thái hiên ngang của người lính. Bom đạn của kẻ thù tưởng như có thể dùng sức mạnh để huỷ diệt sự sống con người nhưng không! Hình ảnh những chiếc võng mắc “chông chênh” trên tuyến đường TS khói lửa ấy đã chứng minh điều ngược lại: sự sống không chỉ tồn tại mà còn tồn tại trong một tư thế kiêu hãnh, hiên ngang, tư thế của người chiến thắng.

b. Câu thơ vừa mang nghĩa tả thực, vừa mang nghĩa ẩn dụ:

- Nghĩa thực: Những chiếc xe đi trong rừng tán cây rậm rạp, không nhìn thấy bầu trời, nhưng đi mãi đến cửa rừng người lính lái xe có thể nhìn thấy bầu trời xanh ở trên đầu.

-Nghĩa ẩn dụ: Khẳng định những chiếc xe không kính sẽ vẫn sẽ tiến về miền Nam dầu cho gặp khó khăn, thử thách, từ đó thể hiện ý chí quyết tâm của những người lính Trường Sơn. Đồng thời khẳng định niềm tin vào sự thắng lợi, hòa bình sẽ lập lại.

c. Viết đoạn văn:

- Câu thơ tái hiện một cách tinh tế gian khổ mà những người lính lái xe Trường Sơn phải trải qua. Đó là cuộc sống gian khổ, phải ăn, phải ngủ những giấc ngủ ngắn ngày trên xe giữa những làn mưa bom của giặc đang ngày đêm trút xuống nhằm huỷ diệt sự sống.

- “Chông chênh” là một từ láy giàu giá trị gợi tả, gợi cảm. Từ “chông chênh” gợi tả tư thế không thăng bằng, không chắc chắn, không vững chãi. Song trong

hoàn cảnh của bài thơ, từ “chông chênh” còn gợi tả phong thái hiên ngang của người lính như ngạo nghễ, thách thức kẻ thù.

- Họ luôn có tư thế tiến về phía trước. Điệp từ “lại đi” tái hiện vòng bánh xe lăn tiến lên phía trước, rộng hơn là đoàn xe vận tải lao nhanh ra mặt trận bỏ lại đằng sau tất cả đạn bom u ám để đến với bầu trời xanh phía trước.

- Bầu trời xanh là hình ảnh tượng trưng cho hoà bình, cho cuộc sống tươi đẹp. Với hình ảnh này, ta thấy được niềm lạc quan, niềm tin bất diệt của người lính vào chiến thắng. Phải chăng đó là sức mạnh lớn lao để đoàn xe lăn bánh tới đích?

Câu 7:

Cho câu thơ: “ Không có kính ừ thì có bụi”

a, Chép tiếp 7 câu thơ để hoàn thành đoạn thơ trên

b, Tìm ra các câu thơ có chứa khẩu ngữ? Nêu vai trò, tác dụng của khẩu ngữ.

c. So sánh hình ảnh người lính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” với bài “Đồng chí” của Chính Hữu.

Gợi ý:

a, Viết tiếp 7 dòng thơ

Không có kính, ừ thì có bụi

Bụi phun tóc trắng như người già

Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc

Nhìn nhau mặt lấm cười haha.

Không có kính, ừ thì ướt áo

Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời

Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.

b, Những câu thơ có chứa khẩu ngữ:

Không có kính, ừ thì có bụi

Không có kính ừ thì ướt áo

➔ Khẩu ngữ tạo nên chất giọng tự nhiên, góp phần thể hiện tính cách ngang tàng, sôi nổi, trẻ trung, coi thường khó khăn gian khổ.

c. So sánh sự giống nhau và khác nhau

*** Nét giống nhau**

- Họ đều là những người lính cách mạng, tham gia cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm với mục đích bảo vệ quê hương, đất nước:

+ Súng bên súng, đầu sát bên đầu (Đồng chí)

+ Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)

- Họ đều có tình đồng chí sâu sắc, chan hòa, cởi mở, chia sẻ những khó khăn của cuộc đời người lính:

+Thương nhau tay nắm lấy bàn tay (Đồng chí)

+Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi...võng mắc chông chênh đường xe chạy...

-Tình đồng chí đồng đội tiếp thêm cho họ sức mạnh để hoàn thành nhiệm vụ:

+Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới (Đồng chí)

+Lại đi, lại đi, trời xanh thêm (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)

-Hai nhà thơ đều khai thác hình ảnh người lính từ hiện thực cuộc chiến tranh khốc liệt, thiếu thốn, khó khăn.

*** *Nét khác nhau***

-Thời gian

+Trong cuộc kháng chiến chống Pháp -1948 (Đồng chí)

+Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ -1969 (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)

-Hoàn cảnh xuất thân

+Họ là những người nông dân nghèo khổ từ mọi miền của đất nước, có nhiều tâm tư, bịn rịn về hoàn cảnh gia đình (Đồng chí)

+Họ là những người lính trẻ lớn lên trong chế độ mới, ra đi từ những mái trường, ít băn khoăn về hoàn cảnh gia đình, ra trận với một tinh thần phơi phới của tuổi trẻ thanh xuân (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)

- Lời kể của người lính

+Tâm tình, thủ rĩ, ấm áp (Đồng chí)

+Trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch, ngang tang (Bài thơ về tiểu đội xe không kính)

Câu 8: Theo em vì sao tác giả lại nhắc về hình ảnh những chiếc xe không kính ở cuối tác phẩm

-Việc nhắc lại hình ảnh những chiếc xe không kính ở cuối tác phẩm nhằm góp phần làm rõ chủ đề của tác phẩm là hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

- Khẳng định những thiếu thốn về cơ sở vật chất, sự khốc liệt của cuộc chiến qua đó ca ngợi những phẩm chất đáng quý và tinh thần lạc quan yêu đời, bất chấp hiểm nguy của những người lính trong quá trình chiến đấu giải phóng Miền Nam.

Câu 9: Mối quan hệ giữa cái có và cái không có trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật

Trong bài thơ “bài thơ về tiểu đội xe không kính” tác giả Phạm Tiến Duật đã tạo ra những cái có và những cái không có từ đó tạo cho chúng mối quan hệ gắn bó, kết nối vô cùng hài hòa, hợp lý, độc đáo tạo nên sự hấp dẫn cho bài thơ.

** Những thiết bị vốn có của chiếc xe, vì hiện thực ác liệt của chiến tranh, đã trở nên "không có":*

+Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi

+Không có kính, rồi xe không có đèn,

Không có mui xe, thùng xe có xước.

** Từ không có những thiết bị này dẫn đến cái có*

- "Cái có" của sự gian khổ người lính:

+Không có kính, ừ thì có bụi,

+Không có kính, ừ thì ướt áo.

- "Cái có" của thiên nhiên đầy chất thơ:

+Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái.

- "Cái có" của tình đồng đội, vô tư, ngang tàng mà thật đẹp:

+Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

* Nhưng vượt lên trên tất cả, vượt qua cái thiếu thốn, "cái không" đã làm nổi bật lên "cái có" đẹp đẽ của tinh thần yêu nước và lòng quả cảm của người lính lái xe: "Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước - Chỉ cần trong xe có một trái tim".

* "Cái không" và "cái có" là một cách cấu tạo tứ thơ độc đáo ở "Bài thơ về tiểu đội xe không kính", gợi nên nhiều liên tưởng bất ngờ, thú vị.

Câu 10: Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật và tác dụng của khổ thơ sau

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồn lúi ta ngồi,

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồn lúi.

Gợi ý:

-Điệp ngữ: Không có

-> Tác dụng: Nhấn mạnh sự thiếu thốn của cơ sở vật chất trong cuộc kháng chiến vô cùng khốc liệt.

-Điệp từ “bom” kết hợp với động từ mạnh “giật, rung”

-> Nhấn mạnh sự tàn khốc, ác liệt của những người lính khi tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

-Đảo ngữ “ung dung”

-> Nhấn mạnh tư thế hiên ngang, ung dung thoải mái của những người lính khi đối diện với sự khốc liệt của cuộc kháng chiến.

-Điệp ngữ “nhìn”

-> Nhấn mạnh tầm nhìn tập trung cao độ khi lái xe, không né tránh sợ hãi bất cứ điều gì khi đối diện với hoàn cảnh khó khăn của cuộc kháng chiến

-Điệp từ “thấy” và liệt kê: đất, trời, gió, con đường, sao trời, cánh chim

->Nhấn mạnh những khó khăn gian khổ từ những chướng ngại vật mà những người lính gặp phải, từ đó thể hiện tâm hồn trẻ trung, lãng mạn.

- Ẩn dụ “con đường”

-> Nghĩa thực là con đường đi thực tiễn về miền Nam, còn nghĩa ẩn dụ chính là nói về con đường giải phóng miền Nam, tư tưởng quyết tâm, kiên cường của những người lính, họ luôn luôn suy nghĩ tới trách nhiệm của Tổ Quốc.

-So sánh “Như sa như ùa vào buồng lái”

-> So sánh rất cụ thể, sinh động, thiên nhiên vạn vật dường như rất thật và đẹp biết bao, tất cả thiên nhiên như hiện hữu trước mắt của những người lính và cùng những người lính băng băng ra chiến trường.

Câu 11: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và tác dụng của đoạn thơ sau

Không có kính, ừ thì có bụi

Bụi phun tóc trắng như người già

Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc

Nhìn nhau mặt lấm cười haha

Không có kính, ìr thì ướt áo

Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời

Chưa cần thay lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi

Gợi ý

-Điệp cấu trúc “Không có ...ìr thì, chưa cần”

-> Làm nổi bật sự hài hước, dí dỏm và tinh thần lạc quan yêu đời với giọng điệu ngang tàng, bất chấp của những người lính khi đối diện với sự khắc nghiệt của thời tiết, khốc liệt của cuộc chiến.

-So sánh “Bụi phun tóc trắng như người già” “Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời”

->Hình ảnh so sánh thể hiện sự hài hước, dí dỏm của những người lính, đồng thời nói lên hiện thực khắc nghiệt mà những người lính trên con đường tiến về miền Nam phải trải qua khi thiếu thốn về cơ sở vật chất.

-Nhân hóa “phun” + “lùa”

->**Tác dụng:** Làm cho những khó khăn gian khổ của người lính tái hiện 1 cách rõ ràng, sinh động

Câu 12: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và tác dụng của khổ thơ sau

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi, lại đi trời xanh thêm

Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Gợi ý

-Đảo ngữ “chông chênh”

-> Nhấn mạnh sự không thăng bằng, không chắc chắn, gập ghềnh khó đi và những giấc ngủ không được trọn vẹn của những người lính khi tiến về giải phóng Miền Nam.

-Điệp ngữ: “Lại đi”

-> Khẳng định những chiếc xe không kính sẽ vẫn sẽ tiến về miền Nam dẫu cho gặp khó khăn, thử thách, từ đó thể hiện ý chí quyết tâm của những người lính Trường Sơn.

- Ẩn dụ “trời xanh”

-> Biểu tượng cho hòa bình lập lại, khát vọng được giải phóng đất nước cùng với tinh thần lạc quan yêu đời

-Điệp ngữ “Không có” + Liệt kê: kính, đèn, mũi xe, thùng xe

-> Nhấn mạnh những thiếu thốn của những chiếc xe cùng với những nguy hiểm mà cuộc chiến mang lại

- Hoán dụ “trái tim”

-> Trái tim có thể hiểu theo nghĩa gốc là động cơ xe, còn nghĩa biểu tượng đó chính là nhiệt huyết, niềm tin, sự quyết tâm của những người lính, họ sẵn sàng vượt qua bất cứ khó khăn, thử thách chỉ cần trong trái tim họ giữ vững được lòng yêu nước thì chắc chắn sẽ giải phóng được miền Nam thống nhất được đất nước.

Câu 13: Giải thích nghĩa các từ sau: bếp Hoàng Cầm, ung dung

-Bếp Hoàng Cầm: kiểu bếp dã chiến của bộ đội ta đặt dưới lòng đất, khi đun khói tản ra để địch không phát hiện được. Bếp này mang tên người sáng tạo nó trong thời kì kháng chiến chống Pháp: Anh hùng nuôi quân Hoàng Cầm.

-Ung dung: là tư thế thoải mái, bản lĩnh, đàng hoàng của người lính trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Câu 13: Những hình ảnh nào trong bài thơ nói lên tinh thần dũng cảm và lòng hăng hái của các chiến sĩ lái xe ?

Trong bài thơ có nhiều hình ảnh nói lên tinh thần dũng cảm và lòng hăng hái của các chiến sĩ lái xe trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mỹ. Con đường ra tiền tuyến đầy mưa bom bão đạn, chiếc xe vận tải quân sự "kính Võ đi

rồi" nhưng người chiến sĩ lái xe vẫn "ung dung" làm chủ phương tiện, làm chủ chiến trường, rất dũng cảm ngang tàng:

"Ung dung buông lái ta ngồi,

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng".

"Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi" nên người lái xe bị gió lửa "mắt đắng", nhưng anh vẫn dũng mãnh phóng xe như bay suốt đêm ngày. Thật là hăng hái:

"Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa, như ùa vào buông lái".

Mưa rừng "mưa tuôn mưa xối", người chiến sĩ như ngồi trong mưa, áo quần ướt hết, nhưng vẫn ngang tàng hăng hái:

"Chưa cần thay lái trăm cây số nữa

Mưa ngừng, gió lửa mau khô thôi".

Chữ "ừ " trong câu thơ "Không có kính ừ thì ướt áo" đã thể hiện tinh thần dám chấp nhận mọi gian khổ hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ chở vũ khí và lương thực... chi viện cho tiền phương.

Câu 14: Tình đồng chí, đồng đội của những người chiến sĩ được thể hiện trong những câu thơ nào?

Tình đồng chí, đồng đội của các chiến sĩ trong Tiểu đội xe không kính được thể hiện qua các từ ngữ: "hợp thành", "gặp", "bắt tay" và trong các câu trong khổ thơ sau:

"Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi".

Câu 15: Hình ảnh những chiếc xe không có kính vẫn băng băng ra trận giữa bom đạn của kẻ thù gợi cho em cảm nghĩ gì?

Hình ảnh những chiếc xe không có kính vẫn băng băng ra trận giữa bom đạn của kẻ thù gợi cho em nhiều xúc động.

- Cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân ta, cũng như của các chiến sĩ lái xe trên con đường chiến lược Trường Sơn là vô cùng dữ dội và ác liệt.

- Những chiến sĩ lái xe rất ngoan cường dũng cảm, hăng hái, lạc quan bất chấp mọi gian khổ hi sinh, quyết tâm chi viện cho chiến trường miền Nam, vì thống nhất đất nước.

- Những chiến sĩ lái xe đã nêu cao chủ nghĩa anh hùng cho chúng ta noi gương học tập.

CHUYÊN ĐỀ 3: BẾP LỬA

-BẢNG VIỆT-

Câu 1: Hãy nêu nhận xét về hình ảnh tượng trưng của hình tượng “bếp lửa”.

Gợi ý

Hình ảnh bếp lửa vốn là hình ảnh thật của bếp lửa mà ngày ngày người bà nhen lửa nấu cơm. Nhưng bếp lửa lại trở thành hình ảnh tượng trưng, gọi lại tất cả những kỷ niệm ấm áp của hai bà cháu. Lửa thành ra ngọn lửa tình yêu, lửa niềm tin, ngọn lửa bất diệt của tình bà cháu, tình quê hương đất nước. Bếp lửa mà người bà ấp iu hay chính là tình yêu thương mà bà nâng niu dành tất cả cho cháu, từ việc dạy cháu làm, chăm cháu học, bảo cháu nghe. Bếp lửa cũng là nơi bà nhóm lên tình cảm, khát vọng cho người cháu. Nhóm lửa cũng vừa có nghĩa thực, vừa có ý nghĩa tượng trưng.

Câu 2: Hình ảnh bếp lửa gọi lại những kỷ niệm nào giữa bà và cháu? Vì sao người cháu có “ngọn lửa trăm tàu, có lửa trăm nhà, có niềm vui trăm ngã mà vẫn không quên nhắc về bếp lửa”?

Gợi ý:

Hình ảnh bếp lửa gọi lại trong lòng cháu kỷ niệm về năm lên bốn tuổi đói kém, bếp khói hun nhèm mắt. Rồi những mùa vải chín, chim tu hú kêu, những câu chuyện kể của bà. Những việc bà dạy bảo, bà chăm cháu học, bà lo lắng cho mọi người. Bếp lửa gọi lại những niềm vui của nôi xôi gạo mới, niềm yêu thương, những tâm tình tuổi thơ. Bếp lửa tượng trưng cho tình cảm vững bền của bà cháu, tình quê hương sâu nặng. Chính vì thế, khi người cháu đi xa, có những niềm vui mới, có những tình cảm mới, có những bến bờ mới, nhưng vẫn không thể quên bếp lửa, nơi ủ sẵn tình cảm bà cháu, quê hương.

Câu 3: Phân tích giá trị nghệ thuật của điệp từ “nhóm” trong khổ thơ sau:

“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới xẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”.

Gợi ý:

– Điệp từ “nhóm” được nhắc lại 4 lần làm toả sáng hơn nét “kỳ lạ” và thiêng liêng bếp lửa. Bếp lửa của tình bà đã nhóm lên trong lòng cháu bao điều thiêng liêng, kỳ lạ. Từ: “nhóm” đứng đầu mỗi dòng thơ mang nhiều ý nghĩa : Từ bếp lửa của bà những gì được nhóm lên, khơi lên ?

– Khơi dậy tình cảm nồng ấm.

– Khơi dậy tình yêu thương, tình làng nghĩa xóm, quê hương.

– Khơi dậy những kỷ niệm tuổi thơ, bà là cội nguồn của niềm vui, của ngọt bùi nồng đượm, là khởi nguồn của những tâm tình tuổi nhỏ.

=> Đó là bếp lửa của lòng nhân ái, chia sẻ niềm vui chung.

Câu 4: Trong bài thơ “Bếp lửa” nhà thơ Bằng Việt có viết:

“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...”

Vì sao ở hai câu cuối, tác giả dùng từ “ngọn lửa” mà không nhắc lại từ “bếp lửa”? Ngọn lửa ở đây có ý nghĩa gì? Em hiểu những câu thơ trên như thế nào?

Gợi ý:

– Ở câu đầu dùng “bếp lửa” => đây là hình ảnh tả thực xuyên suốt bài thơ thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm => là cơ sở để xuất hiện hình ảnh ngọn lửa ở hai câu thơ sau.

– Từ “bếp lửa” chuyển thành “ngọn lửa” có ý nghĩa:

– Ngọn lửa của tình yêu thương.

– Ngọn lửa của sức sống, niềm tin, huy vọng mà bà muốn truyền cho cháu.

– Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa, sức sống niềm tin cho các thế hệ tiếp nối.

Câu 5: Phân tích đoạn thơ sau:

“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ

.....

Ôi kỳ lạ và thiêng liêng bếp lửa!”

Gợi ý:

Mở đoạn: Những suy ngẫm sâu sắc của tác giả về người bà, về bếp lửa.

Thân đoạn:

– Suy ngẫm của người cháu về bà.

– Đó là sự tần tảo, đức hình sinh, tấm lòng yêu thương chia sẻ của bà, hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa (HS cần căn cứ vào cụm từ chỉ thời gian: đời bà, mấy chục năm, từ láy tượng hình lặn đận, hình ảnh ẩn dụ: nắng mưa)

– Bà đã nhóm dậy những gì cao quý, thiêng liêng nhất của một con người: nhóm niềm yêu thương, niềm tin, nghị lực (phân tích đa nghĩa của từ “nhóm”).

– Suy ngẫm của người cháu về bếp lửa (câu cuối) hình ảnh bà gắn với bếp lửa. Bếp lửa vốn thân thuộc trong mỗi gia đình bỗng trở lên kì lạ => bếp lửa kì diệu thiêng liêng có sức tỏa sáng nâng đỡ tâm hồn cháu trong suốt cuộc đời.

Kết đoạn : suy nghĩ và ước mơ của tác giả.

Câu 6: Trong bài thơ “Bếp lửa” nhà thơ Bằng Việt

“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng ...”

a. Chép chính xác 8 câu thơ tiếp nối đoạn thơ trên.

b. Trong những dòng thơ em vừa chép có hiện tượng dùng từ chuyển nghĩa. Chỉ ra những từ đó và cho biết ý nghĩa biểu đạt của nó trong câu thơ.

c. Cho những từ: le lói, liu liu. Theo em, những từ này có thể thay thế cho từ “ấp iu” trong đoạn thơ em vừa chép được không? Vì sao?

Gợi ý

a. Chép tiếp 8 câu thơ

Lặn đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!

b. Từ **“nhóm”** trong hai câu thơ: “Nhóm niềm yêu thương ...” và “nhóm dậy cả tâm tình...” được dùng với nghĩa chuyển (theo phương thức ẩn dụ) => có nghĩa là khơi dậy hay gọi lên niềm yêu thương, những kỉ ức đẹp, có giá trị trọng cuộc đời con người.

c. Những từ này không thể thay thế cho từ “ấp iu” vì:

- Làm mất đi dụng ý nghệ thuật của tác giả và cái hay của văn bản.
- Căn cứ vào sự kết hợp với từ sau nó là từ “nồng đượm” thì không thể là “le lói nồng đượm” hay “liu riu nồng đượm” => vô lý.
- Từ “nhóm” của câu thơ này được hiểu theo nghĩa chuyển nên chỉ có từ “ấp iu” mới diễn tả được sự yêu thương, quan tâm lo lắng của người bà dành cho cháu.

Câu 7: *Mở đầu bài thơ “Khi con tu hú” nhà thơ Tố Hữu đã viết “Khi con tu hú gọi bầy”. Âm thanh của tiếng chim tu hú ấy gợi cho em nhớ tới bài thơ nào đã được học ở chương trình ngữ văn 9? Tên tác giả?*

a. Chép nguyên văn đoạn thơ có âm thanh của tiếng chim tu hú trong bài thơ đó.

b. Nêu nội dung chính của đoạn thơ em vừa chép.

Gợi ý:

a. Đó là bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt

Chép thơ

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

Tu hú kêu trên những cánh đồng xa

Khi tu hú kêu, bà con nhớ không bà

Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

Mẹ cùng cha bận công tác không về

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc

Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

b. **Nội dung chính:** hình ảnh bếp lửa gợi sự liên tưởng đến tiếng chim tu hú với những tháng tuổi thơ sống bên bà.

Câu 8: Dưới đây là đoạn thơ cuối trong bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt.

“ ... Giờ cháu đã đi xa, có ngọn khói trăm tàu

Có lửa trăm nhà niềm vui trăm ngả

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở

Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...”

a. Đoạn thơ trên là lời của nhân vật nào, nói về ai và về điều gì?

b. Bài thơ được kết thúc bằng câu nghi vấn: “sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa? Nêu tác dụng của câu nghi vấn?

c. Bằng một đoạn văn khoảng 10 câu trong đó có sử dụng phép lặp, phép liên kết và một câu đảo trật tự từ em hãy phân tích đoạn thơ trên để thấy được tình cảm sâu nặng với bà, với quê hương, đất nước của người cháu.

Gợi ý:

a. Đoạn thơ trên là lời của nhân vật người cháu nói về nhân vật bà

Nói về tình cảm sâu nặng của cháu với bà, quê hương đất nước.

b. Tác dụng gợi cho người đọc cảm nhận như có một nỗi nhớ khắc khoải, thường trực một nỗi nhớ đau đáu, khôn nguôi, luôn nhớ về bà cũng chính là nhớ về quê hương đất nước, cội nguồn của đứa cháu.

(câu nghi vấn được dùng để bộc lộ cảm xúc).

c. Câu chủ đề: tình cảm sâu nặng với bà, với quê hương đất nước của người cháu.

Triển khai: – Khoảng cách về không gian, thời gian: Khói trăm tàu, lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả không thể làm cháu lãng quên ánh sáng và hơi ấm từ bếp

lửa của bà, của quê hương, không quên được những tận tụy hi sinh của đời bà => đó là đạo lý thủy chung cao đẹp của con người Việt Nam.

Nghệ thuật: cần phân tích điệp từ nối “nhưng” ở câu thơ thứ 3

Câu 9: Giải thích nghĩa của các từ sau: “ấp iu”, “đinh ninh”

-“Ấp iu”: Gọi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm lửa.

-“Đinh ninh”: ở đây có nghĩa là nhắc đi nhắc lại cho người khác nắm chắc, nhớ chắc.

Câu 10: Trong hồi tưởng của người cháu, những kỉ niệm nào về bà và tình bà cháu đã được gọi lại? Em hãy chỉ ra sự kết hợp giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự, bình luận trong bài thơ và tác dụng của sự kết hợp ấy?

Gợi ý

Trong hồi tưởng của người cháu biết bao kỷ niệm thân thương đã được gọi lại:

- Năm lên bốn tuổi là năm đói kém, nhọc nhằn (1945). Nạn đói năm ấy đã trở thành bóng đen ghê rợn ám ảnh cháu.

- Tám năm ở cùng bà khi che mẹ bận công tác, bà dạy cháu học, dạy cháu làm, bà kể chuyện cháu nghe, chia sẻ với cháu nỗi vắng mẹ, cặm cùi nhóm lửa, nuôi nấng cháu.

- Năm giặc đốt làng, đốt nhà, bà vẫn vững lòng dặn cháu giữ kín chuyện để bố mẹ yên tâm công tác, bà vẫn sớm chiều nhen nhóm ngọn lửa ủ ấm lòng cháu. Kỷ niệm nào về bà cũng thấm đậm yêu thương.

Bài thơ đan xen giữa kể là những đoạn tả sinh động, tả cảnh bếp lửa chờn vờn trong sương sớm, tả cảnh đói mòn đói mỏi, cảnh làng cháy, đặc biệt là hình ảnh

cặm cùi, tần tảo sớm hôm của bà... Lời kể và tả chứa chan tình yêu thương, lòng yêu ơn của người cháu nơi xa đối với bà.

Câu 11: Phân tích hình ảnh bếp lửa trong bài thơ. Hình ảnh bếp lửa được nhắc đến bao nhiêu lần? Tại sao khi nhắc đến bếp lửa là người cháu lại nhớ đến bà, và ngược lại, khi nhớ về bà là nhớ ngay đến hình ảnh bếp lửa? Hình ảnh ấy mang ý nghĩa gì trong bài thơ này? Vì sao tác giả lại viết "Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa"?

Gợi ý

- Hình ảnh bếp lửa có suốt trong những vần thơ của bài thơ . Hình ảnh bếp lửa được nhắc tới 10 lần.

- Vì hình ảnh bếp lửa đã trở thành biểu tượng do hằng ngày bà luôn nhóm lửa nấu vào mỗi sáng . Bà là người đã thắp sáng tình cảm, tình yêu thương khi nhóm bếp lửa lên, tác giả đã dựa vào đó để gửi gắm tình cảm cảm xúc của mình là tình cảm thiêng liêng giữa bà và cháu.

Câu 12: Vì sao ở hai câu dưới tác giả dùng từ "ngọn lửa" mà không nhắc lại "bếp lửa"? Ngọn lửa ở đây có ý nghĩa gì? Em hiểu những câu thơ trên như thế nào?

Gợi ý

- Ở hai câu dưới, tác giả dùng từ “ngọn lửa” mà không nhắc lại “bếp lửa”. Vì nói đến “bếp lửa” là nói đến một vật hữu hình, cụ thể của mỗi gia đình. Còn hình ảnh “ngọn lửa” mang ý nghĩa khái quát, rộng lớn hơn.

- Mỗi lần nhóm bếp lửa, ngọn lửa cháy sáng lên mang nhiều ý nghĩa tượng trưng. Đó là ngọn lửa được nhóm từ lòng bà – ngọn lửa của sức sống, yêu thương, niềm tin, tình yêu của bà với kháng chiến, với Đảng. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – truyền cho cháu những kỉ niệm ấm lòng, những niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

***Câu 13: Cảm nhận của em về tình cảm bà cháu được thể hiện trong bài thơ.
Tình cảm ấy được gắn liền với những tình cảm nào khác.***

Gợi ý

- Tình cảm bà cháu trong bài thơ rất sâu nặng. Đây là lời yêu thương tha thiết của người cháu nơi xa đối với bà:

*"Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:
- Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?..."*

- Tình cảm ấy vượt qua chiều dài của thời gian, chiều rộng của không gian, neo đậu mãi trong trái tim cháu. Tuổi thơ của cháu đã đi qua theo năm tháng, khoảng cách giữa bà và cháu cũng đã xa vời vợi nhưng cháu chẳng lúc nào quên nhắc nhở về bà. Tình yêu, lòng biết ơn của cháu đối với người bà cũng chính là lòng biết ơn đối với gia đình, quê hương, đất nước.

Câu 14: Bàn về bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt có ý kiến cho rằng: " Bài thơ biểu hiện một triết lý thâm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người, đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời".

Bằng những hiểu biết của em về bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Gợi ý

- Giải thích lời nhận định:

+ Những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người: là những người thân trong gia đình, bạn bè, những kỷ niệm, một cây lược, một chiếc bút... gắn bó sâu

sắc với ta. Điều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời: trở thành điểm tựa, nguồn động lực, cho ta sức mạnh trong mỗi bước đường đời.

- Chứng minh nhận định:

+ Trong bài thơ Bếp lửa, những gì thân thiết của tuổi thơ người cháu là bà, là bếp lửa, là những hình ảnh của quê hương... Những hình ảnh đó đã in đậm trong cháu từ thuở ấu thơ. (Dẫn chứng)

+Bà với tình yêu thương, đức hy sinh, niềm tin yêu cuộc sống; Bếp lửa với sự ấm nồng, thân thiết đã là chỗ dựa cho cháu, nhen lên trong cháu những tâm tình, những niềm tin, là nơi chấp cánh ước mơ cho cháu...(Dẫn chứng)

+ Khi cháu lớn lên, học tập và công tác nơi xa, bà và bếp vẫn là điểm tựa, là nguồn động viên là nơi nâng đỡ...(Dẫn chứng)

+ Suy rộng ra, điều tạo ra sức tỏa sáng, sự nâng đỡ người cháu trong bài thơ còn là quê hương, đất nước.

- Đánh giá khái quát:

+Bài thơ kết hợp trữ tình, tự sự, nhiều hình ảnh thơ đẹp...

+Những hình ảnh, kỉ niệm thân thiết nhất của tuổi thơ người cháu đã có sức tỏa sáng, nâng đỡ cháu, là chỗ dựa, là nguồn cổ vũ động viên cháu trên hành trình dài rộng của cuộc đời cháu.

+Bài thơ còn ngợi ca vẻ đẹp của người bà, người phụ nữ Việt Nam, gọi lòng biết ơn, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.

Câu 15: Trong bài thơ "Bếp lửa" nhà thơ BV viết:

"Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng..."

a. Vì sao ở hai câu cuối, tác giả dùng từ "ngọn lửa" mà không nhắc lại từ "bếp lửa"? Ngọn lửa ở đây có ý nghĩa gì? Em hiểu những câu thơ trên như thế nào?

b. Viết một đoạn văn ngắn (8 - 10 câu) nêu nhận xét về ý nghĩa tượng trưng của hình tượng bếp lửa trong bài thơ.

Gợi ý:

a. Ở câu đầu dùng *"bếp lửa"* đây là hình ảnh xuyên suốt bài thơ thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm và là cơ sở để xuất hiện hình ảnh ngọn lửa ở hai câu thơ sau.

Nhắc đến bếp lửa là gọi người cháu nhớ đến bà.

+ Trong mỗi lần nhóm bếp lửa, ngọn lửa cháy lên mang ý nghĩa tượng trưng. Bếp lửa được bà nhen lên không chỉ bằng nguyên liệu mà còn được nhen lên từ ngọn lửa trong lòng bà, ngọn lửa của sức sống, của lòng yêu thương niềm tin. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa sự sống niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

b. Viết đoạn: Cần đảm bảo định hướng sau:

+ Bếp lửa là hình ảnh quen thuộc, tượng trưng cho tình bà cháu.

+ Bếp lửa là tình yêu thương bà dành cho cháu.

+ Bếp lửa là nơi bà nhóm lên tình cảm khát vọng cho người cháu ® ngọn lửa của tình yêu, niềm tin.

Câu 16: Trình bày cách hiểu của em về nhan đề bài thơ - Bếp lửa

- Bếp lửa là một hình ảnh đầy sáng tạo, xuất hiện nhiều lần trong bài thơ, nó vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng:

+ Trước hết đây là một bếp lửa thực, quen thuộc, gần gũi với mỗi người Việt Nam. Nó là hình ảnh của kỉ niệm ấu thơ gắn với bóng dáng một người bà cụ thể, có thật của nhà thơ.

+ Bếp lửa là biểu tượng giàu ý nghĩa: nó là biểu hiện cụ thể và đầy gợi cảm về sự tảo tần, chăm sóc, và yêu thương của người bà dành cho cháu con trong những năm tháng đói nghèo, chiến tranh để trưởng thành, khôn lớn .Bếp lửa là tình bà ấm nồng, bếp lửa là tay bà chăm chút. Bếp lửa gắn với bao vất vả, cực nhọc đời bà. Ngày ngày bà nhóm bếp lửa là nhóm lên sự sống niềm vui, tình yêu thương, niềm tin, và hi vọng cho cháu con, cho mọi người.

+ Bếp lửa còn là biểu tượng của gia đình, quê hương, đất nước, cội nguồn... có ý nghĩa thiêng liêng nâng bước người cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

+ Với ý nghĩa như vậy, “Bếp lửa” thành tên gọi của bài thơ cảm động về tình bà cháu giản dị, thiêng liêng, qua đó thể hiện tình cảm gia đình, quê hương, đất nước sâu sắc...

Câu 17: Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ trong ví dụ sau:

Một bếp lửa chồn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

- Ba tiếng “một bếp lửa” được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh “bếp lửa” như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ.

- “Bếp lửa chồn vờn sương sớm” là hình ảnh quen thuộc đối với mỗi gia đình Việt Nam trước đây mỗi buổi sớm mai. Hình ảnh bếp lửa thật ấm áp giữa cái lạnh chồn vờn “sương sớm”, thật thân thương với bao tình cảm “ấp iu nồng đượm”.

+ Từ láy “chồn vờn” rất thực như gợi nhớ, gợi thương đến dáng hình bập bùng, nhấp nháy của ngọn lửa trong kí

+ Từ láy “ấp iu” gợi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm lửa, lại rất chính xác với công việc nhóm bếp cụ thể.

- Rất tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy tình yêu thương: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”. Tình thương tràn đầy của cháu đã được bộc lộ một cách trực tiếp và giản dị. Đằng sau sự giản dị ấy là cả một tấm lòng, một sự thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà.

=>Ba câu thơ mở đầu đã diễn tả cảm xúc đang dâng lên cùng với những kí ức, hồi tưởng của tác giả về bếp lửa, về bà, là sự khái quát tình cảm của người cháu với cuộc đời lam lũ của người bà.

Câu 18: Theo em tiếng chim tu hú trong bài “Bếp lửa” và tiếng chim tu hú trong bài “Khi con tu hú” của Tố Hữu có giống nhau không? Vì sao?

Gợi ý

Tiếng chim tu hú ở hai bài không giống nhau vì:

+ Tiếng chim tu hú trong bài thơ "Bếp lửa" của nhà thơ Bằng Việt: là tiếng chim tu hú kêu. Tiếng tu hú kêu như giục giã lúa mau chín, người nông dân mau thoát khỏi cái đói, và dường như đó cũng là một chiếc đồng hồ của đứa cháu để nhắc bà rằng: Bà ơi, đến giờ bà kể chuyện cho cháu nghe rồi đây! Từ “tu hú” được điệp lại ba lần làm cho âm điệu câu thơ thêm bồi hồi tha thiết, làm cho người đọc cảm thấy như tiếng tu hú đang từ xa vọng về trong tiềm thức của tác giả. Tiếng tu hú lúc mơ hồ, lúc văng vẳng từ những cánh đồng xa lừng lừng lòng người cháu xa xứ. Tiếng chim tu hú khắc khoải làm cho dòng kỉ niệm của đứa cháu trải dài hơn, rộng hơn trong cái không gian xa thẳm của nỗi nhớ thương.

+ Tiếng chim tu hú trong bài thơ " Khi con tu hú" của Tố Hữu: Khi con tu hú gọi bầy cũng là khi đất trời chuyển sang hè, trong không gian lao tù bức bối, ngột ngạt, người chiến sĩ cách mạng lắng nghe mùa hè đang rạo rực càng thêm cháy bỏng niềm yêu sống, khao khát tự do. Tiếng tu hú kêu tác động mạnh mẽ đến tâm hồn nhà thơ vì nó gợi nhắc về mùa hè phóng khoáng, tung bừng với bao cảnh sắc quyền rũ đối lập với cảnh tù chật chội.

Câu 19: Đọc kĩ phần văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa!

(Bếp lửa – Bằng Việt)

- 1. Em hiểu như thế nào về cụm từ “biết mấy nắng mưa” trong câu thơ đầu đoạn? Hãy tìm một câu thành ngữ có chứa hai từ “nắng”, “mưa” và giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu thành ngữ em vừa tìm được.**
- 2. Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 15 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà được thể hiện trong đoạn thơ trên.**
- 3. Hãy kể tên hai bài thơ khác viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9.**

Gợi ý:

1. Cụm từ “biết mấy nắng mưa” trong câu thơ đầu đoạn : không chỉ nói về những ngày nắng ngày mưa đời bà từng trải qua mà còn nói tới những vất vả nhọc nhằn mà bà từng nếm trải (đói nghèo, bom đạn, thay con nuôi cháu..)

Một câu thành ngữ có chứa hai từ “nắng”, “mưa” và giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu thành ngữ vừa tìm được:

Ví dụ: Giải nắng dầm mưa, năm nắng mười mưa: chỉ những khó khăn, vất vả...

(Chấp nhận mọi phương án đúng mà hs đưa ra)

2. Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 15 câu nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà được thể hiện trong đoạn thơ trên.

- Người bà tảo tần, lam lũ cả cuộc đời hi sinh vì con cháu lận đận đời bà biết mấy nắng mưa, mấy chục năm rồi đến tận bây giờ, bà vẫn giữ nói quen dậy sớm...
- Người bà hết lòng yêu thương cháu, người bà đã nhóm lên trong lòng cháu bao điều tốt đẹp, đó là tình yêu thương, là niềm tin yêu, hi vọng... Chú ý phân tích các câu thơ “nhóm bếp lửa, nhóm niềm yêu thương... Tác giả đã dùng điệp từ “nhóm:” với những nét nghĩa khác nhau để giúp ta vừa hình dung đôi bàn tay khéo léo, chăm chút giữ lửa của bà vừa giúp ta hiểu được những điều đẹp đẽ, thiêng liêng và đã nhóm lên trong tâm hồn của cháu...
- Người bà hiện ra trong nỗi nhớ, trong tình yêu thương, lòng biết ơn vô bờ của cháu. Bà chính là gia đình, là tuổi thơ, là quê hương, là bếp lửa “kì lạ và thiêng liêng” nơi tâm hồn cháu.

3. Hãy kể tên hai bài thơ viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9. Nói với con (Y Phương), Con cò (Chế Lan Viên)

CHUYÊN ĐỀ 4: ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

-HUY CẬN-

Câu 1: Nêu hoàn cảnh ra đời, mạch cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.

Hoàn cảnh sáng tác

- Bài thơ được viết vào giữa năm 1958, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới. Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi ấy, hồn thơ của ông mới thực sự nảy nở trở lại và dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới.

- Bài “Đoàn thuyền đánh cá” được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ “Trời mỗi ngày lại sáng”(1958).

Mạch cảm xúc

Mạch cảm xúc của bài thơ được triển khai theo trình tự không gian và thời gian: Bài thơ Đoàn thuyền đánh cá đã tạo ra một khung cảnh không gian và thời gian rất đáng chú ý: không gian rộng lớn bao la với mặt trời, biển, trăng, sao, mây, gió ; thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ từ lúc hoàng hôn đến bình minh, cũng là thời gian của một chuyến ra biển rồi trở về của đoàn thuyền đánh cá: mặt trời xuống biển, cả trời đất vào đêm, trăng lên cao, đêm thở, sao lùa... rồi sao mờ, mặt trời đội biển nhô lên trong một ngày mới. Điểm nhịp thời gian cho công việc của đoàn thuyền đánh cá là nhịp tuần hoàn của thiên nhiên, vũ trụ.

Cảm hứng chủ đạo:

Bài thơ có hai nguồn cảm hứng lớn, song hành, hài hòa và trộn lẫn vào nhau. Đó là cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về con người lao động trong cuộc sống mới. Sự thống nhất của hai nguồn cảm hứng ấy được thể hiện qua kết cấu và hệ thống thi ảnh trong bài. Về kết cấu, thời gian của bài thơ là nhịp tuần hoàn của vũ trụ (từ lúc hoàng hôn đến lúc bình minh) cũng là thời gian hoạt động của đoàn thuyền đánh cá (từ lúc ra khơi đến khi trở về). Không gian của bài thơ là một không gian lớn lao, kỳ vĩ với trời, biển, trăng, sao, sóng, gió; cũng là không gian của cảnh lao động.

Câu 2: Bài thơ có nhiều hình ảnh đẹp, tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động. Em hãy chọn và phân tích một số hình ảnh đặc sắc trong các khổ thơ 1,3,4, 7. Bút pháp xây dựng hình ảnh của tác giả trong bài thơ có đặc điểm gì nổi bật?

Gợi ý:

Bài thơ có nhiều hình ảnh đẹp, tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động được vẽ bằng bút pháp vừa tả thực, vừa ẩn dụ, tượng trưng với cảm hứng lãng mạn.

- Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi khi mặt trời lặn (khổ 1- cảnh biển về đêm)
- + Cảnh vừa rộng lớn lại vừa gần gũi với con người do một liên tưởng so sánh thú vị của nhà thơ:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa”

Chi tiết “mặt trời xuống biển” có thể gây ra sự thắc mắc của người đọc, vì bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ở vùng biển miền Bắc, mà ở bờ biển nước ta, trừ vùng tây nam thường chỉ thấy cảnh mặt trời mọc trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Thực ra, hình ảnh mặt trời xuống biển là được nhìn từ trên

con thuyền đang ra biển hoặc từ một hòn đảo vào lúc hoàng hôn, nhìn về phía tây qua một khoảng biển thì vẫn có thể thấy như mặt trời xuống biển. Từ những quan sát thực, sức tưởng tượng và liên tưởng của nhà thơ đã bồi đắp và tạo nên một hệ thống hình ảnh vừa gần gũi vừa mới mẻ: vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ với những lượn sóng là then cửa... như mọi ngôi nhà thân thuộc của mỗi người.

+ Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khoẻ, lạ mà thật từ sự gắn kết ba sự vật và hiện tượng: cánh buồm, gió khơi và câu hát của người đánh cá “câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Câu hát là niềm vui, sự phấn chấn của người lao động như đã có một sức mạnh vật chất để cùng với ngọn gió làm căng buồm cho con thuyền lướt nhanh ra khơi, bắt đầu công việc đánh cá không ít khó khăn vất vả. Đó là khí thế hăm hở và đầy hào hứng của những con người yêu nghề, yêu biển.

- Trong phần thứ hai của bài thơ nổi bật là những bức tranh đẹp, rộng lớn, lồng lẫ, kế tiếp nhau về thiên nhiên vùng biển và tư thế của con người lao động trước thiên nhiên, vũ trụ. .

+ Cảm hứng lãng mạn khiến nhà thơ phát hiện những vẻ đẹp của cảnh đánh cá giữa biển đêm, trong niềm vui phơi phới, khoẻ khoắn của người lao động làm chủ công việc của mình.

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dặng xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

+ H/a con thuyền được miêu tả rất lãng mạn. Có thực đấy nhưng lại lẫn vào trong ảo. Với sự tưởng tượng bay bổng, thuyền có người cầm lái là gió trời, cánh buồm là trăng trời. Thuyền và người hoà nhập vào thiên nhiên, lâng lâng trong cái

thơ mộng của gió, trăng, trời, biển. Hình ảnh con người hiện lên là hình ảnh con người lớn ngang tầm vũ trụ và chan hoà với khung cảnh trời nước bao la tuyệt đẹp. Công việc đánh cá do đó bỗng nhiên trở nên rất thơ mộng.

+ Nhưng đây không phải là cuộc du ngoạn bằng thuyền. Đây là một cuộc chiến đấu thực sự để giành lấy từ bàn tay thiên nhiên những của cải, tài nguyên bằng tất cả sức lực, trí tuệ của con người: “Dàn đan thế trận lưới vây giăng”

Ta hát bài ca gọi cá vào

Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao

Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.

- Cứ như thế, bút pháp lãng mạn và trí tưởng tượng của nhà thơ như dẫn ta đi lạc lối vào một cõi huyền ảo của biển trời. Đó là hình ảnh đẹp lộng lẫy của các loài cá trên biển.

Cá thu biển Đông như đoàn thoi

Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng

Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé

Đêm thở sao lùa nước Hạ Long

Vẫy bạc đuôi vàng loé rạng đông

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

+ Những đoàn cá thu dày đặc lướt đi trong biển. Những đàn cá lướt trong sóng nước tạo nên những luồng sáng trắng loang loáng như dệt biển. Cá vào lưới dày đặc mà tưởng như cá dệt lưới vậy.

+ Cá song đêm xuống thường nổi lên mặt biển hàng đàn cho đến lúc rạng đông. Cá song thường có màu sắc rất sặc sỡ. Trên nền da sẫm có nhiều đốm vằn đỏ hồng như lửa, như những ngọn đuốc đỏ rực sáng lên giữa đêm trăng sao, vẻ đẹp hư ảo, lạ kì.

+ Tôn lên vẻ đẹp rực rỡ, kì diệu của biển cả là sắc màu của những đuôi cá, vây cá, mắt cá với những màu sắc rực rỡ. Trong đêm sao lung linh, những con cá tươi rói quăng mạnh những chiếc đuôi vẩy nước làm ánh trăng lấp lánh “vàng choé” sáng lên giữa biển đêm. Rồi cái nhịp thở của vũ trụ về đêm: nhịp thủy triều lên xuống và những con sóng dập dờn, bầu trời đêm chi chít sao chiếu xuống mặt biển, nhà thơ cảm nhận như là “sao lùa nước Hạ Long”.

+ Khi những mẻ lưới nặng trĩu được những bắp tay cuộn cuộn sẵn chắc kéo lên khỏi mặt nước. Những con cá nhảy nhót trong lưới, vây, đuôi phản chiếu ánh sáng những sắc màu rực rỡ cùng với ánh hồng rực rỡ, tinh khiết của bình minh khiến cho bức tranh có những gam màu tươi sáng, lộng lẫy đến kì lạ: “vẩy bạc..... nắng hồng”

=> Những hình ảnh này có vẻ đẹp của tranh sơn màu lung linh, huyền ảo, được sáng tạo bằng liên tưởng, tưởng tượng bay bổng từ sự quan sát hiện thực. Trí tưởng tượng của nhà thơ quả là kì diệu, bút pháp lãng mạn của nhà thơ quả là bay bổng, điều đó đã chấp cánh cho hiện thực trở nên kì ảo, làm giàu thêm cái đẹp vốn có trong tự nhiên.

Câu 3: Chỉ ra tên và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong khổ thơ sau

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,

Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,

Cá thu biển Đông như đoàn thoi

Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.

Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng,

Ra đậu dặm xa dò bụng biển,

Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé,

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,

Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,

Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Gợi ý

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa”

->Biện pháp: so sánh từ “như”

->Tác dụng: Tạo nên sự liên tưởng so sánh thú vị, Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật kì vĩ, tráng lệ như thần thoại. Vũ trụ như một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là

tầm cửa khổng lồ với những lượn sóng hiền hoà gối đầu nhau chạy ngang trên biển như những chiếc then cài cửa. Phác hoạ được một bức tranh phong cảnh kì diệu như thế hẳn nhà thơ phải có cặp mắt thần và trái tim nhạy cảm.

“Sóng đã cài then, đêm sập cửa”

->Biện pháp: nhân hóa từ “cài then và sập cửa”

->Tác dụng: Làm cho thiên nhiên trở nên sinh động hơn. Biển đại dương giống như một ngôi nhà lớn có then cài và rèm cửa, sóng giống như một người bảo vệ trong ngôi nhà lớn ấy. Thiên nhiên vô cùng kỳ vĩ, tráng lệ.

“Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

->Biện pháp: Ẩn dụ “câu hát căng buồm”

-> Tác dụng: cánh buồm căng gió ra khơi là ẩn dụ cho tiếng hát của con người có sức mạnh làm căng cánh buồm. Câu hát là niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

->Biện pháp liệt kê: cá bạc, cá thu

->Tác dụng: Liệt kê sự trù phú, giàu có của biển cả

“Cá thu biển Đông như đoàn thoi”

->Biện pháp: so sánh từ “như”

-> Tác dụng: Từ hình dạng thân dẹt hình thoi của con cá thu tác giả đã liên tưởng sáng tạo ra hình “Cá thu biển Đông như đoàn thoi”

Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.

Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

->Biện pháp: nhân hóa từ “dệt”

->**Tác dụng:** Làm cho thiên nhiên biển cả trở nên sinh động hơn với một không gian kì vĩ, tráng lệ cùng với sự giàu có, trù phú của biển cả.

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

->**Biện pháp:** nhân hóa từ “lái” và ẩn dụ từ “buồm trăng”

->**Tác dụng:** Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la giờ đây đã trở thành một con thuyền đặc biệt có gió là người cầm lái, còn trăng là cánh buồm, từ đó khẳng định sức mạnh làm chủ của con người trước thiên nhiên kì vĩ.

Lướt giữa mây cao với biển bằng,

->**Biện pháp:** Động từ mạnh “lướt” và nói quá và đối “mây cao, biển bằng”

->**Tác dụng:** thể hiện sức mạnh của con thuyền trước thiên nhiên kì vĩ, tráng lệ. Giữa biển cả bao la, con thuyền vốn nhỏ bé giờ đây bỗng trở nên kì vĩ, khổng lồ, mang sức mạnh và vẻ đẹp của vũ trụ. Phép đối trong câu thơ cũng góp phần tạo nên nét đẹp kì vĩ của không gian. Đó là không gian bao la, rộng lớn của biển khơi, trên là "mây cao", dưới là "biển bằng".

Ra đậu dặm xa dò bụng biển,

Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

->**Biện pháp:** Nhân hóa từ “dò bụng”

->**Tác dụng:** Con thuyền trở nên sinh động hơn với công việc tìm kiếm, dò tìm những hải sản quý của biển cả. Chủ nhân con thuyền – những người lao động cũng trở nên lồng lộng giữa biển trời trong tư thế làm chủ. Hình ảnh con người đã hòa nhập với kích thước rộng lớn của thiên nhiên vũ trụ. Không chỉ vậy, họ còn nổi bật ở vị trí trung tâm – ra tận khơi xa dò bụng biển, tìm luồng cá, dàn đan thế trận, bủa lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé,

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,

->Biện pháp: liệt kê: cá nhụ, cá chim, cá đé

Ẩn dụ: đuốc đen hồng-> Những con cá song có màu sắc vô cùng đẹp mắt tạo nên một bức tranh biển cả lấp lánh, lung linh như những ngọn đuốc hồng giữa đêm khuya.

->Tác dụng: Nói lên sự giàu có, trù phú của biển cả

Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,

->Biện pháp nhân hóa: Cái đuôi em

->Tác dụng: Đối với con người loài cá trở nên gần gũi, quen thuộc, cách gọi “em” như những người bạn tri tri, gần bó, là niềm cảm hứng cho con người trong lao động, và cũng chính là đối tượng thẩm mỹ cho thi ca.

Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

->Biện pháp: Nhân hóa từ “thở” và ẩn dụ “sao lùa nước Hạ Long”

-> Tác dụng: Bằng nghệ thuật ẩn dụ kết hợp nhân hóa, biển cả như một sinh thể sống động. Tiếng sóng vỗ dạt dào dâng cao hạ thấp là nhịp thở trong đêm của biển. Thế nhưng nhà thơ lại viết “Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long”. Thật ra, là sóng biển đu đưa rì rào và đập vào mạn thuyền. Trăng, sao phản chiếu ánh sáng xuống nước biển, mỗi khi sóng vỗ nhịp tưởng như có bàn tay của sao trời đang “lùa nước Hạ Long”. Đó là sự độc đáo, mới lạ trong sáng tạo nghệ thuật.

Câu 4: Tìm chỉ ra tên và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ sau:

Ta hát bài ca gọi cá vào,

Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao,

*Biển cho ta cá như lòng mẹ,
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

*Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,
Vẫy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*

*Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*

Gợi ý:

Gỗ thuyền đã có nhịp trăng cao,

->Biện pháp: nhân hóa từ “gỗ thuyền”

->Tác dụng: “Gỗ thuyền” là công việc thực của người đánh cá, nhưng cái độc đáo ở đây là vầng trăng được nhân hóa, tham gia lao động cùng con người.

Biển cho ta cá như lòng mẹ,

Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

->Biện pháp: so sánh từ “như”, nhân hóa từ “nuôi lớn”

-> Tác dụng: Thể hiện lòng biết ơn đối với biển cả như một người mẹ thứ hai vậy, tần tảo hi sinh nuôi lớn những đứa con trưởng thành.

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,

Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông,

->Biện pháp: ẩn dụ từ “xoăn tay chùm cá nặng”

->Tác dụng: Câu thơ “ Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng” là một câu thơ hay và đẹp: hình ảnh ẩn dụ đầy sáng tạo ca ngợi vẻ đẹp khỏe mạnh trẻ tráng trong lao động. Huy Cận hay sử dụng từ “chùm” để tả thế giới sinh vật, như gà, cá tạo nên hình tượng thơ ngộ nghĩnh, đầy ấn tượng

->Biện pháp: ẩn dụ “vẩy bạc đuôi vàng”

-> Tác dụng: Những con cá rực rỡ sắc màu tạo nên sự trù phú của biển cả, đồng thời nó báo hiệu trời sắp sáng, đây cũng chính là lúc đoàn thuyền phải trở về với niềm vui tươi và hăng say lao động.

Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

->Biện pháp: nhân hóa “xếp, lên”

->Tác dụng: Thể hiện những động tác khẩn trương của ngư dân khi xếp cá lên khoang thuyền, con thuyền cũng khẩn trương cùng với con người để kịp chuyển cá trở về.

Câu hát căng buồm với gió khơi,

->Biện pháp ẩn dụ “câu hát căng buồm”

->Tác dụng: cánh buồm căng gió ra khơi là ẩn dụ cho tiếng hát của con người có sức mạnh làm căng cánh buồm. Câu hát là niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

->Biện pháp: Nhân hóa “chạy đua”

->Tác dụng: Thể hiện khí thế lao động mạnh mẽ, sức lực vẫn dồi dào của người lao động. Đoàn thuyền được nhân hóa, cả mặt trời cũng tham gia vào cuộc chạy đua này và kết quả con người đã chiến thắng. Từ đó thấy được tư thế chủ động chinh phục biển trời, vũ trụ của người ngư dân. Đúng như lời bình của chính tác giả: “Bài thơ là cuộc chạy đua giữa con người với thiên nhiên và con người đã chiến thắng”.

Mặt trời đội biển nhô màu mới

->Biện pháp: nói quá “đội biển”

->Tác dụng: Làm cho thiên nhiên trở nên kì vĩ, đẹp đẽ và báo hiệu sự trở về của con thuyền. Mặt trời từ từ nhô lên trên sóng nước xanh lam, chiếu tỏa ánh sáng rực rỡ, cảnh biển bừng sáng và còn đẹp hơn với kết quả lao động. Hình ảnh nói quá "mặt trời đội biển" đi lên mở ra một ngày mới tốt đẹp hơn, ánh sáng của mặt trời không chỉ mang đến màu của cảnh vật mà còn mang "màu mới" cho cuộc sống mà những người lao động đang từng ngày, từng giờ cống hiến.

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

->Biện pháp: hoán dụ “mắt cá” và nói quá “muôn dặm phơi”

->Tác dụng: Mắt cá phản chiếu ánh mặt trời giống như muôn vàn mặt trời nhỏ li ti. Đó thật sự là một cảnh tượng đẹp, huy hoàng giữa bầu trời và mặt biển, giữa thiên nhiên và thành quả lao động. Đồng thời nó còn thể hiện niềm tin, niềm hi vọng vào những chuyến đánh cá tiếp theo sẽ luôn đạt được những chuyến cá đầy, tươi ngon như vậy.

Câu 5: Bài thơ có nhiều từ hát, cả bài hát cũng như một khúc ca. Đây là khúc ca gì và tác giả làm thay lời ai? Em có nhận xét gì về âm hưởng, giọng

điệu của bài thơ? Các yếu tố: thể thơ, vần, nhịp góp phần tạo nên âm hưởng bài thơ như thế nào?

Bài thơ có bốn từ "Hát". Cả bài như một khúc ca, ngợi ca lao động, với tình thần làm chủ, với niềm vui phơi phới mà nhà thơ viết thay cho những người lao động. Lời thơ đồng dạng giọng điệu như khúc hát mê say hào hứng, cách gieo vần biến hóa linh hoạt. Vần trắc xen lẫn vần bằng, vần liền xen lẫn vần cách. Vần trắc tạo nên sức dội, sức mạnh. Vần bằng tạo nên sự vang xa, bay bổng... tất cả góp phần làm nên âm hưởng của bài thơ vừa khỏe khoắn sôi nổi, vừa phơi phới bay bổng.

Câu 6:

Mở đầu một sáng tác, nhà thơ Huy Cận viết:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa.”

Và tác giả khép lại bài thơ bằng bốn câu:

“Câu hát căng buồm với gió khơi,

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.

Mặt trời đôi biển nhô màu mới,

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.”

Nêu tên và hiệu quả nghệ thuật của cách sắp xếp trên.

Gợi ý:

Tác giả Huy Cận đã sử dụng kết cấu đầu cuối tương ứng hình ảnh “mặt trời”

-> Tạo nên sự cân đối và diễn tả một hành trình trọn vẹn. Nếu khổ một là hình ảnh mặt trời của hoàng hôn thì khổ cuối lại là mặt trời của bình minh, báo hiệu một sự sống sinh sôi, nảy nở, khởi đầu những niềm vui và hạnh phúc.

Câu 7: Phân tích cảnh vũ trụ vào đêm và hình ảnh đoàn thuyền ra khơi ở khổ thơ đầu.

Gợi ý:

Cảnh mặt trời lặn và đêm xuống trên biển không nặng nề, tăm tối mà gần gũi, ấm cúng trong hình ảnh so sánh liên tưởng ở hai câu thơ đầu: “Mặt trời xuống biển như hòn lửa – Sóng đã cài then, đêm sập cửa”. Vũ trụ vào đêm cũng giống như một ngôi nhà thân thuộc của con người lúc đêm xuống: có bếp lửa hồng, có sập cửa cài then. Những hình ảnh so sánh vừa thực vừa mới mẻ, thú vị. Mặt trời lúc hoàng hôn đang từ từ lặn xuống biển đã bớt đi cái chói chang mà chỉ như một hòn lửa lớn, gợi hình ảnh bếp lửa hồng nhóm lên trong ngôi nhà lúc hoàng hôn. Còn màn đêm buông dần từ trên cao xuống lại như cánh cửa của đêm sập xuống, những lượn sóng là những chiếc then cài cánh cửa màn đêm. Có thể có người băn khoăn về hình ảnh “mặt trời xuống biển” bởi phần lớn vùng biển nước ta (trừ bờ biển phía tây nam) chỉ có thể thấy mặt trời mọc trên biển chứ khó có thể thấy mặt trời xuống biển. Ở câu thơ này, điểm nhìn của nhân vật trữ tình có thể là trên con thuyền đã ra khơi nhìn về phía tây nơi mặt trời lặn. Các hình ảnh so sánh trong hai câu thơ đều theo hướng đưa thiên nhiên, vũ trụ về gần lại với con người. Vũ trụ bao la nhưng cũng rất gần gũi và không hề đối lập với con người, đó là ngôi nhà lớn của con người.

Nhưng đêm xuống đối với những người đánh cá lại là lúc bắt đầu hành trình ra khơi: “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi”. Chữ “lại” cho thấy việc ra khơi là công việc thường xuyên, hằng đêm của họ, mặt khác còn gợi lên sự đối lập: đêm xuống là lúc mọi người nghỉ ngơi còn những người đánh cá lại bắt đầu công việc lao động của mình.

Khí thế của những người lao động ra khơi được thể hiện trong Gâu thơ cuối của khổ thơ: “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Bằng thủ pháp khoa trương, tác

giả đã biểu hiện khí thế hào hứng, hăng say của những người lao động qua hình ảnh khúc hát góp sức cùng gió khơi để căng cánh buồm đưa thuyền ra khơi.

Câu 8: Bằng bút pháp lãng mạn và trí tưởng tượng phong phú, Huy Cận đã đem đến cho người đọc những câu thơ tuyệt đẹp:

Ta hát bài ca gọi cá vào,

Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.

Biển cho ta cá như lòng mẹ

Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.

Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông

Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

(Trích “***Đoàn thuyền đánh cá***“, Huy Cận)

1. Liệt kê các từ ngữ thuộc trường từ vựng thiên nhiên và trường từ vựng chỉ hoạt động của con người trong đoạn thơ trên. Nêu tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ thuộc hai trường từ vựng đó trong việc biểu đạt nội dung đoạn thơ.

2. Cho câu chủ đề:

“Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận không chỉ là một bức tranh sơn mài lộng lẫy về vẻ đẹp của thiên nhiên như đã phân tích ở trên mà bài thơ còn là lời ngợi ca vẻ đẹp của con người lao động mới.

a. Xác định đề tài của đoạn văn đứng trước câu chủ đề trên.

b. Viết tiếp khoảng 12 câu để tạo thành đoạn văn tổng – phân – hợp hoàn chỉnh, trong đó có sử dụng 1 lời dẫn trực tiếp và 1 câu bị động (gạch dưới lời dẫn trực tiếp và câu bị động).

Gợi ý:

1. – Các từ ngữ thuộc:

+ Trường từ vựng thiên nhiên: *trăng, biển, sao, trời, rạng đông, nắng.* (Chỉ ra được 2 từ đúng cho 0,5, Nhưng sai 1 từ trừ 0,25đ)

+ Trường từ vựng chỉ hoạt động của con người: *hát, gọi, kéo, xếp, đón* (HS có thể kể cả các từ: *gõ, cho, nuôi*)

– Tác dụng: Tô đậm vẻ đẹp của thiên nhiên, vũ trụ và vẻ đẹp của con người lao động; khắc họa tư thế làm chủ biển khơi của người ngư dân, người lao động mới.

2. a. Đề tài của đoạn văn đứng trước câu chủ đề: “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là một bức tranh sơn mài lộng lẫy về vẻ đẹp của thiên nhiên.

b. Viết đoạn văn cần đạt các yêu cầu sau:

* Hình thức: đúng đoạn văn tổng phân hợp, độ dài khoảng 12 câu, có câu dùng lời dẫn trực tiếp, có câu bị động (mỗi yêu cầu 0,25 điểm)

* Nội dung: HS biết phân tích các biện pháp nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ; việc sử dụng nhiều động từ, tính từ, các từ ngữ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên, chỉ hoạt động của con người,... đã cho thấy tinh thần phấn khởi, lạc quan; khí thế lao động mạnh mẽ đầy tính tập thể của những con người lao động mới đang chinh phục và làm chủ biển khơi...

(Nếu nội dung đoạn văn không nêu bật nội dung: *bài thơ còn là lời ngợi ca vẻ đẹp của con người lao động mới*. Mọi phân tích đều không có giá trị. Cho điểm **Không** phân nội dung.

CHUYÊN ĐỀ 5: ÁNH TRĂNG

–NGUYỄN DUY–

Câu 1: Chỉ ra tên và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong hai khổ thơ đầu trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy?

Hồi nhỏ sống với đồng

với sông rồi với biển

hồi chiến tranh ở rừng

vầng trăng thành tri kỷ

Trần trụi với thiên nhiên

hồn nhiên như cây cỏ

ngỡ không bao giờ quên

cái vầng trăng tình nghĩa

Gợi ý

-Điệp từ: hồi +với

-> **Tác dụng:** Cách kể chuyện thân mật, gần gũi từ đó tô đậm thêm sự gắn bó chan hòa của con người với thiên nhiên, với những tươi đẹp của tuổi thơ.

-Liệt kê: đồng, sông, bể, rừng

-> **Tác dụng:** Liệt kê những kỉ niệm gắn bó với tuổi thơ và năm tháng chiến đấu ác liệt của tác giả.

-Nhân hóa: “vầng trăng thành tri kỷ”

-> **Tác dụng:** trăng là người bạn thân thiết, tri âm tri kỉ, là đồng chí cùng chia sẻ những vui buồn trong chiến trận với người lính – nhà thơ. Ông phải hành quân giữa đêm, trên những nẻo đường chông gai ra mặt trận, những phiên gác giữa rừng khuya lạnh lẽo, những tối nằm yên giấc dưới màn trời đen đặc, người lính đều có vầng trăng bên cạnh, cùng trải qua bao gian khổ của cuộc sống chiến đấu, cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ; cùng hân hoan trong niềm vui thắng trận, cung xao xuyến, bồn chồn, khắc khoải mỗi khi người lính nhớ nhà, nhớ quê...

-So sánh: “hồn nhiên như cây cỏ”

-> **Tác dụng:** cho ta thấy rõ hơn vẻ đẹp bình dị, mộc mạc, trong sáng, rất đời vô tư, hồn nhiên của vầng trăng. Đó cũng chính là hình ảnh con người lúc bấy giờ: vô tư, hồn nhiên, trong sáng.

-Nhân hóa “vầng trăng tình nghĩa”

->**Tác dụng:** Trăng là người bạn thân thiết, có tình nghĩa, sống thủy chung, son sắt không bao giờ quên đi con người.

Câu 2: Chỉ ra tên và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong hai khổ thơ giữa trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy?

Từ hồi về thành phố

quen ánh điện cửa gương

vầng trăng đi qua ngõ

như người dưng qua đường

Thình lình đèn điện tắt

phòng buyn-dinh tối om

vội bật tung cửa sổ

đột ngột vầng trăng tròn

Gợi ý:

quen ánh điện cửa gương

->**Biện pháp:** hoán dụ từ “ánh điện, cửa gương”

->**Tác dụng:** ánh điện, cửa gương đại diện cho những thứ sang trọng, hiện đại ở thành phố nơi mà tác giả sinh sống, từ đó mà tác giả đã lãng quên đi quá khứ ân tình thủy chung.

vầng trăng đi qua ngõ

->**Biện pháp:** nhân hóa từ “đi”

-> **Tác dụng:** Làm cho hình ảnh ánh trăng trở nên gần gũi, sinh động. Trăng lúc nào cũng dõi theo, theo sát con người, duy chỉ có con người là coi vầng trăng là “người dưng”

như người đứng qua đường

->Biện pháp: so sánh từ “như”

-> Tác dụng: So sánh thái độ của con người xem vàng trắng như người lạ, người không quen biết, tất cả những kỷ niệm thời quá khứ bỗng dưng không còn nữa.

Câu 3: Chỉ ra tên và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong hai khổ thơ cuối trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy?

Ngửa mặt lên nhìn mặt

có cái gì rưng rưng

như là đồng là bể

như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình

Gợi ý:

Ấn dụ từ “mặt”

->Tác dụng: Đối diện giữa con người và vàng trắng, giữa hiện tại với quá khứ ân tình thủy chung.

So sánh như

->**Tác dụng:** Thể hiện rõ tâm trạng ghen ngạo, xúc động của tác giả trước quá khứ

Liệt kê: đồng sông bể

->**Tác dụng:** giọng thơ dồn dập, nhấn mạnh cảm xúc đối diện của tác giả với quá khứ

Ấn dụ: Trăng cứ tròn vành vạnh

->**Tác dụng:** là tượng trưng cho quá khứ nghĩa tình, thủy chung, đầy đặn, bao dung, nhân hậu.

Nhân hóa: Hình ảnh “ánh trăng im phăng phắc

->**Tác dụng:** mang ý nghĩa nghiêm khắc nhắc nhở, là sự trách móc trong lặng im. Chính cái im phăng phắc của vầng trăng đã đánh thức con người, làm xáo động tâm hồn người lính năm xưa. Con người “giật mình” trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Đó là lời ân hận, ăn năn day dứt, làm đẹp con người.

Câu 4: Dựa vào mạch tự sự của bài thơ, hãy cho biết nhà thơ tập trung nói về sự kiện nào. Đâu là chi tiết có tính bước ngoặt để nhà thơ bộc lộ tâm trạng của mình.

Gợi ý:

– Sự kiện chính: Buyn - đình mất điện, nhà thơ mở cửa, bất ngờ gặp ánh trăng. Chi tiết mở cửa gặp trăng là chi tiết có ý nghĩa bước ngoặt, mở ra 1 trường tâm trạng của nhà thơ (nhớ về quá khứ, suy ngẫm về cách sống trong hiện tại,...)

– Những từ “thình lình”, “vội”, “đột ngột”...

– Gặp trăng trong tình thế bất ngờ nhưng đó là sự kiện tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong cảm nhận và suy nghĩ của nhà thơ.

Câu 5: Đoạn kết bài thơ có câu:

“Trăng cứ tròn vành vạnh”

a. Chép tiếp các câu thơ tiếp để hoàn thành khổ cuối bài thơ?

b. Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ có ý nghĩa gì? Từ đó em hiểu gì về chủ đề bài thơ?

Gợi ý:

a. Chép khổ cuối bài thơ:

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình

b. Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng.

– Vầng trăng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn suốt thời nhỏ tuổi, hồi chiến tranh ở rừng.

– Vầng trăng là biểu tượng của quá khứ nghĩa tình, hơn thế trăng còn mang vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống.

– Ở khổ thơ cuối, trăng tượng trưng cho quá khứ vẹn nguyên, chẳng thể phai mờ, là người bạn, nhân chứng nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và mỗi

chúng ta. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên thiên nhiên nhưng thiên nhiên (quá khứ) thì luôn tròn trịa, bất diệt.

*** Chủ đề của bài thơ “Ánh trăng”**

– Bài thơ là tiếng lòng, là những suy ngẫm thâm thúy, nhắc nhở ta về thái độ, tình cảm về đối với những năm tháng gian lao, tình nghĩa, đối với thiên nhiên, đất nước.

– Bài thơ có ý nghĩa nhắc nhở mọi người về thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa, thủy chung.

Câu 6: Tính chất triết lý và chiều sâu suy ngẫm của bài thơ thể hiện rõ nhất ở đoạn thơ nào? Vì sao em khẳng định như vậy?

Gợi ý:

Khổ thơ cuối thể hiện rõ nhất tính triết lý và chiều sâu suy ngẫm của nhà thơ:

+ “Trăng cứ tròn vành vạnh”: Thể hiện sự trong sáng, tròn đầy, thủy chung.

+ “Ánh trăng im phăng phắc”: Đó là sự im lặng nghiêm khắc mà nhân hậu, bao dung.

+ “Đủ cho ta giật mình”: Giật mình vì trăng đầy đặn nghĩa tình, mà mình lại có lúc quên trăng; giật mình vì trăng bao dung, nhân hậu, mà mình lại là kẻ vô tình; giật mình vì đã có lúc mình quên bạn bè, quên quá khứ.

Qua đây bài thơ nhắc nhở mọi người phải biết hướng về quá khứ, phải thủy chung với quá khứ.

Câu 7: Hình ảnh người lính qua 3 bài thơ: Đồng chí (Chính Hữu), Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật) và Ánh trăng của Nguyễn Duy.

Gợi ý:

– **Điểm chung:** Vẻ đẹp trong tâm hồn tính cách của người lính cách mạng như lòng yêu quê hương đất nước, yêu tổ quốc, sẵn sàng hi sinh vì đất nước, tinh thần dũng cảm, lạc quan vượt qua mọi khó khăn, thử thách, tình đồng chí đồng đội keo sơn gắn bó....

– **Điểm riêng:** Mỗi người lính trong từng bài thơ có những nét đẹp riêng và đặt trong những hoàn cảnh khác nhau:

+ **“Đồng chí”** viết về người lính trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Đó là những người lính xuất thân từ nông dân ở những làng quê nghèo khổ, tình nguyện, hăng hái ra đi chiến đấu. Tình đồng chí đồng đội của họ dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ, cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn và cùng chung mục đích lí tưởng chiến đấu. Tình đồng chí đồng đội là vẻ đẹp nổi bật của họ.

+ **“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”** viết về những người chiến sỹ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm chống Mỹ. Họ là những người lính dũng cảm, lạc quan yêu đời, hiên ngang, bất chấp khó khăn nguy hiểm có ý chí khát vọng giải phóng Miền Nam cháy bỏng . Đó là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

+ **“Ánh trăng”** là sự trần trụi, suy ngẫm của người lính đã đi qua cuộc chiến tranh nay sống trong hòa bình tự nhắc nhở thấm thía về thái độ, tình cảm đối với những năm tháng quá khứ gian lao, tình nghĩa, đối với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Đó chính là nét đẹp của người lính thời bình.

Câu 8: Ánh trăng là một nhan đề đa nghĩa. Hãy phân tích.

- Chúng ta đã từng biết đến vầng trăng nhớ cố hương của tiên thi Lý Bạch, từng rung cảm trước vẻ đẹp của ánh trăng - người bạn tri âm với người tù cộng sản

Hồ Chí Minh (Vọng nguyệt). Và với bài thơ Ánh trăng, Nguyễn Duy đã làm phong phú và giàu có thêm vẻ đẹp cũng như ý nghĩa của vầng trăng đã quen thuộc từ ngàn đời.

+ Trước hết, “ánh trăng” của Nguyễn Duy là hình ảnh đẹp của thiên nhiên với tất cả những gì là thi vị, gần gũi, hồn nhiên, tươi mát. Trong hai khổ thơ đầu, vầng trăng hiện ra trong không gian của ruộng đồng, sông biển, núi rừng. Đó là vầng trăng của “hồi nhỏ sống với đồng”, Ánh trăng gắn với tuổi ấu thơ của tác giả (D/c). Vầng trăng ấy hồn nhiên như cuộc sống, như đất trời (D/c)

+ Nhưng nếu chỉ có vậy, ánh trăng của Nguyễn Duy sẽ lẫn với vô vàn ánh trăng khác trong thơ ca hiện đại. Cũng giống như trăng của người bạn tù, vầng trăng của Nguyễn Duy đã thành “tri kỉ” - người bạn tình nghĩa. Ánh trăng thời chiến như chia sẻ những thử thách của chiến tranh, như cùng nhà thơ và đồng đội trải qua những kỉ niệm của thời “ở rừng”. Vầng trăng tri kỉ, vầng trăng tình nghĩa ấy dấu ấn của một thời gian khó: “ngỡ không bao giờ quên”.

+ Nhưng nhan đề “ánh trăng” còn thực sự sâu sắc, ý nghĩa bởi vầng trăng ấy còn là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình - kỉ ức gắn với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cam go mà hào hùng. Cuộc sống hoà bình “ánh điện cửa gương, buyn - đinh” đã khiến cho nhà thơ nhìn ánh trăng như một “người dung qua đường”. Con người từng một thời chiến đấu, từng ngang dọc trên nhiều chiến trường đã có lúc như lãng quên quá khứ. Nhưng rồi thành linh đèn điện tắt....: “đột ngột vầng trăng tròn”. Vầng trăng ấy đã đánh thức kỉ ức của tác giả, của thế hệ trẻ Việt Nam trong những ngày đánh Mỹ, thắng Mỹ.

- Ánh trăng lặng lẽ toả sáng trong bài thơ hay lặng lẽ như lời nhắc nhở giản dị mà sâu lắng: không được phép lãng quên quá khứ, có những thử thách, những hi sinh, những tổn thất thời đánh Mỹ ác liệt mới có cuộc sống hoà bình ngày hôm nay.

Câu 9: Phân tích 2 khổ thơ cuối của bài thơ “Ánh trăng”

- Trăng và con người đã gặp nhau trong một giây phút tình cờ. Con người không còn muốn trốn chạy vàng trăng, trốn chạy cả bản thân mình được nữa. Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế đối mặt: “mặt” ở đây chính là vàng trăng tròn. Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc - dùng những từ không trực tiếp để diễn tả sự xúc động, cảm động chợt dâng trào trong lòng anh khi gặp lại vàng trăng.

- Cảm xúc “rung rung”: tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương. Nhịp thơ hồi hả dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.

- Sự xuất hiện đột ngột của vàng trăng làm ulla dậy ở tâm trí nhà thơ bao kỉ niệm quá khứ tốt đẹp khi cuộc sống còn quá nghèo nàn, gian lao. Lúc ấy con người với thiên nhiên trăng là tri kỷ, tình nghĩa.

Khổ thơ kết lại bài thơ bằng hai vế đối lập mà song song:

“Trăng cứ tròn vành vạnh

.....đủ cho ta giật mình”

- Ở đây có sự đối lập giữa “tròn vành vạnh” và “kẻ vô tình”, giữa cái im lặng của ánh trăng với sự “giật mình” thức tỉnh của con người. Vàng trăng có ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Hình ảnh “vàng trăng tròn vành vạnh”, ngoài nghĩa đen là vẻ đẹp tự nó và mãi mãi vĩnh hằng của cuộc sống còn có nghĩa tượng trưng cho vẻ đẹp của nghĩa tình quá khứ, đầy đặn, thủy chung, nhân hậu bao dung của thiên nhiên, của cuộc đời, con người, nhân dân, đất nước.

- Hình ảnh “ánh trăng im phăng phắc” có ý nghĩa nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta: con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt. Sự không vui, sự trách móc

trong lặng im của vầng trăng là sự tự vấn lương tâm dẫn đến cái “giật mình” ở câu thơ cuối. Cái “giật mình” là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái “giật mình” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái “giật mình” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên. Thiên nhiên thật nghiêm khắc, lạnh lùng nhưng cũng thật ân tình, độ lượng bao dung, vầng trăng và thiên nhiên là trường tồn, bất diệt. Thì ra những bài học sâu sắc về đạo lí làm người đâu cứ phải tìm trong sách vở hay từ những khái niệm trừu tượng xa xôi. Ánh trăng thật sự đã như một tấm gương soi để thấy được gương mặt thực của mình, để tìm lại cái đẹp tinh khôi mà chúng ta tưởng đã ngủ ngon trong quên lãng.

Câu 10: Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ tượng trưng cho điều gì? Ý nghĩa khái quát của bài thơ “Ánh trăng”.

Gợi ý:

- Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ trước hết là vầng trăng của tự nhiên. Nhưng vầng trăng còn là biểu tượng của quá khứ đầy tình cảm, khi con người trần trụi giữa thiên nhiên, hồn nhiên, không so đo, tính toán. Khi đó, tâm hồn con người rộng mở, khoáng đạt như sông, như đồng, như bể, như rừng. Toàn là những hình ảnh thiên nhiên rộng dài, hùng vĩ. Nhưng khi kháng chiến thành công thì con người nhốt mình vào cửa kính, buyn – đinh, sống riêng cho mình, cho cái cá nhân nhỏ bé. Bởi thế mà không gần gũi, không mặn mà với vầng trăng. Lúc này trăng tượng trưng cho quá khứ ân tình, cho những tình cảm lớn lao mộc mạc nhưng bất tử, sáng trong mãi mãi. Con người có thể quên quá khứ, nhưng quá khứ không bao giờ quên. Trăng cứ tròn vành vạnh cũng như quá khứ tươi đẹp không bao giờ mờ phai, không bao giờ khuyết thiếu. Chỉ có những ai mê mãi với cái riêng mới có thể dửng dưng. Nhưng vầng trăng ấy bao dung, không “kể chi người vô tình”. Chính thái độ

lặng im cao thượng ấy càng làm những ai sớm quên quá khứ nghĩa tình phải giật mình.

- Bài thơ “Ánh trăng” là tâm sự của Nguyễn Duy, là suy ngẫm của nhà thơ trước sự đổi thay của hoàn cảnh sống, khi mà con người từ chiến tranh trở về cuộc sống hoà bình. Những sông, đồng, biển, rừng là hình ảnh tượng trưng, nhưng cũng là hình ảnh thật của những người kháng chiến. Thành phố là môi trường mới, là vùng đất mà trước đây những người kháng chiến không đặt chân tới (trừ các chiến sĩ hoạt động bí mật). Môi trường mới, tiện nghi mới, hoàn cảnh mới làm cho con người sống cách biệt với thiên nhiên, cũng có nghĩa là xa dần quá khứ, lạnh nhạt dần với quá khứ. Ánh trăng cảnh báo hiện tượng suy thoái về tình cảm, sẽ dẫn đến suy thoái lối sống, suy thoái đạo đức. Nó nhắc nhở con người cần thuỷ chung với quá khứ, với những điều tốt đẹp của quá khứ (không có mới nới cũ)

Câu 11: Phân tích đoạn cuối bài thơ “Ánh trăng”.

Khổ thơ cuối cùng là nơi tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

- Vầng trăng nằm toả sáng, tròn đầy, đó là một hiện tượng bình thường của thiên nhiên: trăng khuyết rồi lại tròn. Hình ảnh trăng được Nguyễn Duy miêu tả tròn đầy, vành vạnh, toả sáng khắp nơi. Trong không gian buyn đình tối om, đèn điện tắt, ánh trăng càng trở nên có giá trị.

- Mặc cho con người vô tình, “trăng cứ tròn vành vạnh”, đó là vẻ đẹp tự nó và mãi mãi vĩnh hằng. Đó còn là hình ảnh tượng trưng cho vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

- “Ánh trăng im phăng phắc”=> Vầng trăng cứ lặng lẽ toả sáng, không lời, phép nhân hoá khiến hình ảnh vầng trăng hiện ra như một con người cụ thể, một người bạn, một nhân chứng, rất nghĩa tình nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc đang nhắc nhở con người, một lời nhắc nhở thấm thía, độ lượng nhưng đủ làm để làm con người “giật mình” nhận ra sự vô tình lãng quên quá khứ tốt đẹp, tức là con người đang phản bội lại chính mình. Nó còn có ý nhắc nhở con người nên trân trọng, giữ gìn vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

Câu 12: Phân tích, so sánh hình ảnh “Trăng” (vầng trăng, mảnh trăng, ánh trăng....) trong các bài thơ “Đồng chí”, “Đoàn thuyền đánh cá”, “Ánh trăng”.

Gợi ý:

Điểm chung: Trăng trong cả ba bài thơ đều là hình ảnh thiên nhiên đẹp, trong sáng, người bạn tri kỉ của con người trong cuộc sống lao động và chiến đấu, trong sinh hoạt hàng ngày.

Điểm riêng:

- Trăng trong “*Đồng chí*” là biểu tượng của tình đồng chí, gắn bó keo sơn trong cuộc sống chiến đấu gian khổ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp, biểu tượng của hiện thực và lãng mạn, trở thành nhan đề của cả tập thơ “Đầu súng trăng treo”

- Trăng trong “*Đoàn thuyền đánh cá*” là cánh buồm chuyên chở và nâng bổng niềm vui hào hứng trong lao động làm chủ tập thể của những ngư dân đi đánh cá đêm, vẽ nên bức tranh sơn mài biển vàng biển bạc.

“Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé

Đêm thở sao lùa nước Hạ Long”

-Trăng trong “*Ánh trăng*” là vàng trắng tròn vành vạnh, im phăng phắc đột ngột ủa vào phòng buyn đình tối om trong đêm hoà bình mất điện ở thành phố Hồ Chí Minh đã khiến nhà thơ giật mình, ân hận, day dứt về suy nghĩ và cách sống hiện tại của mình. Ánh trăng như người bạn thân nhắc nhở, lay tỉnh lương tâm của tác giả: không được vô ơn với quá khứ, với đồng đội đã hi sinh với thiên nhiên nhân hậu và bao dung

Câu 13: Chép thuộc lòng đoạn kết bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy. Hình ảnh vàng trắng trong bài thơ có ý nghĩa gì? Từ đó em hiểu gì về chủ đề của bài thơ?

Gợi ý:

Vàng trắng trong bài thơ là một hình ảnh đa nghĩa

+ Vàng trắng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn suốt thời nhỏ tuổi, rồi thời chiến tranh ở rừng.

+ Vàng trắng là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, hơn thế trắng còn là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống.

+ Ở khổ thơ cuối cùng, trăng tượng trưng cho quá khứ vẹn nguyên chẳng thể phai mờ, là người bạn, là nhân chứng nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

->Từ đó, em hiểu chủ đề của bài thơ là: Bài thơ là tiếng lòng, là những suy ngẫm thấm thía, nhắc nhở ta về thái độ, tình cảm đối với những năm tháng quá khứ gian lao, nghĩa tình đối với thiên nhiên, đất nước bình dị, nhân hậu. Bài thơ có ý nghĩa nhắc nhở, củng cố người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

Câu 14: Có bạn không hiểu vì sao suốt bài thơ, tác giả bốn lần gọi là “vàng trắng” mà nhan đề và khổ thơ cuối lại viết về “ánh trăng”. Bạn ấy cũng không hiểu vì sao cùng viết về ánh trăng mà bài thơ “Ánh trăng” lại có một sức hấp dẫn riêng. Em hãy giải thích cho bạn ấy đó chính là sự sáng tạo độc đáo của Nguyễn Duy góp phần thể hiện chủ đề.

Gợi ý:

- Vàng trắng là một thi đề rất cổ điển của thi ca. Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy có một sức hấp dẫn riêng.

- Nếu trước đây, vàng trắng chỉ tượng trưng cho thiên nhiên đất nước tươi đẹp và vĩnh hằng: “một nửa vàng trắng thôi. Một nửa cứ đứng yên ở cuối trời” hay tượng trưng cho tình yêu son sắt, thủy chung không bao giờ phai như ánh trăng trong lời thề nguyện của Thúy Kiều và Kim Trọng, trong lời tỏ tình của Rô-mêo và Juliét thì nay vàng trắng của Nguyễn Duy còn thêm một lớp nghĩa mới. Vàng trắng đó còn biểu hiện cho quá khứ nghĩa tình của con người, gợi nhớ cái tuổi thơ êm ả, được hoà mình vào thiên nhiên tươi đẹp hay những đêm gian khổ, khó khăn ác liệt của cuộc đời người lính. Vàng trắng còn là một phần đẹp đẽ trong con người, vẻ đẹp của sự sáng trong và thánh thiện. Nguyễn Duy đã mở rộng và phát triển ý nghĩa của vàng trắng, nâng cao khái niệm tình yêu thành môi tình quá khứ của chính mình. Không những thế, tác giả còn hấp dẫn người đọc bởi khả năng tạo tình huống của mình:

“Thình lình đèn điện tắt

....đột ngột vàng trắng tròn”

- Nay đã gặp xưa, trong một hoàn cảnh mà con người khó lòng ngoảnh mặt đi như thế. Tình huống đã đã phân nào chỉ ra rằng: trong dòng đời hối hả ta đã vô tình quên đi vàng trắng thì có những khoảnh khắc vàng trắng xuất hiện nhưng vẫn tròn

vành vạnh. Bài thơ như một lời tự sự của chính mình. Chính vì thế nó có sức thuyết phục cao, dễ đi vào lòng người chứ không khô khan như một bài triết lí. Thể thơ 5 chữ trước đây vốn rất phù hợp với những câu chuyện nhẹ nhàng mang tính ngụ ngôn nay được tác giả sử dụng kết hợp với giọng điệu tâm tình làm bài thơ khi thì trôi chảy, tự nhiên nhịp nhàng như lời kể chuyện, khi thì thiết tha xúc động và cuối cùng lại trầm lắng suy tư. Và đặc biệt hơn nữa là thể thơ 5 chữ cũng được tác giả thay đổi và viết theo kiểu thơ vắt dòng làm ý thơ liền mạch như một câu chuyện bằng văn xuôi nhẹ nhàng tình cảm.

-Nhưng đặc sắc nhất là trong bài thơ 4 lần tác giả viết là vàng trắng trong khi nhan đề và khổ cuối lại là “Ánh trăng”. Đối với tác giả, vàng trắng là một người bạn tri âm, tri kỉ, từ hồi thơ ấu và khi ở chiến trường. Vì thế xuyên suốt bài thơ là hình ảnh “vàng trắng”. Còn hình ảnh “ánh trăng” là ánh sáng của vàng trắng, quang sáng của vàng trắng, là sự tinh tế, nhẹ nhàng của thiên nhiên. Vàng trắng có lúc tròn, lúc khuyết nhưng ánh trăng luôn luôn có màu vàng không đổi, soi sáng toả mát xuống cõi lòng của con người làm mỗi người thêm thanh thản nhẹ nhàng. Khó có thể nói “vàng trắng theo suốt ta cả cuộc đời” vì vàng trắng không phải lúc nào cũng xuất hiện nhưng rất phù hợp nếu nói rằng: “ánh trăng theo ta suốt cả cuộc đời” vì ánh trăng không chỉ là ánh sáng của vàng trắng mà còn là ánh sáng trong mỗi tâm hồn. Rõ ràng, hình ảnh “ánh trăng” mang ý nghĩa rộng hơn hình ảnh “vàng trắng”

Tác giả đã rất tinh tế trong việc dùng “ánh trăng” thay vì “vàng trắng” trong nhan đề và khổ thơ cuối. Đó cũng là một sáng tạo rất độc đáo của ông, góp phần làm tác phẩm ánh trăng có giá trị nội dung và nghệ thuật cao.

Câu 15: Phân tích tâm sự sâu kín của Nguyễn Duy qua bài thơ “Ánh trăng”.

a. Cảm nghĩ về vàng trắng quá khứ:

Trước hết là hình ảnh vàng trắng tình nghĩa, hiền hậu, bình dị gắn liền với kỷ niệm một thời nhà thơ hằng gắn bó.

– Ánh trăng gần với những kỷ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê.
“Hồi nhỏ sống với rừng

với sông rồi với biển”

-> Những “đồng, sông, bể” gọi một vùng không gian quen thuộc của tuổi ấu thơ, có những lúc sung sướng đến hả hê được chan hoà, ngụp lặn trong cái mát lành của quê hương như dòng sữa ngọt. Trăng khi đó là trò chơi của tuổi thơ cùng với những ước mơ trong sáng. Con người khi đó sống giản dị, thanh cao, chân thật trong sự hoà hợp với thiên nhiên trong lành, “trần trụi với thiên nhiên – hồn nhiên như cây cỏ”.

– Ánh trăng gắn bó với những kỷ niệm không thể nào quên của cuộc chiến tranh ác liệt của người lính trong rừng sâu.

“Hồi chiến tranh ở rừng

vàng trắng thành tri kỷ

trần trụi với thiên nhiên

hồn nhiên như cây cỏ

ngỡ không bao giờ quên

cái vàng trắng tình nghĩa”.

-> Trăng khi đó là ánh trăng trong đêm tối chiến tranh, là niềm vui bầu bạn của người lính trong gian lao của cuộc kháng chiến – vàng trắng tri kỷ.

– Bằng nghệ thuật nhân hoá, Nguyễn Duy đã gọi về trong lòng người đọc cả một ký ức tuổi thơ, một tình bạn tươi đẹp. Nhân vật trữ tình gắn bó với trăng trong những năm dài kháng chiến. Trăng vẫn thủy chung, tình nghĩa. Dẫu rằng cuộc sống nơi đồng bể là khó khăn nhưng bằng tình cảm chân thành mộc mạc, cao quý, trăng đến với con người không một chút ngần ngại. Trăng với người như hai mà một, đều chung thủy sắt son.

b. Cảm nghĩa về vàng trăng hiện tại:

Sau tuổi thơ và chiến tranh, người lính từ già núi rừng trở về thành phố – nơi đô thị hiện đại. Khi đó mọi chuyện bắt đầu đổi khác:

Từ hồi về thành phố

quen ánh điện cửa gương

vàng trăng đi qua ngõ

như người đứng qua đường.

– Vàng trăng tri kỷ ngày nào nay đã trở thành “người đứng”, người khách qua đường xa lạ, còn con người đau còn son sắt thủy chung? => Một sự thay đổi phủ phàng khiến người ta không khỏi nhói đau. Tình cảm xưa kia nay chia lìa.
+ Hành động “vội bật tung cửa sổ” và cảm giác đột ngột “nhận ra vàng trăng tròn”, cho thấy quan hệ giữa người và trăng không còn là tri kỷ, tình nghĩa như xưa, vì con người lúc này thấy trăng như một vật chiếu sáng thay thế cho điện sáng mà thôi.

– Vì sao lại có sự xa lạ, cách biệt này?

+ Sự thay đổi của hoàn cảnh sống – không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt: Từ hồi về thành phố, người lính xưa bắt đầu quen sống với những tiện nghi hiện đại như “ánh điện, cửa gương”. Cuộc sống công nghiệp hoá, hiện đại hoá của điện gương đã làm át đi sức sống của ánh trăng trong tâm hồn con người. Anh lính đã quên đi chính ánh trăng đã đồng cam cộng khổ cùng người lính, quên đi tình cảm chân thành, quá khứ cao đẹp nhưng đầy tình người.

+ Câu thơ dung dung – lạnh lùng – nhức nhối, xót xa miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống. Có lẽ nào sự biến đổi về kinh tế, về điều kiện sống, tiện nghi lại kéo theo sự thay dạ đổi lòng? (liên hệ: bởi thế mà ca dao mới lên tiếng nói: “Thuyền về có nhớ bến chăng?”. Tố Hữu, nhân dân Việt Bắc ở lại cũng băn khoăn một tâm trạng ấy khi tiễn đưa cán bộ về xuôi.

Mình về thành thị xa xôi

Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?

Phố đông còn nhớ bản làng

Sáng đêm còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?

=> Từ sự xa lạ giữa người với trăng ấy, nhà thơ muốn nhắc nhở: đừng để những giá trị vật chất điều khiển chúng ta...

c. Niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vầng trăng

Trăng và con người đã gặp nhau trong một giây phút tình cờ. Sự đổi thay của con người không làm vầng trăng cau mặt. Vầng trăng xuất hiện vẫn một tình cảm tràn đầy, không mảy may sứt mẻ. “Trăng tròn” là một hình ảnh thơ khá hay, không chỉ là ánh trăng tròn mà còn là tình cảm bạn bè trong trăng vẫn tròn vẹn, vẫn chung thủy như năm xưa. Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế đối mặt: “mặt” ở đây

chính là vầng trăng tròn. Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỷ ngày nào. Cách viết thật lạ và sâu sắc!

– Từ cái đối mặt trực diện ấy, ánh trăng đã thức dậy những kỷ niệm quá khứ tốt đẹp, đánh thức lại tình cảm bạn bè năm xưa, đánh thức lại những gì con người đã lãng quên.

– Cảm xúc “rưng rưng” là biểu thị của một tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương khi gặp lại bạn tri kỷ. Ngôn ngữ bây giờ là nước mắt dưới hàng mi. Nhịp thơ hồi hải đăng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.

“Ánh trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào:

“Trăng cứ tròn vành vạnh

... đủ cho ta giết mình”

– Ở đây có sự đối lập giữa “tròn vành vạnh” và “kẻ vô tình”, giữa cái im lặng của ánh trăng với sự “giết mình” thức tỉnh của con người.

+ Trăng tròn vành vạnh, trăng im phăng phắc không giận hờn trách móc mà chỉ nhìn thôi, một cái nhìn thật sâu như soi tận đáy tìm người lính đủ để giết mình nghĩ về cuộc sống hoà bình hôm nay. Họ đã quên mất đi chính mình, quên những gì đẹp đẽ, thiêng liêng nhất của quá khứ để chìm đắm trong một cuộc sống xô bồ, phồn hoa mà ít nhiều sẽ mất đi những gì tốt đẹp nhất của chính mình.

+ Trăng tròn vành vạnh là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. ánh trăng chính là người bạn nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta : con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

– Sự không vui, sự trách móc trong lặng im của vầng trăng là sự tự vấn lương tâm dẫn đến cái “giật mình” ở câu thơ cuối. Cái “giật mình” là cảm giá và phản xạ tâm lý có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình. Cái “giật mình” cầu sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái “giật mình” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên. Câu thơ thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

Câu 16: Có thể thay từ “với” trong câu thơ “với sông rồi với bể” thành từ “ở” không? Vì sao?

Gợi ý

Không thể thay từ “với” bằng từ “ở” vì

+Làm thay đổi mất dụng ý nghệ thuật của tác giả và cái hay của tác phẩm

+Từ “ở” là chỉ địa điểm, nơi sinh hoạt còn từ “với” tức là sự gắn bó mật thiết có nhiều kỷ niệm giữa tác giả với tuổi thơ cùng đồng, sông, rừng.

Câu 17: Tại sao trong bài “Ánh trăng” chỉ ở đầu các khổ thơ tác giả mới viết hoa và từ đầu đến cuối tác phẩm chỉ có 1 dấu chấm?

Gợi ý

Vì bài thơ mang tính chất tự sự, giống như một câu chuyện kể nên mỗi khổ thơ là một lời kể, một lời tâm sự. Vì thế, nhà thơ chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên ở mỗi khổ thơ nhằm tạo sự liên mạch về ý tưởng và hình ảnh trong từng khổ thơ hoặc cả bài thơ. Cách viết như vậy là một sự sáng tạo của nhà thơ, tạo ra sự liên mạch cảm

xúc. Dường như tác giả đang để tâm hồn hòa trong dòng cảm xúc, dòng suy tưởng, nên việc viết hoa chữ cái đầu không còn quan trọng nữa.

Câu 18: Xuyên suốt bài thơ là hình ảnh vầng trăng, nhưng ở những thời điểm khác nhau, quan hệ giữa con người với trăng lại có sự khác nhau. Chỉ ra điểm khác nhau đó?

<u>HÒI NHỎ:</u>	<u>KHI LỚN, ĐI LÍNH:</u>	<u>KHI VỀ THÀNH PHỐ:</u>
Sống chan hòa với thiên nhiên, làng quê, đồng nội. => trăng là bạn	Trăng là người đồng chí, cùng hành quân, chiến đấu, sẻ chia những khó khăn, gian khổ.	Quen với cuộc sống hiện đại nên trăng bị lãng quên.
=> Trăng là người bạn, là người đồng chí nghĩa tình, thủy chung.		=> Trăng bị xem là <i>người dưng qua đường</i> .

Ánh trăng ở đây đã là hình ảnh ẩn dụ: trăng chính là thiên nhiên, đất nước, là con người, là quê hương, là nhân dân. Dẫu có lúc con người quên ơn nhưng trăng thì luôn vẫn tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn, nghĩa tình

Dẫu có lúc cuộc sống của chúng ta còn nhiều vất vả với bao nỗi lo toan bởi sự mưu sinh, nhưng xin mọi người hãy ngừng nghỉ một chút để suy ngẫm để rồi sống tốt hơn, sống trọn vẹn, nghĩa tình, thủy chung để lương tâm luôn được thanh thản, không day dứt vì có lỗi với ai một đó.

Bài thơ của Nguyễn Duy đã cho ta bài học về đạo lí “***Uống nước nhớ nguồn***” và nó sẽ sống mãi với thời gian.

Câu 19: Phân tích mối quan hệ giữa nhân vật trữ tình và vầng trăng trong bài thơ theo diễn biến dòng thời gian. Tình huống nào tạo bước ngoặt trong tâm trạng của nhân vật trữ tình?

Gợi ý

Mối quan hệ giữa người và trăng được trình bày theo diễn biến ở hai thời kì: hồi nhỏ và thời chiến tranh; sau hoà bình.

– Hồi nhỏ và thời chiến tranh: “Hồi nhỏ sống với đồng – với sông rồi với bể – hồi chiến tranh ở rừng – vầng trăng thành tri kỉ”. Thời ấy con người sống chan hoà, gần gũi với thiên nhiên, còn thiên nhiên thì rộng lớn, khoáng đạt và xiết bao thân thiết với con người: “Trần trụi với thiên nhiên”. Con người có thể mở lòng mình với thiên nhiên, không phải e dè, không chút ngăn cách. “Hồn nhiên như cây cỏ” là giữ nguyên được sự trong sáng, vô tư, thành thực như thiên nhiên, cỏ cây cứ hồn nhiên sống mà bền bỉ vô tận. Trăng như là biểu tượng kết tinh của thiên nhiên, của mọi vẻ đẹp trong trẻo, dung dị -và trọn vẹn của cuộc sống nên trăng với con người trở thành “tri kỉ”, hơn thế nữa, trăng còn là “vầng trăng tình nghĩa”.

– Ngỡ như sự gắn bó tình nghĩa giữa con người và vầng trăng sẽ mãi mãi bền chặt, chẳng thể nào phai nhạt. Ấy vậy mà khi hoàn cảnh sống thay đổi, khi con người từ rừng về thành phố, mối quan hệ ấy đã đổi khác. Sống ở đô thị, con người bị vây bọc trong những không gian chật hẹp, ngăn cách của nhà cửa, phố xá; quen với những tiện nghi đô thị, xa cách dần với thiên nhiên, hững hờ ngay cả với vầng trăng dù nó vẫn hiện diện trên bầu trời thành phố. “Quen ánh điện, cửa gương” nghĩa là quen với cuộc sống đô thị, những cái hào nhoáng, bóng lộn, sang trọng của tiện nghi vật chất, con người dường như không còn cần đến thiên nhiên, hờ hững với vầng trăng tri kỉ, “vầng trăng tình nghĩa” một thời nên nhìn vầng trăng qua ngõ mà “như người dung qua đường”. Sự đổi thay của mối quan hệ giữa người và trăng hoàn toàn là do con người.

=>Tình huống bất ngờ làm cho nhân vật trữ tình phải thức tỉnh, gây nên những xúc cảm mạnh mẽ ở anh chính là sự kiện: “Thình lình đèn điện tắt – phòng buyn-đinh tối om”. Nhân vật trữ tình “vội bật tung cửa sổ” và thật bất ngờ, cái mà anh bắt gặp ở bên ngoài là một vầng trăng tròn. Vầng trăng ấy trong một lúc như gọi về trong anh bao nhiêu là cảnh tượng rộng lớn của thiên nhiên “như là đồng là bể – như là sông là rừng”, cùng với những kỉ niệm quá khứ của tuổi trẻ, của thời chiến tranh. Nhân vật trữ tình được sống trong trạng thái cảm xúc dâng tràn cao độ: “có cái gì rung rung”. Gặp lại vầng trăng như được gặp lại người bạn tri kỉ, nghĩa tình gắn bó suốt một thời mà lâu nay mình đã vô tình lãng quên, hờ hững. Vầng trăng thủy chung, tình nghĩa vẫn cứ lặng lẽ mà khiến nhân vật trữ tình phải “giật mình” thức tỉnh, cũng là tự nhìn lại mình, thấy rõ sự thờ ơ, vô tình với quá khứ của chính mình. Đó cũng chính là sự nhắc nhở về thái độ sống nghĩa tình với nhân dân, đồng đội, đất nước

Câu 20: Trong bài thơ “Ánh Trăng” của Nguyễn Duy có đoạn viết:

<i>Thình lình đèn điện tắt</i>	<i>Ngửa mặt lên nhìn mặt</i>	<i>Trăng cứ tròn vành</i>
<i>vạnh</i>		
<i>phòng buyn-đinh tối om</i>	<i>có cái gì rung rung</i>	<i>kể chi người vô</i>
<i>tình</i>		
<i>vội bật tung cửa sổ</i>	<i>như là đồng là bể</i>	<i>ánh trăng im phăng</i>
<i>phắc</i>		
<i>đột ngột vầng trăng tròn</i>	<i>như là sông là rừng</i>	<i>đủ cho ta giật</i>
<i>mình.</i>		

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

a) Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

- b) Tình huống Thành linh đèn điện tắt có vai trò, ý nghĩa gì trong bài thơ?*
- c) Các hình ảnh: Đồng, bể, sông, rừng trong đoạn trích trên đã từng xuất hiện ở khổ thơ thứ nhất của bài thơ. Việc lặp lại các hình ảnh ấy ở đoạn trích này có ý nghĩa gì ?*
- d) Viết một đoạn văn theo cách lập luận qui nạp (khoảng 12 câu) phân tích khổ thơ cuối của bài thơ để làm rõ ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng, chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm. Trong đoạn văn có sử dụng phép thế và một câu cảm thán (gạch dưới từ ngữ dùng làm phép thế và câu cảm thán).*
- e) Đoạn thơ trên gợi nhắc cho em nhớ tới bài thơ nào mà ở đó, hình ảnh trăng và rừng cũng trở nên vô cùng gần gũi, thân thuộc với cuộc đời người lính? Hãy ghi rõ tên tác giả của tác phẩm ấy.*

Gợi ý:

- a) Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: 1978, sau 3 năm đất nước thống nhất tác giả công tác tại Tp. HCM.
- b) Tình huống Thành linh đèn điện tắt có vai trò, ý nghĩa: Tạo nên bước ngoặt trong việc thể hiện cảm xúc của bài thơ và từ đó làm nổi bật chủ đề tác phẩm.
- c) Các hình ảnh: Đồng, bể, sông, rừng trong đoạn trích trên đã từng xuất hiện ở khổ thơ thứ nhất của bài thơ. Việc lặp lại các hình ảnh ấy ở đoạn trích này có ý nghĩa:
- Gợi nhớ về hình ảnh thiên nhiên đã gắn bó với nhân vật trữ tình trong quá khứ (hồi nhớ, hồi chiến tranh).

– Hình ảnh hoán dụ biểu tượng cho quá khứ tuổi thơ hồn nhiên (đồng, sông, bể) và quá khứ gian lao mà hào hùng thấm tình đồng chí đồng đội (rừng).

d) Phân tích khổ thơ cuối của bài thơ:

* Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm:

– Trăng “tròn vành vạnh”:

Gợi hình ảnh thiên nhiên tươi mát.

– Biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị mà vĩnh hằng của đời sống.

– Biểu tượng cho quá khứ tròn đầy, thủy chung, không thay đổi.

– 2 câu đầu các từ “cứ”, “kể chi” – > sự đối lập: Sự tròn đầy, vẫn nguyên, thủy chung của vầng trăng-quá khứ với sự thiếu sót, vô tình, sự đổi thay của con người.

– Hình ảnh nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc”: Trăng hiện lên như người bạn với cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung. Cái nhìn có sức soi rọi vào sâu bên trong tâm hồn con người để cho con người chợt giật mình thức tỉnh.

– Giật mình nhận ra sự vô tình đáng trách của mình, vì cuộc sống đầy đủ, vì hoàn cảnh ấm êm mà trở thành kẻ quay lưng với quá khứ. Đối diện với vầng trăng bao dung, một vầng trăng “tròn vành vạnh, im phăng phắc”, không lời buộc tội nhưng đủ để cho nhân vật trữ tình thấm thía với lỗi lầm. Lời thơ giản dị nhưng giàu ý nghĩa triết lí. Nó gợi cho con người đạo lý thủy chung, uống nước nhớ nguồn .

*** Về hình thức:**

– Đoạn văn theo cách lập luận qui nạp (khoảng 12 câu)

– Có sử dụng phép thế và một câu cảm thán (gạch dưới từ ngữ dùng làm phép thế và câu cảm thán).

e) Đoạn thơ trên gợi nhắc bài thơ “Đồng chí”, tác giả Chính Hữu.

CHUYÊN ĐỀ 6: KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ

-NGUYỄN KHOA ĐIỀM-

Câu 1: Tại sao chỉ có một em cu Tai mà tác giả lại viết là “những em bé lớn trên lưng mẹ? Nhan đề bài thơ có ý nghĩa như thế nào?

- Chỉ có một em cu Tai, nhưng tác giả lại viết là **“những em bé”**. Đây là cách khái quát trong thơ. Em cu Tai là một hình ảnh cụ thể, nhưng có bao nhiêu em bé đã lớn trên lưng của những bà mẹ người dân tộc Tà Ôi. Cũng có bao nhiêu bà mẹ ngoài đời nhưng nhà thơ lại chỉ viết một bà mẹ mà thôi. Một em bé để nói rất nhiều em bé. Nhiều bà mẹ, nhưng chỉ để nói về một người mẹ. Nhan đề của bài thơ do đó cũng là một ý thơ. Bài thơ ca ngợi người mẹ miền núi, cũng là người mẹ Việt Nam, kết hợp lòng thương con, yêu con với yêu thương bộ đội, yêu thương dân làng, yêu nước. Hình ảnh người mẹ là hình ảnh tượng trưng đã nuôi lớn những người con của mình để hiến dâng cho cuộc kháng chiến giành độc lập tự do cho Tổ Quốc.

Câu 2: Có bao nhiêu người ru trong bài thơ “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ”? Khúc hát này có điều gì đặc biệt về nhịp điệu, nội dung tình cảm?

Gợi ý:

Có hai lời ru của hai người ru em cu Tai, một là lời ru của tác giả, một lời ru khác là của mẹ em “Lung đưa nôi và tim hát thành lời”. Hai lời ru này hoà quyện vào nhau trong suốt bài thơ, tạo thành khúc hát ru độc đáo. Hai lời ru trong một khúc hát. Mỗi lời ru gồm hai phần: Lời ru của tác giả và lời ru của mẹ em. Lời ru của tác giả kể ra những công việc mẹ em làm. Lời ru của mẹ em mong ước về em và về kết quả công việc. Âm điệu có phần lặp lại nhưng vẫn có phần phát triển làm cho lời ru vừa du dương lại vừa biến hoá. Không phải là lời ru buồn quen thuộc với những “sung chát đào chua”, với những “con cò” và “cơn mưa mùa mứt”. Nội dung bài thơ là những công việc của một bà mẹ kháng chiến: giã gạo nuôi bộ đội; phát rẫy tía bắp, lấy lương thực cho làng kháng chiến; chuyển lán, đập rừng đánh Mĩ. Tình cảm của mẹ không chỉ dành cho con trai bé bỏng, mà còn dành cho bộ đội, cho dân làng, cho lãnh tụ và đất nước. Đây chính là những nét mới mẻ, độc đáo của bài hát ru.

Câu 3: Phân tích hai câu thơ:

“Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.”

Gợi ý

- Câu dẫn dắt mở đầu (giới thiệu tác giả, tác phẩm)
 - Hai câu thơ có lẽ là những câu thơ đặc sắc nhất trong bài thơ.
 - Phân tích (ý chính)
- + Mặt trời của bắp là mặt trời của tự nhiên, đem lại ánh sáng cho vạn vật, nếu thiếu đi ánh dương đó thì mọi sinh vật đều sẽ bị huỷ diệt (bắp cần ánh sáng)

+ Em Cu Tai là ánh sáng, là nguồn sống, là mặt trời bé nhỏ của người mẹ, là cuộc đời của người mẹ. Thế gian không thể thiếu ánh mặt trời cũng như người mẹ Tà ôi không thể thiếu vầng mặt trời bé nhỏ trên lưng.

(Mẹ gửi gắm mọi niềm hi vọng vào em Cu Tai)

=> Dù ở miền núi hay miền đông bằng, tình mẫu tử thiêng liêng bao giờ cũng sâu nặng.

- Cách thể hiện thơ và ngôn từ rất gần gũi với đời sống của người dân tộc. Cách thể hiện tình cảm chất phác mà sâu sắc.

Câu 4: Đọc kĩ hai câu thơ sau:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ, con nằm trên lưng”

(Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ- Nguyễn Khoa Điềm)

Từ “mặt trời” trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo biện pháp tu từ từ vựng nào? Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không? Vì sao?

Gợi ý:

Từ “mặt trời” trong câu thơ được sử dụng theo biện pháp tu từ ẩn dụ

- Không thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa.

Vì: Nhà thơ gọi em bé (đứa con của người mẹ Tà ôi là “mặt trời” dựa theo mối quan hệ tương đồng giữa hai đối tượng được cảm nhận theo chủ quan của nhà thơ. Sự chuyển nghĩa của “mặt trời” trong câu thơ chỉ có tính chất lâm thời, nó không làm cho từ có thêm nghĩa mới và không thể đưa vào để giải thích trong từ điển.

Câu 5: Viết đoạn văn quy nạp với câu chủ đề sau: “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ” ngọt ngào, tha thiết của Nguyễn Khoa Điềm là tình yêu thương con là ước vọng của người mẹ dân tộc Tà ôi dành cho con. (15 câu). Đoạn văn có sử dụng phép nối liên kết câu.

Gợi ý:

- Đề tài của đoạn văn (thơ)
 - Các khúc thơ lặp đi lặp lại đều đặn mang lại cho bài thơ âm hưởng mượt mà, ngọt ngào, sâu lắng => đúng là một lời hát ru.
 - Tình thương dành cho đứa con gắn bó sâu sắc với những tình cảm lớn lao
 - Ước mơ con lớn lên trở thành chàng trai khoẻ mạnh, trở thành những Đam San của thời đại mới.
 - Từ trên lưng mẹ em vào Trường Sơn: Cách nói rất cụ thể. Trong tình cảm yêu thương của người mẹ mà con lớn khôn, mẹ mong em sẽ trở thành người chiến sĩ.
 - Câu cuối: Con sẽ lớn lên, trưởng thành trong nền độc lập tự do.
- => Ty con gắn liền với ty đất nước, tha thiết với nền độc lập tự do => hoà quyện vào nhau sâu sắc
- Chú ý phân tích: mặt trời
 - Lưu ý chất dân tộc trong các khổ thơ từ nhan đề đến h/ảnh
- + Hình ảnh đứa con trên lưng mẹ trở đi trở lại trong đoạn thơ. Khắc sâu tình mẫu tử sâu nặng, thể hiện hồn dân tộc
- * Nếu như những bài hát ru xưa thuần túy chỉ là tình mẫu tử, thì ở đây, bên cạnh tình cảm ấy, ta còn thấy được t/y của mẹ với đất nước, xóm làng. Gắn liền với cuộc kháng chiến gian khổ vĩ đại của dân tộc, mang hơi thở của thời đại.

- Chú ý phân tích kĩ h/a: nhấp nhô....

Câu 6: Tại sao tác giả Nguyễn Khoa Điềm - một nhà thơ miền xuôi nhưng tại sao ông lại chọn viết về những “người mẹ” miền núi, cụ thể ở đây là dân tộc ít người Tà-Ôi?

Gợi ý:

-Vì ông là một nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong chiến khu tây Thừa Thiên gian khổ và ác liệt thời chống Mỹ. Trong những ngày mưa bom bão đạn ấy, bài thơ “*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*” đã ra đời.

-Trần Phương Trà kể lại “một lần về đến nhà,chưa kịp đặt gùi gạo xuống, với chiếc khăn mặt lau mồ hôi, Điềm ngồi vào bàn ghi ngay bài thơ “*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*” rồi đưa cho tôi. Tôi thú vị đọc bài thơ và sung sướng nói với Điềm. Đây là một bài thơ hay viết về đồng bào dân tộc thiểu số. Xin chúc mừng Điềm. ”

Câu 7: Nếu là một nhà thơ, một chiến sĩ cách mạng trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, vậy tại sao tác giả không lựa chọn viết về những cuộc hành quân gian khổ, viết về đề tài người lính như Chính Hữu và Phạm Tiến Duật trong bài thơ “Đồng chí” và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”?

Gợi ý:

-Tích hợp lịch sử: Bài thơ ra đời năm 1971(trong tập “Đất và khát vọng”)– những năm tháng quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ trên cả hai miền Nam Bắc. Giai đoạn này, cuộc sống của bộ đội và nhân dân ta trên các chiến khu rất gian nan, thiếu thốn. Ở những chiến khu miền rừng núi, cán bộ và nhân dân ta vừa bám rẫy, bám rừng vừa gia tăng sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ căn cứ.

Có lẽ vì thế, cả bài thơ không chỉ là khúc hát của người mẹ ru con, mà còn một lời ru khác song song: Lời ru của tác giả.

Câu 8: Đây là một bài thơ trữ tình, vậy hình ảnh trung tâm, cảm nghĩ trung tâm của bài thơ ở đâu?

Gợi ý:

- Đó là hình ảnh người mẹ Tà- ôi mang một tình thương mênh mông: thương con, thương làng đói, thương bộ đội, thương đất nước.

- Cảm nghĩ trung tâm: tình yêu thương con của người mẹ dân tộc gắn với tình yêu nước và công cuộc kháng chiến chống Mỹ. Da diết trong lời ru đó còn là khát vọng đất nước được hòa bình, thống nhất. Tình cảm mới mẻ và cao đẹp ấy đã đi vào tiếng ru như một dòng sữa ngọt, nuôi con khôn lớn và những em bé “lớn trên lưng mẹ” ở đây cũng chính là đã lớn lên trong sự trưởng thành của đất nước.

Câu 9: Bài thơ đã cấu trúc theo lối lặp lời, lặp câu, lặp nhịp. Em hãy chỉ ra điều những chi tiết thể hiện điều đó và cho biết cấu trúc lặp lời, lặp câu, lặp nhịp có tác dụng gì?

Gợi ý:

- Bài thơ có ba khúc, mỗi khúc có hai khổ và đều mở bằng hai câu: “Em cu Tai ... đừng rời lưng mẹ” rồi kết thúc bằng lời ru trực tiếp của người mẹ: “Ngủ ngoan A- kay ơi ...” (bốn câu). Ở từng lời ru trực tiếp này, nhịp thơ được ngắt dề đặn ở giữa dòng.

=> Cách lặp đi lặp lại, cách ngắt nhịp như thế tạo nên âm điệu dịu dặt, vãn vương của lời ru. Giọng điệu trữ tình thể hiện tình cảm tha thiết, trìu mến của người mẹ.

Điều ru vừa có sự lặp lại, vừa có sự phát triển theo ba đoạn của bài thơ thể hiện tình cảm thiết tha, sâu nặng và sự phát triển của tình cảm, ước mong, hành động của người mẹ.

Chính sự lặp lại này khiến chúng ta liên tưởng tới âm nhạc, như những giai điệu du dương đưa con vào giấc ngủ trong lành, giống như nhan đề bài thơ Nguyễn Khoa Điềm đã đặt.

Đó có lẽ cũng là lí do khiến cho sau này nhạc sĩ Trần Hoàn đã phổ nhạc bài thơ với tên gọi mới: bài hát “Lời ru trên nường”.

Câu 10: Câu thơ “Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng” gợi lên hình ảnh gì?

Gợi ý:

Câu thơ gợi nên sự cực nhọc, vất vả của mẹ trong lúc giã gạo. Người mẹ đang giã gạo chày tay trong khi đưa con nhỏ đang ngủ trên lưng, nhịp chày nghiêng kéo thêm giấc ngủ con nghiêng. Nhịp chày giã gạo thực ra nó không nghiêng nhưng vì giấc ngủ của em bé không được ngay ngắn như được đặt trên giường mà phải dựa vào tấm lưng người mẹ lúc lên xuống chao đảo, dập dờn nên nghiêng lệch hẳn đi.

=>Nhưng người mẹ ấy vẫn để em Cu Tai có giấc ngủ trọn vẹn trên lưng mình. Tưởng chừng như trong động tác của nhịp chày giã gạo cũng đã ngân lên nhịp điệu của lời ru ngọt ngào và nhịp đưa em đều đặn bình an như trên một chiếc một cánh võng êm.

Câu 11: Qua câu thơ “Mồ hôi mẹ rơi.... tim hát thành lời” hình ảnh người mẹ được hiện lên như thế nào? Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

Gợi ý:

- Qua 1 loạt hình ảnh hoán dụ: mồ hôi, lưng, má, vai, tim tác giả đã thể hiện trái tim yêu thương mệnh mệnh của người mẹ nghèo dành cho con, đặc biệt là hình ảnh **“má em nóng hổi”** vì giọt mồ hôi tuôn rơi của mẹ, lưng mẹ là chiếc nôi để con lớn lên, tim mẹ dạt dào tình mẫu tử đã hát thành lời. Đó là tiếng hát từ trái tim, từ cảm xúc yêu thương con của người mẹ.

Những giọt mồ hôi của mẹ vẫn rơi rơi, em bé vẫn ngủ ngon nhờ lời ru của mẹ, nhờ cả tình yêu thương dịu dàng và bao la trong những lời, những giọt mồ hôi vất vả... Mẹ vẫn luôn nghĩ đến em ngay cả khi lao động. Những giọt mồ hôi nóng hổi chứng tỏ rằng lúc đó trời nắng và người mẹ đã thấm mệt, nhưng mẹ vẫn hăng say lao động và trái tim mẹ thì cất tiếng hát ru con đầy yêu thương và hi vọng. -Khi mẹ giã gạo, cu Tai vẫn ngủ trên lưng. Trong giấc ngủ, em vẫn cảm nhận được mồ hôi của mẹ rơi trên má em nóng hổi, cảm nhận được sự vất vả và tình yêu con thiết tha của mẹ. Dường như chú bé cũng thấy được nỗi vất vả và ý nghĩa đẹp đó trong việc làm của mẹ nên hơi thở em hoà cùng hơi thở mẹ và em cố ngủ ngoan cho mẹ yên lòng.

=> Tác giả đã sử dụng thành công nghệ thuật so sánh, nhân hóa: đôi vai mẹ gầy **“nhấp nhô làm gối”** cho con, **“lưng đưa nôi”** ru con ngủ và nhịp tim của mẹ hát thành lời yêu thương tha thiết. Người mẹ Tà – ôi lấy thân mình làm nôi, vai gầy làm gối và ru con không chỉ bằng lời ru thông thường như mọi lời ru của cuộc sống thanh bình mà ru con bằng lời ru thấm từ trái tim, từ tình yêu con tha thiết sâu thẳm trong lòng mẹ. Âm vang lòng mẹ cất thành lời ru đầy xúc cảm.

Tuy nhiên, người đọc không khỏi bồi ngùi xúc động trước hình ảnh đôi vai gầy của mẹ. Cũng biết bao, trân trọng và yêu thương khi nghe con tim mẹ hát, vỗ về nâng đỡ giấc ngủ con thơ. Trong giấc ngủ, lúc nào Cu Tai cũng được ấp ủ tròn

hơi thở và tình thương của mẹ, được nghe mẹ hát ru. Khổ thơ đã thể hiện được tình mẫu tử thấm thiết, thiêng liêng cùng công việc vất vả của người mẹ già gạo để nuôi con, nuôi bộ đội Giải phóng.

-Lòng yêu con gắn liền với tình thương bộ đội “ Mẹ thương A- kay, mẹ thương bộ đội”

Câu 12: Trong câu thơ: “Mẹ thương Akay, mẹ thương bộ đội...vung chày lún sân”. Tác giả sử dụng điệp ngữ “mẹ thương” với mục đích gì? Vì thế trong lời ru của mẹ ta thấy mẹ có những ước mơ gì? Em có suy nghĩ gì về điều ước giản đơn đó của người mẹ Tà – ôi?

Gợi ý:

=> Điệp ngữ “mẹ thương” xuất hiện trong câu thơ ngắt hai vế đều đặn cho thấy người mẹ thương con như thương bộ đội, lòng yêu con gắn liền với tình yêu người kháng chiến

“Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần

Mai sau con lớn vung chày lún sân”

=> Người mẹ Tà Ôi mong có gạo để nuôi bộ đội, mong con khôn lớn để làm ra lúa gạo góp phần nuôi bộ đội bởi cuộc sống của những người Tà ôi những năm chống Mĩ còn bao cơ cực, thiếu thốn.

-> Điều ước ấy thật chân thật và cao quý vì đó là điều mong mỏi của người mẹ lao động nghèo cho kháng chiến. Dường như Hình ảnh em cu Tai ở đây vừa là đối tượng của lời ru vừa là dấu nối tinh thần giữa mẹ và nhân dân, Tổ quốc; giữa hiện thực với khát vọng tương lai; giữa hiện thực với lí tưởng thời đại. Vì thế, người mẹ Tà-ôi trong bài thơ dường như không chỉ của riêng em, mẹ chính là người phụ nữ Việt Nam mới: người mẹ chiến sĩ.

Câu 13: Hãy chỉ ra phép đối và tác dụng của nó trong 4 câu thơ sau?

Lung núi thì to, mà lưng mẹ nhỏ,

Em ngủ ngoan em, đừng làm mẹ mỏi.

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi,

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

Gợi ý:

Lung núi thì to mà lưng mẹ nhỏ

-Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi/Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

Tác dụng: làm nổi bật sự gian khổ, chịu đựng của người mẹ giữa núi rừng mênh mông, nổi bật sự kiên cường, bền bỉ của mẹ cũng như niềm hi vọng mãnh liệt mẹ trao gửi nơi con.

Câu 14: Điệp ngữ “mẹ thương” trong khúc hát thứ hai có gì đặc biệt so với khúc hát 1? Tác dụng của điệp ngữ đó là gì?

Gợi ý:

“Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói”

Sự sống của A -Kay cũng là sự sống của buôn làng. Trong lòng mẹ lúc này là một nỗi day dứt, là niềm thương cho dân làng đang chịu cảnh đói khổ. Càng thương con, người mẹ lại càng thương bà con dân bản. Mẹ muốn san sẻ tình yêu thương cho cộng đồng. Dân làng đang đói khổ - cuộc sống của người Tà ôi những năm chống Mỹ còn bao cơ cực, thiếu thốn, mẹ muốn cuu mang, chia sẻ. Sức mạnh của tình thương yêu cộng đồng sẽ giúp mẹ vượt lên tất cả. Bàn tay mẹ cần mẫn “tỉa bắp”, gieo mầm sự sống với niềm mong mỏi thật bình dị: “con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều.

Câu 15: Ở khúc hát thứ hai, người mẹ mơ ước điều gì? Em có nhận xét gì về mơ ước đó?

Gợi ý:

-Vì thương cảnh nghèo đói của dân làng, mẹ ước đây sẽ là một vụ mùa bội thu: “Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều”, và mẹ cũng ước con lớn lên có sức làm nương giỏi: “Mai sau con lớn phát mười Ka-lui”

=>Đây là một điều ước giản dị chân thật của một người lao động chân chính, không chỉ lo cho hạnh phúc của bản thân, mà trên hết – là ấm no của mọi người. Ở đây người mẹ cũng lồng vào đó ước mơ cho con, cũng là ước mơ chung con sẽ lớn lên, lúc đó con sẽ khỏe mạnh, sẽ chăm chỉ làm việc. Con của mẹ sẽ phát được mười cái nương trên núi Ka – lui. Dân làng sẽ không còn đói, hạt bắp đã lên đều, cuộc sống trở nên tươi đẹp. Đó là ước mơ mẹ dành cho con, cho dân làng.

-Sự sống của a-kay cũng là tương lai của buôn làng. Bởi thế cũng rất tự nhiên khi mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói. Cuộc sống của người Tà-ôi những năm chống Mĩ còn bao cơ cực thiếu thốn nhưng sức mạnh của tình thương sẽ giúp người mẹ vượt lên tất cả. Bàn tay mẹ cần mẫn tía bắp, gieo mầm sự sống với niềm mong mỏi thật bình dị : hạt bắp lên đều. Núi rừng, làng buôn và đứa con thân thương vô cùng với tâm hồn mẹ. Tình cảm yêu thương ấy còn thăng hoa trong những ước mơ về sự sống buôn làng. Đẹp thay và cũng dạt dào thương mến là lời thơ: Con mơ cho mẹ...hạt gạo trắng ngần, hạt bắp lên đều. Giấc mơ giản dị truyền sang em cu Tai còn chứa đựng niềm mong ước về tương lai.

Câu 16: Có người nói: Người mẹ trong tác phẩm của Nguyễn Khoa Điềm không chỉ biết yêu thương mà còn hành động vì yêu thương, đúng hay không? Tại sao?

Gợi ý:

- Đúng. Cảm hứng của khúc hát ru cuối gắn liền với hiện thực khốc liệt và khản trương của cuộc kháng chiến chống Mĩ, với nhịp sống ở chiến khu Trị - Thiên. Hình ảnh người mẹ Tà Ôi trong đoạn thơ này có một sự thay đổi, không chỉ yêu thương con mà còn hành động vì tình yêu một cách dứt khoát mạnh mẽ:

“Mẹ đi chuyển lán mẹ đi đập rừng.

Mẹ đi em đi để giành trận cuối

Từ trên lưng mẹ em tới chiến trường”

- Hai động từ “đi” đã gợi tả tư thế chủ động với những công việc tiếp sức chiến đấu: “chuyển lán, đập rừng”. Con người trong tư thế đối mặt với kẻ thù, quyết tâm chiến đấu giữ đất, giữ rừng. Người mẹ thật can đảm và dũng cảm cùng với “anh trai cầm súng, chị gái cầm chông” và “em Cu - Tai cũng theo mẹ vào trận cuối”. Những câu thơ hừng hực tinh thần bất khuất của người dân tộc miền Tây Thừa Thiên, đem lại cảm hứng lạc quan của cuộc chiến đấu chống Mĩ. Sự trưởng thành từ nhận thức đến hành động của mỗi con người đã được khẳng định bằng hai câu thơ thật khoẻ khoắn:

“Từ trên lưng mẹ, em đến chiến trường

Từ trong đói khổ, em vào Trường Sơn

Câu 17: *Hình ảnh người mẹ tham gia chiến đấu chứng minh một định lí gì của dân tộc ta? Em đã từng đọc câu thơ, hay tác phẩm nào về người phụ nữ ra trận?*

Gợi ý:

- “Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh” là truyền thống anh hùng của người phụ nữ Việt Nam. Ở đây, người mẹ đi con ra trận, đi tiếp tế, đi tải đạn vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

-Chị Võ Thị Sáu, Đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” (“Tắt đèn” – Ngô Tất Tố),..

Câu 18: Lời ru của người mẹ trong khúc ru thứ 3 này khác gì với hai đoạn trước? Từ đây, em có thể đúc kết điều gì cho câu trả lời gọi ra từ ban đầu: Nhan đề của bài thơ ẩn chứa điều gì?

Gợi ý:

- Tiếng hát ru con của người mẹ Tà Ôi không phải được cất lên bên cánh võng hay trên giường êm nệm êm trong phòng ngủ, không phải trong quá trình lao động nữa mà đã đi sâu vào chiến trận,khi mẹ “chuyển lán”, “đạp rừng” hoặc trên đường ra chiến trường để giành trận cuối. Như vậy, bà mẹ Tà Ôi là một người mẹ lao động, trực tiếp sản xuất, phục vụ cho chiến đấu của toàn dân tộc. Tình thương con, thương bộ đội, thương dân làng, thương đất nước hoà quyện vào nhau trong tấm lòng của một người mẹ miền núi yêu nước trong những năm tháng chống Mĩ khó khăn, gian khổ.

- Khi đặt tên nhan đề “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ”, phải chăng tác gia ngụ ý hai điều:

+Từ trên sân nhà, mẹ ra nương rẫy rồi mẹ đến chiến trường, và đưa con của mẹ cũng lớn dần, cùng mẹ góp phần vào kháng chiến.

+ Mẹ đã dùng tấm lưng làm nôi nuôi dưỡng những dũng sĩ cho cuộc kháng chiến của dân tộc và gánh chịu tất cả nỗi vất vả, gian lao để giành chiến thắng.

Từ “những” ở đây là số nhiều, để nói rằng: Trong những năm tháng chiến tranh cơ cực ấy, không phải một người mẹ, không phải một đứa bé, mà có biết bao nhiêu người phụ nữ dân tộc khác cùng địu con tham gia kháng chiến, tựa như câu thơ:

“Ta lại viết bài thơ trên bảng sủng

Con lớn lên đang viết tiếp thay cha

Người đứng dậy viết tiếp người ngã xuống

Người hôm nay viết tiếp người hôm qua.”

Có lẽ, đó cũng chính là tinh thần chung của dân tộc, là minh chứng hùng hồn nhất cho định nghĩa về “chiến tranh nhân dân” đã đánh bại đế quốc Mỹ ra khỏi bờ cõi dân tộc, y lời đại tướng Võ Nguyên Giáp:

"Nghệ thuật quân sự của chúng tôi, là lấy tinh thần chế ngự vật chất, lấy yếu chế ngự mạnh, lấy thô sơ chế ngự hiện đại. Chúng tôi đánh bại quân đội đế quốc hiện đại bằng tinh thần yêu nước của nhân dân cùng với chủ nghĩa anh hùng Cách mạng".

Câu 19: Hai câu thơ: “Từ trên lưng mẹ...Trường Sơn” thể hiện quy luật tất yếu gì của Cách mạng?

Gợi ý:

- Nếu tách hai câu xa nhau, sẽ không thấy được tính quy luật tất yếu của cách mạng. Câu trên có thể vẫn là câu thơ hay: Từ cuộc đời của em bé cụ thể này, tác giả đã bao quát được số phận của đất nước – một đất nước đã có truyền thống chú bé làng Gióng bước ra từ nôi tre là nhảy ngay lên ngựa sắt ra trận, câu tập nói đầu tiên là xin đi đánh giặc. Câu thơ dưới tính hình tượng ít hơn nhưng cũng là một cách khái quát con đường đi tới cách mạng của dân ta. Đặt hai câu cạnh nhau tạo

thành một cặp lập luận, chúng có sức cộng hưởng sang nhau, tạo thành một khối vừa sâu về ý, vừa đẹp về hình ảnh.

Câu 20: Tại sao tác giả lại viết con mơ cho mẹ mà không viết mẹ mơ cho con, mẹ mơ con sẽ? Mơ ước cuối cùng của mẹ có ý nghĩa gì? Tại sao mẹ lại mơ cho con được gặp Bác Hồ?

Gợi ý:

-Tác giả chọn cách nói “con mơ cho mẹ” mà không phải là “mẹ mơ cho con” hay “mẹ mơ con sẽ” vì ông muốn nhấn mạnh sự thống nhất sự gắn bó máu thịt của hai mẹ con. Mẹ gửi gắm niềm mong mỏi vào giấc mơ của con để con ngủ ngoan, có những giấc mơ đẹp và trong lòng mẹ thì:

“Con dù lớn vẫn là con của mẹ

Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con”

-Ước mơ được gặp Bác Hồ: Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ

-Ước tự do cho con: Mai sau con lớn làm người tự do.

-“Con mơ cho mẹ thấy được Bác Hồ - Mai sau con lớn làm người Tự do...” -> mẹ ước mong trong giấc mơ của con cho mẹ được thấy Bác Hồ. Mẹ ước mơ sau này cu Tai sẽ thành người tự do. Đó là ước mơ cháy bỏng, ước mơ lớn lao nhất, đẹp đẽ nhất. Lòng yêu con của mẹ đến đây gắn liền với lòng yêu nước: ‘Mẹ thương a kay mẹ thương đất nước’. Người mẹ gửi gắm vào giấc mơ của con niềm khao khát được gặp Bác Hồ và mong đất nước được độc lập tự do:

Con mơ cho mẹ được gặp Bác Hồ

Mai sau con lớn thành người tự do

Bác Hồ - vị cha già kính yêu của dân tộc. Bác sống mãi trọn đời trong trái tim nhân dân. Ở đây là trong trái tim của người mẹ. Người mẹ mong được thấy Bác, thấy con người đã vạch ra con đường đem đến tự do cho đất nước, cho cuộc đời bao người, trong đó có mẹ, có dân làng, có em cu Tai. Hi vọng của mẹ trở nên thiết thực và gần kề.

-Trong tình cảm của người Tà-ôi cũng như của những đứa con miền Nam chiến đấu chống Mĩ, Bác Hồ luôn là nguồn động viên, là biểu tượng sáng chói của cách mạng, của chiến thắng. Bởi vậy, mong ước được gặp Bác luôn là cảm xúc thường trực, dù cho thời điểm viết bài thơ này là 1971. Bởi lẽ, chỉ có thống nhất, mẹ mới được ra với Bác. Giấc mơ đẹp gắn liền với ước nguyện giành lại trọn vẹn non sông, thoả lòng Bác mong. Lời ru kết lại cùng hình tượng em cu Tai của tương lai là người Tự do của một đất nước hoà bình. Đó cũng là mong ước chung của nhân dân, của những người Việt Nam yêu nước.

Câu 21: Hình ảnh người mẹ Tà-ôi đã hiện lên với tình yêu con vừa “truyền thống” vừa “hiện đại”. Em hãy chứng minh điều đó?

Gợi ý:

****Truyền thống:*** Tình yêu thương con tha thiết

thể hiện trước hết ở hình ảnh đứa con lúc nào cũng gắn liền với người mẹ, dù là ở đâu, làm việc gì thì người mẹ Tà – ôi cũng địu con trên lưng : “Vai mẹ gầy nháp nhô làm gôi – Lưng đưa nôi và tim hát thành lời”.

+ Tình yêu con thấm thiết của người mẹ được bộc lộ trực tiếp qua những lời ru, thể hiện những mong ước của người mẹ về đứa con, được cất lên từ trái tim người mẹ, với bao yêu thương và hi vọng, được thể hiện trong điệp khúc : “Ngủ ngoan a-kay oi, ngủ ngoan a-kay hời.... – Con mơ cho mẹ...”. Ước mơ của người mẹ về đứa con gắn liền với từng công việc cụ thể mà người mẹ đang làm, đồng thời lại có sự phát triển theo từng đoạn thơ (HS tìm những câu thể hiện ước vọng của người mẹ trong ba đoạn, chỉ ra sự phát triển của những ước vọng ấy).

***Hiện đại:** Tình yêu con ở người mẹ gắn liền với tình yêu đất nước, cách mạng:

+ Trong hình ảnh người mẹ Tà – ôi , điều nổi bật là sự thống nhất giữa tình yêu con với tình yêu thương dân làng, yêu thương bộ đội, rộng ra là đất nước, cách mạng. Sự thống nhất không thể tách rời của tình cảm ấy đã được thể hiện trong những lời ru :

Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội

Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đời

Mẹ thương a-kay, mẹ thương đất nước.

Câu 22: So sánh hình ảnh người mẹ trong bài thơ của Nguyễn Khoa Điềm với hình ảnh người bà trong bài thơ “Bếp lửa”?

Gợi ý:

- Nếu thơ trung đại viết về người phụ nữ Việt Nam với nét nổi bật là sự thủy chung, son sắt thì thơ hiện đại lại hướng ngòi bút vào tình yêu gia đình gắn chặt với tình yêu quê hương, đất nước ở họ. Hình ảnh hai người phụ nữ trong hai bài

thơ ‘Bếp lửa’ của Bằng Việt và ‘Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ’ của Nguyễn Khoa Điềm đã minh chứng cho điều đó.

- Với sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận, Bằng Việt đã đưa ta vào thế giới kỉ niệm của tình bà cháu gắn bó cũng là tình cảm đối với quê hương, đất nước trong “bếp lửa”. Còn Nguyễn Khoa Điềm lại thể hiện tình yêu của người mẹ dành cho con gắn chặt với tình yêu làng – nước và tinh thần chiến đấu của người mẹ miền tây Thừa Thiên qua ‘Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ’ mang giọng thơ ngọt ngào, trù mên.

**** Bếp lửa - Bằng Việt***

-Đến với Bằng Việt, ta được cảm nhận hình ảnh người bà với bao trù mên, dịu dặt và yêu thương con cháu. Hình tượng người bà hiện lên với sự tần tảo, tấm lòng đôn hậu, tình thương bao la. Bà mang dáng dấp của người phụ nữ Việt Nam quả cảm: “Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi....nhà vẫn được bình yên”

-Bà chan chứa niềm tin dai dẳng, bền chặt, bà trao cho người cháu một niềm tin vào tương lai tươi sáng, niềm tin vào tình bà bất diệt, lớn lao, về sự ấm no của đất nước: “Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn/Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”

- Cuộc đời bà ‘lận đận’, vất vả nhưng chẳng vì thế mà bà lùi bước. Bà lo toan, dịu dặt cho người cháu và cả dân làng. Đó chính là biểu hiện tình yêu quê hương, đất nước rõ ràng nhất.

****Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm***

-Cùng là vẻ đẹp về tình thương bao la, cháy bỏng, giàu đức hi sinh giống như người bà trong tác phẩm ‘Bếp lửa’ của Bằng Việt nhưng với cách viết tự nhiên, đậm chất nhạc, bằng khúc hát ru chứa chan tình cảm, Nguyễn Khoa Điềm đem đến cảm nhận khác về người phụ nữ. Người mẹ với tất cả sự hi sinh đã nuôi nấng đưa

con không phải ở trên nôi mà ở trên lưng mẹ. Em Cu Tai ‘cùng’ mẹ ‘làm’ tất cả ‘công việc’: giã gạo, tĩa bắp, tham gia kháng chiến

-Mẹ là người phụ nữ chịu thương, chịu khó, bền bỉ, nhẫn nại, cần cù. Công việc của mẹ cũng như bao anh chị em khác: làm việc vì quê hương và đất nước. Mẹ tĩa bắp, chuyển lán, đập rừng, giành trận cuối – toàn những công việc hết sức vất vả, khó khăn. Mẹ cũng không ngại, quyết tâm trong cả lao động và kháng chiến. Qua những câu thơ, mẹ hiện lên với công việc và ẩn chứa trong đó là một tấm lòng yêu thương tha thiết. Người mẹ ấy thấm thiết yêu con và cũng nặng tình thương với buôn làng, quê hương, bộ đội, khát khao đất nước được độc lập, tự do. Người mẹ Tà Ôi thật kiên cường và giàu nghị lực. Đó là những nét đáng quý của người phụ nữ Việt thời chiến.

- Tình yêu, niềm tin của mẹ dành cho em Cu Tai cũng gắn với tình yêu bộ đội và Bác Hồ, quê hương. Người mẹ giàu tình thương ấy gửi trọn niềm tin mong mỏi vào giấc mơ, chính đứa con yêu quý. Giọng điệu của lời thơ – lời ru ngày một tiến triển một cách tha thiết, tin tưởng, niềm vui tốt cùng của mẹ là: ‘Mai sau con lớn thành người tự do’.

- Người mẹ với tất cả tố chất của một nữ anh hùng như theo đến với cuộc đời mình là hình ảnh người phụ nữ Việt Nam ‘anh hùng – bất khuất – trung hậu – đảm đang’.

=>Hai lối viết khác nhau, nhân vật cũng khác nhau về hoàn cảnh nhưng lại gặp nhau ở sự chịu thương, chịu khó, lam lũ vất vả, giàu đức hi sinh, họ đều là những con người mang vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam anh hùng.

Cả hai nhà thơ Bằng Việt và Nguyễn Khoa Điềm có cách thể hiện và xây dựng nhân vật trữ tình của mình rất riêng, rất khác nhưng đều thành công khi xây dựng hai nhân vật nữ với những nét đặc sắc rất riêng, đại diện cho những người phụ nữ

Việt Nam giàu tình yêu thương, chịu thương chịu khó, bền bỉ, nhẫn nại, cần cù, giàu đức hi sinh, dũng cảm, kiên cường. Đó chính là sự hội tụ vẻ đẹp thiên tính và vẻ đẹp thời đại của người phụ nữ Việt.

CHUYÊN ĐỀ 7: LÀNG

-KIM LÂN-

Câu 1: Nêu tình huống truyện và tác dụng của nó trong tác phẩm “làng” – Kim Lân?

Gợi ý:

****Tình huống***

Ông Hai là một người rất yêu làng của mình nhưng vào 1 hôm ông Hai nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc.

=> Tình huống đối nghịch với tình cảm tự hào mãnh liệt về làng Chợ Dầu của ông Hai. Khác với suy nghĩ về một làng quê “Tinh thần cách mạng lắm” của ông.

****Vai trò***

- Tạo tâm lí, diễn biến gay gắt trong nhân vật, làm bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước ở ông Hai.

- Xét về mặt hiện thực, chi tiết này rất hợp lí.

- Xét về mặt nghệ thuật nó tạo nên một nút thắt cho câu chuyện; gây ra mâu thuẫn giằng xé tâm lí ông lão đáng thương và đáng trọng ấy; tạo ra điều kiện để thể hiện tâm trạng và phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc; góp phần giải quyết chủ đề tác phẩm: phản ánh và ca ngợi tình yêu làng, yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Sự phát triển của câu chuyện sẽ bám theo cái tình huống oái oăm ấy.

Câu 2: Nhan đề của truyện là "Làng" sao không phải là "Làng chợ Dầu" chẳng hạn. Từ nhan đề của truyện, em hiểu gì về chủ đề của tác phẩm?

Gợi ý

Nhan đề của truyện là "Làng" không phải là “Làng chợ Dầu” vì nếu là “Làng chợ Dầu” thì vấn đề mà tác giả đề cập tới chỉ nằm trong phạm vi nhỏ hẹp, cụ thể ở một làng. Dụng ý của tác giả muốn nói tới một vấn đề mang tính phổ biến ở khắp các làng quê, có trong mọi người nông dân. Bởi thế "làng" là nhan đề hợp lý với dụng ý của tác giả.

->Qua đó ta hiểu chủ đề của truyện: ca ngợi tình yêu làng quê tha thiết của những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp.

Như vậy, nhan đề "làng" vừa nói lên được cái riêng là tình yêu làng của ông Hai, đồng thời qua cái riêng ấy, cũng nói lên được cái chung: tấm lòng của những người dân quê đất Việt.

Câu 3: Trong "Làng", Kim Lân có kể về ông Hai cứ múa tay lên mà khoe nhà ông bị giặc đốt, đốt nhẵn. Chi tiết này dường như vô lý. Ý kiến của em như thế nào? Ghi lại văn tắt.

Gợi ý:

Trong "Làng", chi tiết kể về ông Hai cứ múa tay lên mà khoe nhà ông bị đốt nhẵn... Mới đọc chi tiết này, ta thấy dường như vô lý bởi ngôi nhà là cả một tài sản quá lớn. Hơn thế nó còn gắn với bao kỷ niệm vui buồn rất thiêng liêng của mỗi con người. Mất nó ai mà không xót xa đau đớn ? Nhưng ông Hai lại có cử chỉ “Múa tay lên để khoe” đó là biểu hiện của tâm trạng sung sướng, sung sướng đến tột độ. Tâm trạng này dường như có vẻ không bình thường? Không! Đặt ông Hai trong hoàn cảnh của "Làng", làng Dầu đang bị hai tiếng “việt gian” theo tây thì ông Hai vui sướng sao được vì nhà bị tây đốt là bằng chứng hùng hồn rằng làng Dầu của ông vẫn theo kháng chiến, theo cách mạng, đó là một làng quê anh hùng, đứng dậy chống thực dân Pháp. Chắc hẳn mất nhà ông Hai cũng đau lắm chứ, xót xa lắm

chứ. Nhưng dù thế nào thì nhà còn có thể xây dựng lại được, song danh dự của làng đâu dễ lấy lại? Ông đã quên ??? sự mát mát riêng để tự hào sung sướng trong vẻ đẹp, sức mạnh chung của làng quê, đất nước, thế đấy, niềm vui, nỗi buồn của ông Hai luôn gắn liền với vận mệnh của Làng Dầu. Thế mới biết ông Hai yêu làng quê tha thiết đến chừng nào! Tình yêu làng quê được mở rộng, hoà quện trong tình yêu tổ quốc thật sâu nặng và thiêng liêng.

Câu 4: Tâm trạng nhân vật ông Hai (Làng – Kim Lân) trong những ngày nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc được tả như sau:

“Ông Hai vẫn trần trọc không sao ngủ được. Ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài. Chợt ông lão lặng hắt đi, chân tay nhũn ra, tưởng chừng không thể cất lên được... có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mụ chủ... Mụ nói cái gì vậy? Mụ nói cái gì mà lào xào thế? Trống ngực ông lão đập thành thịch. Ông lão nín thở, lắng tai nghe ra bên ngoài...”

(Làng, Kim Lân)

a. Nếu lược bỏ các dấu ba chấm và câu hỏi trong đoạn văn trên thì cách miêu tả nhân vật và giá trị biểu cảm của đoạn văn có gì thay đổi? Vì sao?

b. Trong một đoạn trích của Truyện Kiều đã học cũng có bốn câu thơ dùng câu hỏi để diễn tả tâm trạng nhân vật. Hãy chép lại những câu thơ đó (ghi rõ tên đoạn trích).

Gợi ý

a. Nếu lược bỏ các dấu ba chấm và câu hỏi trong đoạn văn trên thì cách miêu tả nhân vật vẫn không thay đổi: tâm trạng nhân vật vẫn được miêu tả qua cử chỉ, hành động và độc thoại nội tâm. Nhưng giá trị biểu cảm của đoạn văn sẽ ảnh hưởng: tâm

trạng lo lắng buồn bã, sợ hãi và nghe ngóng của ông Hai không rõ nữa, tốc độ phát triển nhân vật cũng nhanh hơn.

b. Bốn câu thơ có dùng câu hỏi diễn tả tâm trạng nhân vật trong Truyện Kiều là: Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

Buồn trông ngọn nước mới sa,

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

(Kiều ở lầu Ngưng Bích)

Câu 5: Phân tích đoạn:

- Thế nhà con ở đâu?

...

- Ủ, đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ:

Qua đoạn đối thoại này, tâm trạng ông Hai có gì đặc biệt? Điều đó thể hiện nỗi niềm sâu kín của nhân vật này như thế nào?

Gợi ý:

- Khô tâm vì nhầm tưởng làng mình theo Tây, nước mắt giàn giụa trên má

- Bộc lộ tình yêu làng, yêu nước của ông. Những day dứt, trăn trở trong lòng ông, ông như muốn khẳng định tình yêu làng chợ Dầu và sự trung thành với cách mạng, với kháng chiến.

- Ông hỏi con những câu tưởng rất vu vơ, bởi đơn giản ông muốn được nghe về làng chợ Dầu, được thấy con trẻ nhắc đến ngôi làng mà mình yêu quý.

- Vì làm trưởng làng theo giặc -> cả hai bố con ông đều trả lời khe khẽ, thủ thi. Ông Hai xấu hổ cho làng ông, cho người dân quê ông: "hai bên mả..." chứng tỏ ông rất khổ tâm.

- Cách thể hiện tình yêu của ông Hai rất mộc mạc và chân thành. Câu trả lời của đứa con út: "ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm" hay chính là nỗi lòng của ông: ông chuyện trò với con hay đang giải bày cho vơi bớt nỗi khổ, sự tủi hổ, dằn vặt đang ám ảnh trong lòng ông suốt mấy hôm nay.

=> Những dòng đối thoại ngắn gọn, giản dị, sâu sắc, chân quê đã thể hiện được nỗi lòng sâu kín trong lòng ông Hai.

Câu 6: Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Cả làng chúng nó Việt gian, theo Tây...” cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông. Hay là quay về làng?... Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ... Nước mắt ông giàn ra. Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây. Ông lão nghĩ ngay đến mấy thằng kì lí chuyên môn khoa khoét ngày trước lại ra vào hống hách trong cái đình...”

a. Nêu nội dung của đoạn văn?

b. Câu văn “Hay là quay về làng?...” thuộc kiểu câu nào chia theo mục đích nói? Dấu ngoặc kép trong đoạn văn có tác dụng gì?

c. Có ý kiến cho rằng: Thành công trong cách xây dựng tình huống truyện ngắn Làng là nhà văn đã đặt ông Hai vào những giằng xé nội tâm để buộc nhân vật phải lựa chọn giữa tình yêu làng và tình yêu nước. Em hãy viết một đoạn văn

khoảng 12 câu lý giải ý kiến trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu hỏi tu từ và một câu có chứa khởi ngữ

Gợi ý

a. Nội dung của đoạn văn: Sự giằng xé nội tâm của nhân vật ông Hai giữa việc quay về làng hay ở lại.

b. Câu văn “Hay là quay về làng?...” thuộc kiểu câu nghi vấn. Tác dụng dấu ngoặc kép: Đánh dấu lời thoại trực tiếp

c.

Định hướng ý:

- Làm rõ tình yêu làng và tình yêu nước của ông Hai trước và sau khi nghe tin làng Dầu theo giặc.

- Trước đây, tình yêu làng và tình yêu nước hòa quyện trong nhau thì lúc này; ông Hai buộc phải lựa chọn đau đớn giữa quê hương và Tổ quốc, giữa nghĩa nước với tình làng. Điều đó không đơn giản vì với ông, làng Chợ Dầu đã trở thành một phần của cuộc đời, không dễ gì vứt bỏ; còn cách mạng là cứu cánh của gia đình ông, giúp cho gia đình ông thoát khỏi cuộc đời nô lệ.

- Một cuộc xung đột nội tâm gay gắt giữa tình yêu làng quê và tinh thần yêu nước đã diễn ra ở ông Hai. Ông đã dứt khoát lựa chọn theo cách của mình: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây thì phải thù”. Tình yêu nước đã rộng lớn hơn, bao trùm lên tình cảm với làng quê. Như vậy, tình yêu làng đâu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu cũng không thể mãnh liệt hơn tình yêu đất nước. Đó là vẻ đẹp tâm hồn cao cả của con người Việt Nam, khi sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để sống với tình cảm chung của cả cộng đồng, của cả dân tộc và đất nước. Nhưng dù đã

xác định như thế, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với làng quê, vì thế mà ông càng xót đau, tủi hổ.

Câu 7: Cho đoạn văn sau:

(1) Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. (2) Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? (3) Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? (4) Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu ... (5) Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên: – (6) Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

(Ngữ Văn 9 tập 1- Nhà xuất bản Giáo dục 2015)

a. Cho biết đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Ai là tác giả? Nêu hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm đó?

b. Xác định những câu là lời độc thoại nội tâm trong đoạn văn trên. Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

c. Hãy viết một đoạn văn giới thiệu về nhân vật “ông lão” trong tác phẩm được xác định ở câu hỏi 1 (viết không quá nửa trang giấy thi).

Gợi ý

a. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm Làng của Kim Lân. Hoàn cảnh sáng tác: 1948 những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

b. Độc thoại nội tâm: câu 2, 3, 4.

->Thể hiện tâm trạng: nỗi đau đớn, xót xa của ông Hai, thương thân, thương con khi nghĩ đến những đứa con của mình bị hắt hủi, xa lánh vì chúng là trẻ con của làng Chợ Dầu (trong tình huống có tin làng Chợ Dầu theo giặc).

c. Cần nêu các ý sau:

- Ông Hai – người nông dân quê ở làng Chợ Dầu – là người có tình yêu làng tha thiết, mãnh liệt.

+Ông luôn kể và khoe, tự hào về làng Chợ Dầu của mình.

+Đi sơ tán, ông nhớ không nguôi về làng mình, nhớ những ngày ở làng tích cực chuẩn bị kháng chiến: đào đường, đắp ụ... Nghe tin làng Chợ Dầu Việt gian theo Tây, ông choáng váng, đau đớn, tủi nhục...

+Ông đã trải qua những ngày căng thẳng, đấu tranh tư tưởng gay gắt giữa một bên là tình yêu làng, một bên là lòng trung thành với cách mạng và kháng chiến. Khi tin được cải chính, ông vô cùng vui sướng, đi khoe về làng – mặc dù nhà ông đã bị đốt nhẵn...

->Tình yêu làng và yêu nước trong ông đã hòa làm một. Ông Hai là hình ảnh tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Câu 8: Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật ông Hai từ lúc nghe làng mình theo giặc đến kết thúc truyện?

Gợi ý:

a. Trước khi nghe tin dữ : ở nơi tản cư, tình yêu làng của ông hai hoà nhập với tình yêu nước.

- Xa làng, ở nơi tản cư ông nhớ làng da diết. Nỗi nhớ làng khiến ông thay tâm đổi tính: “Lúc nào ông cũng thấy bức bối, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lăm lăm, hơi một tí là gắt, hơi một tý là chửi”.

- Khi được nói chuyện về làng, ông vui náo nức đến lạ thường “Hai con mắt ông sáng hắt lên, cái mặt biến chuyển hoạt động”.

- Ông quan tâm đến tình hình chính trị thế giới, đến các tin chiến thắng của quân ta.

+ Tin một em bé trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cầm quốc kỳ trên tháp rùa.

+ Một anh trung đội trưởng sau khi giết được 7 tên giặc đã tự sát bằng quả lựu đạn cuối cùng.

+ Đội nữ du kích Trưng Trắc giả làm người mua hàng đã bắt sóng được tên quan hai bốt ngay giữa chợ mà “Ruột gan ông lão cứ múa cả lên” -> đso là niềm vui của một con người biết gắn bó tình cảm của mình với vận mệnh của toàn dân tộc, là niềm vui mộc mạc của một tấm lòng yêu nước chân thành.

b. Khi nghe tin làng Dầu theo giặc:

+ Nỗi bất hạnh lớn đã đổ sụp xuống đầu ông, ông sững sờ “Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân ông lão lặng đi tưởng như đến không thở được”. Khi trấn tĩnh được phần nào, ông còn cố chưa tin cái tin ấy. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên”, làm ông không thể không tin.

+ Từ lúc ấy, trong tâm trí ông Hai chỉ có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh, day dứt. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông “cúi gằm mặt xuống mà đi”. Về đến nhà, ông “nằm vật ra giường”, rồi tủi thân khi nhìn đàn con, “nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư?”.

+ Nỗi tủi hổ khiến ông không dám lộ mặt ra ngoài. Lúc nào cũng nơm nớ, hễ thấy đám đông nào tụ tập nhắc đến hai từ “Việt gian”, “Cam nhông” thì ông lại tự nhủ “Thôi lại chuyện ấy rồi”.

=> Tác giả diễn tả rất cụ thể nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông Hai cùng với nỗi đau xót, tủi hổ của ông trước cái tin làng mình theo giặc.

+ Khi nghe tin làng Dầu theo giặc, tình yêu làng quê và tinh thần yêu nước của ông Hai đã có một cuộc xung đột nội tâm gay gắt. Ông Hai đã dứt khoát chọn lựa theo cách của ông: “Làng thì yêu thật nhưng làng đã theo Tây thì phải thù”, tình yêu làng nước đã rộng lớn hơn bao trùm lên tình cảm với làng quê. Nhưng dù xác định như thế, ông Hai vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với làng quê, vì thế mà càng đau xót, tủi hổ.

+ Khi मुख nhà biết chuyện, có ý muốn đuổi khéo gia đình ông đi, ông đã rơi vào tình trạng tuyệt vọng, bế tắc hoàn toàn. Đi đâu bây giờ? Không ai muốn chứa chấp dân của cái làng Việt gian. Ông thoáng có ý nghĩ “Hay là trở về làng”. Tuy nhiên ông đã gạt bỏ ý nghĩ ấy bởi “Làng đã theo Tây, về làng nghĩa là rời bỏ Kháng chiến, bỏ cụ Hồ, là cam chịu trở về kiếp sống nô lệ”. Mọi mâu thuẫn trong nội tâm và tình thế của nhân vật như đã thành sự bế tắc, đòi hỏi phải được giải quyết.

+ Đau khổ, ông không biết tâm sự cùng ai ngoài đứa con bé bỏng. Yêu làng Dầu, ông muốn khắc sâu vào trái tim bé nhỏ của con tình cảm với làng, với kháng chiến, với Cụ Hồ, đó cũng chính là tấm lòng thủy chung “trước sau như một” với cách mạng của ông. Đây là một đoạn văn diễn tả rất cảm động và sinh động nỗi lòng sâu xa, bền chặt, chân thành của ông Hai – một người nông dân – với quê hương, đất nước, với cách mạng và kháng chiến. Ngần ấy tuổi đầu mà nước mắt ông cứ rùng rùng khi nghĩ về làng. Nỗi đau ấy mới đáng trân trọng làm sao bởi đó là nỗi đau của một con người danh dự của Làng như chính bản thân mình.

c. Khi tin đồn được cải chính:

+ Thái độ của ông thay đổi hẳn “Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên”. Ông lại chạy đi khoe khắp nơi “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ, đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên đây cải chính cái tin làng Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả”.

d. Đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật:

+ Truyện khắc hoạ thành công nhân vật ông Hai, một người nông dân yêu làng, yêu nước tha thiết.

+ Đặc biệt, việc đặt nhân vật vào tình huống cụ thể góp phần thể hiện tính cách, diễn biến tâm trạng nhân vật.

+ Ngôn ngữ nhân vật lúc đối thoại, lúc độc thoại mang đậm chất nông thôn, nhuần nhuyễn mà đặc sắc, gợi cảm.

-> Chân dung sống động, đẹp đẽ của người nông dân thời kỳ đầu kháng chiến.

Câu 9: Đoạn ông Hai trò chuyện với đứa con út (Ông lão ôm thằng con út lên lòng... cũng vội đi được đôi phần) cho em cảm nhận điều gì về tấm lòng của ông Hai với làng quê, đất nước, với cuộc kháng chiến? Tình yêu làng quê và lòng yêu nước ở ông Hai có quan hệ như thế nào?

Trong tâm trọng bị dồn nén và bế tắc, ông Hai chỉ còn biết trút nỗi lòng của mình vào những lời thủ thỉ tâm sự với đứa con nhỏ còn rất ngây thơ.

“... Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:

- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?

- Là con thầy đấy lại con u.

- Thế nhà con ở đâu?

- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.

- Thế con có thích về làng chợ Dầu không ?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

- Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé dơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

- Ủ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ.

...

Anh em đồng chí có biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai... ”.

Gợi ý:

Đây là một đoạn văn diễn tả rất cảm động và sinh động nỗi lòng sâu sa, bền chặt, chân thành của ông Hai – một người nông dân – với quê hương, đất nước, với cách mạng và kháng chiến.

Qua những lời tâm sự với đứa con nhỏ, thực chất là lời tự nhủ với mình, tự giải bày nỗi lòng mình, ta thấy rõ ở ông Hai:

+ Tình yêu sâu nặng với cái làng chợ Dầu (Ông muốn đưa con nhỏ, thực chất ghi nhớ câu Nhà ta ở làng Chợ Dầu).

+ Tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng mà biểu tượng là cụ Hồ (Anh em đồng chí có biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông). Tình cảm ấy là sâu nặng, bền vững và thiêng liêng (Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai).

Câu 10: Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm lý và ngôn ngữ nhân vật ông Hai của tác giả? Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật:

+ Tác giả đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

+ Tác giả miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua các ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ, đặc biệt, diễn tả rất đúng và gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật. Điều đó chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc người nông dân và thế giới tinh thần của họ.

- Ngôn ngữ nhân vật: Ngôn ngữ trong truyện rất đặc sắc, đặc biệt là ngôn ngữ nhân vật ông Hai. Những điểm nổi bật trong ngôn ngữ của tác phẩm :

+ Ngôn ngữ mang đậm tính khẩu ngữ và lời ăn tiếng nói của người nông dân.
+ Lời trần thuật và lời nhân vật có sự thống nhất về sắc thái, giọng điệu, do truyện được trần thuật chủ yếu ở điểm nhìn của nhân vật ông Hai (mặc dù vẫn dùng cách trần thuật ở ngôi thứ 3).

+ Ngôn ngữ của nhân vật ông Hai vừa có nét chung của người nông dân, lại mang đậm cá tính của nhân vật nên rất sinh động.

Câu 11: Nêu một số truyện ngắn và bài thơ viết về tình cảm quê hương, đất nước ? Hãy nêu nét riêng của truyện ngắn Làng so với những tác phẩm ấy.

Gợi ý:

* Truyện ngắn – thơ viết về tình cảm quê hương:

- Lòng yêu nước – E – REN – BUA

- Quê hương – Đỗ Trung Quân

- Quê hương – Giang Nam

- Quê hương – Tế Hanh

- Lao xao – Duy Khán

- Buổi học cuối cùng – Đô-đê

* ***Nét riêng của “Làng”:***

- Những truyện ngắn và thơ trên đều viết về lòng yêu quê hương đất nước nhưng ở đó tình cảm mới đơn thuần là tình yêu, chưa mang tính khái quát, chưa có tình huống rõ ràng để bộc lộ tình yêu ấy.

- Còn ở truyện ngắn “Làng”, tình yêu làng ở ông Hai đã trở thành niềm say mê, hãnh diện, thành thói quen khoe làng của mình.

- Tình yêu làng quê phải được đặt trong tình yêu nước, thống nhất với tinh thần kháng chiến khi đất nước đang bị xâm lược và cả dân tộc đang tiến hành cuộc kháng chiến.

- “Làng” có tình huống được xây dựng hết sức đặc sắc, bất ngờ mà hợp lý. “Làng” là lời khẳng định giai đoạn tìm đường và nhận đường của nền văn hoá mới. Văn hoá kháng chiến chống Pháp trở thành một bộ phận của kháng chiến, tích cực tham gia kháng chiến, phục vụ cho kháng chiến, cho niềm tin.

Câu 12: Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi

“Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ.

Chưa đến bậc cửa, ông lão đã bô bô:

- Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.

Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lại lật đật bỏ lên nhà trên.

- Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!

Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác”

(Kim Lân, Làng)

a) Đoạn trích trên kể về tình huống nào?

b) Tại sao tác giả lại để ông Hai nói “sai sự mục đích”?

c) Cái tin “Làng Chợ Dầu chúng em Việt gian” sử dụng biện pháp tu từ nào?

d) Đối với người nông dân, căn nhà là một cơ nghiệp. Vậy mà ông Hai lại sung sướng hể hả khoe: “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ”. Điều đó có ý nghĩa gì?

Gợi ý:

a. Đoạn trích trên kể về tình huống làng chợ Dầu được cải chính, ông Hai sang khoe với ông Giáo về việc nhà ông bị Tây đốt.

b. Sai mục đích: dùng với nghĩa là sai sự thật. Đúng ra là phải dùng từ “mục kích” (nhìn thấy rõ ràng, tận mắt). Tác giả để ông Hai thích nói chữ nhưng không

dùng chính xác. Điều này cho ta thấy ngôn ngữ của nhân vật trong truyện rất đặc sắc. Ngôn ngữ của nhân vật ông Hai vừa có nét chung của người nông dân vừa mang đậm cá tính của nhân vật rất sinh động.

c. Cách nói “Làng chợ Dầu chúng em Việt gian” là cách nói hoán dụ - lấy làng để chỉ những người dân làng chợ Dầu.

d. Đối với người nông dân, căn nhà là một cơ nghiệp. Vậy mà ông Hai lại sung sướng hể hả khoe: “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ”. Điều đó thể hiện tình yêu làng vô cùng sâu sắc của ông Hai. Ông sung sướng, hả hê thông báo tin “Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ” một cách tự hào như khoe về một chiến công. Hành động bình thường nhưng lại hoàn toàn chân thực. Dường như ông coi đó là một đóng góp của kháng chiến, là một niềm hạnh phúc. Trong niềm vui lớn lao ấy, sự mất mát kia chẳng thấm vào đâu. Trong sự cháy rụi của nhà ông có sự hồi sinh của làng chợ Dầu, cái làng xứng đáng với niềm tự hào và tình yêu của ông. Tài sản riêng bị phá hủy nhưng danh dự của làng được bảo toàn. Làng chợ Dầu vẫn là làng anh hùng kháng chiến. Đó là niềm vui kì lạ thể hiện một cách đau xót và cảm động tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam trong kháng chiến.

Câu 13: Đọc đoạn văn bản dưới đây, và trả lời câu hỏi?

"Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, lên lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm, chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên:

Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!..."

(Làng, Kim Lân)

a. Đoạn trích được kể theo ngôi kể nào? Nêu tác dụng của ngôi kể đó?

b. Chỉ ra từ Hán Việt trong câu “Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!..."

c. Nội dung chính của đoạn trích là gì?

Gợi ý:

a. Đoạn trích kể theo ngôi thứ ba

Tác dụng: Chọn ngôi kể thứ ba, giúp cho nhân vật ông Hai trong truyện được đánh giá một cách khách quan, tự nhiên. Tình yêu làng, yêu nước của ông được đánh giá khách quan chứ không phải chủ quan của người kể.

b. Từ Hán Việt là từ “tinh thần”

c. Nội dung chính của đoạn trích là: tâm trạng đau đớn, tủi hổ của ông Hai khi nghe tin làng Dầu theo giặc.

Câu 14: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

"Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước...Lại còn bao nhiêu người làng tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?"

(Trích Ngữ văn 9 – tập 1)

1. Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? (0,5 điểm)
2. Nêu ý nghĩa nhan đề của tác phẩm? (0,5 điểm)
3. Tìm một câu rút gọn có trong đoạn văn và chỉ rõ cách rút gọn? (1,0 điểm)
4. Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày cảm nhận của em về đoạn trích trên? (2,0 điểm)

Gợi ý:

1. Đoạn trích nằm trong truyện ngắn **“Làng”** của nhà văn Kim Lân
2. Nhan đề đã thể hiện sâu sắc chủ đề của tác phẩm là viết về lòng yêu nước của người nông dân, **Làng là nơi gắn gũi gắn bó với người nông dân**, bởi người ta không thể yêu nước nếu không yêu làng.
3. Câu rút gọn trong đoạn văn: *Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao?*
- Bộ phận chủ ngữ được rút gọn .
4. Học sinh viết được đoạn văn theo yêu cầu sau:

- *Về hình thức:* Đảm bảo kết cấu một đoạn văn, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp

- *Về nội dung:*

Trình bày được cảm nhận về tâm trạng của nhân vật ông Hai, đó là sự nửa tin, nửa ngờ của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. Buộc phải tin đó là sự thật nên ông Hai lo sợ cho tương lai của những người làng Chợ Dầu đang tản cư ở khắp nơi.

CHUYÊN ĐỀ 8: LẶNG LẼ SAPA

-NGUYỄN THÀNH LONG-

Câu 1: Tình huống cơ bản của truyện (Lặng lẽ Sa Pa) là gì? Vai trò của tình huống ấy đối với việc thể hiện nhân vật và chủ đề của truyện?

Gợi ý

Tình huống cơ bản của truyện "Lặng lẽ Sa Pa" chính là cuộc gặp gỡ của người thanh niên làm việc một mình ở trạm khí tượng với bác lái xe và hai hành khách trên chuyến xe ấy - ông họa sĩ và cô kỹ sư lên thăm trong chót lát nơi ở và làm việc của anh thanh niên.

→ Tình huống gặp gỡ này là cơ hội thuận tiện để nhân vật chính được hiện ra qua sự quan sát, suy nghĩ của những nhân vật khác, đặc biệt là ông họa sĩ già. Chính vì thế nhân vật chính không chỉ hiện ra một cách tự nhiên mà còn được soi chiếu, đánh giá từ cái nhìn và cảm xúc của những nhân vật khác, rồi lại tác động đến tình cảm và suy nghĩ của những nhân vật ấy.

Câu 2: Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” kể theo ngôi kể thứ mấy? Nêu tác dụng?

Gợi ý:

Ngôi kể thứ ba, điểm nhìn của ông họa sĩ.

Tác dụng: Giới thiệu nhân vật chính một cách thuận lợi, để nhân vật chính hiện ra qua cái nhìn và cảm nhận của các nhân vật khác.

Câu 3: Nêu ý nghĩa nhan đề của tác phẩm “Lặng lẽ Sapa”?

Gợi ý:

Tác giả đặt tên là lặng lẽ sa pa vì ở đây, trên vùng đất sa pa lạnh lẽo quanh năm chỉ có gió tuyết và sương mù, có những con người dốc hết sức mình làm việc phục vụ cho Tổ Quốc. Họ là những con người không có tên, tên của họ gắn liền với công việc: như anh thanh niên làm công tác khí tượng có những suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người, đó là ông kỹ sư vườn rau: Ngày này qua ngày khác ngồi trong vườn, chăm chú nhìn xem cách lấy mật của ong để rồi tự tay thụ phấn cho hàng vạn cây su hào để hạt giống làm ra tốt hơn, để su hào trên toàn miền Bắc ta ăn được to hơn, ngọt hơn trước, đó là ông cán bộ nghiên cứu sét đã 11 năm không một ngày xa cơ quan luôn “trong tư thế sẵn sàng, suốt ngày chờ sét” để lập bản đồ tìm ra tài nguyên trong lòng đất. Những con người ấy, họ làm việc thầm lặng cống hiến sức lực của mình để xây dựng nước nhà...Nhan đề “Lặng lẽ Sa pa” nhằm ca ngợi vẻ đẹp và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.

Câu 4: Nêu cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong truyện “Lặng lẽ Sa Pa”?

Gợi ý

Anh thanh niên là nhân vật chính của truyện, dù không xuất hiện ngay từ đầu truyện mà chỉ hiện ra trong cuộc gặp gỡ chốc lát giữa các nhân vật kia với anh, khi xe của họ dừng lại nghỉ nhưng đã đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một "ký họa chân dung" về anh rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lạnh lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa.

- Hoàn cảnh sống và làm việc khá đặc biệt:

+ Một mình trên đỉnh núi cao 2600m quanh năm suốt tháng cô đơn giữa cỏ cây và mây mù lạnh lẽo. Công việc của anh là *"đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất và chiến đấu"*. Ngày đêm 4 lần (1 giờ, 4 giờ, 11 giờ, 19 giờ) đều đặn và chính xác, đòi hỏi tinh thần trách nhiệm cao dù mưa nắng, gió bão, nửa đêm tuyết rơi đều phải đi ộp.

+ Tuy nhiên cái gian khổ của công việc chưa đáng sợ bằng cái gian khổ của hoàn cảnh sống, đó là sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức "thèm người" quá phải kiểm kê dừng xe qua đường để được gặp người.

- Quả thực, điều kiện sống và làm việc đó là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn khát khao và hành động nhưng anh đã vượt qua hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp, giản dị mà sâu sắc.

+ Trước hết đó là ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình là có ích cho cuộc sống, cho mọi người. (Cụ thể khi ấy là cuộc kháng chiến chống Mỹ). Anh không tô đậm cái gian khổ của công việc, nhưng anh nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết được mình đã góp phần phát hiện kịp thời một đám mây khô mà nhờ đó ô không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng".

+ Anh đã có những suy nghĩ và quan niệm đúng đắn về cuộc sống và công việc của con người. Công việc của anh gắn bó với bao người, hằng ngày anh vẫn phải 4 lần nói chuyện với trung tâm. Huống chi còn bao người làm việc trong hoàn cảnh khó khăn, cô độc hơn, chẳng hạn như anh bạn ở đỉnh Phan-xi-pang cao 3143m mới là độ cao lý tưởng! Nếu không có công việc, không vì công việc thì đó mới là cuộc sống cô đơn thực sự, buồn đến chết. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành mà sâu sắc nhất của anh: “khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”.

- Nhưng cuộc sống của anh không hề cô đơn vì anh còn có những nguồn vui khác nữa ngoài công việc - đó là niềm vui đọc sách mà anh thấy như lúc nào cũng có người để trò chuyện. (khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh "mừng quýnh" như bắt được vàng).

+ Anh biết tổ chức, sắp xếp cuộc sống khoa học, ngăn nắp, tươi tắn, chủ động: đọc sách, chăm hoa, nuôi gà, tự học... Thế giới riêng của anh là công việc: “một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”. Cuộc sống riêng của anh “thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách”.

- Ở người anh thanh niên ấy còn có nhiều nét tính cách và phẩm chất rất đáng mến: Sự cởi mở, chân thành, rất quý trọng tình cảm của mọi người, khao khát được gặp gỡ và trò chuyện với mọi người.. Biểu hiện:

+Tinh thần với bác lái xe, thái độ ân cần chu đáo khi tiếp đãi những người khách xa đến thăm bất ngờ: pha nước, hái hoa tặng khách - cô gái Hà Nội đầu tiên sau 4 năm làm việc, đến thăm anh, thành thực bộc lộ “những điều mà đáng lẽ người ta chỉ nghĩ” đến cảm động.

+ Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gấp gở vô cùng quý báu.

+ Lưu luyến với khách khi chia tay, xúc động đến nỗi phải “quay mặt đi” và ấn vào tay ông hoạ sĩ già cái làn trứng làm quả, không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ “ốp”.

- Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé, anh vẫn thua ông bố vì chưa được đi bộ đội, trực tiếp ra chiến trường đánh giặc. Khi ông hoạ sĩ ký hoạ chân dung, anh từ chối, e ngại và nhiệt tình giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn anh nhiều (ông kỹ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét...).

=> Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, nhưng bằng vài chi tiết tiêu biểu, tác giả đã phác hoạ được chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

Câu 5: Nêu cảm nhận về nhân vật ông hoạ sĩ trong truyện “Lặng lẽ Sa Pa”?

Gợi ý:

- Dù không phải là nhân vật chính nhưng ông hoạ sĩ có vai trò rất quan trọng trong truyện: người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và những ý nghĩ của ông hoạ sĩ để trần thuật, để quan sát và miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện. Qua nhân vật này, tác giả muốn gửi gắm những suy nghĩ về con người, về cuộc sống, về nghệ thuật.

- Ông hoạ sĩ là người nghệ sĩ có tâm hồn nhạy cảm. Ngay từ những lời giới thiệu của bác lái xe về anh thanh niên, ông hoạ sĩ đã xúc động mạnh khi nhìn thấy người con trai tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ từ trên sườn núi trước mặt chạy lại

chỗ xe đỗ”. Sau đó ông lại ngạc nhiên khi thấy anh thanh niên đang hái hoa, cảm động và bị cuốn hút trước sự cởi mở chân thành của anh. Rồi ông lại cảm giác “mình bối rối” khi nghe anh thanh niên kể về công việc. Bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khao khát của người nghệ sĩ sáng tạo đi tìm đối tượng của nghệ thuật, ông biết mình đang xúc động và bối rối vì đã “bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, một nét thôi dù khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới dù là giá trị một chuyến đi dài”. Anh thanh niên là một con người như thế và có thể là nhân vật tương lai trong một tác phẩm của ông.

- Cảm hứng được khơi gợi đã thôi thúc người họa sĩ sáng tác. Anh thanh niên muốn dành 20 phút để nghe chuyện dưới xuôi. Ông họa sĩ hứa mười ngày nữa trở lại, còn bây giờ ông muốn dành trọn vẹn 20 phút ngắn ngủi để hiểu thật kỹ về người thanh niên, về đối tượng mà ông đang định thể hiện trong bức tranh của mình. Ông muốn làm một bức phác họa chân dung về anh thanh niên nhưng làm thế nào “cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng của nhà họa sĩ vào giữa bức tranh đó? Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài”.

Ông chấp nhận những thử thách của quá trình sáng tác, đã bắt cảm hứng của mình hiện lên trang giấy: “cũng may mà bằng mấy nét, họa sĩ đã ghi xong, lần đầu gương mặt của người thanh niên, người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ”.

Những xúc cảm và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và về những vấn đề của nghệ thuật, của đời sống được gọi lên từ câu chuyện của anh thanh niên đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm snág đẹp và tạo nên chiều sâu tư tưởng.

Câu 6: Nhân vật cô gái trong “Lặng lẽ Sa Pa”?

Gợi ý:

- Đây là cô gái dám rời Hà Nội, bỏ lại sau lưng “mối tình đầu nhạt nhẽo” để lên công tác ở miền cao Tây Bắc. Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, những điều anh nói, câu chuyện anh kể về những người khác đã khiến cô “bàng hoàng”, cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể và về con đường có đang đi tới?”. Nhờ cái bàng hoàng ấy, cô mới nhận ra mối tình của mình bấy lâu nay nhạt nhẽo biết bao, cuộc sống của mình lâu nay tầm thường biết bao, thế giới của mình lâu nay nhỏ bé biết bao! Khoảnh khắc bàng hoàng ấy chính là sự bùng dậy của những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta bắt gặp được những ánh sáng đẹp để tỏa ra từ cuộc sống, từ tâm hồn người khác.

- Cùng với sự bàng hoàng ấy là “một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh dành cho thêm cô”. Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Qua tâm tư của cô gái, ta nhận ra vẻ đẹp và sức ảnh hưởng của nhân vật anh thanh niên.

Câu 7: Viết một đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu: Những trang văn của Nguyễn Thành Long đã khắc họa thiên nhiên Sa Pa thật rực rỡ, nên thơ, giàu cảm xúc. (Đoạn văn có sử dụng một câu thẩm thán. Gạch 1 gạch chỉ rõ).

Gợi ý:

Có một Sa Pa của những rặng đào, những đàn bò lang cổ đeo chuông đang thung thăng gặm cỏ, khung cảnh chỉ có thể thấy ở rừng núi. Có một Sa Pa của nắng, nắng đem lại cho Sa Pa một vẻ đẹp mới: rực rỡ và bất ngờ. Ánh nắng dường như sáng dần lên trong khung cảnh thiên nhiên. Cái nắng chói chang được Nguyễn Thành Long miêu tả “đốt cháy rừng cây” và cái nắng vào cuối buổi trưa lại gay gắt

hơn “ánh nắng như phủ khắp, mạ bạc cả con đèo”. Cảnh được quan sát từ trên cao trở xuống. Và ở góc độ ấy, thiên nhiên càng trở nên khoáng đạt, hùng vĩ hơn. Rừng cây như “một bó đuốc khổng lồ”, ánh nắng khiến thiên nhiên Sa Pa lộng lẫy, trầm mặc mà đầy sức sống. “Nắng bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây”, đọc câu văn, ta cảm giác như nắng đang di chuyển, đang chạy dần trên các triền núi. Có thể nói câu văn miêu tả thiên nhiên đã làm thêm chất trữ tình cho câu chuyện. Bên cạnh Sa Pa của nắng còn có Sa Pa của mây: “mây cuộn tròn từng cục, rơi trên các vòn lá ướt sương...”. Đường như con người đang đi trong mây. Mây cũng hồn nhiên, tinh nghịch chui vào gầm xe. Và với thủ pháp nhân hóa rất thú vị ấy, Sa Pa còn hiện lên với hình ảnh cây thông và những cái cây tử kinh - chủ bé nghịch ngợm nhô “cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng”. Cây tử kinh như hài hoà, nổi bật giữa màu xanh của rừng núi. Khung cảnh rất nên thơ và câu văn cũng đầy chất thơ. Khung cảnh mang vẻ đẹp bình yên, êm ả như không hề biết đến bom đạn, khói thuốc của chiến tranh. Đường như những thay đổi của cuộc sống không chạm được đến nơi đây. Nhan đề của truyện, thiên nhiên trong truyện cũng rất êm đềm, nhưng lộng lẫy mà không phẳng lặng, bình yên mà rất sống động.

Câu 8: Trong “Lộng lẫy Sa Pa” bác lái xe đã giới thiệu với ông họa sĩ về anh thanh niên là “người cô độc nhất thế gian”. Theo em, ý kiến của bác lái xe có đúng không ? Ghi lại vắn tắt ý kiến của em.

Gợi ý:

Trong “**Lộng lẫy Sa Pa**” bác lái xe đã giới thiệu với ông họa sĩ : anh thanh niên là người “**người cô độc nhất thế gian**”. Đây là một cách nói của bác lái xe nhằm gây ấn tượng, gây chú ý về nhân vật anh thanh niên. Quả thực anh thanh niên ít có điều kiện tiếp xúc với mọi người, anh sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Anh lại làm công việc đo nắng, đo gió, đo mưa nên càng ít có cơ hội gặp

gỡ, nói chuyện với người khác. Chính vì thế mà anh đã từng lấy cây chặn xe để mong có dịp được chuyện trò, làm quen với mọi người đi ngang qua.

- Nhưng mặc dù vậy, anh không hề cô đơn. Cho dù phải sống và làm việc một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m quanh năm chỉ có mây mù, cây cỏ. Nhưng anh rất yêu công việc. Với anh, khi làm việc, anh với công việc là đôi, công việc của anh gắn với bao anh em đồng chí. Công việc của anh đã góp phần vào việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc (việc phát hiện một đám mây khô..... bộ đội bắn rơi máy bay Mỹ...) Ngoài ra, anh còn biết cách tự tạo cho mình những niềm vui trong cuộc sống, biết cách làm cho cuộc sống của mình trở nên giàu có, phong phú. Anh thích đọc sách bởi đọc sách cũng có nghĩa là có người để trò chuyện. Rảnh rỗi, anh còn trồng hoa, trồng cây thuốc, nuôi gà. Ngày lại ngày, anh bị cuốn đi trong công việc, vậy làm sao anh có thể cô độc ? Nói đúng hơn anh là con người sống thật hạnh phúc!

Câu 9: *Cho câu chủ đề sau: «Lặng lẽ Sa Pa » như tác giả nói là bức chân dung – chân dung của các nhân vật, trong đó có ông họa sĩ.*

Viết đoạn văn khoảng 15 câu (sử dụng thành phần phụ chú và phép thế) nêu cảm nhận của em về ông họa sĩ (những suy nghĩ về nghệ thuật, về con người, cảm xúc trước người thanh niên ở trạm khí tượng)

Gợi ý :

- Giới thiệu ngòi bút điềm tĩnh và giàu chất thơ của Nguyễn Thành Long.
- « Bối rối, xúc động, một nét thôi cũng đủ khơi gợi một tâm hồn », lời kể giản dị và chân thật của anh thanh niên đã làm ông xúc động. Hoá ra cái đẹp thật giản dị, nó nằm ngay trong cuộc sống, ở quanh ta. Nhiều khi một nét, một chút cảm xúc « đủ đem lại ý nghĩa cho chuyến đi của ông, nó không hề vô ích » . Bối rối, ấy là tâm trạng xúc động, xao xuyến trước vẻ đẹp của cuộc sống. Người thanh niên

không phải là một người anh hùng lao động được vinh danh như ta thường thấy, nhưng phải chăng chính nét đẹp dung dị như cuộc sống và lặng thầm như Sa Pa lại có sức thuyết phục nhất đối với những con người từng trải như ông ? Và người họa sĩ lại càng thấm thía...

-« Vẽ bao giờ... » (dẫn chứng SGK) => Suy nghĩ hết sức nghiêm túc về hội họa và nghề nghiệp. Phải là một con người giỏi nghề mới thấy được sự bất lực của hội họa trước cuộc đời, trước con người để luôn cố gắng vượt qua giới hạn của chính mình- những ngưỡng cửa đầy khó khăn. Phải làm thế nào để truyền lại cho người xem những cảm xúc ấy của ông về người thanh niên...

-Ông họa sĩ là người như vậy. Với ông, vẽ là một công việc gian nan và đầy khó khăn, không hề đơn giản. Không phải ai cũng có được những suy nghĩ sâu sắc như vậy.

=> Những suy nghĩ ấy không chỉ bó hẹp trong hội họa, điều ấy đáng để cho chúng ta ngẫm ngợi, nghĩ suy.

Câu 10: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

“Những nét hớn hờ trên mặt người lái xe chột đuôi ra rồi băng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu lan tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông cao quá đầu, rung tit trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luôn cả vào gầm xe”

a) Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b) Nhân vật được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" trong tác phẩm đó là nhân vật nào? Vì sao nhân vật đó lại được giới thiệu là "cô độc nhất thế gian"?

c) Các lời thoại của bác lái xe trong đoạn trích là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

d) Trong câu "Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tút trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng.", từ "đầu" nào dùng theo nghĩa gốc và từ "đầu" nào dùng theo nghĩa chuyển?

Gợi ý:

a. Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa"

Tác giả Nguyễn Thành Long

b. Nhân vật được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" trong tác phẩm đó là nhân vật Anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu.

Sở dĩ anh được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" bởi: Anh sống và làm việc một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cây cối và mây mù bao phủ, đã bốn năm anh chưa về nhà, anh "thèm người" đến nỗi có lần phải chặt cây chắn đường chặn xe mong gặp người để trò chuyện.

c. Các lời thoại của nhân vật Bác lái xe trong đoạn văn trên là lời dẫn trực tiếp

d. Từ "đầu" trong cụm từ "cao quá đầu" là từ nghĩa gốc

Từ "đầu" trong cụm từ "nhô cái đầu màu hoa cà" là từ ngữ nghĩa chuyển.

Câu 11: Đọc văn sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

“Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ trực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà

gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vút lung tung...Nhưng lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.”.

(Trích Ngữ văn 9 - Tập 1)

a.Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Ai là tác giả?

b.Nêu giá trị nội dung của tác phẩm có chứa đoạn văn trên?

c.Câu văn “Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vút lung tung...” sử dụng những biện pháp tu từ nào? Việc sử dụng những biện pháp tu từ đó có tác dụng gì trong việc diễn đạt nội dung của đoạn văn?

d.Viết một đoạn văn (khoảng 10 đến 15 dòng) trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của bản thân sau khi học xong văn bản có chứa đoạn văn trên?

Gợi ý:

a. Đoạn văn được trích từ văn bản: *Lặng lẽ Sa Pa*.

- Tác giả: Nguyễn Thành Long

b. Giá trị nội dung:

- Bức tranh nên thơ về cảnh đẹp ở Sa Pa.

- Chân dung những người lao động bình thường nhưng phẩm chất rất cao đẹp. Lòng yêu mến, cảm phục với những người đang cống hiến quên mình cho nhân dân, tổ quốc.

c. Câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh và nhân hóa:

+ So sánh: *nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả.*

+ Nhân hóa: *chặt, quét.*

- **Tác dụng:** Nhấn mạnh hoàn cảnh làm việc đầy khó khăn, vất vả của anh thanh niên. Qua đó làm nổi bật sự hy sinh thầm lặng của nhân vật này.

d. Về hình thức: Đảm bảo đúng hình thức một đoạn văn (có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn)

- Về nội dung: HS trình bày nhiều cách nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:

+ Nhận thức đúng đắn về sự cống hiến thầm lặng của một bộ phận thanh niên quên mình cho Tổ quốc.

+ Có những hành động thiết thực để phấn đấu tu dưỡng đạo đức, trau dồi học vấn để góp phần xây dựng tương lai nước nhà.

Câu 12: *Nhà văn Nguyễn Thành Long có viết : “Nghĩ cho cùng, Lặng lẽ Sa Pa là một bức chân dung, như tôi có nói trong đó”. Em hiểu như thế nào về “bức chân dung” trong truyện ngắn ấy ?*

Gợi ý:

Đó là bức chân dung người thanh niên làm công tác khí tượng, ở một mình tại trạm khí tượng trên núi cao, giữa cái lặng lẽ của Sa Pa. Vì sao tác giả lại gọi truyện của mình là “một bức chân dung” ?

– Thứ nhất, vì tác giả chỉ để cho nhân vật xuất hiện trong cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với ba nhân vật khác (ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe). Cuộc sống, tình cảm và suy nghĩ của anh chỉ được hiện ra qua lời kể của bác lái xe, qua sự quan sát của ông họa sĩ, cô kĩ sư và qua một đôi lời bộc bạch tâm sự của chính anh. Vì thế, nhân

vật chính chỉ hiện ra ở một số nét đẹp trong cách sống và suy nghĩ, chưa thể được khắc hoạ rõ nét về tính cách hay số phận.

– Thứ hai, truyện ngắn này có cốt truyện hết sức đơn giản, không có xung đột, cũng không có nút thắt hay cao trào như phần lớn các truyện ngắn khác.

– Thứ ba, nhân vật anh thanh niên được người hoạ sĩ già quan sát và muốn thể hiện bằng một bức chân dung.

Câu 13: Ngoài nhân vật anh thanh niên ở trạm khí tượng, trong truyện còn có những nhân vật nào nữa ? Vai trò của từng nhân vật này trong việc khắc hoạ nhân vật anh thanh niên và thể hiện chủ đề của truyện?

Gợi ý:

Trong truyện, ngoài nhân vật anh thanh niên, ba nhân vật: ông hoạ sĩ, cô kĩ sư, bác lái xe cũng góp phần quan trọng vào việc thể hiện chủ đề của tác phẩm và tạo nên không khí của truyện, đồng thời lại soi sáng, làm rõ thêm cho nhân vật chính – anh thanh niên.

– Tuy không dùng cách trần thuật ở ngôi thứ nhất, nhưng hầu như tác giả đã lựa chọn điểm nhìn từ nhân vật ông hoạ sĩ để quan sát, miêu tả, suy nghĩ, bình luận. Đó là một hoạ sĩ già, nhiều từng trải trong cuộc đời, nghệ thuật nhưng vẫn rất nặng lòng, tha thiết với cuộc sống, với cái đẹp, có những suy nghĩ sâu sắc về đời sống và về nghệ thuật. Như trong lời kể của Nguyễn Thành Long, ông đã hoá thân vào nhân vật hoạ sĩ để kể và gửi gắm những suy ngẫm về cuộc sống, về nghệ thuật.

– Đưa vào truyện nhân vật cô kĩ sư, tác giả tạo cho câu chuyện về cuộc gặp gỡ của các nhân vật có thêm chất trữ tình, cái mơ mộng, những rung cảm nhẹ nhàng, e ấp của những tâm hồn trẻ trong một cuộc gặp gỡ tình cờ mà để lại nhiều dư vị, cảm xúc.

– Nhân vật bác lái xe có chức năng giới thiệu và kết nối nhân vật chính với hai nhân vật ông hoạ sĩ và cô kĩ sư, chuẩn bị cho sự xuất hiện của anh thanh niên.

Những lời giới thiệu của bác lái xe đã khơi gợi sự chú ý của ông họa sĩ và cô kỹ sư, cũng như của người đọc, chuẩn bị tâm thế cho họ khi gặp người thanh niên. Mối quan hệ thân thiết và sự quan tâm chân thành của anh thanh niên với bác lái xe cũng góp thêm một nét đẹp của anh.

Vì sao cả bốn nhân vật trong truyện đều không được tác giả đặt tên, mà chỉ gọi họ bằng nghề nghiệp, lứa tuổi? Chắc hẳn đây là một dụng ý của tác giả. Nhà văn muốn thể hiện họ là những con người bình thường, bình dị trong một cuộc gặp gỡ bất ngờ trên hành trình của một chuyến xe khách, như chúng ta có thể gặp những con người như thế ở nhiều nơi trên đất nước, trong nhiều nghề nghiệp.

Câu 14: Chất thơ là một nét đặc sắc của truyện Lặng lẽ Sa Pa. Hãy làm rõ nhận định ấy?

Gợi ý:

– Sự thành công và cũng là sức hấp dẫn của Lặng lẽ Sa Pa không chỉ ở nhân vật, tình huống truyện và các chi tiết nghệ thuật được chọn lọc của tác giả, mà chủ yếu còn ở cái không khí riêng đậm chất thơ của truyện được đan dệt tổng hợp từ nhiều yếu tố nghệ thuật – từ tình huống, cốt truyện đến vẻ đẹp tâm hồn của các nhân vật, các chi tiết nghệ thuật, nhất là từ những bức tranh thiên nhiên. Truyện ngắn này có gì đó gần như một bài thơ, với cái tứ là cuộc gặp gỡ tình cờ để lại nhiều dư vang trong lòng các nhân vật và cả trong tâm trí người đọc. Chất thơ ấy còn ở nhiều chi tiết đặc sắc được tác giả dụng công sáng tạo: anh thanh niên đẩy cây gỗ chắn ngang đường xe chạy để có cơ được gặp và trò chuyện với mọi người; cảnh vườn hoa rực rỡ bất ngờ hiện ra trước hai vị khách; chi tiết chiếc khăn tay cô gái cố ý bỏ quên trong cuốn sách, anh thanh niên lại không hiểu ý, chạy theo trả lại,...

– Chất thơ không chỉ ở những chi tiết bên ngoài mà còn ở bề sâu trong tâm hồn, cảm xúc và suy nghĩ của các nhân vật. Không chỉ anh thanh niên mà tất cả các

nhân vật trong truyện đều đẹp trong những suy nghĩ, cảm xúc, trong các mối quan hệ và cách sống. Đặc biệt, chất thơ toát lên từ những bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp của Sa Pa, vừa hùng vĩ vừa mỹ lệ hiện ra dưới cái nhìn của một họa sĩ. Hai bức tranh đầy ánh sáng được đặt ở đoạn đầu và đoạn cuối truyện đã tạo một cái nền không gian thật tươi sáng, trong trẻo cho câu chuyện về cuộc gặp gỡ tình cờ của ba nhân vật.

Câu 15: Cho đoạn văn sau:

(...) “Gian khổ nhất là là lần ghi vào báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay ra tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung.” (...).

(Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long - sách Ngữ văn 9, tập 1).

a. Đoạn văn trên là lời của nhân vật nào, được nói ra trong hoàn cảnh nào? Những lời tâm sự đó giúp em hiểu gì về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật? Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống của nhân vật còn có điều gì đặc biệt?

b. Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy cho biết: Trong hoàn cảnh ấy, điều gì đã giúp nhân vật trên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ?

c. Chỉ ra một câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên.

Gợi ý:

a. Đoạn văn là lời của nhân vật thanh niên, nhân vật chính trong truyện *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long kể về công việc làm của mình cho ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ, qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và

làm việc của anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn cao hai ngàn sáu trăm mét trong thời gian ba mươi phút.

- Những lời tâm sự đó giúp em hiểu: Nhân vật thanh niên đó sống một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng làm việc với cây và mây núi ở Sa Pa.

Công việc của anh là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, chiến đấu. Anh lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng báo bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối và một giờ sáng. Công việc anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt.

- Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật còn có điều đặc biệt là: Anh thanh niên mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đang hừng hực sức sống và sự bay nhảy. Thế mà, anh đã sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn. Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh. Như vậy, cái gian khổ nhất đối với anh là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ có một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chiến đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao.

b. Trong hoàn cảnh sống và làm việc đặc biệt ấy, điều đã giúp nhân vật anh thanh niên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ là:

- Trước hết, anh thanh niên rất yêu nghề. Anh có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: “...Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”.

- Anh thấy được công việc thầm lặng của mình có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh đã thấy mình “thật hạnh phúc” khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng.

- Cuộc sống của anh không cô đơn, buồn tẻ, anh không phải là "người cô độc nhất thế gian" như lời giới thiệu của bác lái xe. Vì anh có một nguồn vui khác nữa ngoài công việc: Đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh thấy cũng như có người bạn để trò chuyện.

- Anh biết tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động: Nuôi gà, trồng hoa, tự học và đọc sách ngoài giờ làm việc

c. Chép một trong hai câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn:

- “ Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.

- Hoặc là câu “Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả ném vứt lung tung”.

Câu 16: Chất trữ tình trong truyện “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long?

Gợi ý:

a. Chất trữ tình của tác phẩm toát lên từ vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa thơ mộng là "Những rặng đào, những đàn bò lang, cỏ có đeo chuông ở các đồng cỏ trong thung lũng". Đó là vẻ đẹp kỳ lạ của "Nắng bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây.

Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tit trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây từ kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng". Đó là cảnh "Mây bị nắng xua, luồn cả và gầm xe". Rồi thì "những bông hoa đơn, thực được vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong, mọc ngay giữa mùa hè", "nắng mạ bạc con đèo, đốt cháy rừng cây, hùng hực như một bó đuốc lớn...

b. Chất trữ tình toát lên từ vẻ đẹp tâm hồn của những con người trong truyện :

+ Anh thanh niên có suy nghĩ, lối sống, hành động đẹp như thơ.

+ Tâm hồn cô kỹ sư trẻ bừng dậy một tình cảm lớn lao đẹp đẽ khi gặp ánh sáng đẹp đẽ từ cuộc sống, tâm hồn anh thanh niên chiếu rọi. Cả ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái, không phải chỉ vì bó hoa anh thanh niên tặng mà còn vì "Một bó hoa này khác nữa, bó hoa của những háo hức, mơ mộng ngẫu nhiên anh thêm cho cô. Và còn vì một cái gì đó nữa lúc cô chưa kịp nghĩ kỹ".

+ Ông họa sĩ bừng lên khát khao sáng tác, trân trọng xúc động trước anh thanh niên.

c. Tác dụng : Chất trữ tình tạo nên sự hấp dẫn đặc biệt của tác phẩm làm cho truyện như một bài thơ. Chất thơ bàng bạc tron toàn truyện, từ phong cảnh đẹp đẽ thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao đến hình ảnh những người đang sống, làm việc trong cái lặng lẽ mà không hề cô độc bởi sự gắn bó của họ với cuộc đời, với mọi người, với đất nước. Tạo không khí thân tình cho tác phẩm nâng cao ý nghĩa và vẻ đẹp của sự vật, con người rất bình dị được miêu tả trong truyện, làm chủ đề tư tưởng của truyện được bộc lộ rõ nét và sâu sắc.

Câu 17: Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

“Những nét hớn hở trên mặt người lái xe chợt duỗi ra rồi bằng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tí trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe. Giữa lúc đó, xe dừng sít lại. Hai ba người kêu lên một lúc:

- Cái gì thế ?

Bác lái xe xuống to:

- Cho xe nghỉ một lúc lấy nước. Luôn tiện bà con lót dạ. Nửa tiếng, các ông, các bà nhé.

Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, người lái xe quay sang nhà họa sĩ nói với vợ:

- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hắn.”

(Ngữ văn 9, tập một)

a. Đoạn trích trên có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào ?

b. Xác định các từ láy có trong đoạn trích.

c. Các lời thoại của bác lái xe trong đoạn trích là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

d. Trong câu “ Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tí trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. ”, từ “đầu” nào dùng theo nghĩa gốc và từ “đầu” nào dùng theo nghĩa chuyển ?

Gợi ý:

a. Tự sự kết hợp với miêu tả.

b.

- Các từ láy: hớn hở, thỉnh thoảng, xôn xao, vui vẻ, vội vã

c. Cách dẫn trực tiếp

d.

- Từ “đầu” trong cụm từ “cao quá đầu” dùng theo nghĩa gốc.

- Từ “đầu” trong cụm từ “cái đầu màu hoa cà” dùng theo nghĩa chuyển.

Câu 18: Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu

(...) - Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà phía sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thông thả đi đến chỗ bác già.

- Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!

Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và quay vội đi.

- Chào anh. - Đến bậu cửa, bỗng nhà họa sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh. - Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ?

Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chìa tay ra cho anh nắm, cẩn trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ không phải là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt anh - những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy.

- Chào anh.”

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

a) Đoạn trích kể về ai và về sự việc gì?

b) Ai là người kể về các nhân vật và sự kiện trên? (Gợi ý: Có phải là một trong các nhân vật: ông họa sĩ già, cô kỹ sư, anh thanh niên hay là một người nào đó?) Những dấu hiệu nào cho ta biết ở đây các nhân vật không phải là người kể chuyện? (Gợi ý: Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Nếu là một trong ba nhân vật trên thì ngôi kể và lời văn phải thay đổi như thế nào?...)

c) Những câu “giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ”; “những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy”,... là nhận xét của ai về nhân vật nào?

d) Hãy nêu những căn cứ để có thể nhận xét: Người kể chuyện ở đây dường như thấy hết và biết tất mọi việc, mọi hành động, tâm tư tình cảm của các nhân vật.

Gợi ý:

a. Đoạn trích kể về phút chia tay có phần lưu luyến, bịn rịn của anh thanh niên, cô gái trẻ và ông họa sĩ. Kể về cuộc chia tay giữa thanh niên với cô kỹ sư trẻ và ông họa sĩ già.

b. Chuyện kể theo ngôi thứ 3, người kể giấu mình và không phải là một trong ba nhân vật xuất hiện trong truyện

Vì nếu người kể là một trong ba nhân vật thì nhân xưng phải là tên một trong ba người này hoặc là xưng "tôi", "mình".

c. Những câu "Những giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ"; "Những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp lại được nữa, hay nhìn ta như vậy" là nhận xét của người kể chuyện về anh thanh niên và tâm trạng của anh. Người kể chuyện đã nhập vai vào nhân vật anh thanh niên để nói hộ anh ta những suy nghĩ, cảm xúc của mình lúc chia tay cô gái.

d. Người kể chuyện đã kể lại câu chuyện một cách rõ ràng, cụ thể, nói lên được suy nghĩ, cảm xúc và tâm trạng của các nhân vật. Ta thấy điều này vì người kể chuyện vừa kể, vừa tả, vừa nói hộ các suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật.

Câu 19: Khi trò chuyện với bác họa sĩ, nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa có nói:

“- Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một - không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc “Thế là một - hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. O, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người đáng cho bác vẽ hơn”

a) Qua những lời tâm sự trên, theo em, lí do nào khiến anh thanh niên cảm thấy hạnh phúc?

b. Quan niệm của em về cuộc sống hạnh phúc? Trình bày điều đó trong đoạn văn ngắn (khoảng 100 chữ)

Gợi ý:

a. Những lí do khiến anh thanh niên cảm thấy hạnh phúc:

- Một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi máy bay Mỹ trên cầu Hàm Rồng và anh thấy mình "thật hạnh phúc". Với anh, hạnh phúc là niềm vui được cống hiến, làm việc có ích cho đất nước.

- Niềm hạnh phúc của anh thanh niên còn là được sống, được cống hiến và làm việc cùng những người thân yêu nhất vì mục đích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

b. Học sinh tự trình bày quan niệm riêng của bản thân về một cuộc sống hạnh phúc. Có thể tham khảo quan điểm trong đoạn văn sau:

Đối với em, một cuộc sống hạnh phúc chính là luôn cảm thấy thoải mái và bằng lòng với những gì mà mình đang có. Nếu chúng ta không có được những thứ mình thích thì hãy học thích những gì mình có. Đó chính là cội nguồn của hạnh phúc. Con người thường khao khát, tham vọng những thứ xa vời, xa xỉ mà bản thân chưa có nên lúc nào họ cũng cảm thấy bất mãn, chán ghét cuộc sống hiện tại. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng, không phải lúc nào cuộc sống cũng sẽ được như ý nguyện. Thay vì đó, chúng ta hãy học cách hạnh phúc và hài lòng với những điều nhỏ nhoi của cuộc sống, học cách chấp nhận và yêu thương ngay cả những khiếm

khuyết của bản thân. Hãy coi những vui buồn, sướng khổ như là một phần tất yếu của cuộc sống. Khi ấy, bạn sẽ dễ dàng cảm thấy hạnh phúc với cuộc sống của mình.

Câu 20: Hãy đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

[...]Anh hạ giọng nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ "ốp" là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hằng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: "Đấy, bác cũng chẳng "thèm" người là gì?"

a. Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào? Cho biết tác giả? Nhân vật xưng "cháu" là ai? Nhân vật ấy đang nói với ai?

b. Tìm một từ tượng thanh, một thuật ngữ có trong đoạn trích trên.

c. Hãy chuyển lời sau thành lời dẫn gián tiếp: Cháu nói: "Đấy, bác cũng chẳng "thèm" người là gì?"

d. Em hiểu như thế nào về cái "thèm người" mà nhân vật nói đến trong câu "Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác?" Hãy nêu suy nghĩ của em bằng một vài câu văn.

Gợi ý:

- Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm: Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

- Nhân vật xưng "cháu" là Anh thanh niên.

- Anh thanh niên đang nói với bác họa sĩ.

b. Tìm một từ tượng thanh, một thuật ngữ có trong đoạn trích trên.

- Tìm đúng 1 từ tượng thanh: toe toe – Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe.

- Tìm đúng 1 thuật ngữ: ốp - Không vào giờ "ốp" là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ.

c. Chuyển thành lời dẫn gián tiếp: *Cháu nói rằng bác ấy cũng rất thèm người.*

d. Em hiểu như thế nào về cái "thèm người" mà nhân vật nói đến trong câu "Còn người thì ai mà chả "thèm" hờ bác?" Hãy nêu suy nghĩ của em bằng một vài câu văn.

-Đúng nội dung: Mong ước có người để sẻ chia, tâm sự, học hỏi...)

- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc

- Câu đúng ngữ pháp, không sai chính tả, dùng đúng từ ngữ.

- GV căn cứ vào các tiêu chí trên để xem xét đánh giá.

Câu 21: Cho đoạn văn sau:

“– Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy”

- 1. Đoạn văn trên thuộc văn bản nào? Của ai? Nêu xuất xứ của văn bản.**
- 2. Xác định các hình thức ngôn ngữ trong đoạn văn và nêu ngắn gọn tác dụng của chúng.**
- 3. Từ hoàn cảnh sống và vẻ đẹp của nhân vật “cháu”- anh thanh niên- trong văn bản trên, hãy viết bài văn nghị luận ngắn trình bày suy nghĩ của em về giá trị của cuộc sống.**

Gợi ý:

1. – Văn bản: **Lặng lẽ Sa Pa** của tác giả Nguyễn Thành Long
– Xuất xứ: Trích từ truyện ngắn cùng tên; truyện ngắn được viết sau chuyến đi Lào Cai vào mùa hè năm 1970 của tác giả

2. – Hình thức ngôn ngữ trong đoạn văn: Đối thoại và độc thoại (học sinh nếu không giải thích rõ cũng cho điểm tối đa)

– Tác dụng: cho thấy những suy nghĩ, trăn trở của anh thanh niên với công việc, ý thức trách nhiệm của anh với con người, với cuộc đời,...; khiến ta thêm yêu quý, khâm phục anh.

3. * **Hình thức:**

Có cấu trúc đúng yêu cầu cần đạt của một bài văn

* **Nội dung:**

– Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa pa đã tìm được gì cho mình? Ý nghĩa của nó?

– Suy nghĩ của cá nhân về giá trị của cuộc sống

– Liên hệ với cuộc sống hiện tại và bản thân

(Học sinh có thể có những cách lập luận khác nhau nhưng phải thể hiện được những giá trị truyền thống, nhân văn trong suy nghĩ)

CHUYÊN ĐỀ 9: CHIẾC LƯỢC NGÀ

-NGUYỄN QUANG SÁNG-

Câu 1: *Nêu hoàn cảnh sáng tác, ngôi kể và tác dụng của ngôi kể trong tác phẩm “chiếc lược ngà” – Nguyễn Quang Sáng?*

Gợi ý:

-Hoàn cảnh sáng tác

“Chiếc lược ngà” được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ, trong thời kì kháng chiến chống Mỹ và được đưa vào tập truyện cùng tên. Văn bản đoạn trích là phần giữa của truyện, tập trung thể hiện tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu.

-Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể

Tác giả đã kể chuyện theo ngôi thứ nhất theo lời kể của nhân vật “tôi” – bác Ba, người đã chứng kiến câu chuyện.

Tác dụng: Ngôi kể này đã tạo được một giọng điệu kể chuyện thủ thỉ, gợi cảm giác chân thực và gần gũi với người đọc. Khi cần có thể bày tỏ trực tiếp cảm xúc, thái độ đối với sự kiện và nhân vật.

Câu 2: Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” đã sáng tạo được tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí. Đó là tình huống nào? Tình huống ấy đã thể hiện tâm trạng của người cha và đứa con như thế nào?

Gợi ý:

- Cuộc gặp gỡ của hai cha con sau 8 năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha. Đến lúc em nhận ra cha và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi ra chiến trường.

- Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ đứa con vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con, nhưng chiếc lược chưa gửi đến tay con thì ông Sáu đã hi sinh và phải trao lại cho ông Ba.

Tình huống thứ nhất là tình huống cơ bản. Và nếu tình huống này bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha thì tình huống thứ hai bộc lộ tình cảm sâu sắc của người cha đối với đứa con.

Câu 3: Vì sao câu chuyện về tình cha con cảm động trong chiến tranh lại được Nguyễn Quang Sáng đặt tên là “Chiếc lược ngà”?

Gợi ý:

- Nhan đề của tác phẩm thường bộc lộ chủ đề của truyện hoặc ít nhiều nói tới cốt truyện... “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng là một nhan đề giản dị và sâu sắc.

- Chiếc lược ngà là kỉ vật thiêng liêng của tình cha con sâu nặng. Với bé Thu: ban đầu là ước mơ của một cô bé 8 tuổi, một ước ao rất giản dị, trong sáng, rất con gái. Có lẽ đó cũng là món quà đầu tiên nhưng cũng lại là món quà cuối cùng người cha tặng cho cô con gái bé bỏng. Nó là tất cả tình yêu thương, kỉ niệm của ba dành cho Thu khi ba hi sinh. Với bé Thu, chiếc lược ấy chính là hình ảnh người cha (trong tâm khảm)

- Là cầu nối thiêng liêng cho tình cha con cũng như nhân chứng sống cho sự tàn khốc của cuộc kháng chiến.

- Với ông Sáu : Những ngày xa con ở chiến khu, bao nhiêu nhớ thương, day dứt, ân hận và cái cái niềm khát khao được gặp con, anh dồn cả vào việc làm chiếc lược ngà rất tỉ mỉ, rất cẩn thận (dũa từng chiếc răng lược chau chuốt). Dường như khi dũa từng chiếc răng như vậy, anh cũng bớt áy náy vì đã đánh con, đã không phải với con. Cây lược làm xong, mỗi khi thương nhớ con, anh lại ngắm nhìn cây lược. Phải chăng với người cha, chiếc lược nhỏ xinh xắn ấy cũng là hình ảnh cô con gái bé bỏng. Và trước khi anh Sáu hi sinh, chiếc lược ngà chính là lời trần trối anh gửi lại, là tất cả tình cảm của người cha dành cho con, cho gia đình.

Câu 4: Trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, đoạn ghi lại cảnh chia tay của cha con ông Sáu có đoạn viết: «Nhìn cảnh ấy.... trái tim mình».

a. Vì sao khi chứng kiến cảnh này, bà con xung quanh và nhân vật «tôi» lại có cảm xúc đó ?

b. Người kể chuyện ở đây là ai ? Cách chọn vai kể đã góp phần như thế nào vào sự thành công của tác phẩm ?

c. Kể tên hai tác phẩm khác viết về đề tài chống Mĩ, ghi rõ tên tác giả ?

Gợi ý :

a. Ông Sáu phải chịu đựng quá nhiều sự hi sinh, mất mát : chiến tranh khiến cho ông mang một nỗi đau về thể xác và trong những ngày phép ngắn ngủi ở nhà, ông lại phải chịu thêm nỗi đau tinh thần do bé Thu nhất quyết không chịu nhận ông là cha, không gọi một tiếng «ba» mà ông hằng khao khát suốt 8 năm trời.

-Trong buổi sáng trước giờ phút ông Sáu lên đường, thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn. Lần đầu tiên Thu cất tiếng gọi «ba» và tiếng kêu như tiếng xé, rồi «nó vừa kêu vừa chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó», «Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết sẹo dài bên má của ba nó nữa, «hai tay nó xiết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi cầu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run». Như vậy, cho đến lúc chia tay vợ con lần thứ hai để bước vào một cuộc chiến đấu mới, ông mới được một khoảnh khắc hạnh phúc quá ngắn ngủi. Trước cử chỉ của bé Thu, “anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”. Đó là giọt nước mắt sung sướng, hạnh phúc của một người cha cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình.

-Thì ra trong đêm về nhà ngoại, Thu đã được bà giải thích về vết sẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu được giải tỏa và ở Thu nảy sinh một trạng thái như là sự ân hận, hối tiếc. Vì thế trong giờ phút chia tay với cha, tình yêu và nỗi nhớ mong với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuồng quýt, có xen lẫn cả sự hối hận.

=>Chúng kiến những biểu hiện tình cảm ấy trong cảnh ngộ cha con ông Sáu phải chia tay, có người không cảm được nước mắt và người kể chuyện thì cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình.

b. Truyện được trần thuật theo lời của ông Ba- người bạn ông Sáu, nhân vật «Tôi», người đã chứng kiến những cảnh ngộ éo le của cha con ông. Cảnh ngộ ấy đã gọi lên bao nhiêu xúc động ở nhân vật kể chuyện : *«tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng «ba» mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng «ba» như vỡ tung ra từ đáy lòng nó»*. Lòng trắc ẩn, sự thấu hiểu những hi sinh mà bạn mình phải chịu đựng khiến cho ông «bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim».

=> Chọn nhân vật kể chuyện như vậy khiến cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy hơn. Người kể chuyện lại hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể theo trạng thái cảm xúc của mình, chủ động xen vào những ý kiến bình luận, suy nghĩ để dẫn dắt sự tiếp nhận của người đọc, người nghe. (VD: trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần ấy, «cây lược ngà chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh»)

c. Kể tên hai tác phẩm:

1. Bài thơ về tiểu đội xe không kính của nhà thơ Phạm Tiến Duật.
2. Truyện «Những ngôi sao xa xôi» của Lê Minh Khuê

Câu 5: Sau khi đọc xong truyện ngắn "chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng, em có những cảm xúc và suy nghĩ gì về nhân vật bé Thu và tình cảm cha con trong chiến tranh?

Gợi ý:

a. Bé Thu là một đứa trẻ hồn nhiên chân thật trong tình cảm, mãnh liệt trong tình yêu thương cha (Tuy có phần ương ngạnh, bướng bỉnh).

- Sự ương ngạnh của bé Thu thể hiện ở việc dứt khoát không chịu nhận ông Sáu là cha. Đáp lại sự vô vậ của người cha, bé Thu lại tỏ ra ngờ vực, lảng tránh. Ông Sáu càng muốn gần con thì đứa con lại càng tỏ ra lạnh nhạt, xa cách.

+ Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn ngơ ngác lạ lùng... khi ông Sáu đến gấp lẹp đi lẹp lại: ba đây con! Thì nó lạ quá, mặt bỗng tái đi, chớp chớp mắt nhìn người đàn ông ??? (vẫn im lặng) như muốn hỏi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: Má!

+ Trong hai ngày đêm tiếp theo, mặc kệ những lời nói, cử chỉ âu yếm, làm thân, vỗ về tình cảm của anh Sáu, bé Thu một thực thờ ơ, lạnh lùng đến mức bướng bỉnh, ngang ngạnh bất cần... Ông càng chiều thương, nó càng lảng ra. Ông càng khao khát được nghe tiếng “ba” từ lòng con, nó càng cố tình cự nự. (Dẫn chứng: lúc cơm sôi một mình nó bé, không thể tự nhắc nổi để chất nước, nó sẽ phải cầu cứu người lớn giúp đỡ, người đọc cứ ngỡ rằng nó sẽ phải chịu thua, không thể chiến tranh lạnh được nữa – nó buộc phải gọi ba... Nhưng không. Nó vẫn không chịu cất lên cái tiếng mà ba nó từng mong mỏi. Nó vẫn hành động theo sự bướng bỉnh, bất cần – tự mình làm lấy công việc nguy hiểm và quá sức. Nghĩa là nó không chịu nhượng bộ...)

+ Khi bị ông Sáu tức giận đánh một cái thì nó bỏ về nhà bà ngoại, khi xuống xuồng còn cố ý khua dây cột xuồng kêu rộn ràng thật to.

- Sự ương ngạnh của bé Thu hoàn toàn không đáng trách mà còn có phần đáng yêu. Đó là phản ứng tâm lý hoàn toàn tự nhiên của một đứa trẻ có cả tính mạnh mẽ. Trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, nó còn quá bé nhỏ để có thể hiểu được những tình thế khắc nghiệt, éo le của đời sống và người lớn cũng không ai kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất thường, nên nó không tin ông Sáu là ba chỉ vì trên mặt ông Sáu có thêm vết sẹo, khác với hình ba mà nó đã được biết. Cô bé không tin thậm chí còn ngờ vực. Cô bé không dễ tin người khác cả bạn của cha, cả mẹ xác nhận là cha nhưng không ai tháo gỡ được thắc mắc thẳm kín trong lòng mình thì cô bé chưa chịu thông. Phản ứng tâm lý của em là hoàn toàn tự nhiên, nó còn chứng tỏ em có cá tính mạnh mẽ, tình cảm của em sâu sắc, chân thật, em chỉ yêu ba khi tin chắc đó đúng là ba. Chính cái thái độ quyết liệt ngang ngạnh đó lại là biểu hiện tuyệt vời của tình cảm người con dành cho cha – người trong tấm hình chụp chung với má em, một tình yêu chân thực, sâu sắc và mãnh liệt.

- Trong buổi sáng cuối cùng, trước giờ phút ông Sáu phải đi xa thì thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột, thay đổi hoàn toàn. Nó đã dành cho ba một tình cảm thật mãnh liệt. Nỗi nhớ mong với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuồng quýt, có xen lẫn cả sự hối hận. Giờ đây người cha sắp phải đi xa, xa mẹ, xa con và tiếp tục cuộc đời người lính gian khổ. Lần đầu tiên, Thu cất tiếng gọi “Ba” và tiếng kêu như tiếng “xé”, không còn là tiếng kêu biểu lộ sợ hãi mà là tiếng nói của tình yêu thương ruột thịt. Rồi nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó, nó hôn lên ba nó cùng khắp, hôn cả vết sẹo dài trên má như để nhận lỗi. Hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi cúi chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run. Thì ra trong đêm bỏ về nhà bà ngoại, Thu đã được bà giải thích về vết sẹo làm

thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu đã được giải toả và ở Thu nảy sinh một trạng thái như là sự ân hận, hối tiếc: “nghe bà kể nó nằm im, lẫn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn”. Giờ đây cô mới vỡ lẽ ra người cha của cô thật đẹp và thật anh hùng. Cô bé không chỉ yêu cha, thương cha mà còn tự hào về cha.

- Qua biểu hiện tâm lý và thái độ, tình cảm, hành động của bé Thu, ta thấy đó là cô bé có tình cảm thật sâu sắc, mạnh mẽ, nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi. Ở Thu còn có nét cá tính là sự cứng cỏi đến mức tưởng như ương ngạnh, nhưng Thu vẫn là một đứa trẻ với tất cả nét hồn nhiên, ngây thơ của con trẻ.

Hình ảnh bé Thu và tình yêu cha sâu sắc của Thu đã gây xúc động mạnh trong lòng người đọc, để lại những ấn tượng sâu sắc.

b. Về tình cảm cha con trong chiến tranh:

- Tình cảm cha con trong chiến tranh có những xa cách, trắc trở nhưng rất thiêng liêng và sâu sắc.
- Người đọc thực sự xúc động về tình cảm của họ nhưng không khỏi có những trăn trở suy ngẫm.

Câu 6: Phân tích tình cảm cha con sâu nặng ở ông Sáu?

Gợi ý:

Ông Sáu là một người cha hy sinh cả cuộc đời để gìn giữ tình cha con bất diệt.

a. Sau tám năm xa nhà đi kháng chiến, khi bé Thu lên tám tuổi ông Sáu mới có dịp về phép thăm nhà, gặp mặt đứa con gái đầu lòng mà ông vô cùng thương nhớ. Khi cất tiếng gọi con cùng với điệu bộ “vừa bước, vừa khom người đưa tay chờ đón con”, có lẽ ông rất vui và xúc động, hạnh phúc, tin rằng đứa con sẽ đến với mình. Nhưng bé Thu đã từ chối, chạy và kêu thét lên gọi má. Ông Sáu vô cùng buồn bã, thất vọng, đau đớn.

- Trong hai ngày phép ngắn ngủi, ông Sáu không đi đâu chỉ quanh quẩn ở nhà với con, chăm sóc con nhưng bé Thu không nhận cha khiến ông vô cùng buồn, ... nhưng ông sẵn lòng tha thứ cho con. Tình yêu thương của người cha dành cho con trở nên bất lực khi ông Sáu đánh con bé một cái vào mông vì nó đã hất miếng trứng cá mà ông gắp ra khỏi bát cơm làm cơm văng tung toé.

- Cho đến lúc chia tay, ông nhìn con trù mến lẫn buồn rầu “đôi mắt của người cha giàu tình thương yêu, độ lượng, có phần thất vọng, sợ con không đón nhận tình cảm của mình. Trước cử chỉ của bé Thu, “anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”. Đó là giọt nước mắt sung sướng, hạnh phúc của một người cha cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình.

b. Tình cảm của ông Sáu với con đã được thể hiện tập trung và sâu sắc ở phần sau của truyện, khi ông Sáu ở trong rừng, tại khu căn cứ.

- Trước hết là nỗi nhớ thương xen lẫn sự day dứt, ân hận ám ảnh ông suốt nhiều ngày vì ông đã đánh con khi nóng giận. Ông Sáu đúng là một người cha hiền lành, nhân hậu, biết nâng niu tình cảm cha con. Rồi lời dặn của đứa con: “Ba về, ba mua cho con một cây lược ngà nghe ba!” đã thúc đẩy ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà dành cho con. Chứng tỏ ông rất chiều con và luôn giữ lời hứa với con.

=> Đó là biểu hiện tình cảm trong sáng và sâu nặng của người cha.

- Kiếm được khúc gỗ, anh vui sướng như đứa trẻ được quà, rồi để hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược, cưa răng, chuốt bóng, khắc chữ... tỉ mỉ, cần mẫn, công phu. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân – nghệ nhân chỉ sáng tạo một tác phẩm duy nhất trong cuộc đời. Cho nên nó không chỉ là chiếc lược xinh xắn và quý giá mà đó là chiếc lược kết tụ tất cả tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm, sâu xa, đơn sơ mà kỳ diệu làm sao! Chiếc lược ngà ??? thiêng liêng đã

làm dịu nỗi ân hận và ánh lên niềm hy vọng khắc khoải sẽ có ngày anh Sáu được gặp lại con, trao tận tay nó món quà kỷ niệm này.

- Nhưng tình cảm thật đáng thương, anh không kịp ddwa cây lược ngà đến tận tay cho con, người cha ấy đã hy sinh trong một trận càn. Trước khi vĩnh biệt con, ông Sáu vẫn nhớ chiếc lược, đã chuyển nó cho người bạn như một cử chỉ chuyển giao sự sống, một sự uỷ thác, là ước nguyện cuối cùng của người bạn thân: ước nguyện của tình phụ tử. Điều đó đúng như ông Ba nói: “chỉ có tình cha con là không thể chết được”. Đó là điều trắng trối không lời, nó rõ ràng và thiêng liêng hơn cả một lời di chúc.

=> Ông Sáu quả là một người cha chịu nhiều thiệt thòi nhưng vô cùng độ lượng và tận tụy vì tình yêu thương con. Một người cha để bé Thu sốt đời yêu quý và tự hào.

Câu 7: Phân tích và so sánh nhân vật người cha trong tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao và Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng?

Gợi ý:

a. Mở bài

Trong văn học Việt Nam và thế giới, các nhà văn, nhà thơ đã dành không ít bút lực để ca ngợi người mẹ – tình mẹ. Song trong thực tế, nếu “Tình mẹ bao la như biển Thái Bình” thì “Tình cha ấm áp như vàng thái dương”. Tình yêu thương của cha đối với con cũng không kém phần người mẹ. Hình tượng lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao và hình tượng ông Sáu – người cha – người chiến sĩ cách mạng trong truyện ngắn Chiếc lược ngà của nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng đẹp về tình cha.

b. Thân bài.

Cần đạt được các nội dung sau:

**** Tình cảnh bi thương và phẩm chất của lão Hạc***

– Lão Hạc là người nông dân nghèo, tình cảnh của lão Hạc thật bi thương. Vợ lão chết sớm, vì quá nghèo lão không có tiền cưới vợ cho con. Con lão phần chí bỏ đi làm đồn điền cao su, bỏ lại lão bơ vơ cùng con chó vàng ở nhà. Lão bị ốm nặng, làng mất vé sợi, cơn bão đi qua phá hoại hết hoa màu, tuổi già sức yếu chẳng ai muốn thuê lão làm việc nữa. Lão đành bán con chó yêu quý của lão rồi ăn củ khoai, củ ráy, rau má, bữa trai bữa ốc cho qua ngày, tới khi không còn cái gì ăn nữa thì lão ăn bả chó tự tử. Cái chết của lão thật đau đớn thê thảm.

– Tình cảnh bi thương nhưng phẩm chất của lão thật cao quý. Lão thương con, lão khóc và day dứt vì không có tiền cưới vợ cho con để nó phải bỏ làng đi làm ăn xa. Lão ở nhà sức tàn lực kiệt nhưng vẫn bòn vườn, kè cốp dành tiền cho con để nó về cưới vợ và có chút vốn làm ăn. Lão chịu đói khổ chứ không tiêu vào số tiền dành dụm, quyết chết để lại mảnh vườn cho con chứ không chịu bán. Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo 30 đồng bạc để lo ma chay cho mình, gửi lại mảnh vườn nhờ ông giáo trông nom cho con khi nó trở về.

=> Lão Hạc là một người cha tốt, người cha rất mực thương con, hi sinh hết lòng vì con. Dù lâm vào cảnh cùng quẫn nhưng lão vẫn giữ mình trong sạch “đói cho sạch, rách cho thơm”, không làm việc xấu xa như Binh Tư đã nghĩ. Phẩm chất của lão thật cao quý, đáng trọng.

**** Cảnh ngộ éo le của ông Sáu và gia đình***

– Đất nước lâm vào cảnh chiến tranh, ông Sáu cũng như bao người chiến sĩ cách mạng khác phải lìa xa vợ con, gia đình, quê hương đi chiến đấu, bảo vệ nền hòa bình cho đất nước. Chín năm kháng chiến trường kì và đằng đẵng xa con, ông

khổ sở, mong mỗi đến nôn nao cái phút giây được gặp lại con, được ôm con vào lòng cho thỏa niềm thương nhớ. Song thật trớ trêu! Cái giờ khắc nhìn thấy con, ông càng vô vậ, cuống quýt bao nhiêu thì đứa con lại lảng tránh, chối bỏ ông bấy nhiêu. Nguyên nhân là do chiến tranh đã để lại di chứng vết sẹo trên gương mặt ông, đã làm cho con ông không nhận ra cha.

– Xót xa khi con nhận ra cha, cất tiếng gọi ba thì cũng là lúc cha con vĩnh viễn xa nhau. Người cha thân yêu ấy đã mang theo vào chiến trường một mong ước của con: “Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba”. Ở nơi rừng rú chiến khu này tìm mua đâu cho được cây lược? Ý nghĩa nhất chính là tự tay cha làm cho con một chiếc lược mới có thể phần nào bù đắp được tình cha những lúc vắng xa.

**** Ông Sáu – người cha thâm lặng, đau khổ rất mực thương con***

– Ở chiến trường, ông quyết dồn tâm huyết để làm cho con một cây lược.. Khi kiếm được khúc gỗ, mặt ông “hớn hờ như đứa trẻ được quà”, những lúc rỗi, ông “ngồi cửa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”. Khi chiếc lược đã hoàn thành, ông tỉ mỉ gò công khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Nâng niu, trân trọng như một vật báu, ông thường xuyên “lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng mượt”. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân sáng tạo. Sáng tạo một tác phẩm thiêng liêng, cao quý duy nhất về tình cha con. Vì thế, cây lược gỗ đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc mà đầm thắm, sâu xa, đơn sơ mà thật kì diệu.

– Đang tiếc, kỉ vật thiêng liêng ấy chưa kịp trao cho con thì ông Sáu đã hi sinh. Tàn lực cuối cùng ông dồn lên đôi mắt và đưa tay vào túi, móc cây lược ra đưa cho người bạn chiến đấu thân thiết nhất, như muốn nói, như muốn chuyển giao sự sống, chuyển giao ước nguyện cuối cùng của người cha cho người đồng chí: hãy tiếp tục làm tròn bổn phận của một người cha, hãy gìn giữ mãi tình cha con ruột

thịt. Ông Sáu hi sinh, nhưng tình cha con thì không bao giờ chết được. Chiến tranh, sự khốc liệt có thể cướp đi tính mạng, thể xác, không thể cướp đi tình cha con cao quý, sâu nặng. Nó sẽ sống mãi trong chiếc lược ngà mà ông đã dành cho con.

**** Sự giống và khác nhau giữa hai người cha***

– Lão Hạc thuộc tầng lớp nông dân cổ cùng sống trong chế độ thực dân nửa phong kiến. Lão tiêu biểu cho số phận người nông dân khốn cùng trước Cách mạng tháng Tám. Cha con phải xa lìa nhau là do đói nghèo, do xa hội thực dân nửa phong kiến đã man tàn bạo, áp bức, bóc lột khiến cho đời sống của họ lâm vào bước đường cùng. Còn ông Sáu, cha con phải xa lìa nhau, không nhận ra nhau là do chiến tranh. Tội ác của chiến tranh đã gây bao đau thương tang tóc cho mỗi gia đình Việt Nam. Ông Sáu là người chiến sĩ trung thành với cách mạng, gắn bó với quê hương, đồng chí, đồng đội. Thương yêu con nhưng vì nghĩa lớn phải ra đi và bị hi sinh.

– Hai người cha, hai thời đại, hai cảnh ngộ khác nhau nhưng họ có chung một phẩm chất: yêu thương con nhất mực. Lão Hạc quyên sinh để dành lại mảnh vườn cho con. Ông Sáu dồn tình yêu thương vào việc làm chiếc lược ngà. Ở trong cảnh ngộ càng khó khăn thì tình cha con càng được tỏa sáng, thiêng liêng và cao quý.

c. Kết bài

Thành công của hai tác phẩm là xây dựng được hình tượng những người cha mẫu mực. Trong mỗi tình cảnh éo le, tình cha con càng thấm thiết, sâu nặng, để lại trong lòng người đọc những xúc động sâu xa, những giá trị nhân bản đẹp đẽ, cao cả, thiêng liêng biết mấy.

Câu 8: Em hãy viết lại đoạn truyện trong Chiếc lược ngà kể về cuộc chia tay cuối cùng của cha con ông Sáu theo lời hồi tưởng của nhân vật bé Thu – cô giao liên?

Gợi ý:

Trong truyện, tác giả chọn nhân vật ông Ba – người bạn thân thiết của ông Sáu trong vai kể chuyện. Ông không chỉ là người chứng kiến khách quan và kể lại mà còn bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật. Bây giờ không phải là ông Ba mà thay vào đó là chính Thu, cô giao liên đã trưởng thành, hồi tưởng lại cuộc chia tay cuối cùng của hai cha con để kể lại. Như vậy truyện được kể theo ngôi thứ nhất – nhân vật tôi. Đọc tham khảo bài viết sau:

NGÀY ẤY BA ĐI

Trong cuộc đời, có những điều ta tưởng như không bao giờ còn hi vọng. Vậy mà, bất chợt nó vẫn đến như mơ. Trong chuyến công tác hôm nay, tôi tình cờ gặp lại bác Ba – người bạn chiến đấu của cha tôi năm xưa. Bác đã trao cho tôi cây lược ngà mà trước khi hi sinh, cha tôi đã kịp gửi lại. Bác nói:

– Ba cháu gửi cho cháu cây lược ngà này. Cây lược do chính tay ba cháu làm. Ba cháu vẫn khỏe, không về được nên gửi qua bác.

Tôi đưa tay đón chiếc lược ngà, nhận bóng từ tay bác Ba. Nhìn dòng chữ khắc trên thân lược: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba!”, tim tôi như bị ai bóp lại, trào lên một cảm giác lạnh người. Tôi cố kìm nén nhưng sao nước mắt tôi cứ tràn ra, chảy dọc xuống gò má nóng hổi. Tôi biết bác Ba nói dối cha tôi đã chết rồi. Có lẽ bác sợ tôi không trải qua được cơn sốc này chăng? Tôi đâu còn là bé Thu của mười năm về trước bác đã gặp. Tôi đã trưởng thành rồi. Tôi xin má đi làm giao liên cho quân

giải phóng cũng là căm thù bọn đế quốc, trả thù cho cha. Cầm cây lược trên tay, tôi như được gặp lại cha. Cây lược đưa tôi ngược dòng trở về quá khứ.

Thời gian đi qua đã mười năm rồi, lúc ấy tôi mới chín tuổi. Ba chỉ được về nhà có ba ngày. Vậy mà vết sẹo trên mặt ba đã khiến tôi không nhận ra cha. Tôi đâu có ngờ chiến tranh lại độc ác đến thế! Và thời gian xa cách cũng làm ba tôi già đi, xấu đi nhiều. Mỗi khi nhớ lại, tôi không khỏi ân hận và tự dằn vặt, trách cứ mình sao lại đối xử với ba tệ như thế. Nhưng còn may cái phút chót của ngày ba phải ra đi, bà ngoại đã lí hiaỉ cho tôi những khúc mắc trong lòng. Khi ba tạm biệt mọi người, lúc ấy tôi cũng đứng nép trong một góc nhà, lòng tôi buồn lắm. Tôi nghĩ rất nhiều nhưng chẳng còn nhớ trong cái đầu thơ ngây lúc đó, tôi đã nghĩ gì nữa. Chỉ đến khi ba mang chiếc ba lô trên vai rồi tôi mới bật lên được một tiếng ba, được ôm ba, câu chặt lấy ba cho thỏa lòng mong nhớ. Tôi thầm nói với ba: “Cha ơi! Cha có biết không trong lòng con cũng mong nhớ cha, khát tình cha như cha khát tình con và gia đình, quê hương của cha vậy”. Trong giờ khắc chia tay ấy, với tôi nó thiêng liêng đến nhường nào! Tôi hét lên “Ba! Ba...!”. Tiếng hét ấy như xé lòng tôi, xé toang cả sự im lặng giữa cha và con, làm kinh động đến mọi người. tôi cố kìm nén nhưng nó như một vật gì đó nặng lắm, mạnh lắm, bùng phát, vỡ tung ra tự đáy lòng, phun trào như nham thạch núi lửa.

Tôi ôm chặt lấy ba, hôn ba cùng khắp, hôn lên cả vết sẹo mà trước đó tôi kinh hãi, ghê sợ. Tôi ân hận lắm! Tôi muốn nói lời cầu xin cha tha lỗi nhưng có lẽ tôi còn con nít, mắc cỡ không thể giải bày được như người lớn. Tôi không muốn ba đi nữa. Tôi muốn ba ở nhà mãi với tôi, đã chín năm tuổi thơ tôi sống vắng bóng ba. Lúc đó tôi chỉ muốn có ba ở bên để được yêu thương, che chở.

Ba ôm chặt lấy tôi và rút khăn lau nước mắt. Cả ba, tôi và mọi người đều xúc động. Ba hôn lên tóc tôi, vỗ về: “Ba đi rồi ba về với con”. Tiếng má cũng nói chen

vào: “Thu! Để ba đi. Thống nhất rồi ba về với con”. Và tôi dặn ba: “Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe ba”. Kí ức như còn mới hôm qua mà mười năm đã trôi đi rồi. Tôi khôn lớn và chờ đợi. Những trận càn, đốt làng, tố cộng, dồn dân lập ấp của bọn Mĩ – ngụy, ai có thể sống sót để trở về đoàn tụ với nhau? Sống – chết thật mỏng manh, chưa đến ngày thống nhất mà má con tôi đã nhận tin sét đánh. Chiếc lược ngà này, tôi dặn ba mua ngày ba đi cũng không bao giờ còn hi vọng.

Hôm nay chính thức bác Ba ngày ấy về chơi cùng ba đã trao lại cho tôi cây lược – vật kỉ thiêng liêng và duy nhất của ba còn lại. Cầm cây lược trên tay, nó gọi thức trong tôi bao kỉ niệm, trái tim tôi quặn thắt. Tôi bàng hoàng trước hạnh phúc bất ngờ. Bác Ba đã đưa chiếc lược về như đưa chính hình bóng người cha yêu dấu về với tôi. Tôi ôm nó vào lòng như được ôm, được gặp cha ngày nào. Chiếc lược ngà chính là tình thương yêu sâu nặng của ba tôi. Tôi sẽ gìn giữ và mang nó theo suốt cuộc đời.

Câu 9: Dưới đây là trích đoạn trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” (Nguyễn Quang Sáng):

“Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?”

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2013)

a. Chiếc lược ngà được viết năm nào? Ghi lại từ mang màu sắc Nam bộ trong đoạn trích.

b. Những biểu hiện của nhân vật bé Thu ở trên nói lên thái độ gì và qua đó bộc lộ tình cảm như thế nào đối với nhân vật ông Sáu? Lời kể được in nghiêng

trong đoạn trích trên giúp em nhận biết mục đích nói ở câu văn có hình thức nghi vấn sau đó là gì?

c. Viết một đoạn văn (khoảng 15 câu) theo cách lập luận quy nạp làm rõ tình cảm sâu nặng của bé Thu đối với cha trong truyện ngắn trên, ở đó sử dụng câu có thành phần biệt lập và phép lặp để liên kết (gạch dưới phần biệt lập và từ ngữ dùng làm phép lặp).

d. Kể tên 1 tác phẩm cũng nói về hình ảnh người cha phải đi ra chiến trận khi con còn bé. Em có suy ngẫm gì (không quá 5 dòng) về chiến tranh?

Gợi ý:

a. Tác phẩm “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966

Những từ mang màu sắc Nam bộ trong đoạn trích trên: Chén, xoi

b. Thái độ phản ứng quyết liệt, không chấp nhận ông Sáu là cha đẻ của mình. Điều này chứng tỏ bé Thu có cá tính mạnh mẽ, tình cảm chân thật. Em chỉ yêu cha khi tin chắc đúng là cha mình (em thấy ông Sáu không giống tấm hình chụp chung với má). Tình yêu của bé Thu sâu sắc, đầy bản lĩnh.

- Mục đích nói ở câu văn có hình thức nghi vấn là bộc lộ cảm xúc bức tức của ông Sáu khi thấy bé Thu có hành động phản ứng quyết liệt trước sự chăm sóc của ông đối với bé. Đằng sau câu nói đó, người đọc thấy được sự khát khao của người cha mong đứa con chấp nhận mình là cha của nó.

c. Hình thức:

- Viết lùi vào một ô, các câu sau viết sát mép lề
- Đoạn văn quy nạp, không có câu mở đoạn
- Đủ số câu quy định: Khoảng 15 câu

Về nội dung: Học sinh có thể tham khảo mạch ý sau để làm rõ tình cảm sâu nặng của bé Thu đối với người cha trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà”:

*** Khi ông Sáu về đến nhà:**

- Bé đang chơi ở nhà chòi, thấy người đàn ông có vết sẹo dài bên má phải đỏ ửng, giật giật trông rất sợ, bé đã “giật mình, tròn mắt, ngơ ngác nhìn” một cách ngờ vực. Rồi bé mặt tái đi, vụt chạy, kêu thét lên. Điều này cho thấy, bé chưa chuẩn bị tâm lý từ trước rằng ba của bé sẽ về thăm nhà.

*** Trong ba ngày ở nhà:**

Ông Sáu luôn gần gũi, khao khát bé Thu gọi mình một tiếng “Ba”, song bé Thu đã có những hành động phản ứng ông một cách ương ngạnh, bướng bỉnh:

- Nói trống (nói trống không) “vô ăn cơm”, “cơm chín rồi”, “cơm sôi rồi”, “chất nước giùm cái!” để tránh dùng từ “Ba” vì từ “Ba” đối với bé rất thiêng liêng.

- Hành động “hắt cái trứng cá to vàng” ông sáu gấp vào chén cho nó và khi ông Sáu không kiềm chế được, đã đánh bé thì bé đã “gấp lại trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm”, bỏ về bà ngoại. Khi nhảy xuống xuống, nó cố làm cho “dây lòi tói kêu rồn rảng” để thể hiện phản ứng quyết liệt với ông Sáu.

* Những chi tiết trên cho thấy, sự ương ngạnh, bướng bỉnh của bé Thu trong hoàn cảnh chiến tranh xa cách, trắc trở không đáng trách. Bạn đọc thông cảm với bé vì em còn quá nhỏ, chưa hiểu được thời gian năm tháng, sự khốc liệt của chiến tranh sẽ làm ngoại hình con người có thể biến dạng đi không giống tấm hình chụp thời trẻ của ông sáu. Hơn nữa, bé Thu chỉ biết mặt ba qua tấm hình chụp chung với má. Bé cũng chưa chuẩn bị tâm lý gặp lại ba khi ba của bé về nhà trước khi nhận nhiệm vụ mới.

*** Thu nhận ra ông Sáu là người cha của mình (trọng tâm)**

- Buổi sáng cuối cùng trước phút ông Sáu lên đường, thái độ, hành động của Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn vì bé được bà ngoại giải thích vết sẹo trên má phải ông Sáu là do bị Tây bắn. Nó đã nằm im nghe bà kể, lẩn lộn và thỉnh thoảng thở dài như người lớn. Điều này cho thấy, bé ân hận, hối tiếc.

- Lúc chia tay với ông Sáu: Đôi mắt mở to mênh mông của bé nhìn với vẻ “ngỡ ngạo sâu xa” và khi ông Sáu khẽ chào bé “Thôi, ba đi nghe con!” thì bé đã kêu thét lên “Ba..a...a...ba!”

* Tiếng “Ba” mà bé khao khát được gọi đề nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung ra từ đáy lòng nó. Tiếng kêu “ba” xé tan cả không gian im lặng, xé ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đây là tiếng gọi “ba” đầu tiên và cũng là cuối cùng của cuộc đời bé Thu vì sau đó ông Sáu đã hy sinh.

Hành động:

- Nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như con sóc, nó chạy thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba, vừa nói trong tiếng khóc, không cho ba đi.

- Nó “hôn tóc, hôn cổ, hôn vai” vì muốn cảm nhận hết tình cảm của người cha mà nó khao khát bao năm nay. Đặc biệt, “nó hôn cả vết sẹo dài bên má của ba” mà nó rất sợ vì nó muốn chuộc lại lỗi lầm trong ba ngày đã có hành động, thái độ không phải với ông Sáu. Hiểu được nguyên nhân của vết sẹo dài, bé Thu càng yêu thương và tự hào vì ba của bé là một chiến sĩ cách mạng.

* Chiến tranh qua hình ảnh “vết sẹo dài” đã không những không chia cắt được tình cảm cha con của người chiến sĩ cách mạng mà còn làm cho tình cảm đó trở nên sâu sắc, mãnh liệt hơn.

- Được bà và mẹ giải thích rằng ba đi, thống nhất đất nước, ba sẽ về Thu đã để cho ba đi và dặn ba về sẽ mua cho bé một cây lược. Điều này cho thấy bé hiểu được công việc mà cách mạng đang cần ba.

- Sau này biết tin ba mình hy sinh, bé Thu đã tiếp nối công việc của ba đang làm dở: trở thành cô giao liên thông minh, dũng cảm, nhiều lần cứu đoàn cán bộ cách mạng thoát khỏi phục kích của giặc.

****Kết đoạn:***

- Với tấm lòng yêu mến, trân trọng tình cảm trẻ thơ, với sự am hiểu tâm lý trẻ em, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa tình cảm yêu cha sâu sắc, mãnh liệt, đầy bản lĩnh của đứa con người chiến sĩ cách mạng mà không làm mất đi vẻ hồn nhiên, ngây thơ của trẻ em, đồng thời khẳng định chiến tranh khốc liệt với hoàn cảnh đầy éo le, không chia rẽ được tình cảm cha con của những người chiến sĩ cách mạng.

Về ngữ pháp:

- Gạch chân đoạn văn và chú thích rõ ràng thành phần biệt lập (có thể là tình thái từ, hoặc từ cảm thán, hoặc thành phần phụ chú, hoặc gọi đáp) và từ ngữ dùng làm phép lập, được sử dụng thích hợp trong đoạn văn.

d. Tác phẩm khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9, trong đó có nhân vật người cha, vì chiến tranh xa cách, khi trở về, đứa con trai cũng hoài nghi, xa lánh là “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

**** Suy nghĩ về chiến tranh:***

Học sinh có thể trình bày cách cảm nhận khác nhau, dưới đây là một số gợi ý để học sinh tham khảo:

- Từ cảnh ngộ của người cha trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” và “Người con gái Nam Xương”, em thấy chiến tranh thật là dã man, tàn bạo. Nó khiến cho những người cha phải chia lìa gia đình, vợ con, những đứa trẻ ra đời mà không biết mặt cha, không được hưởng tình yêu thương, chăm sóc của người cha. Chiến tranh cũng đã gây nên sự hiều nhầm đáng tiếc trong những gia đình có người cha đi lính.

- Bé Đản (trong chuyện người con gái Nam Xương) đã mất đi một người mẹ Vũ Nương rất yêu thương con và khao khát một cuộc sống gia đình hạnh phúc. Bé Thu chỉ được hưởng tình cha con trong giây phút ngắn ngủi trước khi chia tay để cha bé lên đường làm cách mạng.

- Qua hai tác phẩm được học, em thấy rõ tình cảm cha con, tình cảm gia đình quan trọng thiêng liêng biết nhường nào với trẻ thơ.

Câu 10: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: "Má! Má!". Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy".

(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.196)

a) Đoạn trích trên được rút ra từ tác phẩm nào, của ai? Kể tên hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích?

b) Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm em vừa xác định?

c) Lẽ ra, cuộc gặp mặt sau tám năm xa cách sẽ ngập tràn niềm vui và hạnh phúc nhưng trong câu chuyện, cuộc gặp ấy lại khiến nhân vật "anh" "đau đớn". Vì sao vậy? Hãy lí giải bằng một đoạn văn ngắn (từ 3 đến 4 câu).

Gợi ý:

a) - Đoạn văn trên được rút từ tác phẩm "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang
- Hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích là anh Sáu và bé Thu

b) Tác phẩm "Chiếc lược ngà" được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, tại chiến trường Nam Bộ trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta đang diễn ra ác liệt.

c) Nội dung: HS nêu được các lí do:

- Ông Sáu đi chiến đấu xa nhà đã lâu, nay ông được về thăm nhà, khao khát đốt cháy lòng ông là được gặp con, được nghe con gọi tiếng "ba" để được ôm con vào lòng và sống những giây phút hạnh phúc bấy lâu ông mong đợi.

- Nhưng thật éo le, con bé không những không nhận ông là ba mà còn tỏ thái độ rất sợ hãi. Chính điều đó đã khiến ông hụt hẫng và đau đớn tột cùng.

(Lí giải đúng mỗi ý được 0, 5 điểm. – HS có thể diễn giải theo nhiều cách nhưng đúng ý, hiểu đúng vấn đề vẫn cho điểm tối đa)

Câu 11: Câu chuyện của cha con ông Sáu trong truyện gợi cho em cảm nghĩ gì về tình người, nhất là tình cảm gia đình trong hoàn cảnh chiến tranh?

Gợi ý:

Có thể nêu cảm nghĩ của mình một cách tự do, nhưng cần chú ý hai khía cạnh nổi bật trong ý nghĩa của truyện:

– Những éo le, mất mát do chiến tranh gây nên cho con người, cho mỗi gia đình.

– Vượt lên những mất mát đó của chiến tranh (thậm chí cả cái chết) là sức mạnh bền chặt của tình người: tình cha con, tình bạn và tình đồng chí sâu sắc, thấm thiết. Trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh, trân trọng những tình cảm tự nhiên, đẹp đẽ của con người (như: tình cảm gia đình, tình cha con).

Câu 12: Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi

“Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên : “Má! Má!”. Còn anh, anh đứng sững lại đó,

nhìn theo con, nỗi đau đón khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà)

a. Đoạn trích trên được kể theo ngôi kể nào?

b. Tác giả sử dụng đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm? Vai trò. Tác dụng của yếu tố này trong đoạn trích trên?

c. Lẽ ra, cuộc gặp mặt sau tám năm xa cách sẽ ngập tràn niềm vui và hạnh phúc nhưng trong câu chuyện, cuộc gặp ấy lại khiến nhân vật “anh” đau đớn. Vì sao vậy? Hãy lí giải bằng một đoạn văn ngắn (trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận).

Gợi ý:

a. Đoạn trích trên kể theo ngôi thứ nhất, theo lời kể của nhân vật “tôi” – bác Ba.

b. Tác giả đã sử dụng hình thức độc thoại nội tâm.

Yếu tố này có tác dụng thể hiện được sự đồng cảm và cảm xúc của người kể chuyện - người chứng kiến cuộc gặp lại của hai cha con ông Sáu.

c. Ông Sáu đi chiến đấu xa nhà đã lâu, nay ông được về thăm nhà, khao khát đốt cháy lòng ông là được gặp con, được nghe con gọi tiếng "ba" để được ôm con vào lòng và sống những giây phút hạnh phúc bấy lâu ông mong đợi. Nhưng thật éo le, con bé không những không nhận ông là ba mà còn tỏ thái độ rất sợ hãi. Chính điều đó đã khiến ông hụt hẫng và đau đớn tột cùng.

Câu 13: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hót hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hởi như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám, năm đó ta chưa võ trang - trong một trận càn lớn của quân Mĩ-ngụy, anh Sáu bị hy sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái

nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.”

(Chiếc lược ngà – Nguyễn Quang Sáng- Ngữ văn 9, Tập1 - NXB Giáo dục VN)

a. Nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản có đoạn trích trên?

b. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật trong câu văn sau : “Những lúc rồi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc”. Nêu giá trị biểu đạt của biện pháp nghệ thuật đó?

c. Viết bài văn ngắn (khoảng 300 từ) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật ông Sáu trong đoạn trích trên. Từ đó, nêu suy nghĩ của bản thân về tình phụ tử trong gia đình hiện nay?

Gợi ý:

a. Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966 (khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ).

b. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật: So sánh “cố công như một người thợ bạc”

- Giá trị biểu đạt:

+ Làm nổi bật sự kì công và tâm huyết của nhân vật ông Sáu vào việc làm cây lược cho con gái.

+ Thể hiện tình yêu thương con thấm thiết, sâu nặng của ông Sáu.

c. Hình thức:

- Đúng thể thức một bài văn ngắn, đảm bảo bố cục ba phần rõ ràng.

- Kỹ năng làm văn nghị luận nhân vật văn học trong đoạn trích tốt.

Hành văn trong sáng, lập luận chặt chẽ, không mắc các lỗi diễn đạt, chính tả, ngữ pháp.

Nội dung:

a. Mở bài

- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm
- Ấn tượng chung về vẻ đẹp của nhân vật ông Sáu và trong đoạn trích.

b. Thân bài

*** Khái quát:**

- Vị trí của đoạn trích
- Tóm tắt cốt truyện
- Giới thiệu được hoàn cảnh của ông Sáu: Chiến tranh đã làm cha con ông Sáu phải chia lìa. Nhiều năm xa cách, ngày ông về thăm nhà, đứa con gái duy nhất của ông không thể nhận cha ngay vì gương mặt ông đã bị thương tích làm thay đổi. Khi con bé hiểu ra và nhận cha cũng là lúc ông Sáu phải lên đường trở lại chiến trường với lời hứa mang về cho con cây lược. Tình yêu thương con sâu sắc và phẩm chất kiên cường của một người chiến sĩ của ông Sáu đã được khắc họa cảm động đoạn trích trên.

(Lưu ý thông tin đã có ở mở bài thì không cần phải nêu ở thân bài)

*** Cảm nhận:**

- Ông Sáu trở lại chiến trường với nỗi ân hận dày vò vì trót đánh con và lời hứa mang về cho con cây lược. Khi tìm được khúc gỗ, ông vui vì có thể giữ lời hứa với con, vì sẽ có một món quà cho con gái.

+ Để thực hiện lời hứa, ông lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mỹ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc gỗ thành từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ

và cố công như người thợ bạc

=> Ông Sáu làm cây lược với tất cả tâm huyết, tình yêu thương và nỗi nhớ con, người cha ấy như hình dung được niềm vui của con gái khi nhận được món quà. Ông muốn món quà cho con gái phải thật hoàn hảo nên đã gò lưng, *tẩn mẩn khắc từng nét trên sống lưng lược một hàng chữ nhỏ: “Yêu nhớ tặng Thu, con của ba”*.

+ Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của ông. Những đêm nhớ con, ông ít nhớ đến nỗi hận đánh con, nhớ con, ông lấy cây lược ra ngắm nghía rồi cài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Những hành động, việc làm của ông toát lên một sự tỉ mỉ, ân cần, chu đáo, toát lên tình cảm nồng ấm của một người cha. Phải chăng khi ấy ông đang hình dung được chải mái tóc dài của con?

- Người cha, người chiến sĩ ấy đã không kịp thực hiện lời hứa với con. Trong một trận càn lớn của quân Mỹ- ngụy, ông Sáu bị hy sinh. Ông bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, ông đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho người đồng đội, ánh mắt tha thiết của ông như muốn kí thác một điều gì đó thật thiêng liêng.

- Ông Sáu vĩnh viễn nằm lại chiến trường, sự hi sinh vì Tổ quốc của ông đã thể hiện phẩm chất cách mạng kiên trung. Tình yêu ông dành cho con mãi mãi không thể chết. Tình yêu của người cha hiển hiện trong chiếc lược ngà. Chiếc lược là một món quà vô giá, là kỉ vật duy nhất của ông Sáu, cây lược là minh chứng cho tình yêu con vô bờ bến của một người cha...

- Suy nghĩ về tình phụ tử trong gia đình hiện nay:

+ Tình phụ tử luôn là tình cảm thiêng liêng đáng trân trọng trong mọi thời đại.

+ Ngày nay tình phụ tử trong gia đình vẫn luôn sâu sắc, nồng ấm, thiêng liêng, cao đẹp.

+ Bên cạnh đó vẫn có những gia đình mối quan hệ cha con không tốt đã làm mất đi giá trị đạo đức gia đình, xã hội....

*** Đánh giá**

- Cốt truyện chặt chẽ, tình huống truyện hấp dẫn, cách kể chuyện...

- Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa thành công ông Sáu là người có tình yêu con sâu sắc, mãnh liệt. Tình cảm ấy được bộc lộ rõ nét qua những ngày ông Sáu trở về khu căn cứ.

- Nhân vật ông Sáu đã góp phần làm nên thành công cho truyện ngắn “Chiếc lược ngà” nói riêng và sự nghiệp của Nguyễn Quang Sáng nói chung.

Liên hệ đến những câu thơ, câu hát có cùng chủ đề...

c. Kết bài: Khẳng định vai trò của nhân vật, của tác phẩm và sức sống của nó trong dòng chảy thời gian.

Câu 14: Đọc đoạn trích sau và trả lời những câu hỏi ở dưới:

“Nghe nồi com sôi, nó giở nắp, lấy đũa bép sơ qua – nồi com hơi to, nhắm không thể nhắc xuống để chắt nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu. Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên:

– Com sôi rồi, chắt nước giùm cái! – Nó cũng lại nói trống.

Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

– Cháu phải gọi “ba chắt nước giúp con”, phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:

– Com sôi rồi, nhão bây giờ!”

(Chiếc lược ngà – Nguyễn Quang Sáng)

a. Trong đoạn trích trên, ông Sáu và người kể chuyện mong chờ điều gì ở bé Thu?

b. Câu nói “Cơm sôi rồi, tắt nước giùm cái!” đã vi phạm phương châm hội thoại?

c. Câu nói “Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!” mang hàm ý gì?

d. Những câu “nói trống” của bé Thu đã thể hiện rõ thái độ không thiện cảm với ông Sáu. Tại sao bé Thu có thái độ như vậy?

Gợi ý:

a. Ông Sáu và người kể chuyện mong chờ bé Thu gọi một tiếng “ba”. Bởi vì trong suốt 8 năm trời trở về xa cách con, ông Sáu chỉ mong con nhận ra mình nhưng bé Thu không chịu nhận ba.

b. Câu nói vi phạm phương châm lịch sự.

c. Hàm ý: nhờ người tắt nước khi nồi cơm sôi.

d. Bé Thu có thái độ như vậy vì không tin ông Sáu là cha mình. Sở dĩ có điều đó vì bé Thu chỉ dành tình cảm cho người cha trong bức ảnh mà ông Sáu lại không giống với người cha trong bức ảnh, ông có một vết sẹo dài trên khuôn mặt. Tiếng gọi ba rất thiêng liêng đối với bé Thu bởi vậy khi bị dồn vào tình huống oái ăm nhưng bé vẫn không chịu gọi ba.

Câu 15: Truyện được kể theo lời trần thuật của nhân vật nào? Cách chọn vai kể như vậy có tác dụng gì trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện nội dung tư tưởng của truyện?

Gợi ý:

Truyện được kể theo lời của nhân vật ông Ba. Ông là bạn cùng quê, thân thiết với ông Sáu. Ông đã cùng ông Sáu về thăm quê một lần năm 1954, cùng chiến đấu và chứng kiến cái chết của ông Sáu, là người nhận cây lược, hứa trao tận tay Thu (và cuối cùng ông đã thực hiện được lời hứa). Như vậy, ông Ba là người bạn trực

tiếp chứng kiến câu chuyện trớ trêu của hai bố con ông Sáu. Nhờ thế, những lời kể của ông vừa khách quan, cụ thể, chính xác, đáng tin cậy, vừa có sự đồng cảm, chia sẻ của người trong cuộc. Qua ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật kể chuyện, người đọc có thể hiểu rõ hơn về nhân vật, sự việc. Nhịp kể phụ thuộc rất nhiều vào mạch cảm xúc của nhân vật kể chuyện ngôi thứ nhất này. Đôi khi, ông Ba xen vào chuyện, trực tiếp bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, đánh giá... Câu chuyện vì thế tự nhiên hơn, có cảm giác gần gũi hơn, sống động, cụ thể hơn và cũng gây xúc động hơn với người đọc.

Câu 16: Trong tác phẩm Chiếc lược ngà, ghi lại cảnh chia tay của cha con ông Sáu, nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết:

“Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi”

(Sách Ngữ văn 9, tập một - NXB Giáo dục 2005, tr. 199)

Câu 1: Vì sao khi chứng kiến giây phút này, bà con xung quanh và nhân vật tôi lại có cảm xúc như vậy?

Câu 2: Người kể chuyện ở đây là ai? Cách chọn vai kể ấy góp phần như thế nào để tạo nên sự thành công của Chiếc lược ngà?

Câu 3: Kể tên hai tác phẩm khác viết về đề tài cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta mà em đã được học trong chương trình Ngữ văn 9 và ghi rõ tên tác giả.

CHUYÊN ĐỀ 10: MÙA XUÂN NHỎ NHỎ

-THANH HẢI-

Câu 1: *Nêu hoàn cảnh sáng tác và mạch cảm xúc của tác phẩm?*

Gợi ý:

Hoàn cảnh sáng tác

Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt: Tháng 11- 1980, chỉ ít ngày sau, nhà thơ qua đời. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta mới thống nhất lại đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách gay gắt.

Mạch cảm xúc

Bài thơ bắt đầu bằng những xúc cảm trực tiếp, hồn nhiên, trong trẻo trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên, đất trời. Từ đó, mở rộng ra thành hình ảnh mùa xuân của đất nước hôm nay và cả đất nước bốn ngàn năm. Từ đó mạch thơ chuyển sang biểu hiện suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ được gộp “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. Mạch thơ phát triển tự nhiên để rồi khép lại cũng tự nhiên, đắm chìm trong một điệu dân ca xứ Huế.

Câu 2: *Tại sao tác giả lại đặt tên là “mùa xuân nho nhỏ”? Từ đó nêu chủ đề của bài thơ.*

Gợi ý:

- "Mùa xuân nho nhỏ" là một nhan đề hay, một ẩn dụ đầy sáng tạo, giàu ý nghĩa đã góp phần thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm - ước nguyện chân thành của nhà thơ Thanh Hải dành cho cuộc đời.

+ Mùa xuân là biểu tượng cho vẻ đẹp, cho sức sống thanh tân tươi trẻ, cho những gì tinh khiết nhất của đất trời.

+ Từ láy "nhỏ nhỏ" làm rõ hơn đặc điểm của mùa xuân rất khiêm nhường.
-> Đặt tên cho tác phẩm như thế, nhà thơ đã thể hiện khát vọng khiêm nhường mà rất đổi chân thành, tha thiết, cao đẹp : ước muốn làm mùa xuân nhỏ nhỏ nghĩa là đem tất cả những gì tốt đẹp nhất, tinh túy nhất của mình, dấu có nhỏ bé để hòa vào mùa xuân lớn của thiên nhiên, của đất nước. Nhan đề bài thơ cũng đã thể hiện một nhân sinh quan, thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng.

-> Nhà thơ Thanh Hải đã góp cho thơ ca dân tộc một bài thơ xuân đẹp, đậm đà tình nghĩa. Tuy một tâm hồn, một tài năng đã khép lại, nhưng những gì thuộc về chất ngọc trong trái tim, tấm lòng của nhà thơ vẫn còn để đời cho hậu thế trân trọng, nâng niu. Làm sao không quý, không yêu những vần thơ của một hồn thơ đáng kính nhường này?

Câu 3: Trong phần đầu, tác giả dùng đại từ “Tôi”, sang phần sau, tác giả lại dùng đại từ “Ta”. Em hiểu như thế nào về sự chuyển đổi đại từ nhân xưng ấy của chủ thể trữ tình?

Gợi ý:

- Sự chuyển đổi đại từ nhân xưng đó không phải là sự ngẫu nhiên vô tình mà là dụng ý nghệ thuật tạo nên hiệu quả sâu sắc

- Đó là sự chuyển từ cái “tôi” cá nhân nhỏ bé hoà vào cái “ta” chung của cộng đồng, nhân dân, đất nước. Trong cái “Ta” chung vẫn có cái “tôi” riêng, hạnh phúc là sự hoà hợp và cống hiến. Thể hiện niềm tự hào, niềm vui chung của dân tộc trong thời đại mới

- Sự chuyển đổi diễn ra rất tự nhiên, hợp lí theo mạch cảm xúc

Câu 4: Trong hai câu thơ: “Từng giọt long lanh rơi. Tôi đưa tay tôi hứng”, có người hiểu “giọt long lanh” là giọt mưa xuân, có người lại cho là giọt âm

thanh tiếng chim ở câu thơ trước đó. Nêu cách hiểu của em và phân tích hai câu thơ đó?

- Nếu hiểu là “giọt mưa xuân” cũng có chỗ hợp lí: nét quen thuộc của khung cảnh mùa xuân và dễ gợi cảm xúc xôn xao trong lòng người. Nhưng có chỗ chưa thật hợp lí: mưa xuân thường nhẹ và ẩm ...(Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay - Nguyễn Bính), chứ không thể tạo thành giọt.

- Cách hiểu thứ hai hợp lí hơn:

+ Liền mạch với câu thơ trước

+ Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Nhà thơ đưa tay hứng từng giọt âm thanh tiếng chim (chuyển đổi cảm giác). Tiếng chim từ chỗ là âm thanh, chuyển thành từng giọt, từng giọt ấy lại long lanh ánh sáng và màu sắc, có thể cảm nhận bằng xúc giác.

-> Diễn tả niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, trời đất lúc vào xuân.

Câu 5: Trong đoạn thơ: “Mùa xuân người cầm súng....

Tất cả như hồi hã

Tất cả như xôn xao”

Từ “lao xao” có thể thay thế cho từ “xôn xao” trong câu thơ trên được không? Vì sao?

Gợi ý:

Từ “lao xao” không thể thay thế cho từ “xôn xao” trong câu thơ trên. Từ “lao xao” chỉ đơn giản là gợi âm thanh, âm thanh của thiên nhiên hoặc của con người. Còn “xôn xao” khi đặt trong khổ thơ này, không chỉ là âm thanh rộn ràng của cuộc sống nhộn nhịp lao động khẩn trương của đất nước sau thống nhất, mà còn là

những xúc cảm mãnh liệt, phấn chấn trước mùa xuân thiên nhiên, trời đất tươi đẹp của con người.

Câu 5: Giải nghĩa từ “lộc” trong đoạn thơ:

“Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy quanh lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

- Lộc: chồi non, lá non. Nhưng “lộc” còn có nghĩa là mùa xuân, là sức sống, là thành quả hạnh phúc. . Đặc biệt hơn từ lộc còn là sức sống, là tuổi trẻ, sức thanh xuân tươi mới đầy mơ ước, lí tưởng, đầy những hoài bão và khát vọng cống hiến của tuổi trẻ, sôi nổi trong mỗi tâm hồn con người – tâm hồn của người lính dũng cảm, kiên cường nơi lửa đạn bom rơi – tâm hồn của người nông dân cần cù, hăng say tăng gia sản xuất. “Lộc” chính là thành quả hôm nay và niềm tin, hi vọng ngày mai.

Viết đoạn văn phân tích đoạn thơ trên.

Từ mùa xuân của thiên nhiên đất trời, nhà thơ chuyển sang cảm nhận về mùa xuân của đất nước. Đất nước và con người cũng mang vẻ đẹp của sức sống vô tận, rộn ràng bước vào một mùa xuân mới. Lộc xuân theo người cầm súng, lộc xuân trải dài nương mạ. Hình ảnh “người cầm súng” và “người ra đồng” biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động dựng xây đất nước. Âm hưởng thơ hồi hã, khẩn trương với nhiều điệp từ, điệp ngữ láy lại ở đầu câu. Câu thơ vừa là thực, nhiều nghĩa. “Lộc” lá chồi non, lá non, nhưng lộc còn có nghĩa là mùa xuân, là sức sống, là thành quả hạnh phúc. Người cầm súng giắt lộc để nguy trang ra trận như mang theo sức xuân vào trận đánh, người ra đồng như gieo mùa xuân trên từng

nương mạ. Những con người lao động, chiến đấu ấy đã mang cả mùa xuân ra trận địa của mình để gặt hái mùa xuân về cho đất nước.

Câu 6: Nêu tên và tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong khổ thơ sau:

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Oi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hồi hã

Tất cả như xôn xao...

Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước.

Gợi ý:

Đảo ngữ từ “mọc”

->**Tác dụng:** Nhấn mạnh vị trí trung tâm và sức sống tiềm tàng của bông hoa xứ Huế.

Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Giọt long lanh”

->**Tác dụng:** “Giọt long lanh rơi” có phải giọt sương, giọt nắng, giọt mưa, hay chính là giọt âm thanh của tiếng chim chiền chiện đã ngưng đọng thành hình, thành khối, thành sức sống mùa xuân có sắc màu long lánh? Rõ ràng, âm thanh tiếng chim vô hình, vô ảnh vốn được cảm nhận bằng thính giác đã được hữu hình, hữu ảnh thành vật thể được cảm nhận bằng thị giác và xúc giác.

Điệp cấu trúc “mùa xuân người cầm súng – mùa xuân người ra đồng”

->**Tác dụng:** Nhấn mạnh hai lực lượng nòng cốt của đất nước là người lính và người nông dân với hai nhiệm vụ là bảo vệ và xây dựng đất nước.

Ẩn dụ từ “lộc”

->**Tác dụng:** chỉ chồi non, lá non. Nhưng “lộc” còn có nghĩa là mùa xuân, là sức sống, là thành quả hạnh phúc. Đặc biệt hơn từ lộc còn là sức sống, là tuổi trẻ, sức thanh xuân tươi mới đầy mơ ước, lí tưởng, đầy những hoài bão và khát vọng cống hiến của tuổi trẻ, sôi nổi trong mỗi tâm hồn con người – tâm hồn của người lính dũng cảm, kiên cường nơi lửa đạn bom rơi – tâm hồn của người nông dân cần cù, hăng say tăng gia sản xuất. “Lộc” chính là thành quả hôm nay và niềm tin, hi vọng ngày mai.

So sánh từ “như” +Điệp ngữ từ “tất cả”

->**Tác dụng:** Nhà thơ đã khái quát được cả một thời đại của dân tộc. Cả đất nước đang hồi hã, khẩn trương sản xuất và chiến đấu. Tất cả đều náo nức, rộn ràng trong mùa xuân tươi đẹp của thiên nhiên, của đất nước.

Dấu (...)

->**Tác dụng:** Thể hiện đất nước sẽ còn phát triển không ngừng nghỉ lên một tầm cao mới không có sự dừng lại.

Hoán dụ “đất nước”

->**Tác dụng:** Nói về bề dày lịch sử của đất nước ta luôn có truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

Nhân hóa: "vất vả và gian lao"

->**Tác dụng:** Tổ quốc như một người mẹ tần tảo, vất vả và gian lao, đã làm nổi bật sự trường tồn của đất nước. Để có được sự trường tồn ấy, giang sơn gấm vóc này đã thấm bao máu, mồ hôi và cả nước mắt của các thế hệ, của những tháng năm đằng đẵng lúc hưng thịnh, lúc thăng trầm. Nhưng dù trở lực có mạnh đến đâu cũng không khuất phục được dân tộc Việt Nam.

So sánh: “như vì sao”

->**Tác dụng:** Sao là nguồn sáng bất diệt của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế, là tác giả đã ngợi ca đất nước trường tồn, tráng lệ, đất nước đang hướng về một tương lai tươi sáng. Hơn nữa, còn thể hiện niềm tin tưởng của tác giả vào tương lai rạng ngời của dân tộc Việt Nam.

Điệp ngữ "đất nước"

->**Tác dụng:** thể hiện sâu sắc ý vất vả, đất nước vẫn tỏa sáng đi lên không gì có thể ngăn cản được.

Câu 7: *Nêu tên và tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong khổ thơ sau:*

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc

Gợi ý:

Điệp ngữ “ta”

->**Tác dụng:** thể hiện một ước nguyện chân thành, thiết tha của tác giả được cống hiến cho đất nước.

Liệt kê: con chim, cành hoa, nốt trầm

->**Tác dụng:** Đây là những ước nguyện chân thành của tác giả

Ẩn dụ “mùa xuân nho nhỏ”

->**Tác dụng:** là một ẩn dụ đầy sáng tạo, biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp. Mỗi người hãy làm một mùa xuân, hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh túy của mình, dầu có nhỏ bé để góp vào làm đẹp cho mùa xuân đất nước. Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cho thấy một thái độ chân thành, khiêm nhường, lấy tình thương làm chuẩn mực cho lẽ sống đẹp, sống để cống hiến đem tài năng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân.

Đảo ngữ “lặng lẽ”

->**Tác dụng:** Nhấn mạnh sự cống hiến âm thầm, lặng lẽ của tác giả, không cần khoe khoang, cao điệu mà chỉ lặng lẽ âm thầm dâng hiến. Ý thơ thể hiện một ước nguyện, một khát vọng, một mục đích sống.

Điệp ngữ “dù là”

->**Tác dụng:** nhắc lại hai lần như tiếng lòng tự dặn mình định ninh: đâu có ở giai đoạn nào của cuộc đời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi đã già, bệnh tật thì vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước.

Hoán dụ “tuổi hai mươi – tóc bạc”

->**Tác dụng:** Thể hiện cho thời còn trẻ và khi còn già, tác giả vẫn mãi cống hiến cho đời.

Câu 8: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu của đề:

Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước.

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến.

(Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam)

- a. Đoạn thơ được trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả?*
- b. Em hiểu như thế nào về nhan đề bài thơ?*
- c. Xác định một biện pháp tu từ mà em thích nhất trong đoạn thơ trên và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó.*
- d. Đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì về cuộc sống có ý nghĩa của mỗi con người?*

Gợi ý

- a. Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm "Mùa xuân nho nhỏ" của tác giả Thanh Hải.
- b. "Mùa xuân nho nhỏ" là một nhan đề hay, một ẩn dụ đầy sáng tạo, giàu ý nghĩa đã góp phần thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm - ước nguyện chân thành của nhà thơ Thanh Hải dành cho cuộc đời.

- "Mùa xuân" (là danh từ) mang ý nghĩa tả thực - đó là mùa khởi đầu của một năm, là mùa của lộc non lá biếc, của vạn vật sinh sôi nảy nở.

- "Mùa xuân" còn mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người. Mùa xuân hay chính là sức trẻ trong tâm hồn và trí tuệ, là nhiệt huyết và năng lực cống hiến của mỗi người vào mùa xuân lớn của thiên nhiên, của đất nước.

- Từ láy "nho nhỏ" làm rõ hơn đặc điểm của mùa xuân rất giản dị, rất khiêm nhường.

=> Đặt tên cho tác phẩm như thế, Thanh Hải đã thể hiện ước nguyện, khát vọng khiêm nhường mà rất đổi chân thành, tha thiết, cao đẹp. Ông ước muốn làm "mùa xuân nho nhỏ", nghĩa là đem đến tất cả những gì tốt đẹp nhất, tinh túy nhất dù bé nhỏ của mình để hòa vào mùa xuân lớn của cuộc đời, của đất nước.

=> Nhan đề bài thơ cũng thể hiện quan niệm về sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng. Ai cũng phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước.

c. Học sinh chọn một trong những biện pháp tu từ sau:

- Nhân hóa: "vất vả và gian lao", tổ quốc như một người mẹ tần tảo, vất vả và gian lao, đã làm nổi bật sự trường tồn của đất nước. Để có được sự trường tồn ấy, giang sơn gấm vóc này đã thấm bao máu, mồ hôi và cả nước mắt của các thế hệ, của những tháng năm đặng đẵng lúc hưng thịnh, lúc thăng trầm. Nhưng dù trở lực có mạnh đến đâu cũng không khuất phục được dân tộc Việt Nam.

- So sánh: Biện pháp tu từ so sánh được nhà thơ sử dụng vô cùng đặc sắc, làm ý thơ hàm súc "Đất nước như vì sao / Cứ đi lên phía trước". Sao là nguồn sáng bất diệt của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế, là tác giả đã ngợi ca đất nước trường tồn, tráng lệ, đất nước đang hướng về một tương lai tươi sáng. Hơn nữa, còn thể hiện niềm tin tưởng của tác giả vào tương lai rạng ngời của dân tộc Việt Nam.

- Điệp ngữ "đất nước" được nhắc lại hai lần thể hiện sâu sắc ý vất vả, đất nước vẫn tỏa sáng đi lên không gì có thể ngăn cản được.

- Điệp từ "ta" được lặp đi lặp lại thể hiện một ước nguyện chân thành, thiết tha.
- Liệt kê: Chim hót, cành hoa, nốt trầm cho thấy ước nguyện giản dị, chân thành.
d. Đoạn thơ được trích trong bài "Mùa xuân nho nhỏ" của tác giả Thanh Hải gợi cho em nhiều suy nghĩ về ý nghĩa cuộc sống đối với mỗi con người.

- Được sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước hòa bình chúng ta phải biết yêu cuộc sống, yêu đất nước, biết ơn những con người Việt Nam cần cù trong lao

động, anh dũng kiên cường. Cuộc sống đem đến cho chúng ta sự sống phải biết nâng niu, gìn giữ.

- Phải biết tin yêu và tin tưởng rằng Tổ Quốc ta dù trải qua bao thăng trầm biến đổi bởi chiến tranh, bom đạn,... nhưng vẫn ngời sáng lung linh.

- Phải biết tự hào, trân trọng gìn giữ và phải ra sức cống hiến, phát triển để nước nhà đi lên và cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc.

- Phải biết hóa thân "sống đẹp" để hiến dâng, để phục vụ cho một mục đích cao cả "làm nên đất nước muôn đời".

Câu 9: Em hiểu tên bài thơ “mùa xuân nho nhỏ” gắn bó như thế nào với quan niệm sống của tác giả?

Gợi ý:

Tiêu đề bài thơ gắn bó chặt chẽ với quan niệm sống của tác giả. Bài thơ có tên “mùa xuân nho nhỏ”, đó là mùa xuân khiêm tốn, nhỏ bé, hữu hạn của mỗi con người trước mùa xuân lớn lao hùng vĩ của đất nước và thiên nhiên. Tác giả quan niệm rằng mỗi con người dù trẻ hay già, suốt cả cuộc đời đều phải cống hiến phần nhỏ bé của mình cho xã hội, mà đó là phần cống hiến tự nguyện khiêm nhường. Thanh Hải ước ao mình là “một mùa xuân nho nhỏ”, một tiếng chim, một cành hoa, một nốt nhạc trầm xao xuyến để nhập vào bản hoà ca chung của dân tộc. Đó là ý thức tự nguyện cống hiến phần nhỏ bé của mình cho xã hội, cho đất nước.

Câu 10: Trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”, Thanh Hải nguyện làm một con chim, một cành hoa và một nốt nhạc trầm để kết thành:

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc.”

(Trích Ngữ văn 9, tập hai – NXB Giáo dục, 2012)

a. Nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ” được cấu tạo bởi những từ loại nào? Việc kết hợp các từ loại ấy có tác dụng gì?

b. Nốt nhạc trầm trong bài thơ có nét riêng gì? Điều đó góp phần thể hiện ước nguyện nào của tác giả?

c. Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng hợp - phân tích - tổng hợp làm rõ tâm niệm của nhà thơ, trong đó có sử dụng câu bị động và phép thế (gạch dưới câu bị động và những từ ngữ dùng làm phép thế).

Gợi ý:

a. Nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ” được cấu tạo bởi những từ loại là:

+ Danh từ “mùa xuân”

+ Tính từ “nho nhỏ”.

- Việc kết hợp các từ loại ấy có tác dụng:

+ “Mùa xuân” là khái niệm trừu tượng, chỉ mùa nhưng lại kết hợp với “nho nhỏ” là tính từ, nên mùa xuân trở nên hiện hữu, có hình khối ->gợi hấp dẫn.

+ Đặt tên cho tác phẩm như thế, nhà thơ đã thể hiện khát vọng khiêm nhường mà rất đổi chân thành, tha thiết, cao đẹp. Ước nguyện làm “mùa xuân nho nhỏ” nghĩa là cống hiến, là đem tất cả những gì tốt đẹp nhất, tinh túy nhất – dù bé nhỏ - của mình cho đất nước, cho mùa xuân dân tộc lớn lao.

b. Nốt nhạc trầm theo nghĩa thực là nốt nhạc có độ cao thấp. Trong bài thơ nó là một hình ảnh ẩn dụ độc đáo và sáng tạo của nhà thơ Thanh Hải.

- Với hình ảnh “nốt trầm” và số từ “một”, tác giả cho thấy ước muốn tha thiết, chân thành của mình. Khiêm tốn lắm! Không ồn ào, cao giọng, nhà thơ chỉ muốn làm “một nốt trầm” nhưng phải là “một nốt trầm xao xuyến” giữa bản hòa tấu muôn điệu. Nghĩa là nhà thơ muốn đem phần nhỏ bé của riêng mình để góp vào cuộc sống của thiên nhiên đất nước thân yêu, vào công cuộc đổi mới và đi lên của dân tộc.

c. * **Về nội dung**

- Hình ảnh ẩn dụ “mùa xuân nho nhỏ” -> chỉ rõ tác dụng.

- Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ”.

-> Nhấn mạnh về những cống hiến thầm lặng, chân thành, tha thiết mà rất khiêm nhường.

-> Lễ sống đẹp, sống có ích cho đời.

- Điệp ngữ “dù là”

- Hình ảnh hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”.

-> Khẳng định cống hiến suốt cuộc đời, bất chấp thời gian, bất chấp tuổi tác.

-> Dũng khí của một tâm hồn lạc quan, mạnh mẽ.

=> Đây là một vấn đề nhân sinh quan nhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha. Vì vậy mà sức lan tỏa của nó thật lớn.

* **Về hình thức:**

- Trình bày đoạn văn theo cách lập luận tổng – phân – hợp, giới hạn 12 câu(chú ý: đánh số thứ tự)

- Trong đoạn có sử dụng câu bị động và phép thế (gạch dưới câu bị động và những từ ngữ dùng làm phép thế).

- Trình bày mạch lạc, rõ ý.

Đoạn văn mẫu:

Trong bài “Mùa xuân nho nhỏ”, lời tâm niệm cũng như lẽ sống cao đẹp của Thanh Hải đã được thể hiện thật sâu sắc và cảm động qua đoạn thơ: (1)

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc.

Ở đây, hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” đã lặp lại tựa đề của bài thơ (2). Và phải chăng, chủ đề của tác phẩm được nhấn mạnh, lưu giữ? (3). Ta bỗng thấy thú vị bởi cách diễn đạt rất độc đáo, tinh tế của nhà thơ Thanh Hải (4). “Mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp (5). Tác giả đã khéo léo khẳng định: mỗi người hãy làm một mùa xuân – hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh túy – dù nhỏ bé – của mình cho đất nước, cho mùa xuân dân tộc lớn lao (6). Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cho thấy một thái độ chân thành, khiêm tốn nhưng vô cùng mãnh liệt (7). Đó là lấy tình thương làm chuẩn mực cho lẽ sống đẹp, sống để cống hiến, đem hết tài năng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân (8). Không khoe khoang, không cao điệu mà chỉ âm thầm “Lặng lẽ dâng cho đời” – ý thơ thể hiện một ước nguyện, một khát vọng, một mục đích sống (9). Điệp ngữ “dù là” được nhà thơ nhắc lại hai lần kết hợp với hình ảnh hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc” như tiếng lòng tự dặn mình định ninh (10). Dẫu có ở giai đoạn nào của cuộc đời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi già yếu thì vẫn phải sống có ích, sống làm đẹp cho đất nước (11). Có thể nói, bằng những hình

ảnh thơ sáng đẹp, giọng điệu nhẹ nhàng, thủ thi, thiết tha, Thanh Hải – nhà thơ cách mạng đã để lại trong lòng mỗi người đọc chúng ta một quan niệm nhân sinh chân chính, một lẽ sống cao đẹp(12).

*Phép thế: “bài thơ” – “tác phẩm” ; “nhà thơ Thanh Hải” – “tác giả”.

*Câu bị động: “Điệp ngữ “dù là” được nhà thơ nhắc lại hai lần kết hợp với hình ảnh hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc” như tiếng lòng tự dặn mình “đinh ninh”.

Câu 11: Đọc khổ thơ sau và trả lời câu hỏi

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc.

(Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải)

a. Hãy chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?

b. Xác định 2 biện pháp tu từ chính được tác giả sử dụng trong đoạn thơ và phân tích hiệu quả nghệ thuật của chúng?

c. Nêu nội dung chính của đoạn thơ?

d. Đoạn thơ gợi cho anh (chị) những tình cảm gì về ý nghĩa cuộc sống của mỗi con người?

Gợi ý

a. Phương thức biểu đạt chính là biểu cảm.

b. Phép điệp ngữ: *ta làm, dù là*.

Tác dụng: góp phần khẳng định tình cảm và trách nhiệm của nhà thơ đối với đất nước, nhân dân.

– Phép ẩn dụ: *mùa xuân nho nhỏ*

Tác dụng: thể hiện khát vọng dâng hiến, cống hiến cho đời.

c. Nội dung chính của đoạn thơ là khát vọng mãnh liệt của nhà thơ khi muốn hóa thân mình thành *một mùa xuân nho nhỏ* lặng lẽ tỏa hương cho đời để cống hiến cho đất nước, nhân dân những điều cao đẹp.

d. Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.

– Nội dung nêu được những ý cơ bản: Sống ở trên đời phải biết sống vì cái chung, phải biết cống hiến cho đời. Cuộc sống vì vậy mới trở nên thật sự có ý nghĩa.

Câu 12: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi

"Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hoà ca

Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc".

(Ngữ văn 9, tập 2)

a. Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Tác giả của đoạn thơ trên là ai?
(0,5 điểm)

b. Chỉ ra các điệp từ và từ láy trong khổ thơ trên (0,5 điểm)

c. Các hình ảnh “con chim”, “một cành hoa”, “một nốt trầm” có những đặc điểm gì giống nhau?

d. Viết đoạn văn ngắn khoảng 15- 20 dòng về lẽ sống của thanh niên trong thời đại ngày nay.

Gợi ý:

a. Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm: *Mùa xuân nho nhỏ*, của tác giả Thanh Hải

b. Từ láy trong đoạn thơ trên: nho nhỏ, xao xuyến. Điệp từ: “ta”, “một”, “dù”.

c. Các hình ảnh *con chim*, *một cành hoa*, *một nốt trầm* có những đặc điểm giống nhau:

- Là những hình ảnh bình dị, khiêm nhường của thiên nhiên, cuộc sống mang lại niềm vui, vẻ đẹp cho đời một cách tự nhiên.

- Là những hình ảnh mang ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ: được cống hiến những gì tốt đẹp, dù nhỏ bé, đơn sơ cho cuộc đời chung.

d. * **Yêu cầu về hình thức và kĩ năng:**

- Đúng hình thức: là một đoạn văn ngắn, dài khoảng 15- 20 dòng.

- Biết vận dụng các thao tác lập luận; hành văn trong sáng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

* **Yêu cầu về nội dung:**

Chấp nhận những suy nghĩ khác nhau miễn là có sức thuyết phục. ***Dưới đây là một số gợi ý cơ bản***

- *Dâng cho đời* là lẽ sống biết cống hiến một cách tự nguyện, chân thành những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời chung.

- Đó là lẽ sống có ý nghĩa tích cực, mang lại niềm hạnh phúc cho chính mình, cho xã hội, xuất phát từ ý thức trách nhiệm, từ tình yêu với cuộc đời. Nhiều bạn trẻ ngày nay có lối sống đẹp đẽ ấy.

- Xác định nhận thức, hành động đúng cho mọi người. Sống cho đời nhưng không cần ồn ào, phô trương; không nên làm mất đi bản sắc riêng của mình thì mới thực sự có ý nghĩa.

Câu 13: Hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên trong khổ đầu bài thơ Mùa xuân nho nhỏ có những nét gì đặc sắc ? cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên được thể hiện như thế nào ?

Gợi ý:

Bức tranh mùa xuân thiên nhiên trong sáu câu thơ đầu được vẽ bằng ít nét chấm phá nhưng rất đặc sắc. Hãy chú ý đến các từ ngữ, hình ảnh về không gian, màu sắc, ánh sáng, âm thanh trong bức tranh thiên nhiên mùa xuân, không gian cao rộng của bầu trời, rộng dài của dòng sông, màu tím biếc của bông hoa trên dòng sông xanh. Đặc biệt, hình ảnh mùa xuân trở nên rộn rã, tươi vui với âm thanh tiếng chim chiền chiện hót vang trời.

Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân đất trời được thể hiện trong cái nhìn trìu mến với cảnh vật, trong những lời bộc lộ trực tiếp như trò chuyện với thiên nhiên : “oi... hót chi mà...”. Đặc biệt, cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ trong một động

tác trữ tình thể hiện sự đón nhận vừa trân trọng vừa thiết tha, trù mến với mùa xuân: đưa tay hứng lấy từng giọt long lanh của tiếng chim chiền chiện.

Câu 14: Trong bài thơ có những hình ảnh mùa xuân nào ? Phân tích quan hệ giữa các hình ảnh mùa xuân ấy?

Gợi ý:

Có ba hình ảnh mùa xuân trong bài thơ : mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước, mùa xuân nhỏ của mỗi người. Từ cảm hứng về mùa xuân thiên nhiên dẫn đến cảm nghĩ về mùa xuân đất nước. Từ mùa xuân lớn của thiên nhiên, đất nước mà liên tưởng tới mùa xuân của mỗi cuộc đời – một mùa xuân nho nhỏ góp vào mùa xuân lớn. Như vậy, hình ảnh mùa xuân trước đã chuẩn bị và gọi ra những hình ảnh mùa xuân tiếp theo. Trong hình ảnh mùa xuân đất nước cũng có hình ảnh mùa xuân thiên nhiên. Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ của mỗi người cũng được thể hiện bằng những chi tiết đã được hiện ra trong hình ảnh mùa xuân thiên nhiên, nhưng có sự biến đổi: “Ta làm con chim hót – Ta làm một cành hoa”.

Câu 15: Em biết những bài thơ nào về mùa xuân trong thơ ca Việt Nam ? Hãy ghi lại một số câu thơ hay trong những bài thơ ấy. Nhận xét về sự sáng tạo của Thanh Hải trong hình ảnh Mùa xuân nho nhỏ?

Gợi ý:

Ví dụ những bài thơ về mùa xuân : Mộ xuân tức sự (Nguyễn Trãi), Mưa xuân, Mùa xuân xanh (Nguyễn Bính), Mùa xuân chín (Hàn Mặc Tử). Em tìm đọc những bài thơ nêu trên và tìm thêm những bài thơ khác về mùa xuân trong các tuyển tập thơ Việt Nam. Chép lại một số câu đặc sắc.

Mùa xuân nho nhỏ là một sáng tạo độc đáo của Thanh Hải, góp vào các hình ảnh mùa xuân trong thơ ca. Các nhà thơ từ xưa tới nay đã viết nhiều về mùa xuân với nhiều cảm hứng và những phát hiện riêng khác nhau nhưng tựu trung thường khai thác hai phương diện : mùa xuân của thiên nhiên và mùa xuân của con người. Thanh Hải cũng không đi ra ngoài hai phương diện ấy của thi đề mùa xuân. Cái

đặc sắc ở đây chính là hình ảnh Mùa xuân nho nhỏ. Đó là biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người. Mùa xuân nho nhỏ ấy góp vào để làm nên mùa xuân lớn của cuộc đời, của đất nước. Hình ảnh này thể hiện quan niệm về sự thông nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng.

CHUYÊN ĐỀ 11: VIẾNG LĂNG BÁC

-VIỄN PHƯƠNG-

Câu 1: Nêu hoàn cảnh sáng tác và mạch cảm xúc của bài thơ “Viếng lăng Bác” – Viễn Phương?

Gợi ý:

Hoàn cảnh sáng tác

Bài thơ được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác.

Mạch cảm xúc

Mạch cảm xúc đi theo trình tự của một cuộc vào lăng viếng Bác, từ khi đứng trước lăng đến khi bước vào Lăng và trở ra về. Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước. Tiếp đó là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác. Xúc cảm và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, vầng trăng, trời xanh. Cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muồn tấm lòng

mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác. Mạch cảm xúc như trên đã tập nên một bố cục khá đơn giản, tự nhiên và hợp lý của bài thơ.

Câu 2: Mở đầu bài thơ “Viếng lăng Bác”, Viễn Phương viết:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

Và ở cuối bài, nhà thơ bày tỏ nguyện ước:

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

(Viếng lăng Bác, Viễn Phương, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2010)

a. Theo em, những hình ảnh nào là hình ảnh ẩn dụ? Em cảm nhận được từ các hình ảnh ẩn dụ đó ý nghĩa sâu xa như thế nào về tình cảm thiêng liêng, cao đẹp của nhân dân với Bác Hồ kính yêu?

b. Cách xưng hô của tác giả với Bác Hồ có gì đáng chú ý?

c. Cây tre đã trở thành hình ảnh trung tâm của nhiều tác phẩm văn học Việt Nam. Hãy chép lại hai câu nối tiếp nhau của một bài thơ đã học mà trong đó, nhà thơ đã mượn hình ảnh cây tre để gợi liên tưởng đến tình yêu thương đoàn kết của người Việt Nam (Ghi rõ tên tác giả, tác phẩm).

d. Viết đoạn văn ngắn (10-15 dòng) thể hiện cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác.

Gợi ý:

a. Những hình ảnh ẩn dụ trong đoạn thơ:

- “Hàng tre xanh xanh”: chính là hình ảnh tượng trưng cho làng quê Việt Nam, cho con người Việt Nam bền bỉ, cần cù, chịu thương chịu khó.

- “Cây tre trung hiếu”: là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng bào miền Nam, của mỗi chúng ta với Bác.

b. Nhà thơ xưng “con” ngay ở dòng thơ đầu tiên mang lại một cảm xúc vô cùng sâu lắng cho người đọc. Trong những từ ngữ xưng hô, không có một chữ nào lại xúc động và sâu nặng bằng tiếng “con”. Cách xưng hô này thật gần gũi, thật thân thiết, ấm áp tình thân thương mà vẫn rất mực thành kính, thiêng liêng. Đồng thời, cách xưng hô cũng diễn tả tâm trạng xúc động của người con ra thăm cha sau bao nhiêu năm xa cách.

c. Hình ảnh cây tre được coi như biểu tượng cho tính cách, phẩm chất của người Việt Nam còn được xuất hiện trong bài “Tre Việt Nam” của Nguyễn Duy: Thương nhau tre chẳng ở riêng

Lũy thành từ đó mà nên hơi người

Chẳng may thân gãy cành rơi

Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng.

d. Có thể triển khai các ý như sau:

- “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”. Câu thơ mở đầu như một lời thông báo ngắn gọn, lời lẽ giản dị nhưng chứa đựng trong nó biết bao điều sâu xa. Đó như hành trình của một đứa con ra thăm cha.

- Nhà thơ sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng”:

- “Viếng”: là đến chia buồn với thân nhân người đã khuất.

- “Thăm”: là gặp gỡ, trò chuyện với người đang sống.

- Đó là cách nói giảm, nói tránh nhằm giảm nhẹ nỗi đau thương mất mát, khẳng định Bác vẫn còn mãi trong trái tim nhân dân miền Nam, trong lòng dân tộc. Đồng thời gọi sự thân mật, gần gũi: Con về thăm cha – thăm người thân ruột thịt, thăm chỗ Bác nằm, thăm nơi Bác ở để thỏa lòng khát khao mong nhớ bấy lâu.

- Những “hàng tre bát ngát” bao quanh lăng như vòng tay của quê hương, của Tổ quốc đang bao bọc lấy vị lãnh tụ vĩ đại, như hình dáng những người con của dân tộc đang đứng canh giấc ngủ của Người. Nghệ thuật ẩn dụ ấy vừa hay vừa tạo sự kết nối chặt chẽ vì cây tre, Bác và đất nước có mối liên hệ đặc biệt.

- Cái hay của khổ thơ không chỉ ở từ ngữ bình dị mà còn ở hình ảnh cây tre vô cùng thân thuộc. Chắc nhà thơ phải đến xếp hàng từ rất sớm mới thấy được hàng tre trong sương như vậy. Những “hàng tre xanh xanh Việt Nam” chính là hình ảnh tượng trưng cho làng quê, cho con người Việt Nam bền bỉ, cần cù, chịu thương chịu khó. Tác giả đã bật lên một tiếng “Ôi!” vừa đầy thương cảm vừa mang vẻ tự hào.

Câu 3: Khổ đầu và khổ cuối bài thơ Viếng lăng Bác đều có hình ảnh hàng tre, cây tre. Hãy chép lại hai khổ thơ đó. Em có nhận xét gì về hình ảnh hàng tre, cây tre được nói tới ở đây?

Gợi ý

Hình ảnh cây tre xuất hiện ở khổ đầu và khổ cuối cùng của bài thơ. ở khổ đầu, hình ảnh hàng tre được gọi lên với cả hình dáng, màu sắc, sức sống và mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa. Hàng tre vừa thực vừa ảo, lung linh trong tâm tưởng. Đó là hình ảnh cây cối mang màu đất nước tụ về đây canh giữ giấc ngủ cho Bác, vừa là ẩn dụ cho dân tộc Việt Nam kiên cường bất khuất, bền bỉ, trung thành bên bác, gắn bó với Bác, biểu thị ý chí của Người. Trong câu thơ cuối, hình ảnh cây tre lặp lại nhưng có sự đổi mới về nghĩa, tạo kết cấu đầu – cuối tương ứng, gây ấn tượng đậm nét. Không còn là cây tre – khách thể nữa mà đã tan hòa vào chủ thể, tượng trưng cho tâm lòng, ước nguyện, ý chí của nhà thơ, của dân tộc: trung hiếu với Bác, mãi đi theo con đường của Bác, mãi bên Bác.

Câu 4: Trong bài thơ Viếng lăng Bác, có rất nhiều câu thơ diễn tả cái “mất” trong cái “còn” khi nói về Bác, hãy chép lại những câu thơ ấy và cảm nhận cái hay trong cách diễn đạt đó của tác giả?

Gợi ý:

Tác giả sử dụng hàng loạt câu thơ, hình ảnh thơ để diễn tả cái “còn” trong cái “mất” khi nói về Bác:

-Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

-Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

-Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền

-Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Chú ý các hình ảnh: Mặt trời trong lãng rất đỏ, bảy mươi chín mùa xuân, Bác nằm trong giấc ngủ bình yên, vàng trắng, trời xanh. Các hình ảnh này vừa gợi cái vĩ đại, bất tử của Bác vừa thể hiện tấm lòng ngưỡng mộ, kính yêu và thương nhớ khôn nguôi của nhân dân với Bác.

Câu 5: Hãy nên nhận xét của em về đặc sắc nghệ thuật của bài thơ?

Gợi ý:

Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ

– Giọng điệu bài thơ phù hợp với tình cảm, cảm xúc. Đó là giọng vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, vừa tự hào, thể hiện đúng tâm trạng xúc động khi vào lãng viếng Bác. Giọng điệu ấy được tạo bởi nhiều yếu tố như: thể thơ, nhịp điệu, từ ngữ, hình ảnh.

– Thể thơ và nhịp điệu: Thể thơ 8 tiếng (có dòng 7 hoặc 9 tiếng). Cách gieo vần linh hoạt: vần liền và vần cách. Nhịp thơ nhìn chung chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính và những suy ngẫm sâu xa. Khổ cuối nhịp nhanh hơn với điệp ngữ “muốn làm”, thể hiện tình cảm lưu luyến và ước vọng tha thiết của nhà thơ. Bài thơ giàu nhạc điệu nên đã được nhạc sĩ Hoàng Hiệp phổ nhạc thành bài hát.

– Hình ảnh có nhiều sáng tạo, kết hợp giữa thực và ảo nhờ ý nghĩa biểu tượng, ẩn dụ. Hệ thống biểu tượng, ẩn dụ: mặt trời, trời xanh, vàng trắng gợi về Bác, có hình ảnh hàn tre, tràng hoa gợi về tình cảm của nhân dân với bác, tất cả đều vừa gần gũi vừa có giá trị biểu cảm, có ý nghĩa sâu xa

Câu 6: Sự tôn kính của tác giả với Bác Hồ khi đứng trước lăng Người được thể hiện ở khổ thơ thứ hai. Hãy làm rõ tình cảm tôn kính đó bằng một đoạn văn Tổng hợp – Phân tích - Tổng hợp.

Gợi ý

- Khổ thơ thứ hai được tạo nên từ cặp câu với những hình ảnh thực và ẩn dụ sóng đôi.

- Hình ảnh “mặt trời” trong câu thơ “Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng/ Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”. Câu trên là hình ảnh thực: một mặt trời thiên nhiên rực rỡ vĩnh hằng ngày ngày đi qua trên lăng. Câu dưới là hình ảnh ẩn dụ – hình ảnh Bác Hồ. Màu sắc “rất đỏ” làm cho câu thơ có hình ảnh đẹp, gây ấn tượng sâu xa hơn, nói lên tư tưởng cách mạng, lòng yêu nước nồng nàn của Bác.

⇒ Thông qua hình ảnh ẩn dụ trên, tác giả vừa nói lên sự vĩ đại của Bác Hồ (như mặt trời), vừa thể hiện được sự tôn kính của nhân dân, của nhà thơ đối với Bác.

- Hình ảnh “dòng người đi trong thương nhớ” là hình ảnh thực: ngày ngày dòng người đi trong nỗi xúc động, bồi hồi, trong lòng tiếc thương kính cẩn, trong lòng nặng trĩu nỗi nhớ thương. Nhịp thơ chậm, giọng thơ trầm như bước chân dòng người vào lăng viếng Bác.

- Dòng người vào lăng viếng Bác kết thành những tràng hoa không chỉ là hình ảnh tả thực so sánh những dòng người xếp thành hàng dài vào lăng Bác trông như những tràng hoa vô tận, mà còn là một ẩn dụ đẹp, sáng tạo của nhà thơ: cuộc đời của họ đã nở hoa dưới ánh sáng của Bác. Những bông hoa tươi thắm đó đang dâng lên Người những gì tốt đẹp nhất.

- Dâng “bảy mươi chín mùa xuân”: hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng: con người bảy mươi chín mùa xuân ấy đã sống một cuộc đời đẹp như những mùa xuân và đã làm ra những mùa xuân cho đất nước, cho con người.

Câu 7: Phân tích khổ thơ thứ 3 của bài thơ để hiểu rõ hơn về cảm xúc của nhà thơ khi ở trong lãng Bác.

Gợi ý

- Niềm biết ơn thành kính đã chuyển sang niềm xúc động nghẹn ngào khi tác giả nhìn thấy Bác:

“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền”

- Bác đang ngủ giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa vầng trăng sáng dịu hiền.
- Ánh sáng dịu nhẹ trong lãng gợi sự liên tưởng thật là thú vị: “ánh trăng”.
- Những vần thơ của Bác tràn đầy ánh trăng, trăng với Bác đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người.
- Với hình ảnh vầng trăng, nhà thơ còn muốn tạo ra một hệ thống hình ảnh vũ trụ để ví với Bác. Hình ảnh “vầng trăng” dịu hiền lại gợi cho ta nghĩ đến tâm hồn cao đẹp, trong sáng của Bác. Người có lúc như mặt trời ấm áp, có lúc dịu hiền như ánh trăng rằm. Đó cũng là sự biểu hiện rực rỡ, vĩ đại, cao siêu của con người và sự nghiệp của Bác.
- Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”. Bác ra đi nhưng hoá thân vào thiên nhiên đất

trời của dân tộc, sống mãi trong sự nghiệp và tâm trí của nhân dân như bầu trời xanh vĩnh viễn trên cao. (Tố Hữu đã từng viết: “Bác sống như trời đất của ta”).

- Dù vẫn tin như thế nhưng không thể không đau xót vì sự ra đi của Người. Nỗi đau xót đã được nhà thơ biểu hiện rất cụ thể, trực tiếp: “Mà sao nghe nhói ở trong tim!”. Nỗi đau quặn thắt, tê tái trong đáy sâu tâm hồn như hàng nghìn mũi kim đâm vào trái tim thổn thức khi đứng trước di hài của Người. Đó là sự rung cảm chân thành của nhà thơ.

Câu 8: Phân tích khổ thơ thứ 4 của bài thơ để hiểu rõ hơn về cảm xúc của nhà thơ khi rời lăng Bác.

Gợi ý

- Khép lại nỗi đau mất mát ấy là những giọt nước mắt luyến tiếc, bịn rịn, không muốn rời xa Bác. Khổ thơ thứ tư đã diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác.

- Câu thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt” như một lời giã biệt.

+ Lời nói giản dị diễn tả tình cảm sâu lắng.

+ Từ “trào” diễn tả cảm xúc thật mãnh liệt, luyến tiếc, bịn rịn không muốn xa nơi Bác nghỉ.

+ Đó là tâm trạng của muôn triệu con tim bé nhỏ cùng chung nỗi đau không khác gì tác giả. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá.

- Ước nguyện thành kính của Viễn Phương cũng là mong ước chung của những người đã hoặc chưa một lần nào gặp Bác.

+ Muốn làm chim hót → âm thanh của thiên nhiên, đẹp đẽ, trong lành.

+ Muốn làm đoá hoa → toả hương thơm thanh cao nơi Bắc yên nghỉ.

+ Muốn làm cây trung hiếu giữ mãi giấc ngủ bình yên cho Người.

- Điệp từ “muốn làm” cùng với sự biểu cảm trực tiếp và gián tiếp → tâm trạng lưu luyến, ước muốn, sự tự nguyện chân thành của tác giả.

- Hình ảnh cây tre xuất hiện ở đầu bài thơ được khép lại bài thơ với một nét nghĩa bổ sung: cây tre trung hiếu. Sự lặp lại như thế đã tạo cho bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng làm đậm nét hình ảnh gây ấn tượng sâu sắc và dòng cảm xúc được trọn vẹn.

Câu 9:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”

a. Hãy phân tích ý nghĩa hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng rất đỏ” ở câu thơ trên.

b. Chép hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ “mặt trời” trong một bài thơ mà em đã học ở chương trình Ngữ văn lớp 9 (Ghi rõ tên bài thơ và tên tác giả)

Gợi ý

a. Phân tích để thấy được:

- Hai câu thơ sóng đôi hình ảnh thực và ẩn dụ “mặt trời”. Điều đó khiến ẩn dụ “mặt trời trong lăng” nổi bật ý nghĩa sâu sắc.

- Dùng hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” để viết về Bác, Viễn Phương đã ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước.

- Đồng thời, hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” cũng thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn của nhân dân với Bác, niềm tin Bác sống mãi với non sông đất nước ta.

b. Hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời:

“Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.”

(Nguyễn Khoa Điềm, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ)

Câu 10: Cho khổ thơ:

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”.*

a. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ trên? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.

b. Hình ảnh hàng tre bên lăng Bác đã được nhà thơ miêu tả trong khổ thơ đầu của văn bản. Việc tác giả nhắc lại chi tiết cây tre trong câu thơ cuối bài có ý nghĩa gì?

Gợi ý

a. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng: Điệp ngữ “Muốn làm” và liệt kê những cảnh vật bên lăng mà tác giả muốn hoá thân, muốn hoà nhập như “con chim”, “đóa hoa”, “cây tre trung hiếu” để diễn tả tâm trạng lưu luyến muốn được ở mãi bên lăng Bác. Đặc biệt, tác giả muốn làm “cây tre trung hiếu”, nghĩa là muốn sống đẹp, trung thành với lý tưởng của Bác, của dân tộc.

b. Hình ảnh hàng tre bên lăng Bác ở đầu bài thơ được lặp lại ở câu cuối bài tạo kết cấu đầu cuối tương ứng, làm đậm nét hình ảnh hàng tre, gây ấn tượng sâu sắc và dòng cảm xúc được trọn vẹn.

Câu 11: Cho hai câu thơ sau:

“...Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ...”

(Viếng lăng Bác – Viễn Phương)

Từ “mặt trời” trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo phương thức nào? Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không? Vì sao?

Gợi ý

Từ “mặt trời” trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo phép ẩn dụ tu từ. Nhà thơ gọi Bác Hồ là mặt trời dựa trên mối quan hệ tương đồng giữa hai đối tượng được hình thành theo cảm nhận của nhà thơ. Đây không phải là hiện tượng phát triển nghĩa của từ – không phải là phương thức ẩn dụ. Bởi vì sự chuyển nghĩa của từ “mặt trời” trong câu thơ chỉ có tính chất lâm thời, nó không làm cho từ có thêm nghĩa mới, và không thể đưa vào để giải thích trong từ điển.

Câu 12: Trong bài thơ “Viếng lăng Bác” , Viễn Phương viết: “kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”.

Dựa trên hiện tượng chuyển nghĩa của từ, từ “mùa xuân” có thể thay thế cho từ nào? Theo phương thức chuyển nghĩa nào? Việc thay thế từ trên có tác dụng diễn đạt như thế nào?

Gợi ý :

Mỗi một năm xuân đến, con người lại thêm một tuổi. Cho nên “79 mùa xuân” cũng được hiểu là 79 tuổi, 79 năm trong một đời người. Nếu để từ “tuổi” thì chỉ nói được Bác Hồ đã sống 79 năm, thọ 79 tuổi, câu thơ chỉ thuần túy chỉ tuổi tác. Còn dùng từ “Xuân “ có nghĩa là : cả cuộc đời Bác là 79 năm cống hiến cho nhân dân, 79 năm dành cho đất nước để đất nước có sắc xuân. Thêm nữa, kết “tràng hoa dâng 79 mùa xuân” gọi thêm sắc xuân bên lăng Bác. Và từ “mùa xuân” như làm cho xúc cảm của câu thơ, âm điệu câu thơ thêm mượt mà, sâu lắng, thiết tha. Câu thơ hay, ý thơ trở nên đa nghĩa và sâu sắc hơn nhiều.

Câu 13: Yếu tố nào làm nên thành công của bài thơ “Viếng lăng Bác”?

Gợi ý:

Trước hết bài thơ thành công là do cảm xúc chân thành, sâu sắc của tác giả. Những người con miền Nam không có mặt trong ngày Bác mất (1969), mãi bảy năm sau mới có dịp ra viếng Bác. Nguyên một điều đó thôi cũng làm cho tác giả xúc động mạnh mẽ. Khi vào lăng viếng Bác, lại thấy lăng Bác với “hàng tre trong sương bát ngát” thân thuộc như mọi làng quê Việt Nam. Tình cảm của nhân dân miền Nam đối với Bác, tình cảm của cả nước đối với Bác, Người đã làm cho đất nước, cho dân tộc vẻ vang. Chính tình cảm đó cộng với những xúc động của nhà thơ là yếu tố cộng hưởng, làm cho bài thơ thành công. Mặt khác, những hình ảnh

bình dị giàu tính tượng trưng; lời thơ giản dị, chân thành làm cho bài thơ dễ đi vào lòng người.

Câu 14: Cho câu văn sau: "*Viếng lăng Bác*", ta không chỉ thấy tình cảm xúc động chân thành của tác giả, của dân tộc dành cho Bác Hồ. Áng thơ của Viễn Phương còn thể hiện hình ảnh đẹp đẽ của Người trong lòng nhân dân.

Biến đổi một trong hai câu trên thành câu bị động..

Gợi ý:

Biến đổi thành câu bị động

-> Tình cảm xúc động chân thành của tác giả, của dân tộc dành cho Bác Hồ đã được thể hiện rõ qua tác phẩm “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương

Hoặc

-> Hình ảnh đẹp đẽ của Bác Hồ trong lòng nhân dân đã được thể hiện sâu sắc qua áng thơ của Viễn Phương.

Câu 15: Mở đầu bài “*Viếng Lăng Bác*”, Viễn Phương viết 3 câu đầu khổ 1 và cuối bài, nhà thơ bày tỏ nguyện ước: “*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*”. Theo em hình ảnh nào là hình ảnh ẩn dụ. Em cảm nhận được từ cách hình ảnh ẩn dụ đó có ý nghĩa sâu xa như thế nào về tình cảm thiêng liêng cao đẹp của nhân dân với Bác Hồ kính yêu?

Gợi ý:

- Phân tích hình ảnh ẩn dụ: “ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam. Bao táp mưa sa đứng thẳng hàng”.

- Cây tre là biểu tượng của dân tộc Việt Nam.

+ Xanh xanh: thể hiện sức sống dẻo dai, bền bỉ. Câu thơ thể hiện hình ảnh quê hương, đất nước Việt Nam. Hình ảnh những con người quây quần, bảo vệ cho giấc ngủ của Người.

- Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này: Hình ảnh ẩn dụ "cây tre trung hiếu" là tình cảm của Viễn Phương cũng như của nhân dân Miền Nam tha thiết muốn ở mãi bên Người.

Hình ảnh giản dị chính là nỗi xúc động của toàn thể nhân dân miền nam trung hiếu: trung với Đảng, hiếu với dân. Đó vừa là một lời ước nguyện, vừa là một lời hứa thiêng liêng : Dân tộc Việt Nam mãi mãi trung thành với con đường cách mạng mà Bác đã đặt ra.

Viết đoạn:

Hình ảnh hàng tre bên lăng Bác là một hình ảnh rất đẹp và độc đáo. Trước hết hàng tre gợi nhớ xóm làng thân thuộc với lũy tre xanh bao bọc ở mỗi làng quê Việt Nam. Mặt khác, cây tre từng được coi là biểu tượng của con người Việt Nam với các đức tính cần cù, nhũn nhặn, hiên ngang, bền bỉ, đoàn kết. Hàng tre xanh xanh, màu xanh tượng trưng cho sức sống của Việt Nam. Cây tre được nhân hoá như những con người, như những người chiến sĩ đứng thẳng hàng làm hàng rào danh dự, vừa canh giữ cho giấc ngủ bình yên mãi mãi của Người. Mặc cho bão táp, mưa sa, cây tre vẫn đứng thẳng hàng. Đến khổ thơ cuối, cây tre trở thành cây tre trung hiếu, thể hiện tấm lòng mãi mãi trung thành với sự nghiệp, với tư tưởng của Bác.

Câu 16: Tình cảm của nhà thơ và mọi người với Bác thể hiện như thế nào trong bài thơ?

Gợi ý

Tình cảm của tác giả và của mọi người thể hiện rất thành kính và sâu sắc. Tác giả như một người con về thăm, về viếng một người cha già kính yêu. Tác giả đã

chúng kiến lòng người ngày tiếp ngày không dứt, tỏ lòng thương nhớ lãnh tụ bằng cách kết thành hoa dâng lên cuộc đời hoạt động, bình dị mà vĩ đại của Bác. Đứng trước thi hài Bác, lý trí nhắc rằng Bác sống mãi, nhưng trái tim tác giả vẫn nhói lên trước sự thật: Bác đã vĩnh viễn đi vào cõi vĩnh hằng. Biết bao nhiêu người đã không cầm được nước mắt trong lễ tang Bác. Và cả khi về viếng sau này. Viết khổ thơ cuối không có từ nhân xưng chính là để tác giả vừa bày tỏ tình cảm của mình, vừa nói lên ước nguyện của mọi người: muốn làm đoá hoa toả hương, con chim hót, cây tre trung hiếu bên Bác mãi mãi.

Câu 17: *Yếu tố nào làm nên thành công của bài thơ “Viếng lăng Bác”?*

Gợi ý:

Trước hết bài thơ thành công là do cảm xúc chân thành, sâu sắc của tác giả. Những người con miền Nam không có mặt trong này Bác mất (1969), mãi bảy năm sau mới có dịp ra viếng Bác. Nguyên một điều đó thôi cũng làm cho tác giả xúc động mạnh mẽ. Khi vào lăng viếng Bác, lại thấy lăng Bác với “hàng tre trong sương bát ngát” thân thuộc như mọi làng quê Việt Nam. Tình cảm của nhân dân miền Nam đối với Bác, tình cảm của cả nước đối với Bác, Người đã làm cho đất nước, cho dân tộc vẻ vang. Chính tình cảm đó cộng với những xúc động của nhà thơ là yếu tố cộng hưởng, làm cho nhà thơ thành công. Mặt khác, những hình ảnh bình dị giàu tính tượng trưng, lời thơ giản dị, chân thành làm cho bài thơ dễ đi vào lòng người.

Câu 18: *Viết đoạn văn tổng phân hợp:*

Bài thơ “Viếng lăng Bác” là tình cảm chân thành, xúc động của Viễn Phương, của nhân dân miền Nam đối với Bác Hồ.

Gợi ý:

- Con - Bác.
- Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ.
- Vẫn biết trời xanh là mãi mãi... trong tim.
- Khở cuối.

- Niềm thương, nỗi nhớ vốn là tình cảm trong tâm trạng con người, như ngập tràn cả không gian, trĩu nặng tâm trạng => có cảm giác như dòng người trong nỗi thương nhớ mênh mang.

- Người đi xa đã 7 năm (bài thơ sáng tác 1976) khoảng thời gian không phải là ngắn, nhưng VP và toàn thể nhân dân Miền Nam vẫn “nghe nhói” => quá sâu đậm, mãnh liệt.

- Điệp từ, điệp ngữ, cấu trúc câu (khổ 3) đem lại cho khổ thơ nhạc điệu thiết tha, sâu lắng.

- Hình ảnh ẩn dụ: cây tre trung hiếu => mong muốn thiết tha ở mãi bên người, mong được làm đẹp cho người. Sinh thời Bác từng nói: “miền Nam ở trong trái tim tôi” (thơ Tố Hữu).

- Cây tre mang nét nghĩa cụ thể hơn, không còn là những phẩm chất đẹp đẽ. Phải chăng đó vừa là ước nguyện, vừa là lời hứa thiêng liêng mà trung thành với con đường mà Bác đã soi sáng dẫn dắt cả dân tộc.

Câu 19: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

(Ngữ văn 9, tập 2, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam)

a. Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ ấy.

b. Chỉ và nêu tác dụng của phép tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

c. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 10 đến 12 câu) phát biểu cảm nhận của em về đoạn thơ trên.

Gợi ý:

a. - Đoạn thơ trên trích trong bài thơ "Viếng lăng Bác"

- Tác giả: Viễn Phương

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, đất nước thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh khánh thành, Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ. Bài thơ "Viếng lăng Bác" được sáng tác trong dịp đó và in trong tập thơ *Như mây mùa xuân* (1978)

b. - Phép tu từ: Ẩn dụ (cây tre)

- Tác dụng: Biểu tượng sức sống bền bỉ, kiên cường của dân tộc Việt Nam.

c. * *Về hình thức*: Yêu cầu viết được đoạn văn khoảng 10 đến 12 diễn đạt lưu loát, văn phong trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, chữ viết đẹp, dùng từ, đặt câu đúng. Đảm bảo yêu cầu của đoạn văn.

* *Về nội dung*: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần đạt những nội dung sau:

- Câu thơ thật giản dị thân quen với cách xưng hô “con- Bác” -> gần gũi, thân thiết, ấm áp.

- Dùng từ “thăm” thay cho từ “viếng” -> giảm nhẹ được nỗi đau thương, mất mát.

- Hình ảnh hàng tre: (ẩn dụ) -> biểu tượng sức sống bền bỉ..... của dân tộc

- Cảm xúc: tự hào

Câu 20: Đọc khổ thơ sau và trả lời các câu hỏi

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”

(Trích sách Ngữ văn 9, tập hai, trang 58)

a. Khổ thơ trên trích trong bài thơ nào? Nêu tên tác giả của bài thơ ấy? Nội dung chính của đoạn thơ trên là gì?

b. Chỉ ra và phân tích ý nghĩa hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ đầu.

c. Em hãy viết đoạn văn (khoảng 200 từ) phát biểu cảm nhận của em về khổ thơ trên.

Gợi ý:

a. - Đoạn thơ trên trích trong bài thơ *Viếng lăng Bác*.

- Tác giả: Viễn Phương.

- Nội dung chính: *Sự tôn kính của tác giả, của nhân dân đối với Bác khi đứng trước lăng Người:*

- Hình ảnh ẩn dụ "*mặt trời trong lăng*" thể hiện sự tôn kính biết ơn của nhân dân đối với Bác

- Hình ảnh dòng người thành một tràng hoa trước lăng. sự tôn kính, biết ơn tự hào của tác giả cũng như của dân tộc VN đối với Bác.

b. - Hình ảnh ẩn dụ trong khổ thơ trên là: *mặt trời trong lăng*

- Phân tích ý nghĩa của hình ảnh ẩn dụ: Tác giả đã ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước. Đồng thời thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn của nhân dân đối với Bác, niềm tin Bác sống mãi với non sông, đất nước ta.

c.

a. Mở đoạn: Giới thiệu vị trí và nội dung chính của khổ thơ: Khổ thơ thứ 2 trong bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương. Đoạn thơ thể hiện sự tôn kính của tác giả, của nhân dân đối với Bác khi đứng trước lăng Người.

b. Thân đoạn: Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật đoạn thơ

- Hình ảnh *mặt trời* trong câu thơ đầu là hình ảnh thực, trong câu thơ thứ hai "*mặt trời trong lăng*" là hình ảnh ẩn dụ chỉ Bác Hồ đang nằm trong lăng, thể hiện sự tôn kính biết ơn của nhân dân đối với Bác.

- Hình ảnh ẩn dụ: “Kết tràng hoa dâng bảy chín mùa xuân”

- *Kết tràng hoa*: Tô đậm thêm sự tôn kính, biết ơn tự hào của tác giả cũng như của dân tộc Việt Nam đối với Bác; *dâng bảy mươi chín mùa xuân* đã cho thấy được cuộc đời Bác đẹp như chính mùa xuân, bảy chín năm sống và cống hiến bảy chín mùa xuân tươi trẻ của cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng nước nhà.

- Điệp ngữ “ngày ngày” được lặp lại hai lần trong khổ thơ đã thể hiện sự vĩnh cửu của Bác trong lòng người dân Việt.

c. Kết đoạn: Khẳng định lại nội dung, nghệ thuật đoạn thơ.

Câu 21: *Đọc khổ thơ sau và trả lời các câu hỏi :*

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”

(Trích sách Ngữ văn 9, tập hai, trang 58)

Câu 1. *Khổ thơ trên trích trong bài thơ nào? Nêu tên tác giả của bài thơ ấy.*

Câu 2. *Chỉ ra và phân tích ý nghĩa hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ đầu. Câu 3.*
Dựa trên hiện tượng chuyển nghĩa của từ, cụm từ "bảy mươi chín mùa xuân" có thể hiểu như thế nào? Theo phương thức chuyển nghĩa nào?

Câu 4. *Em hãy viết đoạn văn (khoảng 12 câu) phát biểu cảm nhận của em về khổ thơ trên trong đó sử dụng một phép lặp và một câu phủ định mang ý nghĩa khẳng định.*

Gợi ý:

Câu 1. (0,5 điểm).

Đoạn thơ trên trích trong bài thơ *Viếng lăng Bác* của tác giả Viễn Phương.

Câu 2. (1 điểm).

- Hình ảnh ẩn dụ trong khổ thơ trên là: *mặt trời trong lăng*
- Phân tích ý nghĩa của hình ảnh ẩn dụ

Tác giả đã ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước. Đồng thời thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn của nhân dân đối với Bác, niềm tin Bác sống mãi với non sông, đất nước ta.

Câu 3. (0,5 điểm).

Dựa trên hiện tượng chuyển nghĩa của cụm từ " bảy mươi chín mùa xuân" được hiểu là 79 tuổi, chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.

Câu 4. (2 điểm).

1. Về hình thức:

- HS viết được đoạn văn nghị luận (khoảng 200 từ) nêu cảm nhận về khổ thơ, có mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.

- Đoạn văn viết mạch lạc, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả.

- Tiếng việt: có phép lặp và câu phủ định mang ý nghĩa khẳng định

2. Về nội dung: HS có thể có nhiều cách viết nhưng cần đảm bảo những nội dung chính như sau:

a. Mở đoạn: Giới thiệu vị trí và nội dung chính của khổ thơ: Khổ thơ thứ 2 trong bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương. Đoạn thơ thể hiện sự tôn kính của tác giả, của nhân dân đối với Bác khi đứng trước lăng Người.

b. Thân đoạn: Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật đoạn thơ

- Hình ảnh *mặt trời* trong câu thơ đầu là hình ảnh thực, trong câu thơ thứ hai "*mặt trời trong lăng*" là hình ảnh ẩn dụ chỉ Bác Hồ đang nằm trong lăng, thể hiện sự tôn kính biết ơn của nhân dân đối với Bác.

- Hình ảnh ẩn dụ: “Kết tràng hoa dâng bảy chín mùa xuân”

Kết tràng hoa: Tô đậm thêm sự tôn kính, biết ơn tự hào của tác giả cũng như của dân tộc Việt Nam đối với Bác; *dâng bầy*

mười chín mùa xuân đã cho thấy được cuộc đời Bác đẹp như chính mùa xuân, bảy chín năm sống và cống hiến bảy chín mùa xuân tươi trẻ của cuộc đời cho sự nghiệp giải phóng nước nhà.

- Điệp ngữ “ngày ngày” được lặp lại hai lần trong khổ thơ đã thể hiện sự vĩnh cửu của Bác trong lòng người dân Việt.

c. Kết đoạn: Khẳng định lại nội dung, nghệ thuật đoạn thơ

CHUYÊN ĐỀ 12: SANG THU

-HỮU THỈNH-

Câu 1: *Nêu hoàn cảnh sáng tác và mạch cảm xúc của bài thơ “Sang thu” – Hữu Thỉnh?*

Gợi ý:

Hoàn cảnh sáng tác

- + 1977, in lần đầu trên báo văn nghệ, in lại nhiều lần trong các tập thơ.
- + Rút từ tập “Từ chiến hào đến thành phố”, NXB Văn học, Hà Nội, 1991

Mạch cảm xúc

Mạch thơ: mạch chảy tự nhiên của cảm xúc: từ ngỡ ngàng, bàng khuâng trước những tín hiệu giao mùa nơi thôn xóm đến say mê trước những cảnh vật sang thu xa rộng, và rồi trầm ngâm trước những biến đổi bên trong của thiên nhiên và con người.

Câu 2: Tại sao tác giả lại đặt là "Sang thu" mà không đặt là "Thu sang"?

Gợi ý:

- Nhan đề bài thơ “Sang thu” trước hết giúp người đọc cảm nhận được những tín hiệu đặc trưng của mùa thu ở đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.
- Nhan đề này cũng bộc lộ những cảm nhận tinh tế của Hữu Thỉnh về sự chuyển biến của đất trời trong khoảnh khắc sang thu.
- Qua nhan đề “Sang thu” người đọc phần nào cảm nhận được những rung cảm của Hữu Thỉnh trước vẻ đẹp tạo hóa, thể hiện tình yêu thiên nhiên cuộc sống của nhà thơ.

Câu 3: Cấu trúc bài thơ "Sang thu" có phát triển qua thời gian không? Hãy cho biết mạch thơ được phát triển theo hướng nào?

Gợi ý:

Bài thơ không cấu trúc theo mạch thời gian mà mạch thơ phát triển theo những cảm nhận tinh tế sự quan sát và suy ngẫm của nhà thơ, bắt đầu từ khổ thơ thứ nhất Hữu Thỉnh nhìn thấy những gì gần gũi nhất từ hương ổi trong vườn, từ khói sương đầu ngõ. Khổ 2 nhà thơ nhìn thấy song nước, bầu trời. Và khổ 3 là những hiện tượng thiên nhiên: mưa nắng, sấm vơi dần.

Câu 4: Phân tích tự cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước những tín hiệu thu về ở khổ thơ 1 bằng 1 đoạn văn khoảng 8 câu?

Gợi ý:

Đọc “sang thu” của Hữu Thỉnh ta như đc sống lại những giây phút giao mùa tinh tế đầy ý vị. Ở khổ thơ thứ nhất “...” mùa thu đến thật bất ngờ với hương ổi thơm nồng nàn và cái se lạnh của làn gió đang lan tỏa trong không gian nơi đường thôn ngõ xóm “(2 câu đầu)”. Chỉ một chữ “phả” cũng gợi lên đc mùi thơm của

hương ổi chín, nó sánh lại bãi hương đậm 1 phần mà nó còn sánh lại bởi cái se lạnh của làn gió đầu mùa thu. Hữu Thịnh đã cảm nhận thu về bằng cả khứu giác, xúc giác, tín hiệu ấy còn đc cảm nhận bằng thị giác rất linh hoạt “sương chùng chình qua ngõ”, sương thu đang giăng mắc nhẹ nhàng, chuyển động chậm chậm nơi đường thôn ngõ xóm. Ở đây tác giả đã dung biện pháp nghệ thuật nhân hóa nên ta có cảm giác sương thu như cố ý đi chậm lại, quán quít quên ngõ xóm, đường làng và “chùng chình” chính là sự lưu luyến, ngập ngừng, bịn rịn. Còn cái ngõ thắm đậm hương ổi chín ấy vừa là ngõ thực, vừa là ngõ thời gian giữa hai mùa. Từ “hình như” ở cuối bài thơ cho ta thấy cảm xúc xao xuyến, ngỡ ngàng của nhà thơ trước cảnh đất trời sang thu. Do đó câu thơ như lời tự hỏi mình, mà cũng giống như sự xuất hiện của mùa thu. Quả thật, bằng những cảm nhận tinh tế với hình ảnh giàu sức biểu cảm, Hữu Thịnh như đưa ta chìm đắm giữa khoảnh khắc giao mùa thiêng liêng.

Câu 5: Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về đám mây mùa hạ trong khổ thơ thứ 2?

Gợi ý:

Ở khổ thơ thứ 2 bài “sang thu”, nếu ở hai câu đầu có sự vội vã của cánh chim- cái vội vã mới chớm, mới bắt đầu thì hai câu thơ tiếp theo không khí thu vẫn còn là không khí thu thái, lửng lơ, chậm rãi, lảng lảng. Qua hình ảnh “có đám mây... sang thu”, đám mây mùa hạ xuất hiện với sự thanh thoi, duyên dáng vắt nửa mình sang thu. Cảm giác giao mùa đc diễn tả 1 cách thi vị, thiên nhiên đc nhân hóa như có dáng điệu, linh hồn, tình cảm. Đám mây như một dải lụa, một tấm khăn voan trên bầu trời nửa đag vào hạ, nửa đã ngả dần sang mùa thu. Đây là một chi tiết tả thực, hình ảnh đám mây là thực nhưng ranh giới giữa hai mùa là hư, và đó cũng chính là tượng tượng vừa mới mẻ, vừa lạ lẫm của tác giả, nó là một sáng tạo trong

thơ ca, nó giúp chúng ta hình dung đc đám mây mùa hạ nhuốm dần sắc thu, cảnh trở nên có hồn khiến người đọc cảm nhận đc không gian, thời gian lúc chuyển mùa. Và đó cũng chính là cảm giác say sưa của tác giả trước thiên nhiên, đất trời sang thu.

Câu 6: Hãy lí giải tại sao cả bài thơ sang thu của Hữu Thỉnh chỉ có một dấu chấm duy nhất ở cuối bài?

Gợi ý:

Đây chính là dụng ý của bài thơ, bởi tác giả muốn tạo sự liên mạch, sự vận động của cảnh vật trong mạch cảm xúc. Từ “ngõ ngang” đến rung động và suy nghĩ trước những biến chuyển nhẹ nhàng của thiên nhiên, đất trời trong khoảng khắc giao mùa từ hạ sang thu.

Câu 7: Em hiểu như thế nào về 2 câu thơ cuối bài “sấm cũng ... đứng tuổi”?

Gợi ý:

Ở khổ thơ cuối, mùa thu đc kết thúc bằng sự đón nhận, bằng kinh nghiệm và sự suy ngẫm “Sấm cũng ... đứng tuổi”. Hình ảnh này thật độc đáo và giàu ý nghĩa liên tưởng. Câu thơ trước hết mang ý nghĩa tả thực: sấm là hiện tượng tự nhiên thường xuất hiện bất ngờ đi liền với những cơn mưa rào mùa hạ. Sang thu sấm và mưa nhỏ dần không đủ làm lay động những hàng cây đã bao mùa thay lá. Còn hàng cây cổ thụ, cảnh vật thiên nhiên không còn bị giật mình bất ngờ bởi tiếng sấm mùa hè nữa.

Với nghĩa ẩn dụ từ hình ảnh thiên nhiên tác giả đi dần vào những phút suy tư chiêm nghiệm. Sấm phải chăng là những vang động bất ngờ của ngoại cảnh còn hàng cây đứng tuổi là một ẩn dụ tượng trưng cho những con người đầy kinh nghiệm đã từng trải qua những khó khăn, thử thách của cuộc đời. Và khi họ đã

từng trải thì sẽ vững vàng hơn trước những tác động của ngoại cảnh, những thử thách của cuộc đời. Tác giả đã từ những cảnh vật mà gợi ra những suy ngẫm sâu xa, kín đáo về cuộc đời. Vì vậy, 2 câu thơ cuối không chỉ là cảnh sang thu mà còn chứa đựng những suy nghĩ, chiêm nghiệm về con người. Đất trời sang thu khiến lòng người cũng băng khuâng cảm xúc, gợi bao nhiêu suy ngẫm sâu xa về đời người lúc sang thu.

Câu 8: Không biết từ khi nào, mùa thu xuất hiện trong thơ ca với bao cảm xúc, để lại ấn tượng sâu đậm khiến lòng người băng khuâng, xao xuyến. Trong tác phẩm của mình, một nhà thơ đã viết:

“... Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu ”

a. Hai câu thơ trên nằm trong tác phẩm nào? Ai là tác giả? Hãy chép các câu còn lại để hoàn thành khổ thơ có chứa hai câu thơ trên.

b. Có ý kiến cho rằng: “Đối với mỗi nhà thơ, mỗi mùa thu là một niềm riêng, được cảm nhận bằng một cách riêng”. Hình ảnh “đám mây mùa hạ” trong bài thơ trên được cảm nhận bằng một cách riêng và gửi gắm niềm riêng gì?

c. Từ khổ thơ vừa chép, hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng hợp – phân tích – tổng hợp trình bày cảm nhận của em về những biến chuyển trong không gian lúc giao mùa từ hạ sang thu. Trong đoạn có sử dụng một câu bị động và phép nối để liên kết câu. (Gạch chân, chú thích dưới câu bị động và từ ngữ dùng làm phép nối)

Gợi ý:

a. Tác phẩm: **Sang thu**

– Tác giả: **Hữu Thỉnh**

– HS chép chính xác khổ thơ (**Khổ 2**)

b. Đám mây mùa hạ đã được nhân hoá diễn tả dòng trôi của thời gian

Đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu dường như cũng là tâm sự của chính nhà thơ trước dòng chảy của tháng năm.

3. HS dựa vào khổ thơ, hoàn thành một đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng – phân – hợp để nêu cảm nhận về **những biến chuyển của không gian lúc giao mùa từ hạ sang thu**, trong đó có sử dụng một câu bị động và phép nối để liên kết câu (gạch dưới và chú thích).

– **Hình thức:**

+ Đoạn văn đúng yêu cầu về cấu trúc

+ Có câu bị động (Gạch dưới)

+ Có câu sử dụng phép liên kết (Gạch dưới)

– **Nội dung:**

+ Bức tranh thiên nhiên giao mùa

+ Miêu tả không gian nhưng gợi được thời gian

+ Thể hiện kín đáo nỗi niềm riêng.

Câu 9: *Đọc đoạn thơ dưới đây và thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 6:*

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về
Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu...*

- 1. Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm nào? Và tác giả là ai?**
- 2. Tìm những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên?**
- 3. Trong đoạn thơ trên, khoảnh khắc giao mùa được nhà thơ cảm nhận qua những hình ảnh nào?**
- 4. Gạch chân thành phần biệt lập tình thái có trong câu thơ Hình như thu đã về và nêu tác dụng.**
- 5. Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ trong hai câu thơ Sông được lúc dềnh dàng/ Chim bắt đầu vội vã.**
- 6. Viết đoạn văn diễn dịch hoặc qui nạp (từ 8 đến 10 câu) trong đó có sử dụng phép nối (gạch chân từ ngữ sử dụng phép nối) với câu chủ đề:**

Thiên nhiên êm đềm, tươi đẹp của mỗi miền quê cần phải được yêu quý, giữ gìn.

Gợi ý:

1. Đoạn thơ được trích trong bài thơ Sang thu. Tác giả là Hữu Thỉnh.
2. Những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ là chùng chình, dềnh dàng, vội vã.

(Thí sinh tìm được từ 2 đến 3 từ thì được điểm tối đa; tìm được 1 từ được 0,25 điểm)

3. Khoảnh khắc giao mùa được cảm nhận qua các hình ảnh: hương ổi phả vào gió se, sương chùng chình qua ngõ, sông dềnh dàng, chim vội vã, đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu.

(Thí sinh tìm được từ 3 đến 5 hình ảnh thì được 0,5 điểm; tìm được từ 1 đến 2 hình ảnh thì được 0,25 điểm)

4. Gạch chân được thành phần biệt lập tình thái: Hình như thu đã về.

Tác dụng: Diễn tả trạng thái mơ hồ của nhà thơ khi đất trời sang thu.

5. Biện pháp tu từ được sử dụng là nhân hóa: Sông dềnh dàng, chim vội vã. (Nếu thí sinh chỉ nêu biện pháp nhân hóa thì được 0,25 điểm)

Hiệu quả: cảnh vật hiện lên sinh động với trạng thái như con người trước bước đi của thời gian, đất trời.

(Nếu thí sinh chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ khác mà hợp lí thì vẫn cho điểm theo mức điểm của câu hỏi.)

6. Về hình thức:

- Viết đúng đoạn văn diễn dịch hoặc quy nạp.
- Viết đủ số câu theo yêu cầu.
- Diễn đạt rõ ràng, chữ viết sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Gạch chân từ ngữ sử dụng phép nối. (0,25 điểm)

Về nội dung

Thí sinh triển khai được câu chủ đề. Các câu triển khai lí giải được vì sao cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp của mỗi miền quê cần phải được yêu quý, giữ gìn. (Thí sinh có thể có nhiều hướng triển khai, miễn hợp lí, đúng đắn)

Câu 10: Đọc khổ thơ sau và trả lời câu hỏi:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

a. Đoạn thơ trích trong bài nào? Của ai? Sáng tác năm nào?

b. Giải nghĩa từ: “gió se”, “chùng chình”, “phả”

c. Nêu ngắn gọn cảm nhận của em về vẻ đẹp của hình ảnh “đám mây mùa hạ và sương chùng chình qua ngõ” trong khổ thơ trên?

d. Bằng đoạn văn khoảng 8 câu, hãy phân tích sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ về biến chuyển trong không gian lúc sang thu ở hai khổ thơ trên.

Gợi ý:

a. Bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh

Hoàn cảnh sáng tác

+ 1977, in lần đầu trên báo văn nghệ, in lại nhiều lần trong các tập thơ.

+ Rút từ tập “Từ chiến hào đến thành phố”, NXB Văn học, Hà Nội, 1991

b. “Gió se”: gió mùa thu nhẹ, khô và hơi lạnh.

“Phả”: Tỏa thành luồng

“Chùng chình”: chậm chạp, như muốn dừng lại

c- **Sương“ *chùng chình*”**. Tác giả đã nhân hóa làn sương.Nó bay (đi) qua ngõ nhà chậm chạp, như muốn dừng lại, khác với mọi ngày. Có cái gì đó duyên dáng, yếu điệu của một làn sương....

Còn đám mây mùa hạ mới thành thời duyên dáng:

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

-Nhà thơ có một liên tưởng bất ngờ , một cách dùng từ độc đáo.Hữu Thỉnh không dùng từ (mây) *lang thang, lơ lửng,bồng bềnh, nhẹ trôi...* mà lại dùng từ “*vắt*”.Mây như kéo dài ra, vắt lên , đặt ngang trên bầu trời, buông thõng xuống. Đây là một hình ảnh liên tưởng sáng tạo thú vị. Sự thật, không hề có đám mây nào như thế. Vì làm sao có sự phân chia rạch ròi, mắt nhìn thấy được trên bầu trời như thế. Đó là đám mây trong liên tưởng, tưởng tượng của tác giả. Nhưng chính cái hình ảnh mùa hạ nối với mùa thu bởi đám mây lững lờ, bồng lảng trên tầng không làm cho người đọc cảm nhận cả về không gian và thời gian chuyển mùa thật là đẹp, thật là khêu gợi hồn thơ. Câu thơ tả đám mây mùa thu của Hữu Thỉnh khá hay và độc đáo, cách chọn từ và dùng từ rất sáng tạo .

d. Khổ thơ đầu của bài thơ là sự cảm nhận về cảnh vật chuyển sang thu còn mơ hồ:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

Mở đầu bài thơ bằng từ “*bỗng*” nhà thơ như diễn tả cái hơi giật mình chợt nhận ra dấu hiệu đầu tiên từ làn “*gió se*” (xúc giác) mang theo hương ổi bắt đầu chín

(khứu giác). *Hương ổi; Phả vào trong gió se*: sự cảm nhận thật tinh (vì hương ổi không nồng nàn mà rất nhẹ); ở đây có sự bất ngờ và cũng có chút khẳng định (*phả*: tỏa ra thành luồng); bằng bạc một hương vị quê. Rồi bằng thị giác: sương đầu thu nên đến chậm chậm, lại được diễn tả rất gợi cảm “*chùng chình qua ngõ*” như cố ý đợi khiến người vô tình cũng phải để ý. Tất cả các dấu hiệu đều rất nhẹ nên nhà thơ dường như không dám khẳng định mà chỉ thấy “*hình như thu đã về*”. Chính sự không rõ rệt này mới hấp dẫn mọi người. Ngoài ra, từ “*bỗng*”, và từ “*hình như*” còn diễn tả tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bàng khuâng....

Những dấu hiệu mùa thu đã dần dần rõ hơn, cảnh vật tiếp tục được cảm nhận bằng nhiều giác quan. Cái ngỡ ngàng ban đầu đã được nhường chỗ cho những cảm nhận tinh tế, cảnh vật mùa thu mới chớm với những bước chân đi rất nhẹ, rất dịu, rất êm.

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

Đã hết rồi nước lũ cuộn cuộn nên dòng sông thong thả trôi. Sông dềnh dàng như con người được lúc thư thả. Trái lại những loài chim bắt đầu di cư, bắt đầu vội vã. Phải tinh tế lắm mới có thể nhận ra được sự “bắt đầu” này trong những cánh chim bay. Dù có sự vội vã của con chim (mới bắt đầu) không khí thu vẫn là không khí thư thái, lảng động, chậm rãi, lâng lâng. Vì thế mà đám mây mùa hạ mới thanh thoi duyên dáng. Cảm giác giao mùa được diễn tả thú vị bằng hình ảnh: có đám mây mùa hạ, vắt nửa mình sang thu – chưa phải đã hoàn toàn thu để có bầu trời thu xanh ngắt mấy tầng cao (Nguyễn Khuyến) mà vẫn còn mây và vẫn còn tiết hạ, nhưng mây đã khô, sáng và trong. Sự giao mùa được hình tượng hóa thành dáng nằm duyên dáng vắt nửa mình sang thu thật đẹp.

Câu 11: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về
Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu
Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.

(Sang thu - Hữu Thỉnh - Theo Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2010)

- a. Nêu những nét chính về tác giả Hữu Thỉnh?**
- b. Xác định biện pháp nghệ thuật và chỉ rõ tác dụng của nghệ thuật đó trong hai câu thơ sau:**

**"... Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi."**

- c. Viết bài văn ngắn (khoảng 2 trang giấy thi) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên làng quê lúc giao mùa trong hai khổ thơ sau:**

**"Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về
Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã**

***Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu... "***

Gợi ý:

- a. Tác giả Hữu Thỉnh: tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thỉnh - sinh năm 1942.
 - Quê ở huyện Tam Dương tỉnh Vĩnh Phúc. Ông đã từng nhập ngũ, vào binh chủng Tăng - thiết giáp rồi trở thành cán bộ văn hóa, tuyên huấn trong quân đội và bắt đầu sáng tác thơ.
 - Ông đã giữ nhiều chức vụ quan trọng như: tổng thư kí Hội nhà văn Việt Nam, chủ tịch Hội nhà văn Việt Nam, chủ tịch Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật Việt Nam.
- b. BPTT: ẩn dụ
 - "Sấm" chỉ những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.
 - "hàng cây đứng tuổi" chỉ những con người từng trải.
 - Tác dụng: góp phần thể hiện nội dung, khi con người đã trưởng thành, đã trải nghiệm trong đường đời thì bản lĩnh càng vững vàng hơn trước những thử thách, những bão giông bất thường.

c.

Hình thức:

- Đúng thể thức một bài văn ngắn, đảm bảo bố cục 3 phần rõ ràng.
- Kỹ năng làm văn nghị luận văn học trong đoạn trích tốt.
- Hành văn trong sáng, lập luận chặt chẽ. Các lỗi diễn đạt, chính tả...không quá 3 lỗi.

2. Nội dung:

2.1. Mở bài

Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, nội dung tác phẩm và đoạn thơ.

2.2. Thân bài

a. Khái quát chung

- Sang thu ở đây là chớm thu, là lúc thiên nhiên giao mùa, mùa hè chưa hết mà mùa thu mới có những tín hiệu đầu tiên.
- Những cảm nhận mới mẻ, giản dị của nhà thơ trước sự biến chuyển của đất trời vào khoảnh khắc giao mùa.

b. Khổ thơ đầu: Cảm nhận về thiên nhiên lúc giao mùa qua các tín hiệu báo thu về.

- Đó là phút giao mùa cuối hạ, đầu thu ở vùng quê đồng bằng Bắc Bộ trong trẻo, dịu nhẹ với những tín hiệu sang thu rất mơ hồ, mong manh. (HS nêu cảm nhận về các hình ảnh đẹp như hương ổi lan tỏa vào không gian, qua làn gió se lạnh đầu thu, hình ảnh sương chùng chình qua ngõ và các chi tiết nghệ thuật, các từ ngữ giàu hình ảnh như từ bỗng, phả, hình như, nghệ thuật nhân hóa,...)
- Cảm nhận của con người khi thu về: cảm giác băng khuâng, mơ hồ, hư thực ...

=> Sự cảm nhận tinh tế qua nhiều giác quan, cảnh vật mang nét đặc trưng lúc giao mùa.

c. Khổ thơ 2: Không gian đất trời khi chuyển dần từ hạ sang thu.

Không gian nghệ thuật của bức tranh "Sang thu" được mở rộng với nhiều tầng bậc. (HS chú ý tập trung phân tích hình ảnh đặc sắc "Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu" kết hợp với các từ láy dềnh dàng, vội vã để thấy được sự khác biệt của vạn vật: sông dưới mặt đất, chim trên bầu trời - dưới thấp và trên cao trong khoảnh khắc giao mùa.

=> Bức tranh mùa thu trong giây phút giao mùa trở nên hữu tình, đem đến cho người đọc sự rung cảm, tình yêu với vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

d. Đánh giá khái quát.

- Khẳng định lại vẻ đẹp của mùa thu miền Bắc thông qua cảm nhận tinh tế của hồn thơ Hữu Thỉnh.

- Những thành công về nghệ thuật: thể thơ năm chữ; ngôn ngữ thơ giản dị, hàm súc, tự nhiên; hình ảnh thơ đẹp, sáng tạo, giàu sức gợi qua các biện pháp tu từ đặc sắc...
- Thành công về nội dung: Sang thu là tiếng lòng của nhà thơ, gửi gắm bao tình yêu mùa thu của quê hương đất nước, một tiếng thu nồng hậu thiết tha...

2.3. Kết bài

Khẳng định vẻ đẹp, giá trị của tác phẩm và sức sống của nó trong dòng chảy thời gian.

3. Sáng tạo:

- Có những so sánh, mở rộng liên hệ sáng tạo. Bộc lộ rõ được quan điểm cá nhân theo hướng tích cực.
- Giàu cảm xúc chân thành, sâu sắc.

* Lưu ý: HS có thể trình bày, diễn đạt theo nhiều cách nhưng phải đảm bảo tính hợp lý và thuyết phục.

Câu 12: Nêu tên và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật của bài thơ “sang thu” – Hữu Thỉnh?

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

Vẫn còn bao nhiêu nắng

*Đã vui dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.*

Gợi ý:

Nhân hóa “sương chùng chình”

->**Tác dụng:** sương thu có ý chậm lại, quán quýt bên ngõ xóm đường làng. Tâm trạng chờ đợi, lưu luyến.

Ẩn dụ “ngõ”

->**Tác dụng:** Nghĩa thực là ngõ của làng quê, còn nghĩa ẩn dụ chính là cửa ngõ chuyển giao từ hạ sang thu.

Nhân hóa và phép đối: “sông được lúc dềnh dàng – chim bắt đầu vội vã”

->**Tác dụng:** Sông thì nhẹ nhàng, chậm chạp trôi, còn chim thì vội vàng đi tránh rét về phương Nam.

Sự đối lập vô cùng tinh tế về khoảnh khắc giao mùa với hai dấu hiệu thời tiết chuyển biến khác nhau của chim và sông.

Nhân hóa “vắt”

->**Tác dụng:** gợi hình dung mây mỏng như dải lụa treo trên bầu trời. Ranh giới nửa nghiêng về mùa hạ, nửa nghiêng về mùa thu. Cảm xúc say sưa, tâm hồn giao cảm với thiên nhiên, tò mò những gì sắp tới của mùa thu nhưng cũng còn vương vấn, lưu luyến mùa hạ.

Nhân hóa “sấm cũng bớt bất ngờ - trên hàng cây đứng tuổi”

->**Tác dụng:** trạng thái của con người. Con người cũng trở nên điềm tĩnh, chính chắn hơn.

Ẩn dụ: “Sấm” và “hàng cây đứng tuổi”

->**Tác dụng:** Sấm gợi ta liên tưởng đến một tầng ý nghĩa khác – ý nghĩa về con người và cuộc sống. Những tiếng sấm bất ngờ của mùa hạ đã bớt đi lúc sang thu (cũng có thể hiểu: hàng cây không còn bị bất ngờ, bị giật mình vì tiếng sấm nữa),

nhưng đó còn là những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời. Và hàng cây đứng tuổi ở đây vừa gợi lên hình ảnh những hàng cây không phải là còn non, vừa gợi tả những con người từng trải đã từng vượt qua những khó khăn, những thăng trầm của cuộc đời. Đồng thời hàng cây đứng tuổi còn đại diện cho đất nước Việt Nam đã trở nên trưởng thành hơn khi trải qua biết bao nhiêu thăng trầm của cuộc kháng chiến.

Câu 13: Nhận xét trạng thái vận động của sương, của dòng sông, cánh chim, đám mây khi tiết trời sang thu được thể hiện trong bài thơ?

Gợi ý:

Có thể trả lời các câu hỏi sau để phân tích cảm nhận của nhà thơ:

- Không gian lúc chuyển mùa từ hạ sang thu được Hữu Thỉnh cảm nhận bắt đầu từ đâu, qua các yếu tố nào? (Hương ổi thoảng len trong gió se, sương nơi đầu ngõ)
- Từ ngữ miêu tả trạng thái của thiên nhiên, thể hiện cảm giác, tâm trạng ở khổ thơ này có gì đặc sắc (phả, chùng chình, bóng, hình như) ?

Câu 14: Kết thúc bài thơ Chiều sông Thương, Hữu Thỉnh viết:

Nắng thu đang trải đầy

Đã trắng non múi bưởi

Bên cầu con nghé đợi

Cả chiều thu sang sông.

Phân tích, so sánh hình ảnh, cảm xúc ở khổ thơ này với bài thơ Sang thu.

Gợi ý:

Bài thơ Chiều sông Thương diễn tả cuộc sống lao động, sinh hoạt tươi vui, yên bình của một vùng quê Bắc Bộ trong buổi chiều thu trong trẻo.

Khổ thơ cuối Chiều sông Thương miêu tả sự giao chuyển giữa ngày thu dài – đêm thu, trong ở đồng bằng Bắc Bộ. cần chú ý sự đồng thời tồn tại, xuất hiện của ánh nắng và vàng trắng non, chú ý vẻ thanh thản, nhẹ nhàng của chiều thu sang sông cùng con nghé hồn nhiên, thong thả đợi... Thiên nhiên cùng tâm trạng, cảm giác

ấy giống với bài Sang thu như thế nào ? (Tất cả đều gắn với tâm trạng băng khuâng, rung động nhẹ nhàng, tinh tế của nhà thơ). Mặt khác, đặc điểm thời gian, thời điểm cùng ý nghĩa tổng hợp, triết lí của bài Sang thu có gì khác với khổ thơ đó trong Chiều sông Thương?

Câu 15: Những biểu hiện nào của thiên nhiên khiến tác giả có cảm giác “Hình như thu đã về”? Dựa vào những biểu hiện đó, em hãy tả lại bức tranh thiên nhiên với những biến đổi của đất trời lúc chuyển mùa từ hạ sang thu?

Gợi ý:

Những biểu hiện của thiên nhiên khiến tác giả có cảm giác “Hình như thu đã về”: Hương ổi chín, ngọn gió se, sương “chùng chình”.

Bức tranh thiên nhiên với những biến đổi của đất trời lúc chuyển mùa từ hạ sang thu được tác giả Hữu Thỉnh miêu tả đầy tinh tế. Nhà thơ đã cảm nhận được mùa thu về bằng những tín hiệu đầu tiên thật giản dị:

Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Nhà thơ nhận ra mùa thu sang từ “hương ổi” – mùi hương đặc sản của dân tộc, mùi hương riêng của mùa thu làng quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam. “Hương ổi” là một hình ảnh, một tứ thơ khá mới mẻ với thơ ca viết về mùa thu nhưng lại vô cùng quen thuộc và gần gũi đối với mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là người dân miền Bắc mỗi độ thu về. Ngọn gió ở đây cũng không phải những cơn gió nồm nam mang nhiều hơi nước của mùa hạ mà là “gió se” – Dấu hiệu đặc trưng của mùa thu. Tín hiệu thứ ba báo thu về là “sương chùng chình qua ngõ”. Những giọt sương như muốn chậm lại, giăng mắc trên các lối đi, trên đường làng ngõ xóm. Khứu giác đã cảm nhận “hương ổi”, xúc giác đã nhận ra “gió se” và thị giác thì nhìn thấy “sương

chùng chình”. Ấy vậy mà nhà thơ vẫn còn dè dặt “Hình như thu đã về?” Một chút nghi hoặc, một chút băng khuâng chính là cảm xúc của thời điểm chuyển giao.

Sau giây phút ngõ ngàng nhận ra thu về, nhà thơ cảm nhận rõ hơn những sự biến đổi của đất trời lúc thu sang. Thiên nhiên mùa thu đã được cụ thể bằng những hình ảnh: “sông dềnh dàng”, “chim vội vã”, “đám mây vắt nửa mình” với một không gian dài, rộng và cao vợi vợi. Dòng sông không còn cuộn cuộn chảy như những ngày mùa hạ mà trở nên êm đềm, nhẹ nhàng, trôi lững lờ. Cái “dềnh dàng” của dòng sông không chỉ gợi ra vẻ êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu mà còn mang đầy tâm trạng ngẫm ngợi, suy tư của con người. Tương phản với hình ảnh dòng sông là hình ảnh đàn chim “bắt đầu vội vã”. Không gian trở nên xôn xao, không có âm thanh nhưng câu thơ lại gợi được cái động. Nhà thơ đã gợi ra tốc độ trái chiều của thiên nhiên, của sự vật để tạo ra một bức tranh mùa thu đang về - có những nét dịu êm, nhẹ nhàng, lại có những nét hối hả, vội vã.

Câu 16: Vì sao nói bài thơ thể hiện sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ về những biến chuyển trong không gian lúc sang thu?

Gợi ý:

Bài thơ “Sang thu” thể hiện một tâm hồn nhạy cảm với những sự cảm nhận đầy tinh tế của nhà thơ Hữu Thỉnh:

- Động từ “phả” được sử dụng hết sức đặc sắc và có hồn giúp gợi hương ổi chín như đang quện lại, nồng nàn và lan tỏa trong không gian.
- Nghệ thuật nhân hóa qua từ láy “chùng chình” khiến cho làn sương mùa thu dường như cũng mang theo tâm trạng. Màn sương nửa đi, nửa ở như đang chờ đợi ai hay lưu luyến điều gì.

- Tương tự, nghệ thuật nhân hóa qua từ láy “dềnh dàng” khiến dòng sông mùa thu như đang trầm xuống, đang ngẫm nghĩ, suy tư. Dòng sông trở nên thật có tình.
- Những cụm từ “vẫn còn”, “đã vơi dần”, “cũng bớt”,... là một cách nói mơ hồ thể hiện một sự nhạy cảm đầy tinh tế của tác giả.

Câu 17: Theo em, trong bài thơ này, hình ảnh hoặc câu thơ nào thể hiện được nét đặc sắc riêng của thời điểm giao mùa giữa hạ và thu?

Gợi ý:

Học sinh lựa chọn phân tích hình ảnh mà mình cho là đặc sắc nhất. Có thể tham khảo gợi ý sau.

Bầu trời mùa thu được mở ra với một hình ảnh rất ấn tượng:

Có đám mây màu hạ

Vắt nửa mình sang thu.

Đông từ “vắt” được sử dụng hết sức tinh tế và đắt giá để gợi ra hình ảnh đám mây như đang mãi mê lẩn sang màu thu nhưng vẫn còn chút gì đó vẫn vương mùa hạ. Cái cách “vắt nửa mình” thật thi vị. Hình ảnh “đám mây” vắt ngang trên bầu trời tựa như một cây cầu bắc ngang hai bên hạ - thu. Đó là một sự liên tưởng thú vị - một hình ảnh đầy chất thơ. Có lẽ đây là hai câu thơ hay nhất trong sự tìm tòi khám phá của Hữu Thỉnh trong khoảnh khắc giao mùa. Nó giống như một bức tranh thu vĩnh hằng tạc bằng ngôn ngữ.

CHUYÊN ĐỀ 13: NÓI VỚI CON

-Y PHƯƠNG-

Câu 1: Nêu hoàn cảnh sáng tác và mạch cảm xúc của bài thơ “Nói với con” – Y Phương?

Gợi ý:

Hoàn cảnh sáng tác

Bài thơ “Nói với con” được nhà thơ Y Phương viết 1980, đất nước đã hòa bình, thống nhất nhưng vô cùng khó khăn, thiếu thốn.

Mạch cảm xúc

- Mượn lời nói với con, Y Phương gọi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người, bộc lộ niềm tự hào về sức sống bền bỉ của quê hương mình.

- Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống. Cảm xúc, chủ đề của bài thơ được bộ lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thâm thúy.

Câu 2: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu từ câu 1 đến câu 3

... "Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói

*Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc"...*

(Theo Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục, 2010)

- a. Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai? "Người đồng mình" được nhà thơ nói tới là những ai? (1,0 điểm)**
- b. Xác định thành ngữ trong đoạn thơ trên? Em hiểu ý nghĩa của thành ngữ đó như thế nào? (1,0 điểm)**
- c. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của em về khổ thơ trên? (2,0 điểm)**

Gợi ý:

- a. Đoạn thơ trên trích từ bài thơ "Nói với con"

Tác giả Y Phương

"Người đồng mình" là người vùng mình, người miền mình, có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng một quê hương, cùng một dân tộc.

- b. Thành ngữ có trong đoạn thơ trên là "Lên thác xuống ghềnh"

Nhấn mạnh nỗi vất vả, khó nhọc trong cuộc sống làm ăn của "người đồng mình".

c. Về hình thức:

- Đoạn văn nghị luận viết theo cách tổng- phân- hợp gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn, liền mạch, không xuống dòng.
- Viết khoảng 10 câu, chữ viết đúng chính tả, trình bày rõ ràng, sạch sẽ.

Về nội dung:

Học sinh làm rõ ý chính đề yêu cầu: Những đức tính cao đẹp của “người đồng mình” và lời nhắc của cha đối với con. Học sinh có thể phân tích theo hai cách: Hoặc “cảm nhận những đức tính cao đẹp của “người đồng mình” được nhà thơ ca ngợi rồi tìm hiểu lời nhắc nhở của cha đối với con, hoặc có thể kết hợp phân tích cả hai ý này.

Học sinh có thể tham khảo dàn ý đoạn viết sau:

*Mở đoạn: Giới thiệu đoạn thơ, trích tác phẩm “Nói với con” của Y Phương và nêu ý chính mà đề bài yêu cầu.

*Thân đoạn:

Có thể sắp xếp những mạch ý nhỏ sau:

- Cuộc sống của “Người đồng mình” còn nhiều vất vả, nhiều nỗi buồn, song họ luôn mạnh mẽ, giàu ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống, thể hiện qua cách nói của người miền núi:

“Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn”

- Sự thủy chung bền bỉ, gắn bó với quê hương, dẫu còn cực nhọc, đói nghèo. Phân tích điệp ngữ “không chê” mang tính khẳng định, hình ảnh mộc mạc mà giàu ý nghĩa khái quát như “đá”, “thung”, “gập ghềnh” “nghèo đói”, chỉ nơi sống và cuộc sống ở đó còn gặp nhiều khó khăn, vất vả.

- “Người đồng mình” có cách sống mộc mạc, hồn nhiên, khoáng đạt. Phân tích hình ảnh so sánh “ Sống như sông, như suối”. Thành ngữ “lên thác xuống ghềnh” chỉ nỗi khó nhọc trong cuộc sống, làm ăn, song “người đồng mình” không lo cực nhọc” vẫn sống tự tin, thanh thản.

* Người cha nhắc nhở con:

-Sống phải có nghĩa tình, chung thủy với quê hương mình.

- Biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, bằng niềm tin của mình.

=> Phân tích qua lời gọi tha thiết “con ơi”, cụm từ “cha vẫn muốn” , điệp ngữ “không chê”, “sống”... để thấy lời mong mỏi tha thiết con sẽ làm được những điều cha mong muốn.

***Phân kết đoạn:**

Bằng giọng thơ thiết tha, trù mẫn, cách diễn đạt tình cảm và suy nghĩ với những hình ảnh cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, nhà thơ dân tộc Y Phương qua đoạn thơ trên đã giúp ta hiểu thêm về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của một dân tộc miền núi, nhắc nhở ta gắn bó với quê hương và có ý chí nghị lực vươn lên trong cuộc sống.

Về ngữ pháp: Học sinh sử dụng thích hợp, chính xác, gạch chân và chú thích rõ ràng câu ghép và từ ngữ dùng làm phép lặp.

Câu 3: Nhà thơ Y Phương muốn nói với con điều gì trong những dòng thơ sau:

*Người đồng mình thương lắm con ơi
... không lo cực nhọc”*

Gợi ý:

- Đoạn thơ bắt đầu bằng cảm xúc “thương lắm con ơi”, đó là tình cảm yêu thương, yêu thương một cách xót xa.

- Cao độ nỗi buồn. Xa nuôi chí lớn. => là một cách nói vừa rất cụ thể, vừa mang sức khái quát. Và cuộc sống nhọc nhằn đầy nỗi khổ đau ấy lại khiến cho “chí lớn” thêm lên, thêm mãnh liệt.

- Dù quê hương vất vả, nhọc nhằn, nhưng những người con của quê hương không bao giờ quay lưng lại với nơi mình đã từng chôn rau, cắt rốn, cha mẹ đã từng cày xới vun trồng.

- Qua những hình ảnh rất cụ thể: ... đó là cuộc sống bình dị, hồn nhiên như con sông, con suối quê mình, mộc mạc của người dân miền núi, cuộc sống vượt qua mọi thử thách, gian lao ở những nơi xa xôi. Phải chăng đó còn là sự cần cù, bền chí của những “người đồng minh”.
- Những con người sống giản dị mà mạnh mẽ, hồn nhiên mộc mạc. Nhưng chính cái hồn nhiên mộc mạc ấy lại chứa đựng sức sống mạnh mẽ của dân tộc.
- Nói với con là thủ thí tâm tình của người cha với con về quê hương, 1 quê hương nhọc nhằn vất vả đã nuôi dưỡng chí lớn cho những đứa con. Quê hương với sức sống giản dị mà mãnh liệt, hồn nhiên mà mạnh mẽ.
- Tất cả được thể hiện qua thể thơ tự do với những từ ngữ, hình ảnh mộc mạc, cụ thể nhưng lại có sức khái quát sâu sắc.

Câu 4: Viết đoạn văn ngắn có dùng lời dẫn trực tiếp để nêu suy nghĩ của em về những điều người cha nói với con trong các câu thơ sau:

“Người đồng minh thơ sơ... phong tục”.

Gợi ý:

- Người cha đã ca ngợi đức tính cao đẹp của người đồng minh bằng những hình ảnh đầy ấn tượng.
- + Đó là “người đồng minh thô sơ da thịt”, những con người chân chất, khoẻ khoắn họ mộc mạc mà không nhỏ bé về tâm hồn, ý chí. Họ tự chủ trong cuộc sống.
- + Đó là những con người tự đúc đá kê cao quê hương, lao động cần cù không lùi bước trước khó khăn. Họ giữ vững bản sắc văn hoá của dân tộc.
- + Họ yêu quê hương, lấy quê hương làm chỗ dựa tâm hồn.
- Nói với con về những điều đó, người cha mong con biết tự hào về truyền thống của quê hương, tự hào về dân tộc để tự tin trong cuộc sống.

Câu 5: Cảm nhận của em về những câu thơ mở đầu bài thơ: “Nói với con” của Y Phương.

Gợi ý:

- Đó là hình ảnh một mái ấm gia đình rất hạnh phúc.
- Người con được nuôi dưỡng, che chở trong vòng tay ấm áp của cha mẹ.
- Lời thơ rất đặc biệt: Nói bằng hình ảnh, cách hình dung cụ thể để diễn tả ý trù tượng của người miền núi khiến câu thơ mộc mạc mà gợi cảm: bước chân chạm tới tiếng cười, tiếng nói.
- Cha nói với con lời đầu tiên đó để nhắc nhở con về tình cảm gia đình ruột thịt về cội nguồn của mỗi người.

Câu 6: *Nêu cảm nhận về những câu thơ mở đầu bài: “Nói với con” của Y Phương:*

Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ.

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước chạm tiếng cười.

Gợi ý:

Em có thể nêu các ý sau về những câu thơ mở đầu bài “Nói với con” (Y Phương)

- Bằng các hình ảnh thật cụ thể, Y Phương đã tạo nên hình ảnh một mái ấm gia đình rất hạnh phúc, đầm ấm và quây quần.
- + Người con được nuôi dưỡng chở che trong vòng tay ấm áp của cha mẹ.
- + Con được lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ.
- + Từng bước đi, từng tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ chăm chút, vui mừng, đón nhận.
- Lời thơ rất đặc biệt: nói bằng hình ảnh, cách hình dung cụ thể để diễn tả ý trù tượng của người miền Núi khiến câu thơ mộc mạc mà gợi cảm khiến cho tình cha

con thêm chân thành, thấm thía. Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được lấy lại, tạo ra âm điệu tươi vui, quần quýt: chân phải, chân trái rồi một bước, hai bước rồi lại tiếng nói, tiếng cười....tạo nên không khí gia đình đầm ấm mà đứa con đang lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, chăm sóc và mong chờ của cha mẹ.

- Cha nói với con lời đầu tiên đó để nhắc nhở con về tình cảm gia đình ruột thịt, về cội nguồn của mỗi người.

Câu 7: *Cha muốn nói với con điều gì trong những dòng thơ sau:*

Đan lờ cài nan hoa.

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng

Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới

Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

Gợi ý:

- Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương.

+ Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của “người đồng mình” được nhà thơ gợi lên qua các hình ảnh đẹp: “Đan lờ cài nan hoa. Vách nhà ken câu hát”. Các động từ “cài, ken” được dùng rất gợi cảm vừa miêu tả cụ thể công việc lao động của người miền núi, vừa nói lên sự gắn bó, quần quýt.

+ Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. “Rừng cho hoa” là cho cái đẹp, một chữ “hoa” đủ nói lên vẻ thơ mộng của rừng núi quê hương. “Con đường cho những tấm lòng” là cho nghĩa tình, tâm hồn và lối sống. Rừng núi đâu chỉ là thiên

nhiên, cây, đá mà còn là tình người, là những tấm lòng yêu thương gắn bó bên nhau.

Câu 8: *Đọc đoạn thơ sau:*

... “Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc”...

- a. *Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Nêu tên tác giả của tác phẩm ấy. “Người đồng mình” được nhà thơ nói tới là những ai?*
- b. *Xác định thành ngữ trong đoạn thơ trên. Em hiểu ý nghĩa của thành ngữ đó như thế nào?*
- c. *Dựa vào phần đã trích dẫn, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 10 câu theo cách lập luận tổng hợp- phân tích- tổng hợp làm rõ những đức tính cao đẹp của “người đồng mình” và lời nhắc nhở của cha đối với con, trong đó có sử dụng câu ghép và phép lặp (gạch dưới câu ghép và những từ ngữ dùng làm phép lặp).*

Gợi ý:

- a. Đoạn thơ trên trích từ bài thơ “Nói với con” của Y Phương.

-“Người đồng mình” là người vùng mình, người miền mình, có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng một quê hương, cùng một dân tộc.

b.-Thành ngữ có trong đoạn thơ trên là “Lên thác xuống ghềnh” nhấn mạnh nỗi vất vả, khó nhọc trong cuộc sống làm ăn của “người đồng mình”.

c. Về hình thức:

-Đoạn văn nghị luận viết theo cách tổng-phân-hợp gồm 3 phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn, liền mạch, không xuống dòng.

-Viết đúng chính tả, trình bày rõ ràng, sạch sẽ.

Về nội dung:

-Học sinh làm rõ ý chính đề yêu cầu: Những đức tính cao đẹp của “Người đồng mình” và lời nhắc của cha đối với con. Học sinh có thể phân tích theo hai cách: Hoặc “cảm nhận những đức tính cao đẹp của “người đồng mình” được nhà thơ ca ngợi rồi tìm hiểu lời nhắc nhở của cha đối với con, hoặc có thể kết hợp phân tích cả hai ý này.

Học sinh có thể tham khảo dàn ý đoạn viết sau:

**Mở đoạn:* Giới thiệu đoạn thơ, trích từ tác phẩm “Nói với con” của Y Phương và nêu ý chính mà đề bài yêu cầu.

**Thân đoạn:*

Có thể sắp xếp những mạch ý nhỏ sau:

-Cuộc sống của “người đồng mình” còn nhiều vất vả, nhiều nỗi buồn, song họ luôn mạnh mẽ, giàu ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống, thể hiện qua cách nói của người miền núi:

“Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn”

-Sự chung thủy bền bỉ, gắn bó với quê hương. Dẫu còn cực nhọc, đói nghèo. Phân tích điệp ngữ “không chê” mang tính khẳng định, hình ảnh mộc mạc mà giàu ý nghĩa khái quát như “đá”, “thung”, “gập ghềnh” “nghèo đói”, chỉ nơi sống và cuộc sống còn nhiều khó khăn vất vả.

-“Người đồng mình” có cách sống mộc mạc, hồn nhiên, khoáng đạt. phân tích hình ảnh so sánh “Sống như sông như suối”. Thành ngữ “lên thác xuống ghềnh”, chỉ nỗi khó nhọc trong cuộc sống, làm ăn, song “người đồng mình” “không lo cực nhọc” vẫn sông tự tin, thanh thản.

*Người cha nhắc nhở con:

-Sống phải có nghĩa tình, chung thủy với quê hương mình.

-Biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, bằng niềm tin của mình.

Phân tích qua lời gọi thiết tha “con ơi”, cụm từ “cha vẫn muốn” điệp ngữ” không chê”, “sống”...để thấy lời mong mỏi tha thiết con sẽ làm được những điều cha mong muốn.

**Phân kết đoạn:*

-Bằng giọng thơ tha thiết, trau dồi, cách diễn đạt tình cảm và suy nghĩ với những hình ảnh cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, nhà thơ dân tộc Y Phương qua đoạn thơ trên đã giúp ta hiểu thêm về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của một dân tộc miền núi, nhắc nhở ta gắn bó với quê hương và có ý chí nghị lực vươn lên trong cuộc sống.

Về ngữ pháp: học sinh sử dụng thích hợp, chính xác, gạch chân và chú thích rõ ràng câu ghép và từ ngữ dùng làm phép lặp.

Câu 9: Cảm nhận về bài thơ " Nói với con" của Y Phương.

***Gợi ý:**

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Nêu cảm nhận chung về tác phẩm.

b. Thân bài:

- Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gia đình và quê hương
- > Cái nôi êm đềm từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn. Phải chăng đó là điều đầu tiên người cha muốn nói với đứa con của mình.
- > Tình cảm gia đình thấm thiết, hạnh phúc, quê hương thơ mộng nghĩa tình và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên.
- Lòng tự hào về vẻ đẹp của “người đồng mình” và mong ước của người cha:
 - + Đức tính cao đẹp của người đồng mình:
 - + Mong ước của người cha qua lời tâm tình.
- > Hai ý này liên kết chặt chẽ với nhau, từ việc ca ngợi những đức tính cao đẹp của người đồng mình người cha dặn dò con cần kế tục, phát huy một cách xứng đáng truyền thống của quê hương.

c. Kết bài:

- Khẳng định tình cảm của Y Phương với con, với quê hương, đất nước.
- Suy nghĩ, liên hệ.

Câu 10: Phân tích tình cảm cha con trong bài thơ “Nói với con” của Y Phương

*** Gợi ý:**

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nhận xét sơ bộ về tác phẩm.

b. Thân bài: Phân tích làm nổi bật những ý cơ bản sau:

- Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gia đình và quê hương.

+ Cái nôi êm để từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn. Phải chăng đó là điều đầu tiên người cha muốn nói với đứa con của mình.

+ Tình cảm gia đình thấm thiết, hạnh phúc, quê hương thơ mộng nghĩa tình và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên.

=> Bằng cách nhân hoá “rừng” và “con đường” qua điệp từ “cho”, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của “người đồng mình” Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

- Lòng tự hào về vẻ đẹp của “người đồng mình” và mong ước của người cha.

+ Người đồng mình không chỉ “yêu lắm” với những hình ảnh đẹp đẽ, giản dị gợi nhắc cội nguồn sinh dưỡng tâm hồn, tình cảm, lối sống cho con người mà còn với những đức tính cao đẹp, đáng tự hào. Trong cái ngọt ngào kỉ niệm gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất cao đẹp của con người quê hương.

+ Gửi trong những lời tự hào không giấu giếm đó, người cha ước mong, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình có nghĩa, thuỷ chung với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương.

c. Kết luận:

Suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của bài thơ.

Câu 11: Nêu tên và tác dụng của biện pháp nghệ thuật của đoạn thơ sau:

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

Gợi ý:

Điệp ngữ “bước tới”

->Tác dụng: Niềm vui và sự sung sướng tự hào, hạnh phúc vì con từng ngày đang lớn lên.

+ Liệt kê "chân phải","chân trái","một bước","hai bước","tiếng nói","tiếng cười"

-> **Tác dụng:** gợi không khí gia đình đầm ấm, hạnh phúc, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười. Ở đó, trong từng bước đi chập chững của con đều có sự dìu dắt, nâng đỡ của cha mẹ. Ẩn chứa trong đó là niềm hạnh phúc vô biên của cha mẹ.

Ẩn dụ: “đan lò cài nan hoa – vách nhà ken câu hát”

->**Tác dụng:** **Niềm vui trong lao động**, hình ảnh thơ vừa gợi công việc lao động cụ thể qua việc miêu tả được chất thơ của cuộc sống lao động hồn nhiên ấy bằng cách sử dụng những động từ (cài, ken) đi kèm với các danh từ (nan hoa - câu hát) tạo thành những kết cấu từ ngữ giàu sức khái quát, diễn tả tuy mộc mạc mà gợi cảm về cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của người dân lao động miền núi. Giữa cuộc sống lao động cần cù ấy con từng ngày lớn lên.

Nhân hóa “rừng cho hoa – con đường cho những tấm lòng”

->**Tác dụng:** tác giả đã thể hiện khung cảnh núi rừng quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. Thiên nhiên ấy đã chở che nuôi dưỡng con cả tâm hồn và lối sống.

Ẩn dụ “những tấm lòng”

->Ẩn dụ cho tình yêu thương, tấm lòng của những người miền núi.

Câu 12: Nêu tên và tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ sau:

Câu 14: Đọc kỹ đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

"Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười

Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lò cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

*Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời".*

a. Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b. Hãy nêu nội dung chính của đoạn thơ?

c. Ghi lại câu thơ có cách biểu cảm trực tiếp

d. Trong bốn câu thơ đầu, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

e. Từ nội dung hai câu thơ:

"Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng"

Em hãy viết một bài văn (khoảng 400 từ), trình bày suy nghĩ của em về "Nghĩa tình quê hương" đối với mỗi con người.

Gợi ý:

a. Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm "Nói với con" của nhà thơ Y Phương.

b. Nội dung chính của đoạn thơ: Lời người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người - đó là gia đình và quê hương.

c. Câu thơ có cách biểu cảm trực tiếp: "Người đồng mình yêu lắm con ơi"

d. - Biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ đầu:

+ Điệp từ "bước tới", điệp cấu trúc.

+ Liệt kê "chân phải", "chân trái", "một bước", "hai bước", "tiếng nói", "tiếng cười"

- Tác dụng: gợi không khí gia đình đầm ấm, hạnh phúc, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười. Ở đó, trong từng bước đi chập chững của con đều có sự dìu dắt, nâng đỡ của cha mẹ. Ẩn chứa trong đó là niềm hạnh phúc vô biên của cha mẹ.

e. * Đây là kiểu bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí (Cụ thể là nghị luận về một vấn đề đặt ra trong một tác phẩm văn học)

* Trong phần thân bài, các em cần phải đảm bảo được đầy đủ những ý sau:

1. Giải thích khái niệm "quê hương": có thể hiểu khái quát là nơi ta sinh ra, lớn lên, có gia đình, kỉ niệm thời thơ ấu...

2. Phân tích ngắn gọn nội dung của hai câu thơ: "Rừng cho hoa - Con đường cho những tấm lòng":

- Câu thơ nằm trong phần nhà thơ viết về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người
-> Đó là gia đình và quê hương.

- Quê hương với gia đình ấm áp yêu thương; với những con người tài hoa, có tâm hồn lãng mạn; cũng là quê hương với thiên nhiên thơ mộng, nghĩa tình: "Rừng cho hoa - Con đường cho những tấm lòng".

- Điệp từ "cho" mang nặng nghĩa tình. Quê hương đem đến cho con người những thứ cần để lớn, dành tặng cho con người những gì đẹp đẽ nhất. Quê hương đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống.

=> Bằng cách nhân hóa "rừng" và "con đường" qua điệp từ "cho", Y Phương đã cho người đọc cảm nhận sâu sắc về nghĩa tình quê hương đối với mỗi con người. Quê hương là điều quý giá vô ngần mà mỗi con người không thể thiếu trên bước đường lớn khôn, trưởng thành.

3. Suy nghĩ của bản thân về vai trò, ý nghĩa của quê hương đối với mỗi con người:

- Mỗi con người đều gắn bó với quê hương, mang bản sắc, truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp của quê hương. Chính vì thế, tình cảm dành cho quê hương ở mỗi con người là tình cảm có tính chất tự nhiên, sâu nặng.

- Quê hương luôn bồi đắp cho con người những giá trị tinh thần cao quý: tình làng nghĩa xóm. tình yêu quê hương, gia đình sâu nặng...

- Quê hương luôn là điểm tựa vững vàng cho con người trong mọi hoàn cảnh, là nguồn cổ vũ, động viên, là đích hướng về của con người.

(Lưu ý: HS lấy dẫn chứng trong đời sống, trong văn học để chứng minh)

4. Trách nhiệm của mỗi con người:

- Tình yêu quê hương, gia đình luôn gắn liền với tình yêu đất nước. Cần hướng về quê hương, song không có nghĩa là chỉ hướng về mảnh đất nơi mình sinh ra, mà phải biết tôn trọng và yêu quý tất cả những gì thuộc về Tổ quốc.

- Xây đắp, bảo vệ, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương, đất nước là trách nhiệm, là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi con người.

- Là học sinh, ngay từ bây giờ phải tu dưỡng đạo đức, tích lũy kiến thức để sau này góp một phần nhỏ của việc vào công cuộc dựng xây, và bảo vệ quê hương đất nước.

- Cần có thái độ phê phán những người có hành động, suy nghĩ chưa tích cực đối với quê hương: chê quê hương nghèo khó, lạc hậu; không có ý thức xây dựng quê hương, thậm chí quay lưng, phản bội quê hương, xứ sở.

CHUYÊN ĐỀ 14: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

-LÊ MINH KHUÊ-

Câu 1: Nêu hoàn cảnh sáng tác và ý nghĩa nhan đề của “Những ngôi sao xa xôi” – Lê Minh Khuê?

Gợi ý:

Hoàn cảnh sáng tác

Bài thơ sáng tác năm 1971 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra gay go ác liệt, tác giả đang là một trong những nữ thanh niên xung phong.

Ý nghĩa nhan đề

- Thoạt đầu, có vẻ như không có gì thật gắn bó với nội dung của truyện. Và chỉ gần đến cuối câu chuyện, hình ảnh những ngôi sao mới xuất hiện trong những cảm xúc hồn nhiên, mơ mộng của Phương Định, ngôi sao trên bầu trời thành phố.

- Ánh đèn điện như những vì sao lung linh trong xứ sở thần tiên của những câu chuyện cổ tích.

+ Biểu hiện cho cho những tâm hồn hết sức hồn nhiên, mơ mộng, lãng mạn của những cô gái thành phố.

+ Biểu hiện cho những khát vọng, ước mơ trong tâm hồn thiếu nữ về một cuộc sống thanh bình, êm ả giữa những gì gần gũi khốc liệt của chiến tranh, không khí bàng hoàng của bom đạn, tất cả như trở nên xa vời.

+ Ánh sáng của các vì sao thường nhỏ bé, không dễ nhận ra, không rực rỡ chói lòa như mặt trời, và cũng không bàng bạc, thấm đẫm bao phủ như mặt trăng. Nhiều khi nhìn lên bầu trời, ta phải thật chăm chú mới phát hiện ra những ngôi sao ấy.

- Và phải chăng vẻ đẹp của các cô thanh niên xung phong ấy cũng như vậy. Và chúng lại “xa xôi”, vì thế phải thật chăm chú mới nhìn thấy được, mới yêu và quý trọng những vẻ đẹp như thế.

Câu 2: Tóm tắt nội dung cốt truyện và nêu ý nghĩa của truyện?

Gợi ý:

a. Tóm tắt:

Ba nữ thanh niên xung phong làm thành một tổ trinh sát mặt đường tại một địa điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Họ gồm có : hai cô gái rất trẻ là Định và Nho, còn tổ trưởng là chị Thao lớn tuổi hơn một chút. Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ và phá bom. Công việc của họ hết sức nguy hiểm vì luôn phải đối mặt với thần chết trong mỗi lần phá bom và phải làm việc giữa ban ngày dưới bom đạn của quân thù trên một tuyến đường ác liệt. Tuy vậy, họ vẫn lạc quan yêu đời, vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản, mơ mộng và đặc biệt họ rất gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội, dù mỗi người một cá tính. Cái hang đá dưới chân cao điểm là “ngôi nhà” của họ đã lưu giữ biết bao kỉ niệm đẹp của ba cô gái mở đường trong những tháng ngày gian khổ mà anh hùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

b. Ý nghĩa của truyện:

- Làm nổi bật tâm hồn tởng sáng, mơ mộng, tình thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu vô cùng gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

Câu 3: Truyện được trần thuật từ nhân vật nào? Việc chọn vai kể như vậy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung truyện?

Gợi ý:

- Truyện được trần thuật từ ngôi thứ nhất và những người kể chuyện cũng là nhân vật chính. Sự lựa chọn ngôi kể như vậy phù hợp với nội dung tác phẩm và tạo thuận lợi để tác giả miêu tả, biểu hiện thế giới tâm hồn, những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. Để cho nhân vật là người trong cuộc kể lại thì câu chuyện sẽ thật hơn, cụ thể và sinh động hơn, tạo cho người đọc cảm giác tin vào câu chuyện

hơn. Và ở đây, truyện viết về chiến tranh, tất nhiên phải có bom đạn, chiến đấu, hi sinh, nhưng trong truyện này, hiện lên khá rõ là thế giới nội tâm của các cô gái thanh niên xung phong với vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ. Đó cũng là do cách lựa chọn và kể của tác giả - nhất là vai kể ở đây lại là một cô gái trẻ Hà Nội có cá tính nhiều mộng mơ với những kỉ niệm đẹp của thời thiếu nữ.

Câu 4: Tìm hiểu những nét chung và những nét riêng của ba nhân vật cô gái thanh niên xung phong trong truyện.

Gợi ý:

a. Nét chung:

- Họ đều thuộc thế hệ những cô gái thanh niên xung phong thời kì kháng chiến chống Mỹ mà tuổi đời còn rất trẻ (như Phương Định vốn là một cô học sinh thành phố), có lí tưởng, đã tạm xa gia đình, xa mái trường, tự nguyện vào chiến trường tham gia một cách vô tư, hồn nhiên. Việc họ lấy hang đá làm nhà, coi cao điểm đầy bom đạn là chiến trường hàng ngày đối mặt với cái chết trong gang tấc đã nói lên tất cả. Nét chung này không chỉ có ở đây mà còn được nói đến ở nhiều tác phẩm khác như “Gửi em, cô thanh niên xung phong” của Phạm Tiến Duật, “Khoảng trời hố bom” của Lâm Thị Mỹ Dạ và truyện ngắn “mảnh trăng cuối rừng” của Nguyễn Minh Châu... Tạo thành biểu tượng gương mặt đẹp và đáng yêu của những cô gái mở đường thời kháng chiến chống Mỹ.

- Họ đều có những phẩm chất chung của những chiến sĩ thanh niên xung phong ở chiến trường: tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ, lòng dũng cảm không sợ hi sinh, tình đồng đội gắn bó. Có lệnh là lên đường, bất kể trong tình huống nào, nguy hiểm không từ nan dù phải đối mặt với máy bay và bom đạn quân thù, và đã lên đường là hoàn thành nhiệm vụ (Dẫn chứng – SGK). Khi đồng đội gặp tai nạn

thì khẩn trương cứu chữa và tận tình chăm sóc (câu chuyện Nho bị thương khi phá bom). Cuộc sống và chiến đấu ở chiến trường thật gian khổ, nguy hiểm và luôn căng thẳng nhưng họ vẫn bình tĩnh, chủ động, luôn lạc quan yêu đời, trong hang vẫn vang lên tiếng hát của ba cô gái.

- Cùng là ba cô gái trẻ với cuộc sống nội tâm phong phú đáng yêu: dễ cảm xúc, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui, dễ buồn. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Nho thích thêu thùa, chị Thao chăm chép bài hát, Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ mộng và hát... Cả ba đều chưa có người yêu, đều sống hồn nhiên tươi trẻ (chỉ tiết trận mưa đá bất chợt đến và niềm vui trẻ trung của ba cô gái khi được “thưởng thức” những viên đá nhỏ.

b. Nét riêng:

- Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn, “trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng”, có “cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắn” rất dễ thương khiến Phương Định “muốn bế nó lên tay”. Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên của trẻ thơ: “vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo”; khi bị thương nằm trong hang vẫn nhồm dậy, xòe tay xin mấy viên đá mưa, nhưng khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn: “Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi”, Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu” ... Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người.

- Phương Định cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư về gia đình và về thành phố của mình. Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng của các cô gái trẻ

Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.

- Còn Thao, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu những khát khao và rung động của tuổi trẻ. “Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu”. Chị lại hay tia đôi lông mày của mình, tia nhỏ như cái tăm. Nhưng trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. Đặc biệt là sự “bình tĩnh đến phát bực”: máy bay địch đến nhưng chị vẫn “móc bánh quy trong túi, thông thả nhai”. Có ai ngờ con người như thế lại sợ máu và vắt: “thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét”. Và không ai có thể quên được chị hát: nhạc sai bét, giọng thì chua, chị không hát trôi chảy được bài nào. Nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rồi là chị ngồi chép bài hát.

=> Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn.

Câu 5: Viết đoạn văn nêu cảm nhận về nhân vật Phương Định. (khoảng 12 ->15 câu)

Gợi ý:

Triển khai các ý sau:

Phương Định là hình ảnh tiêu biểu của những người con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc.

- Cô rất trẻ, có thời học sinh hồn nhiên vô tư bên người mẹ trong những ngày thanh bình của thành phố.

- Ngay giữa chiến trường ác liệt, Phương Định vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng : cô hiện lên rất đời thường, rất thực với những nét đẹp tâm hồn: nhạy cảm, hay mơ mộng và thích hát. (Cảm xúc của Định trước cơn mưa đá)

- Là cô gái kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình. (Hay ngắm mắt mình qua gương, biết mình đẹp và được các anh bộ đội để ý nhưng không tỏ ra sẵn sốc, vồn vã...., nét kiêu kì của những cô gái Hà thành)
 - Tình cảm đồng đội sâu sắc: yêu mến hai cô bạn cùng tổ, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn. (Chăm sóc Nho khi Nho bị thương....)
 - Ngời lên những phẩm chất đáng quý : có trách nhiệm với công việc, dũng cảm, bình tĩnh, tự tin....
 - Truyện kể theo ngôi thứ nhất (nhân vật kể là nhân vật chính) phù hợp với nội dung truyện và thể hiện tâm trạng suy nghĩ của nhân vật. Tác giả am hiểu và miêu tả sinh động nét tâm lí của những nữ thanh niên xung phong.
- => Nhân vật Phương Định đã để lại trong lòng người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục về phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Đoạn văn mẫu:

Là con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc, cô mang theo những kỉ niệm đẹp của một thời học sinh vô tư lự bên người mẹ và những hình ảnh, những kỉ niệm thân thương quá đối với thành phố của cô (1). Ở chiến trường 3 năm, đã quen với những thử thách nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết, nhưng cô không hề mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai: nhạy cảm, mơ mộng và thích được hát(2). Cô hồn nhiên đến đáng yêu khi gặp cơn mưa đá trên cao điểm: “*Tôi chạy vào, bỏ trên bàn tay đang xoè ra của Nho mấy viên đá nhỏ. Lại chạy ra, vui thích cuống cuồng. Rồi mưa tạnh, tôi bỗng thần thò tiếc không nói nổi*”(3). Cùng với trận mưa đá ấy, những kỉ niệm thời thiếu nữ lại trào lên trong cô “xoáy mạnh như sóng” biết bao hình ảnh thân thương của gia đình, thành phố và

quê hương (4). Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường (5). Là cô gái xinh đẹp, đầy nữ tính, biết điệu đà làm dáng nhưng lại rất kín đáo, tế nhị, có chiều sâu trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (6). Biết mình được các anh lính để mắt, điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng cô không hề tỏ ra vồn vã, sẵn đón, cô luôn kín đáo giữa đám đông : *“đứng ra xa, khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt”* (7). Cô yêu mến đồng đội, đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ, luôn lo lắng sau mỗi lần phá bom: *“Tôi phui áo, căng mắt nhìn qua khói và chạy theo chị Thao... Chị Thao vấp ngã. Tôi đỡ chị... Tôi moi đất, bế Nho đặt lên đùi mình”*, rồi chăm sóc đồng đội như một y tá(8). Cô còn yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn (9). Trong suy nghĩ của cô: *“những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ (10)*. Cuộc sống chiến đấu đối mặt với kẻ thù hàng ngày, thần Chết luôn đe dọa từng giây phút đã rèn luyện cho cô gái Hà thành đức tính dũng cảm, gan dạ, tự tin để hoàn thành mọi nhiệm vụ (11). Công việc hàng ngày của cô và đồng đội rất nhiều và nguy hiểm: phá bom, ít nhất là 3 quả, có ngày 5 quả , công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim, nhưng cô nói về chừng ấy công việc gọn gàng, khô khốc, tĩnh nhẹ như không, cô nghĩ về công việc của mình quá giản dị và còn cho là có cái thú riêng: *“có ở đâu như thế này không. Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang âm ỉ xa dần. Thần kinh căng ra như chảo, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn không biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ”* (12). Chiến tranh và đạn bom giặc Mỹ đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết: *“quen rồi. Một ngày tôi phá bom đến 5 lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”(13)*. Thế đấy, những cảm xúc, suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục (14). Tất cả đã được

tác giả kể chân thực, sinh động và tự nhiên qua tâm lí nhân vật ở những sự việc và chi tiết có ý nghĩa trong truyện, và những nét tâm lí này lại được chính nhân vật nói lên qua vai kể của mình nên lại càng thấm thía(15).

Câu 6: Viết một đoạn văn quy nạp (12 câu): «Những ngôi sao xa xôi» đã khắc họa vẻ đẹp tâm hồn của thanh niên Hà Nội qua hình ảnh Phương Định dũng cảm gan dạ mà cũng thật trong trẻo, mộng mơ.

Gợi ý:

- Đoạn văn giàu chất thơ (tâm trạng trước trận mưa đá) => cảm xúc băng khuâng xao xuyến, niềm vui nỗi buồn chợt đến, chợt đi.
- Niềm tin ấy cứ lấp lánh mãi như ánh sáng của những ngôi sao xa xôi mà không gì, không một thế lực tàn bạo, khắc nghiệt nào có thể dập tắt được
- Trong cảm xúc băng khuâng, xao động, thoáng qua của PĐ, hình ảnh ngôi nhà, người mẹ, những gì thân thuộc gần gũi đến hình ảnh lung linh của những ngôi sao mà tác giả đã hơn một lần nhắc đến, ánh sáng của đèn điện ngõ là thực mà như là ảo. Tất cả hiện lên trong ánh sáng lung linh của kí ức mộng mơ, rất thiếu nữ, rất dung dị của người Hà Nội.

Câu 7: Trong truyện «Những ngôi sao xa xôi» có đoạn: «Không hiểu vì sao mình gắt nữa.... đang bắn».

Những câu văn trên đã thể hiện hiện thực như thế nào? Nhận xét về hiệu quả diễn đạt của những câu văn ấy?

Gợi ý:

- Nhịp điệu dồn dập của những câu văn như những đợt bom đang liên tiếp dội xuống, như khối đang dồn vào hang => Góp phần tô đậm hiện thực.
- Sợ + lo lắng -> gắt»

«Trên cao điểm vắng vẻ, chỉ có»=> Vẫn tiếp tục bằng những câu văn ngắn, rất ngắn, một loạt các câu đặc biệt diễn tả sự cách biệt của con người trên cao điểm.

-Câu văn «và bom» đặt giữa hai câu => dường như quả bom ngăn cách Định và đồng đội của cô. Từ «và» liên kết câu tựa như những ý nghĩ, những suy nghĩ tình cảm gắn kết Phương Định với Nho và Thao. Nhưng đồng thời chính ý nghĩ về đồng đội lại khiến cho Phương Định bớt sợ, bớt cô đơn. Cô gái Hà Nội ấy cảm thấy vững lòng hơn khi thấy «Cao xạ đặt bên kia quả đồi». Tiếng súng cao xạ - tiếng của những người đồng chí khiến cô vững tâm hơn.

=> Đoạn văn vừa gợi được sự khốc liệt của chiến tranh, vừa diễn tả được tâm trạng lo lắng bồn chồn của PD đồng thời cũng thể hiện những tình cảm, suy nghĩ về tình đồng đội rất ấm áp.

Câu 8: Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, giọng điệu của truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi? Quá trình phân tích nội dung và nhân vật đã chỉ ra một số đặc điểm nổi bật của nghệ thuật truyện?

Gợi ý:

Sau đây hệ thống lại một số nét chính:

– Phương thức trần thuật: trần thuật theo ngôi kể thứ nhất – nhân vật tôi – cũng là nhân vật chính. Cách này tạo điều kiện thuận lợi để tác giả tập trung miêu tả nội tâm nhân vật và tạo điểm nhìn phù hợp.

– Nghệ thuật xây dựng nhân vật chủ yếu là miêu tả tâm lí nên có thể nói đây là cốt truyện tâm lí.

– Ngôn ngữ trần thuật phù hợp với nhân vật kể chuyện. Giọng điệu và ngôn ngữ tự nhiên, gần gũi với khẩu ngữ, trẻ trung, nữ tính. Lời kể ngắn, nhịp nhanh, tạo không khí khẩn trương trong hoàn cảnh chiến trường. Ở những đoạn có tính chất hồi

tưởng, nhịp kể chậm, gợi nhớ những kỉ niệm thời niên thiếu hồn nhiên, vô tư và không khí thanh bình nơi quê hương.

Câu 9: Cho đoạn trích sau:

(...) Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bỏ ra mà cười một mình.

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!” (...)

(Lê Minh Khuê – Sách Ngữ văn 9, tập 2)

- 1. Những câu văn này được rút từ tác phẩm nào? Nêu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm ấy?***
- 2. Xác định câu có lời dẫn trực tiếp và câu đặc biệt trong đoạn trích trên?***
- 3. Giới thiệu ngắn gọn (không quá nửa trang giấy thi) về nhân vật tôi trong tác phẩm đó?***
- 4. Kể tên một tác phẩm khác viết về người chiến sĩ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 9 và ghi rõ tên tác giả?***

Gợi ý:

1. Những câu văn này được rút trong tác phẩm “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê. Đây là một trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

2. Câu có lời dẫn trực tiếp : ...*Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”* (...)

-Câu đặc biệt trong đoạn trích : Im ắng lạ.

3. Truyện “Những ngôi sao xa xôi” được trần thuật từ ngôi thứ nhất. Người kể chuyện cũng là nhân vật chính: nhân vật “tôi” (Phương Định). Cô và các đồng đội của mình đã sống và chiến đấu ở trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm của tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều bom đạn nguy hiểm nhất.

Phương Định là một cô gái Hà Nội, có một thời học sinh hồn nhiên, vô tư bên người mẹ trong một căn buồng nhỏ ở một đoạn đường phố yên tĩnh trong những ngày thanh bình trước chiến tranh. Những kỷ niệm ấy luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn của cô trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường.

Vào chiến trường đã ba năm, đã quen với thử thách, giáp mặt hằng ngày với cái chết, nhưng cô vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những mơ ước về tương lai. Cô gái nhạy cảm, hồn nhiên này hay mơ mộng và thích hát. Phương Định cũng yêu mến những đồng đội trong tổ và trong cả đơn vị của mình, đặc biệt cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những người chiến sĩ mà hằng đêm cô gặp trên trọng điểm của con đường vào mặt trận.

Phương Định nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Cô tự đánh giá: *“Tôi là con gái Hà Nội... Một cô gái khá ... Có hai bím tóc dày, mềm ... một cái cổ cao, kiêu hãnh... một đôi mắt xa xăm...”*.

Công việc của cô nơi chiến trường hết sức nguy hiểm. Sau mỗi trận bom, cô phải lao ra trọng điểm, đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt vào cạnh nó để phá. Đó

là một công việc phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự bình tĩnh và dũng cảm. Nhưng với cô, công việc ấy đã trở thành việc thường ngày.

Hình ảnh Phương Định được nhà văn miêu tả sinh động, tinh tế. Đó là hình ảnh một cô gái thanh niên xung phong tiêu biểu cho những người thanh niên Việt Nam thời chống Mỹ.

4. Tác phẩm viết về người chiến sĩ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mà em đã học trong chương trình Ngữ văn 9:

Về truyện:

- “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng
- Một trong những nhân vật chính là Thu – một cô giao liên thời kháng chiến chống Mỹ.

Về thơ:

- “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật
- Nhân vật trữ tình trong bài thơ : người chiến sĩ lái xe vận tải quân sự trên đường mòn Trường Sơn thời chống Mỹ.

Câu 10: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở trong một cái hang dưới chân cao điểm. Con đường qua trước hang, kéo lên đồi, đi đèo đâu đó, xa! Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lăn lóc. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất.

Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất phải lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường. Cái tên gọi sự khát khao làm nên những sự tích anh hùng. Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản. Chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng trắng loá trên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “những con quỷ mắt đen”.

Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo “Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng”.

(Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi)

- 1. Những nhân vật trong đoạn trích được gọi với những cái tên khác nhau. Hãy chỉ ra những tên gọi đó.***
- 2. Chỉ ra phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn trích trên. Những biểu hiện nào khiến anh (chị) nhận ra phong cách ngôn ngữ đó.***
- 3. Giải thích ý nghĩa của các cụm từ sau: “cao điểm”, “han gỏi”.***
- 4. Vẻ đẹp của các nữ thanh niên xung phong được tác giả thể hiện như thế nào?***

Gợi ý:

1. Các cô gái mở đường được gọi bằng những từ ngữ sau: ba cô gái, tổ trinh sát mặt đường, những con quỷ mắt đen, bọn trinh sát.
2. Đoạn trích được viết bằng phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, điều này thể hiện ở tính cá thể, tính truyền cảm và tính hình tượng có trong ngôn ngữ của nhà văn.
3. Học sinh giải thích được các từ như sau:

- “Cao điểm” là địa điểm quan trọng, là nơi tập trung bắn phá của máy bay địch, là nơi các cô gái thực hiện nhiệm vụ.

- “Han gi” là tình trạng hư hỏng của các vật bằng kim loại ở trong những điều kiện ẩm ướt, trong đoạn trích là những thùng xăng hoặc thành ô tô.

4. Đoạn trích viết về cuộc sống chiến đấu của tổ trinh sát mặt đường trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mỹ.

Tổ trinh sát mặt đường gồm có ba cô thanh niên xung phong ở trong một hang dưới chân cao điểm. Ở đó, máy bay giặc Mỹ đánh phá dữ dội. Đường bị đánh “lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn”. Tưởng như sự sống bị hủy diệt: “không có lá xanh” hai bên đường, “thân cây bị tước khô cháy”. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc: những cây rế nằm lẫn lộn, ngổn ngang những hòn đá to, một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất. Công việc của họ vô cùng nguy hiểm và gian khổ. Khi có bom nổ thì chạy đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ, phá bom. Cùng chung một tổ, cùng trải qua cuộc sống đầy những khó khăn, hiểm nghèo, họ đã trở thành những con người dũng cảm, can trường, coi những việc đếm bom, phá bom... chỉ là những công việc bình thường hàng ngày. Đó là những người có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc, trở thành những nét đẹp sẽ không bao giờ phai mờ trong tâm trí những người con sau này được sống trong hòa bình, hạnh phúc.

Học sinh cần chỉ ra đầy đủ những ý cơ bản như trên thì mới cho điểm tối đa. Ngoài ra có thể đưa ra những kiến giải riêng của mình, giáo viên vẫn cho điểm khuyến khích nếu kiến giải đó chính xác, hợp lí.

Câu 11: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

“ ...Công việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường. Cái tên gọi sự khao khát làm nên những sự tích anh hùng. Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản. Chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là những con quỷ mắt đen.”

(Những ngôi sao xa xôi - Lê Minh Khuê - Sách Ngữ văn 9 tập 2)

Câu 1. (1điểm)

- a) Câu “ Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “ những con quỷ mắt đen” dùng biện pháp tu từ gì? **(0,5điểm)**
- b) Biện pháp tu từ ấy giúp chúng ta hiểu gì về các nhân vật? **(0,5điểm)**

Câu 2. (1điểm)

- a) Câu văn trên gợi liên tưởng đến những câu thơ nào trong “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật?
- b) Vì sao em liên tưởng như trên?

Câu 3. (2điểm) Viết đoạn văn diễn dịch (khoảng 10 đến 12 câu) nêu cảm nghĩ của em về nhân vật “tôi” trong tác phẩm có đoạn trích trên. Trong đoạn có sử dụng một phép thế, một câu cảm thán. (Gạch chân câu cảm thán và từ ngữ dùng làm phép thế)

Gợi ý:

Câu 1. (1điểm)

- a) Câu văn sử dụng nghệ thuật ẩn dụ **(0,5đ)**

b) Cho thấy tinh thần lạc quan, có trách nhiệm cao với công việc của ba cô gái thanh niên xung phong làm công việc trinh sát mặt đường. **(0,5đ)**

Câu 2. (1điểm)

a) Chép chính xác những câu thơ trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”: **(0,5đ)**

Không có kính, ừ thì có

Bụi phun tóc trắng như người già

Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc

Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”

(Nếu chép một câu: Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha cũng cho tối đa điểm)

b) Vì đều thể hiện tinh thần lạc quan, yêu đời, có trách nhiệm cao trong công việc của những người tham gia công cuộc kháng chiến chống Mỹ. **(0,5điểm)**

Câu 3. Đoạn văn (2điểm)

- Hình thức: **(1điểm)**

+ Sử dụng và gạch chân một phép thế, chú thích xuống cuối đoạn văn **(0,5điểm)**

+ Sử dụng câu cảm thán, chú thích xuống cuối đoạn văn **(0,5điểm)**

- Nội dung **(1điểm)**: Làm nổi bật nhân vật Phương Định với những nét tính cách: Vô tư, hồn nhiên, nhạy cảm, yêu đời...dũng cảm, gan dạ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc..., chăm sóc, yêu quý, gắn bó với đồng đội...tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời chống Mỹ cứu nước.

Câu 12: Điểm nổi bật trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của truyện ngắn này là miêu tả tâm lí nhân vật. Hãy phân tích một số đoạn miêu tả tâm lí nhân vật Phương Định để chứng minh cho nhận xét đó?

Gợi ý:

Tác giả tỏ ra am hiểu và miêu tả sinh động tâm lí của những cô gái thanh niên xung phong, mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định. Tâm lí nhân vật này được diễn tả tự nhiên, sinh động qua chính lời bộc lộ của nhân vật, mà tập trung là ở các đoạn tự nói về mình, hồi tưởng về thời thiếu nữ ở thành phố quê hương, đoạn kể về tâm trạng và cảm giác khi phá bom. Dưới đây là sự phân tích tâm lí nhân vật trong cảnh ấy: tâm lí nhân vật Phương Định trong một lần phá bom đã được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ dù chỉ thoáng qua trong giây lát. Từ sự cảm nhận về khung cảnh và không khí chứa đầy sự căng thẳng đến cảm giác là các anh cao xạ ở trên kia đang dõi theo từng động tác, cử chỉ của mình, để rồi lòng dũng cảm của cô như được kích thích bởi sự tự trọng: “Tôi đến gần quả bom. cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới”. Ở bên quả bom kề sát với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người cũng trở nên sắc nhọn hơn. “Thình thoảng lưỡi xẻng: hạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”. Tiếp đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom.

Qua đoạn trên có thể thấy Lê Minh Khuê đã miêu tả cụ thể, chân thực tâm lí nhân vật, làm hiện lên một thế giới nội tâm phong phú và trong sáng.

Câu 13: Hãy nêu cảm nghĩ của em về các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện. Qua truyện ngắn này và những tác phẩm khác đã học cũng viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, em hình dung và hiểu biết được gì về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì ấy?

Gợi ý:

Cần phân biệt phát biểu cảm nghĩ với phân tích nhân vật. Khi phát biểu cảm nghĩ về nhân vật, cần dựa trên những hiểu biết về nhân vật, nhưng cần nhấn mạnh vào ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ, nhận xét của em về nhân vật ấy. Em dựa vào sự phân tích các nhân vật ở bài tập 2 và 3 để từ đó nêu cảm nghĩ của mình. Có thể tập trung vào một số điểm :

- Về hoàn cảnh sống và chiến đấu rất gian khổ, hiểm nguy của các nhân vật.
- Về tinh thần tự nguyện đón nhận trách nhiệm với cuộc chiến đấu của các nhân vật, cũng là tinh thần và ý chí của cả thế hệ trẻ thời ấy.
- Về những phẩm chất, tính cách cao đẹp và đáng yêu của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện.
- Về ý nghĩa của sự cống hiến, hi sinh, của cách sống đẹp và hết sức trong sáng, hồn nhiên của các nữ nhân vật trong truyện, cũng là hình ảnh tiêu biểu của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

Mở rộng ra các nhân vật trong những tác phẩm khác để làm rõ thêm hình ảnh của thế hệ ấy (Ánh trăng, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Chiếc lược ngà, Lặng lẽ Sa Pa,..).

Câu 14: Đọc kỹ đoạn văn và trả lời câu hỏi:

“Tôi rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than. Bông băng trắng, vết thương không sâu lắm vào phần mềm. Nhưng vì bom nổ gần Nho bại choáng. Tôi tiêm cho Nho, Nho lim dim mắt, dễ chịu, có lẽ không đau lắm. Chị Thao lẩn quần bên ngoài, lúng túng như chẳng biết làm gì mà lại rất cần được làm việc. Chị ấy sợ máu...”

(Lê Minh Khuê - Những ngôi sao xa xôi)

1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì? (0,5đ)

2. Ghi ra câu có chứa thành phần biệt lập, gạch chân và gọi tên thành phần biệt lập đó. (1đ)

3. Câu “Nhưng vì bom nổ gần, Nho bị choáng” thuộc kiểu câu gì? Nêu mối quan hệ về nghĩa giữa các vế trong câu đó. (1đ)

4. Chỉ ra các phép liên kết trong đoạn văn trên (1,5đ)

5. Chép đầy đủ chính xác khổ cuối bài thơ “Viếng lăng Bác” (Viễn Phương) và nêu cảm nhận ngắn gọn về đoạn thơ. (1đ)

Gợi ý:

1. Phương thức biểu đạt chính: tự sự (0,5đ)

2. Câu có chứa thành phần biệt lập “Nho lim dim mắt, dễ chịu, có lẽ không đau lắm” (0,5đ)

Có lẽ là thành phần tình thái. (0,5đ)

3. Câu “Nhưng vì bom nổ gần, Nho bị choáng” thuộc kiểu ghép (0,5đ)

Quan hệ về nghĩa giữa các vế câu là: nguyên nhân – kết quả.

4. Các phép liên kết có trong đoạn văn:

Phép liên tưởng (Câu 3 -> câu 2-> câu: vết thương, bông băng- rửa) (0,5đ)

Phép lặp từ ngữ (Câu 6 -> câu 5 -> câu 4: Nho) (0,25đ)

Phép thế (Câu 8 -> câu 7: Chị ấy – chị Thao) (0,25đ)

Phép liên tưởng (câu 8 -> câu 1: máu-rửa) (0,25đ)

5. HS chép đầy đủ chính xác đoạn thơ cuối (0,5đ)

Cảm nhận ngắn gọn về nội dung và nghệ thuật khổ thơ cuối.

Dùng điệp từ, hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng :”Cây tre” thể hiện tâm trạng lưu luyến và ước nguyện được ở mãi bên Bác của nhà thơ (0,5đ)

Câu 15: *Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu của đề:*

« Đại đội trưởng rất hay dùng những từ tế nhị như “cảm ơn”, “xin lỗi”, “chúc may mắn”. Anh trẻ, người gầy, hay đau khớp, hay làm ca dao cho báo tường. Nhà đầu như cuối phố Lò Đúc. »

(Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi)

- a. Xác định và cho biết tên thành phần biệt lập có trong đoạn trích.*
- b. Xét về mặt hình thức, hai câu đầu trong đoạn trích được liên kết với nhau bằng phép liên kết nào? Chỉ ra từ ngữ thực hiện phép liên kết đó.*
- c. Nêu những điểm chung của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn trong truyện Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.*

Gợi ý:

- a. Thành phần tình thái: *đâu như*
- b. Phép thế - *Anh* thay thế cho *Đại đội trưởng*
- c. Nêu những điểm chung của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn trong truyện *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê.**

- Cùng chung hoàn cảnh sống và chiến đấu:

+ Cùng chung hoàn cảnh sống: Họ ở trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, là nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt...

+ Cùng chung nhiệm vụ chiến đấu: Công việc của họ là tính khối lượng đất đá bị bom đào xới, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ và phá bom. Đó là công việc hết sức nguy hiểm vì phải đối mặt với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh...

- Có chung phẩm chất cao đẹp: Có tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ, có lòng dũng cảm, không ngại hi sinh, có tình đồng đội gắn bó...

- Có những nét chung về tâm hồn của những cô gái trẻ: dễ xúc cảm, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui mà cũng dễ trầm tư, thích làm đẹp cho cuộc sống của mình dù trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt...

** Trong từng điểm chung, bài làm không nhất thiết phải nêu trọn vẹn các ý nhỏ cụ thể.*

Câu 16: Đọc và trả lời câu hỏi:

“Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng trắng loá trên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là “những con quỷ mắt đen”.

a. Những câu văn trên có trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b. Câu thứ ba trong đoạn văn trên liên kết với các câu trước bằng phép liên kết nào? Dấu hiệu của phép liên kết đó là gì?

c. Những người gọi nhau là: “Những con quỷ mắt đen” làm việc gì? Họ là những ai?

d. Câu nói trên gợi ta liên tưởng đến câu thơ nào trong của Phạm Tiến Duật? Vì sao em có sự liên tưởng đó?

e. Viết đoạn văn khoảng 12 câu, mở đầu bằng câu: (Mặc dù là những cô gái rất trẻ, có cá tính và hoàn cảnh riêng không giống nhau như đã trình bày ở trên nhưng ba cô gái trong tổ trinh sát mặt đường đều là những chiến sĩ dũng cảm).

Trong đoạn văn có câu dùng thành phần tình thái và câu dùng hình thức phủ định để khẳng định.

Gợi ý:

- a. Những câu trên có trong tác phẩm Những ngôi sao xa xôi, tác giả là Lê Minh Khuê.
- b. Câu thứ ba liên kết với các câu trên bằng phép thế. Cụm từ “Những lúc đó” dùng để thay thế cho thời gian và sự việc được kể ở hai câu trước: khi bò trên cao điểm về...
- c. Những người gọi nhau là là ba cô gái: Nho, Thao, Phương Định. Họ là những nữ thanh niên xung phong, là “Tổ trinh sát mặt đường” hoạt động ở một cao điểm, làm công việc đo lường đất cần lấp vào hố bom, đếm bom nổ chậm và phá bom nổ chậm khi cần.
- d. Câu nói trên gợi ta nghĩ đến những câu thơ trong

Không có kính, ừ thì có bụi

Bụi phun tóc trắng như người già

Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc

Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Đoạn văn Số câu: Khoảng 12 câu

-Hình thức: Đề bài không quy định kiểu đoạn nên người viết được tùy chọn đoạn diễn dịch, quy nạp hay đoạn Tổng - Phân - Hợp. Nếu là đoạn Tổng - Phân - Hợp thì bố cục đoạn có thể như sau:

-Mở đoạn (bằng câu đề bài đã cho): Mặc dù là những cô gái rất trẻ, có cá tính và hoàn cảnh riêng không giống nhau như đã trình bày ở trên nhưng ba cô gái trong tổ trinh sát mặt đường đều là những chiến sĩ dũng cảm.

-Thân đoạn: Làm rõ ý: ba cô gái trong tổ trinh sát mặt đường đều là những chiến sĩ dũng cảm.

- Hoàn cảnh làm việc của họ cực kì nguy hiểm, luôn kề cận với cái chết, căng thẳng thần kinh nhưng họ lại coi là việc bình thường...
- Họ bình tĩnh, dũng cảm khi đi trinh sát...
- Họ dũng cảm bình tĩnh xử lí tình huống, hoàn thành nhiệm vụ khi phá bom nổ chậm...

-Kết đoạn: ca ngợi lòng dũng cảm của họ.

CHUYÊN ĐỀ 15: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

-LÊ ANH TRÀ

Câu 1: Viết một đoạn văn ngắn trình bày những nét nổi bật về phong cách lối sống của Hồ Chí Minh qua văn bản Phong cách Hồ Chí Minh của nhà văn Lê Anh Trà?

**** Gợi ý:***

- Tuy là một vị lãnh tụ của một đất nước nhưng người có lối sống bình dị, thanh cao:

+ Nơi ở, nơi làm việc đơn sơ: ngôi nhà sàn độc đáo chỉ với vài phòng làm việc và tiếp khách...

+ Trang phục giản dị: áo bà ba nâu, áo trấn thủ, dép lốp...

+ An uống đậm bạc: cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa...

- Phong cách sống ấy là cách di dưỡng tinh thần, thể hiện quan niệm thẩm mỹ cao

Câu 2: Vốn tri thức văn hóa của Hồ Chí Minh có thể sâu rộng như thế là nhờ những yếu tố nào?

Gợi ý:

- Nhờ quá trình đi, tiếp xúc nhiều văn hóa trên thế giới.

- Khả năng tự học.

- Nói và viết thạo nhiều thứ tiếng.

- Hiểu biết sâu rộng về các dân tộc và văn hóa thế giới một cách uyên thâm.

- Tiếp thu có chọn lọc.

Câu 3: Em học tập được điều gì ở Bác qua văn bản Phong cách Hồ Chí Minh của nhà văn Lê Anh Trà?

Gợi ý:

- Biết học hỏi, siêng năng, chăm chỉ.

- Ăn cần ở kiệm.

- Tinh thần tự học.

- Tiếp nhận những thứ bên ngoài một cách chọn lọc

Câu 4: Vốn tri thức văn hoá nhân loại của Chủ tịch Hồ Chí Minh sâu rộng như thế nào? Vì sao Người lại có được vốn tri thức sâu rộng như vậy?

Gợi ý:

Vốn tri thức văn hoá nhân loại sâu rộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện ở các phương diện: Bác Hồ đã đi đến nhiều nước và am hiểu nhiều nền văn hoá trên thế giới, biết và sử dụng nhiều ngoại ngữ,...

Vì sao Bác Hồ lại có được vốn văn hoá nhân loại sâu rộng như vậy? Trước hết, đó là do sự chủ động tích lũy, tìm hiểu của Bác Hồ trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Bác đã đi đến nhiều nước trên thế giới; đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hoá, nghệ thuật đến một mức uyên thâm. Vốn văn hoá đó, một phần còn do điều kiện khách quan đem lại: cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi của Bác diễn ra trong mấy chục năm, ở rất nhiều nước trên thế giới, vì thế Người có điều kiện tiếp xúc với nhiều nền văn hoá.

Câu 5: Theo tác giả, phong cách Hồ Chí Minh được tạo nên từ những cơ sở nào?

Gợi ý:

Những cơ sở tạo nên phong cách Hồ Chí Minh là vốn tri thức văn hoá sâu rộng của nhân loại và cái gốc văn hoá dân tộc bền vững trong con người Hồ Chí Minh. Đây là ý cơ bản, chủ chốt trong phần một của văn bản, được nhấn mạnh trong câu kết của phần này: “Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hoá dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại”.

Câu 6: Nêu những biểu hiện của lối sống giản dị ở Bác Hồ. Vì sao có thể nói đó là lối sống “giản dị mà thanh cao”

Gợi ý:

Phong cách Hồ Chí Minh thể hiện ở lối sống giản dị mà thanh cao:

– Những biểu hiện của lối sống giản dị ở Bác Hồ:

+ Nơi ở và làm việc đơn sơ: “chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao” như cảnh làng quê quen thuộc, “chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ”.

- + Trang phục hết sức giản dị: “bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ”; tư trang ít ỏi: “một chiếc va li con với vài bộ áo quần, vài vật kỉ niệm”.
- + Bác ăn uống đạm bạc: “cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa,...”.
- Cách sống giản dị ấy lại rất mực thanh cao vì:
 - + Cuộc sống vật chất đơn giản tới mức tối thiểu giúp con ‘người được sống nhiều hơn với cuộc sống tinh thần phong phú, sâu sắc. Con người không còn lệ thuộc vào các điều kiện vật chất, các nhu cầu vật chất để có thể toàn tâm toàn ý với những mục đích cao cả, những khát vọng tốt đẹp.
 - + Lối sống giản dị cho con người được sống hài hoà với thiên nhiên, được tận hưởng cái đẹp vô tận trong tự nhiên. (Thơ Bác Hồ, kể cả những bài làm trong hoàn cảnh bị tù đày, luôn tràn đầy hình ảnh, vẻ đẹp của thiên nhiên, đó chính là một minh chứng cho sự thanh cao trong tâm hồn và lối sống của Bác.) Chính vì thế, lối sống ấy có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tinh thần và thể xác con người. Lối sống của Bác Hồ có nhiều nét tương đồng với cốt cách của những nhà hiền triết phương Đông xưa, gợi nhớ đến hình ảnh Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm.

Câu 7: Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ chí Minh" hãy chứng minh câu nói này bằng 1 đoạn văn ngắn?

Gợi ý:

Hồ Chí Minh là một lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, nhưng lại có phong cách rất giản dị, gần gũi phong cách của các tầng lớp nhân dân lao động. Ở Người có sự kết hợp phong cách của một nhà hiền triết phương Đông (ông đồ xứ Nghệ) với phong cách lịch lãm của một chính khách phương Tây.

Các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước cũng như nhiều nhà chính trị đã đề cập đến phong cách Hồ Chí Minh ở nhiều góc độ từ tư duy đến hành động : phong

cách lãnh đạo, phong cách công tác, phong cách sinh hoạt, phong cách nói, phong cách viết ...

- Đặc điểm nổi bật của phong cách tư duy Hồ Chí Minh là độc lập, tự chủ, sáng tạo.

- Đặc điểm nổi bật trong phong cách lãnh đạo của Hồ Chí Minh là tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, là thận trọng, chu đáo, sâu sát, tỉ mỉ, là lời nói phải đi đôi với việc làm...

- Đặc điểm nổi bật trong phong cách sinh hoạt của Hồ Chí Minh là sự giản dị, tiết kiệm và sự gần gũi, chan hoà với mọi người tạo nên phong cách giao tiếp riêng, rất lịch sự nhưng chân thành và ấm áp, bên cạnh phong cách đó là tình yêu thiên nhiên, tinh thần lạc quan của một người luôn biết làm chủ. Tình cảm đó chính là nguồn cảm xúc dồi dào để Người sáng tác những bài thơ nói về thiên nhiên, đất nước, con người. Với Hồ Chí Minh, khi hoạt động bí mật trong rừng sâu hay khi hoà bình về thành phố, thiên nhiên, với những “mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông” luôn gần gũi, gắn bó với cuộc sống của Người ...

Câu 8: Theo Lê Anh Trà, nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác là "một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác". Em hiểu thế nào là quan niệm trên? Hãy viết 1 đoạn văn khoảng 10 dòng?

Gợi ý:

Trình bày đoạn văn nghị luận theo hình thức Tổng phân hợp, diễn dịch, hoặc quy nạp với câu chủ đề như:

Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác là "một quan niệm thẩm mỹ về cuộc sống có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác. Trong đoạn văn cần đảm bảo các ý như:

- Giải thích:

+ Sống giản dị và thanh đạm là gì?

- Biểu hiện của sống giản dị và thanh đạm.

- Các bài học liên hệ bản thân.

Câu 9: Qua văn bản “phong cách Hồ Chí Minh”, em hãy viết đoạn văn từ 4 đến 6 câu nêu suy nghĩ của mình về cách thu nhận văn hoá thế giới của lứa tuổi học sinh hiện nay!

Gợi ý:

- Trong quá trình hội nhập và giao lưu, chúng ta cần tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, học hỏi những điều tốt đẹp để góp phần xây dựng đất nước (phải học hỏi các phương tiện kỹ thuật hiện đại, tránh trở thành người lạc hậu, lỗi thời...)

- Đồng thời, chúng ta cũng phải biết phê phán, lên án những cái xấu, cái chưa phù hợp từ nước ngoài vào nước ta, không nên hòa nhập mà hòa tan, đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc...

CHUYÊN ĐỀ 16: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH

-CHU QUANG TIỀM-

Câu 1: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

“Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được 10 quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc 10 lần.”

(“Bàn về đọc sách” – Chu Quang Tiềm)

- 1. Nêu chủ đề của văn bản Bàn về đọc sách. Đoạn trích trên đề cập đến khía cạnh nào của chủ đề.***
- 2. Vì sao tác giả cho rằng: “Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ”***
- 3. Hãy viết một đoạn văn (khoảng ½ trang giấy thi) theo cách diễn dịch trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nhiều học sinh rất ít đọc sách, thờ ơ với sách. Trong đoạn văn có sử dụng một khởi ngữ và một thành phần biệt lập.***

Gợi ý:

1. - Chủ đề văn bản: Bàn về sự cần thiết của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.
- Đoạn văn đề cập đến phương pháp đọc sách (cách đọc sách).
2. "Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ" vì:
- Nếu không chọn cho tinh dễ bị chạy theo số lượng, đọc mà không hiểu được bao nhiêu; đồng thời lãng phí thời gian và sức lực trên những cuốn sách "vô thưởng vô phạt".

- Đọc ít mà đọc kĩ thì sẽ tập thành "nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy..." học vẫn mới được nâng cao.

3. Học sinh phải đảm bảo những yêu cầu về:

- Nội dung: nêu rõ hiện tượng; bày tỏ suy nghĩ về hậu quả và nguyên nhân của hiện tượng; đề xuất một vài giải pháp thiết thực để nâng cao nhận thức của học sinh về sách và có phương pháp đọc sách hiệu quả.

- Hình thức: là một đoạn văn nghị luận, có kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt sinh động, độ dài theo quy định...Đoạn văn được trình bày theo cách diễn dịch, có sử dụng khởi ngữ và thành phần biệt lập (chỉ rõ)

* Lưu ý: khuyến khích học sinh có suy nghĩ riêng, tuy nhiên phải lí giải hợp lí, thuyết phục. Nếu đoạn văn quá dài, quá ngắn hoặc nhiều đoạn trừ 0,5 điểm.

Câu 2: Phân tích quan niệm của Chú Quang Tiềm về việc chọn sách để đọc?

Gợi ý:

– Tại sao lại phải chọn lựa? Để trả lời câu hỏi này, cần chú ý đoạn “Lịch sử càng tiến lên... lỗi đánh “tự tiêu hao lực lượng” trong bài nghị luận.

+ Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu, dễ sa vào lối “ăn tươi nuốt sống” chứ không kịp tiêu hoá, không biết nghiền ngẫm.

+ Sách nhiều khiến người đọc khó chọn lựa, lãng phí thời gian và sức lực với những cuốn không thật có ích.

– Cần chọn lựa như thế nào? Kết hợp giữa đọc loại sách chuyên sâu và loại sách thường thức, phổ thông ra sao?

+ Không tham đọc nhiều, đọc lung tung mà phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ các cuốn sách, các tài liệu cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên môn, chuyên sâu của mình.

+ Cùng với đọc tài liệu chuyên sâu cũng không thể xem thường việc đọc các loại sách thường thức, loại sách ở lĩnh vực gần gũi, kế cận với chuyên môn của mình vì “không biết rộng thì không thể chuyên, không thông thái thì không thể nắm gọn”.

Câu 3: *Về phương pháp đọc sách, Chu Quang Tiềm đưa ra các ý kiến như thế nào? Suy nghĩ của em về các ý kiến ấy?*

Gợi ý:

Về phương pháp đọc sách, Chu Quang Tiềm đã đưa ra những ý kiến thật cụ thể, sâu sắc. Có thể phân tích và trình bày suy nghĩ của mình theo các ý:

– Biết lựa chọn sách để đọc đã là một điểm quan trọng thuộc phương pháp đọc sách.

– Không nên đọc lướt qua, đọc chỉ để trang trí bộ mặt mà phải vừa đọc vừa suy nghĩ, “trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do”, nhất là đối với những quyển sách có giá trị.

– Không nên đọc tràn lan, theo kiểu tùy hứng cá nhân mà cần đọc có kế hoạch và có hệ thống.

Khi trình bày suy nghĩ của em về các ý kiến ấy, cần căn cứ vào bối cảnh xã hội, văn hoá hiện nay (sách ngày càng nhiều, văn hoá đọc có nguy cơ bị các loại hình khác lấn át,...), cần xuất phát từ thực tế đọc sách và học tập của các em.

Câu 4: *Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:*

“... Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm ngắn ngủi, là một mình hưởng thụ các kiến thức, lời dạy mà biết bao người trong quá khứ đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Có được sự chuẩn bị như thế thì một con người mới có thể làm được cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới....

....Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kỹ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức

lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thực sự có giá trị. Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần...”

(Ngữ văn 9, tập 2- NXB Giáo dục Việt Nam 2015, trang 4)

Câu 1. (0,5 điểm) *Nêu tên tác giả và tên văn bản chứa đoạn trích trên?*

Câu 2. (1,0 điểm) *Chỉ ra phương thức biểu đạt chính và nội dung của đoạn trích?*

Câu 3. (0,5 điểm) *Xác định phép liên kết được sử dụng trong hai câu sau:*

“Đọc sách là muốn trả món nợ đối với thành quả nhân loại trong quá khứ, là ôn lại kinh nghiệm, tư tưởng của nhân loại tích lũy mấy nghìn năm trong mấy chục năm gần gũi, là một mình hưởng thụ các kiến thức, lời dạy mà biết bao người trong quá khứ đã khổ công tìm kiếm mới thu nhận được. Có được sự chuẩn bị như thế thì một con người mới có thể làm được cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới....”

Câu 4. (2,0 điểm). *Từ tinh thần của đoạn văn bản trên, với hình thức một đoạn văn ngắn (độ dài tối đa ½ trang giấy thi) theo kiểu diễn dịch, em hãy trình bày suy nghĩ của bản thân về việc đọc sách.*

Gợi ý:

Câu 1_

-Tác giả: Chu Quang Tiềm

-Văn bản: Bàn về đọc sách

Câu 2

-Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

-Nội dung đoạn trích: Sự cần thiết của việc đọc sách và phương pháp đọc sách (cách đọc sách).

Câu 3

- Phép liên kết được sử dụng trong hai câu là phép thế.
- Cụm từ Có được sự chuẩn bị như thế thay thế cho ý của cả câu 1 trước nó.

Câu 4 Viết đoạn văn (độ dài tối đa $\frac{1}{2}$ giấy thi)

* Hình thức: Đúng cấu trúc một đoạn văn theo hình thức diễn dịch, diễn đạt mạch lạc, mắc lỗi câu, lỗi chính tả không quá 3 lỗi.

* Nội dung: Cần đảm bảo những ý sau

- Đọc sách là con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn.
- Ngày nay sách nhiều phải biết chọn sách mà đọc.
- Đọc sách không cần đọc nhiều mà cần đọc kỹ, hiểu sâu (đọc kỹ mà chắc còn hơn đọc nhiều mà rỗng).
- Cần kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu, giữa đọc sách thường thức với đọc sách chuyên môn để có kiến thức rộng.

* Học sinh có thể rút ra một số đúc kết riêng về việc đọc sách nhưng đảm bảo tính hợp lý và thuyết phục...

Câu 5: Bình luận ý kiến: “Đọc ít mà đọc kỹ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm cho mắt hoa ý loạn, tay không mà về”.

Gợi ý:

Ý kiến này nói về mối quan hệ giữa đọc ít và đọc nhiều trong việc đọc sách. Nhiều và ít ở đây không chỉ liên quan đến số lượng hay chất lượng, mà là cả hai. Đặc biệt, tác giả chỉ ra mối quan hệ giữa “đọc ít mà đọc kỹ” với đọc nhiều theo kiểu “cưỡi ngựa qua chợ”. Việc “đọc ít mà đọc kỹ” lại tạo thành cách thức tư duy, trở thành “nếp suy nghĩ sâu xa”, trở thành hình thức tích lũy (heo thời gian và dẫn tới sự thay đổi “khí chất”. “Khí chất” ở đây là năng lực tư duy của con người, là sức mạnh mới mà con người có được. Nếu “đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu” tất yếu dẫn tới hiện tượng “mắt hoa ý loạn” và kết quả là “tay không mà về” cho dù đã đi

“qua chợ”. So sánh giữa hai cách đọc sách nói trên, ta có thể tự mình rút ra cách đọc sách hiệu quả nhất.

Câu 6: Nêu hệ thống luận điểm trong bài, chỉ ra tính chất chặt chẽ, hợp lí của hệ thống ấy.

Gợi ý:

Có thể tóm tắt hệ thống luận điểm của bài nghị luận như sau:

– Tầm quan trọng của sách và việc đọc sách: Đọc sách là hết sức cần thiết, “là một con đường quan trọng của học vấn”, giúp con người một mặt vừa tiếp thu, kế thừa tinh hoa sáng tạo của nhân loại; mặt khác tạo ra hành trang cần thiết để vững bước đi tới tương lai.

– Tác giả cũng chỉ ra những khó khăn, sai lầm mà ngày nay người đọc sách cần chú ý.

+ Trước hết là số lượng sách được xuất bản khá nhiều, dẫn tới tình trạng không chuyên sâu, khiến độc giả phải “ăn tươi nuốt sống” mà không kịp “tiêu hoá” các kiến thức được trình bày trong sách vở.

+ Hai là, vì sách nhiều, nếu không có kinh nghiệm thì sẽ phải mất nhiều thời gian cho việc lựa chọn sách để đọc.

– Gợi ý về cách lựa chọn sách và phương pháp đọc sách: Cần phải chọn cho tinh, đọc thật kĩ những quyển chuyên sâu có lợi cho công việc chuyên môn của mình. Biết lựa chọn sách hay, sách quý chưa đủ, mà còn cần phải biết phương pháp đọc sách nữa mà cụ thể là biết đọc một cách có hệ thống và có kế hoạch, vừa đọc vừa kết hợp suy nghĩ từ những ý tưởng gợi mở trong sách thì lúc đó việc đọc mới có kết quả.

Hệ thống và trình tự các luận điểm như trên là rất chặt chẽ, hợp lí. Mở đầu nêu tầm quan trọng của việc đọc sách đối với mọi người; tiếp đó chỉ ra những khó khăn, sai lầm mà người ta thường mắc phải trong việc đọc sách; cuối cùng chỉ dẫn về việc chọn sách và nêu ra phương pháp đọc sách sao cho có hiệu quả.

Câu 7: Trong văn bản “Bàn về đọc sách”, tác giả Chu Quang Tiềm viết:

“Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kỹ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần. “Sách cũ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngâm kỹ một mình hay”, hai câu thơ đó đáng làm lời răn cho mỗi người đọc sách. ... Đọc ít mà đọc kỹ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm mất hoa, ý loạn, tay không mà về.”

(Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

a. Ở phần trích trên, tác giả đã đưa ra lời khuyên gì về việc đọc sách?

b. Trong câu văn “Đọc ít mà đọc kỹ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm mất hoa, ý loạn, tay không mà về”, tác giả đã sử dụng phép tu từ gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng phép tu từ ấy trong đoạn trích.

c. Đọc sách là một con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn. Em hãy trình bày suy nghĩ (Khoảng 1 trang giấy thi) về vấn đề đọc sách trong hoàn cảnh thế giới công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay.

Gợi ý:

a) Lời khuyên của tác giả: Chọn sách mà đọc và đọc cho kĩ, vừa đọc vừa nghiền ngẫm.

b) Trong câu văn đó, tác giả sử dụng phép tu từ so sánh và ẩn dụ (đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm mất hoa, ý loạn, tay không mà về).

Hiệu quả nghệ thuật: Diễn tả một cách hình ảnh và sinh động hệ quả của việc đọc nhiều mà không nghĩ sâu thì dù sách có hay, có bổ ích thì cũng chẳng thu nhận được điều gì giá trị. Từ đó người đọc nhận thức được không nên đọc qua loa, đại khái.

c) ***Yêu cầu nội dung:*** Các ý cơ bản:

* *Tầm quan trọng của đọc sách:* Dù xã hội có phát triển đến đâu thì đọc sách vẫn giữ vai trò quan trọng. Đọc sách là con đường quan trọng tiếp nhận, chiếm lĩnh tri thức của nhân loại sách bồi dưỡng tâm hồn hướng con người đến những điều tốt đẹp...

* *Trong hoàn cảnh công nghệ thông tin đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay:*

– Không ít người tỏ ra thờ ơ với việc đọc sách các thư viện vắng người, cửa hàng sách ế ẩm nhiều quyển sách có giá trị nhưng chỉ phát hành với số lượng ít ỏi.

– Thay vì đọc sách, người ta tìm kiếm thông tin cần thiết trên mạng hoặc qua các thiết bị nghe nhìn hiện đại: Ti vi, đài, điện thoại thông minh có kết nối internet... so với việc đọc sách báo, các phương tiện nghe nhìn ấy có những lợi thế hơn và phù hợp, thuận tiện hơn với nhịp sống hiện đại.

* *Hệ quả của việc ít đọc sách:*

– Mất đi cơ hội được tiếp cận và chiếm lĩnh kho tàng tri thức đồ sộ, phong phú của nhân loại kiến thức bị hạn chế. Mạng Internet có khối lượng thông tin lớn, nội dung phong phú, nhanh và cập nhật nhưng khi đọc xong, thông tin đọng lại trong

người đọc không được bao nhiêu. Người đọc không thể “gặm nhấm”, “nhâm nhi” từng câu văn cũng như linh hồn mà tác giả gửi gắm vào đó giống như đọc sách truyền thống.

– Mất đi cơ hội để bồi dưỡng, nâng cao đời sống tâm hồn...

Hiện nay, KHCN phát triển, sách mềm, sách điện tử đã ra đời song không nhiều, nội dung chưa phong phú. Vì vậy, việc đọc sách mềm và sách điện tử không thể thay thế cho việc đọc sách giấy.

** Giải pháp:*

– Xã hội cần đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giới thiệu sách.

– Thư viện trường học cần bổ sung đầu sách với nội dung đa dạng, phong phú, hấp dẫn, phù hợp với nhu cầu, sở thích của học sinh.

– Cá nhân cần tạo thói quen đọc sách hàng ngày chọn sách hay, phù hợp với mục đích, nhu cầu đọc kỹ, suy ngẫm để tạo thành kiến thức, nếp nghĩ cho bản thân.

– Người đọc cần phải biết kết hợp hài hòa giữa văn hóa đọc truyền thống và văn hóa đọc hiện đại để đạt được hiệu quả cao nhất.

Yêu cầu hình thức:

– Bài văn hoặc đoạn văn khoảng 1 trang giấy thi.

– Trình bày rõ ràng, sạch sẽ, mạch lạc, không sai chính tả, diễn đạt.

(GV có thể căn cứ vào mức độ hiểu vấn đề của học sinh để cân nhắc điểm thành phần của các ý trên)

CHUYÊN ĐỀ 17: CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỶ MỚI -VŨ KHOAN-

Câu 1: Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

"Bước vào thế kỉ mới, muốn "sánh vai với các cường quốc năm châu" thì chúng ta sẽ phải lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ những điểm yếu(1). Muốn vậy thì khâu đầu tiên có ý nghĩa quyết định là hãy làm cho lớp trẻ - NHỮNG NGƯỜI CHỦ THỰC SỰ CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG THẾ KỈ TỚI - nhận ra điều đó, quen dần với những thói quen tốt đẹp ngay từ những việc nhỏ nhất(2). (Vũ Khoan, "Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới")

1. Văn bản "Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới" nhằm hướng tới đối tượng nào?

- A. Tất cả con người Việt Nam
- B. Thiếu nhi Việt Nam
- C. Lớp trẻ Việt Nam
- D. Những người Việt Nam ở nước ngoài

2.Theo tác giả, hành trang quan trọng nhất cần chuẩn bị khi bước vào thế kỉ mới là gì?

- A. Những tri thức khoa học
- B. Những kinh nghiệm sống và hoạt động thực tiễn
- C. Chính bản thân con người
- D. Những hiểu biết về bạn bè năm châu

3. Các câu trong đoạn trích được liên kết với nhau bằng phép liên kết nào?

- A. Phép nối
- B. Phép thế
- C. Phép lặp
- D. Phép đồng nghĩa--

4. Tên gọi chính xác cụm từ được in hoa trong đoạn trích là:

- A. Thành phần trạng ngữ
- B. Thành phần khởi ngữ
- C. Thành phần biệt lập
- D. Thành phần phụ chú

5. Xác định nội dung của đoạn trích trên. (0,5 đ)

6. Có ý kiến cho rằng, đoạn trích trên có một câu ghép. Em có đồng ý không? Nếu đồng ý hãy chỉ ra câu đó và nói rõ cấu tạo? (0,5 đ)

7. Từ nội dung đoạn trích, em hãy nêu suy nghĩ về việc chuẩn bị hành trang cho mình để bước vào thời kì đổi mới của đất nước. (1,0 đ)

Gợi ý:

1.C 2.C 3.B 4.D

5. Nội dung chính: Nêu yêu cầu với thế hệ trẻ: phải lấp đầy hành trang bằng điểm mạnh, vứt bỏ điểm yếu để bước vào thời kì mới "sánh vai với các cường quốc năm châu".

6. Câu 1 trong đoạn trích là câu ghép. Phân tích cấu tạo:

Bước vào thế kỉ mới,/ muốn "sánh vai với các cường quốc năm châu"/
TN VN1

thì chúng ta/ sẽ phải lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh,....điểm yếu
CN2 VN2

7. Suy nghĩ về việc chuẩn bị hành trang cho mình để bước vào thời kì mới của đất nước:

- Nhận rõ những điểm mạnh, điểm yếu của đất nước.
- Có kế hoạch học tập, rèn luyện một cách toàn diện để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước trong giai đoạn mới.- Khắc phục yếu kém ngay trong học tập cũng như công việc hằng ngày.
- Có ý thức bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc khi hòa nhập với cộng đồng quốc tế.

Câu 2: Vì sao tác giả bài viết cho rằng trong những hành trang cần chuẩn bị để bước vào thế kỉ XXI, “có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất”?

Gợi ý:

Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới thì quan trọng nhất là chuẩn bị chính bản thân con người, bởi vì:

- Từ xưa đến nay, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử.
- Trong thời kì nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ như hiện nay thì vai trò của con người lại càng nổi trội.
- Thời đại ngày nay là thời đại phát triển như huyền thoại của khoa học, của công nghệ và sự giao thoa, hội nhập ngày càng sâu rộng của các nền kinh tế thế giới. Để đạt mục tiêu về cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020, nước ta phải cùng một lúc giải quyết ba nhiệm vụ: thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu

của nền kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đồng thời phải tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức. Giải quyết những nhiệm vụ ấy, làm nên sự nghiệp ấy không ai khác chính là những con người Việt Nam, với những điểm mạnh và điểm yếu vốn có.

Câu 3: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội.”

(Ngữ Văn 9, tập II, NXB GD)

Câu 1: (1đ) Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Đoạn trích thể hiện thái độ của tác giả về vấn đề gì ?

Câu 2: (1 điểm) Chỉ ra phép lập luận trong đoạn văn trên và cho biết hiệu quả của nghệ thuật lập luận đó trong việc thể hiện vấn đề được nói đến?

Câu 3:(2 điểm) Viết một đoạn văn (khoảng ½ trang giấy thi) trình bày một vài nét nhận thức của bản thân trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay. (Trong đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập, chỉ rõ thành phần biệt lập được sử dụng)

Gợi ý:

1. Đoạn văn trên trích trong văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” Tác giả Vũ Khoan

Thái độ của tác về vấn đề: trong những hành trang vào thế kỉ mới thì việc chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.

2.

-Phép lập luận được sử dụng trong đoạn văn trên là phép lập luận giải thích

-Tác dụng: tác giả dùng phép lập luận giải thích đã thuyết phục được người đọc nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của yếu tố bản thân con người trong việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới. Trong bất cứ thời đại nào thì con người luôn là động lực của sự phát triển xã hội.

3. Về hình thức:

+ Hs viết đúng hình thức đoạn văn

+ Có sử dụng thành phần biệt lập và chỉ rõ.

-Về nội dung: HS cần nêu được nhận thức về vấn đề: (mỗi ý được 0,25)

+Thế hệ trẻ hôm nay cần nhận thấy rõ những điểm yếu và điểm mạnh của con người Việt Nam. Lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ những điểm yếu.

+Không ngừng cố gắng học tập tích lũy tri thức, tiếp cận với nền khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại của các nước trên thế giới. +Học đi đôi với hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

+Rèn luyện tu dưỡng đạo đức trở thành người có tài và có đức.

+Rèn kĩ năng sống, kĩ năng giao tiếp, ứng xử...

+Góp phần xây dựng đất nước ngày càng vững mạnh hơn.

Câu 4: Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu:

“Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.

Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ là phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội.

Cần chuẩn bị những cái cần thiết trong hành trang mang vào thế kỉ mới, trong khi chúng ta đã chứng kiến sự phát triển như huyền thoại của khoa học và công nghệ, làm cho tỉ trọng trí tuệ trong một sản phẩm ngày càng lớn. Chắc rằng chiều hướng này sẽ ngày càng gia tăng. Một phần dưới tác động của những tiến bộ về khoa học và công nghệ, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế chắc chắn sẽ sâu rộng hơn nhiều.

Trong một thế giới như vậy, nước ta phải cùng một lúc giải quyết ba nhiệm vụ: thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đồng thời lại phải tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức. Làm nên sự nghiệp ấy đương nhiên là những con người Việt Nam với những điểm mạnh và điểm yếu của nó.

Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề. Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông

minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng”

(Trích Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, Vũ Khoan – tạp chí Tia sáng 2001)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai đoạn văn: Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.

Trong hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ là phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội.

3. Theo tác giả, cái mạnh và cái yếu của con người Việt Nam là gì?

4. Thông điệp được gửi gắm qua đoạn trích?

Gợi ý:

1. *Phương pháp: Dựa vào các kiến thức đã học về các phương thức biểu đạt. Có 6 phương thức biểu đạt chính: tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận, hành chính – công vụ.

***Cách giải:**

Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.

2. *Phương pháp: Dựa vào kiến thức đã học về biện pháp tu từ điệp từ - điệp ngữ. Dùng phương pháp phân tích tìm ra hiệu quả biểu đạt của biện pháp tu từ đó.

***Cách giải:**

-Biện pháp nghệ thuật: Điệp từ - điệp ngữ : *sự chuyển tiếp giữa ; ai ai cũng*.

-Tác dụng: Nhằm nhấn mạnh con người đang chuẩn bị bước sang một trang mới chuẩn bị hành trang là điều cần thiết, mà hành trang quan trọng nhất chính là sự chuẩn bị bản thân mỗi người.

3.*Phương pháp: Đọc, phân tích, tìm ý trong văn bản.

***Cách giải:** Theo tác giả:

-Điểm mạnh của con người Việt Nam: Thông minh, nhạy bén với cái mới.

-Điểm yếu của con người Việt Nam: Lỗi hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề.

4.*Phương pháp: Phân tích, tổng hợp.

***Cách giải:**

Thông điệp được gửi gắm qua đoạn trích: Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới là điều vô cùng quan trọng và cần thiết. Hành trang quan trọng nhất chính là sự chuẩn bị của bản thân con người. Để có hành trang tốt nhất, thế hệ trẻ cần thấy rõ những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam để phát huy những điểm mạnh, sửa đổi những hạn chế sao cho thích ứng tốt nhất với đòi hỏi của nhân loại trong thời đại mới.

Câu 5: *Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:*

*“ Bước vào thế kỉ mới, muốn “sánh vai cùng các cường quốc năm châu” thì chúng ta sẽ phải lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ những điểm yếu. Muốn vậy thì khâu đầu tiên, có ý nghĩa quyết định là hãy làm cho lớp trẻ – **những người chủ nhân thực sự của đất nước trong thế kỷ tới** – nhận ra điều đó, quen dần với những thói quen tốt đẹp ngay từ những việc nhỏ nhất”*

(Trích “Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới” Sách Ngữ văn 9, tập hai, NXB giáo dục 2008, trang 28)

1.Xác định những thông tin chính xác về tác giả của văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới”

A.Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng
Khoan

B. Phó Thủ tướng Vũ

C.Nhà hoạt động chính trị

D. Nhà văn, nhà báo

2.Câu thứ nhất của đoạn trích, tác giả dẫn trực tiếp lời nói của Bác Hồ:

A Đúng

B Sai

3.Phần được in đậm trong câu thứ hai của đoạn trích là thành phần biệt lập:

A.Thành phần phụ chú

C. Thành phần cảm thán

B.Thành phần tình thái

D. Thành phần gọi – đáp

4. Nối từ ở cột A với từ loại cột B để có đáp án đúng

Từ (cột A)	Từ loại (cột B)
a. Hành trang	1. Danh từ
b. Vứt bỏ	2. Động từ
c. Thói quen	3. Tính từ
d. Tốt đẹp	

a.....

b.....

c.....

d.....

5. Từ “hành trang” trong nhan đề của văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới” được hiểu là gì?
6. Viết một câu văn có thành phần trạng ngữ, chứa nội dung của đoạn trích trên Gạch chân thành phần trạng ngữ đó.
7. Từ lời căn dặn của Phó Thủ Tướng Vũ Khoan, liên hệ bản thân, em thấy mình đã chuẩn bị được những hành trang gì cho tương lai?

Câu 6: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới.

Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.

Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội.

Cần chuẩn bị những cái cần thiết trong hành trang mang vào thế kỉ mới, trong khi chúng ta đã chứng kiến sự phát triển như huyền thoại của khoa học và công nghệ, làm cho tỉ trọng trí tuệ trong một sản phẩm ngày càng lớn. Chắc rằng chiều hướng này sẽ ngày càng gia tăng. Một phần dưới tác động của những tiến bộ khoa học và công nghệ, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế chắc chắn sẽ sâu rộng hơn nhiều”

(Trích Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, Vũ Khoan, SGK Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục)

- 1.(0,25 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?
- 2.(0,25 điểm): Phần gạch chân trong câu văn: "Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới," thuộc thành phần gì của câu?
- 3.(0,75 điểm): Theo tác giả, trong những hành trang chuẩn bị vào thế kỉ mới thì sự chuẩn bị nào là quan trọng nhất? Vì sao?
4. 0,75 điểm): Là một học sinh, em nhận thấy mình cần phải làm gì để đóng góp công sức vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước? Trả lời trong khoảng từ 3 đến 5 câu văn.
5. Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến được đưa ra trong phần đọc hiểu: ***Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.***

Gợi ý:

1. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận
2. Thành phần: Trạng ngữ
3.
 - Sự chuẩn bị quan trọng nhất là: con người
 - Vì: con người cũng là động lực phát triển của lịch sử.
4.
 - Trước hết mỗi học sinh cần có mơ ước, lí tưởng cao đẹp.
 - Xác định mục đích học tập, không ngừng cố gắng để vươn lên trong học tập.
 - Trước mọi khó khăn, thử thách không chùn bước, nỗ lực không ngừng.
5. Các em có thể tham khảo 2 dàn ý chi tiết sau:

*** Dàn ý 1:**

1. Mở bài

a/ Giải thích

Giới thiệu xuất xứ: câu nói trích trong bài báo “*Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới*” của Vũ Khoan. Đối tượng đối thoại của tác giả là lớp trẻ Việt Nam, chủ nhân của đất nước ta trong thế kỉ XXI.

Sự chuẩn bị bản thân con người (hành trang vào thế kỉ mới) ở đây được dùng với nghĩa là hành trang tinh thần như tri thức, kĩ năng, nhân cách, thói quen lối sống... để đi vào một thế kỉ mới.

b. Tại sao bước vào thế kỉ mới, hành trang quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người?

Vì con người là động lực phát triển của lịch sử. Vai trò con người càng nổi trội trong thế kỉ XXI, khi nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ, sự hội nhập kinh tế, văn hoá toàn cầu diễn ra là cơ hội, thách thức sự khẳng định mỗi cá nhân, dân tộc.

* Phê phán những con người chưa có tinh thần chuẩn bị hành trang...không làm được việc, thành gánh nặng...

- Phê phán những người chưa chuẩn bị hành trang chu đáo -> Khó có thể thành công.

- Trong mọi thời đại thì hành trang là vấn đề luôn cần thiết.

c. Làm gì cho việc chuẩn bị bản thân con người trong thế kỉ mới:

- Hành trang tri thức: Tích cực học tập tiếp thu tri thức.

- Hành trang phẩm chất: Rèn luyện đạo đức, lối sống đẹp, có nhân cách, kĩ năng sống chuẩn mực.

- Hành trang kĩ năng, ngoại ngữ, thể chất:

- Phát huy điểm mạnh, từ bỏ thói xấu, điểm yếu. Thấy được trách nhiệm, bổn phận của cá nhân đối với việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.

Dàn ý 2:

+ Mở bài:

– Giới thiệu qua về tác phẩm, tác giả và hoàn cảnh ra đời của bài viết là khi nào?

- “*Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới*” của tác giả Vũ Khoan là một bài viết hay sâu sắc đó là việc phải đổi mới cách suy nghĩ, những tính xấu của người Việt Nam để có thể đáp ứng kịp sự thay đổi của khoa học công nghệ trong thế kỷ mới.
- Bài viết này được đăng lần đầu trên tạp chí Tia sáng năm 2001 và đã được in thành sách do nhà xuất bản Trẻ TP.HCM xuất bản năm 2002.

+ *Thân bài:*

- Phân tích luận điểm để thấy rõ sự hợp lý của bài viết từ chỗ “Tết năm thói quen tốt cho mỗi người dân...càng nổi trội” trong luận điểm này tác giả muốn nhấn mạnh sự quan trọng trong việc chuẩn bị hành trang cho thế kỷ mới.
- Bối cảnh của nền kinh tế nước ta, mục tiêu mà chúng ta mong muốn đạt được “Cần chuẩn bị... điểm yếu của nó”
- Phân tích những cái được và cái chưa được trong đức tính của người dân nước ta “cái mạnh của con....đổ kỵ nhau”
- Tác giả đã chuyển đổi ngôn ngữ, chuyển tiếp linh hoạt, để phân tích những luận điểm của mình một cách rõ ràng, thấu tình đạt lý.
- Trong mỗi câu văn của mình tác giả đều phân tích rất chi tiết những cái mạnh và cái yếu của người dân Việt Nam. Tác giả đã chỉ rõ cho chúng ta thấy điều chúng ta đã làm được và điều chúng ta còn chưa có, yếu kém thì cần sửa chữa hoặc khắc phục.
- Tác giả cũng chỉ rõ và so sánh một số đặc tính của người nước Nhật với người nước ta. Người dân nước Nhật cũng rất nổi tiếng bởi tính cần cù, chịu khó, nhưng lại thận trọng trong khâu chuẩn bị, không hấp tấp làm gì họ cũng tính toán chi li từ đầu.
- Phân tích những ưu điểm, nhược điểm trong những thói quen nhỏ nhất của người dân Việt Nam chúng có quan hệ như thế nào với sự phát triển đất nước?
- Trong phần kết của bài viết tác giả Vũ Khoan chỉ rõ “*muốn sánh vai cùng các cường quốc năm châu*” thì chúng ta nên cương quyết thay đổi để bắt kịp thời đại.

+ Kết bài

- Bài viết này đã nói thẳng lên một vấn đề vô cùng tế nhị, “nhạy cảm” của người dân chúng ta.
- Bằng ngôn ngữ đời thường, dễ hiểu, tác giả đã chỉ cho chúng ta thấy rõ những cái cần khắc phục, để xây dựng tập quán Việt Nam.
- Qua đó chúng ta sẽ có đủ kinh nghiệm, trí tuệ để bước vào thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa trong kỷ nguyên mới.

Câu 7: Đọc và trả lời câu hỏi sau:

“... Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỷ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội”.

a. Đoạn trích trên được trích trong văn bản nào ? Của ai ? Hoàn cảnh sáng tác của bài có gì đặc biệt ?

b. Câu chủ đề của đoạn văn trên nằm ở vị trí nào? Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết nào là chủ yếu? Từ được in đậm trong câu “Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.” là thành phần biệt lập gì?

c. Từ "hành trang" mang những ý nghĩa gì ?

d. Trong văn bản tác giả chỉ ra một trong những cái mạnh của con người Việt Nam là “thông minh nhạy bén với cái mới”, còn cái yếu là “khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề”. Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 10 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên?

e. Em đã, đang và sẽ làm gì để chuẩn bị hành trang cho bản thân mình để vững bước vào thế kỷ 21?

Câu 8: Đọc kỹ văn bản sau và trả lời câu hỏi:

“Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới.

Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.

Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người lại càng nổi trội”

(Trích Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, sách Ngữ văn 9, tập 2).

1. (1 điểm): Em hãy tìm và chỉ ra một phép liên kết câu và một phép liên kết đoạn văn trong văn bản trích ở trên. Giải thích rõ từng trường hợp.

2.(2 điểm): “Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới”. Em hãy trình bày điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam mà văn bản trong sách giáo khoa đã nêu. Em hãy tìm dẫn chứng trong thực tế xã hội và phân tích dẫn chứng để làm rõ một điểm mạnh và một điểm yếu mà em quan tâm nhất.

3. (3 điểm): Văn bản trên có nêu: “Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất”. Vậy theo em, tuổi trẻ ngày nay đã “chuẩn bị hành trang” để bước vào thế kỉ XXI như thế nào? Hãy làm rõ điều đó bằng những suy nghĩ của em. (Viết một văn bản nghị luận khoảng 25 dòng).

